

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Xuân Kiêm

CÔNG TÁC HOẰNG PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠO
TRÀNG PHẬT GIÁO TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÔN GIÁO HỌC

HÀ NỘI - 2025

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Xuân Kiêm

CÔNG TÁC HOẰNG PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠO
TRÀNG PHẬT GIÁO TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY

Chuyên ngành: Tôn giáo học

Mã số: 9229009.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÔN GIÁO HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- PGS.TS. Trần Thị Kim Oanh
- TS. Dương Quang Điện

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các tư liệu, nguồn trích dẫn trong luận án đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận trong luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ một công trình nào.

Tác giả

Trần Xuân Kiêm

MỤC LỤC

Lời cam đoan	
Mục lục.....	1
MỞ ĐẦU	3
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI, LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN	11
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	11
1.1.1. Tổng quan những tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu.....	11
1.1.2. Nhận xét, đánh giá, những vấn đề kế thừa và nội dung nghiên cứu mới của luận án	27
1.2. Lý thuyết nghiên cứu và một số khái niệm cơ bản	28
1.2.1. Lý thuyết nghiên cứu	28
1.2.2. Một số khái niệm.....	31
Chương 2: KHÁI QUÁT NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	37
2.1. Khái quát những vấn đề lý luận	37
2.1.1. Những vấn đề lý luận về hoằng pháp của Phật giáo và hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam.....	37
2.1.2. Những vấn đề lý luận về hình thức sinh hoạt đạo tràng của Phật giáo Việt Nam	52
2.2. Khái quát về địa bàn nghiên cứu: tỉnh Lào Cai	58
2.2.1. Điều kiện lịch sử, tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Lào Cai.....	58
2.2.2. Khái quát về Phật giáo tỉnh Lào Cai	73
Tiểu kết chương 2.....	85
Chương 3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HOẰNG PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẠO TRÀNG CỦA PHẬT GIÁO TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY	87
3.1. Những nhân tố tác động đến công tác hoằng pháp, hoạt động đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai	87
3.1.1. Nhân tố khách quan:.....	87

3.1.2. Nhân tố chủ quan	92
3.2. Thực trạng công tác hoằng pháp.....	102
3.2.1. Chủ thể, khách thể hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai	102
3.2.2. Phương thức, nội dung hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai	119
3.3. Thực trạng sinh hoạt đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai.....	146
3.3.1. Hình thức sinh hoạt đạo tràng	146
3.3.2. Hoạt động xã hội của đạo tràng	153
Tiểu kết chương 3.....	155
Chương 4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC HOẰNG PHÁP, HOẠT ĐỘNG ĐẠO TRÀNG CỦA PHẬT GIÁO TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP	156
4.1. Một số vấn đề đặt ra đối với công tác hoằng pháp, hoạt động đạo tràng	156
4.1.1. Một số vấn đề đặt ra về mặt chủ quan	156
4.1.2. Một số vấn đề đặt ra về mặt khách quan.....	166
4.2. Giải pháp phát huy hiệu quả công tác hoằng pháp và hoạt động của đạo tràng Phật giáo tỉnh Lào Cai hiện nay.....	172
4.2.1. Giải pháp đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, tỉnh Lào Cai nói riêng	173
4.2.2. Giải pháp đối với tăng ni, thực hiện công tác hoằng pháp	182
4.2.3. Giải pháp đối với các ngành, các cấp làm công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo của tỉnh Lào Cai	186
Tiểu kết chương 4.....	189
KẾT LUẬN	191
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	194
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	195
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong các tôn giáo đã du nhập và hình thành ở Việt Nam, Phật giáo là một trong số ít tôn giáo du nhập vào Việt Nam sớm; đồng thời, là tôn giáo gắn bó, và đồng hành cùng dân tộc Việt Nam, cùng có những chuyển biến cùng sự hưng vong của dân tộc Việt Nam qua các giai đoạn dựng nước và giữ nước đến nay. Thực tế mỗi tôn giáo đều mang trong nó một hay nhiều tín ngưỡng; các tín ngưỡng này đã có sự giao thoa với văn hóa Việt Nam. Có nhiều bằng chứng cho thấy Phật giáo được du nhập một cách hài hòa vào Việt Nam rất sớm, nhất là từ cuối thế kỷ thứ II đến đầu thế kỷ thứ III Tây Lịch qua hai ngã giao thương với các nhà buôn Ấn Độ bằng đường thủy và giao lưu với văn hóa Trung Hoa bằng đường bộ. Với lịch sử hàng nghìn năm gắn bó cùng dân tộc, Phật giáo du nhập từ bên ngoài vào thì nay đã trở thành Phật giáo Việt Nam, khẳng định được vai trò của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong những năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam rất quan tâm đến việc truyền bá Phật giáo đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ IV (1997-2002) của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã chú ý đến việc lập kế hoạch phân bổ giảng sư đến các vùng sâu, vùng xa để thuyết giảng giáo lý và hướng dẫn việc tu học cho các Phật tử địa phương (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn phòng Hội đồng Trị sự 2012: 338). Trong Chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ V (2002-2007), Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp tục lưu tâm đến “phát triển văn hóa Phật giáo ở các vùng sâu, vùng xa, nỗ lực xây dựng các Niệm Phật đường, các lớp xóa mù chữ và nâng cao các phòng đọc sách báo, ấn hành các tài liệu giáo lý, kinh tụng bằng tiếng dân tộc, cũng như các trung tâm phát thuốc, phát tặng

phẩm cho đồng bào nghèo, khó khăn” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn phòng Hội đồng Trị sự 2012: 461). Chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VI (2007-2012) của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẫn chú ý “phát triển văn hóa Phật giáo đến các vùng sâu, vùng xa, thành lập các lớp xóa mù chữ và nâng cao các phòng đọc sách báo, ấn hành các tài liệu giáo lý, kinh tụng bằng tiếng dân tộc. Nỗ lực xây dựng mô hình tự viện tại những vùng kinh tế mới, tái định cư, xây dựng mô hình tự viện văn minh tiên tiến phù hợp với truyền thống văn hóa Phật giáo và xu hướng phát triển của thời đại” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn phòng Hội đồng Trị sự 2012: 575).

Đến Đại hội Phật giáo khóa IX (2022 – 2027), hoạt động hoằng pháp của Phật giáo đến với vùng sâu, vùng xa được nhấn mạnh đến chất lượng, phương thức hoạt động. Điều đó được thể hiện rõ trong Chương trình mục tiêu, phương hướng hoạt động Phật sự nhiệm kỳ IX (2022 – 2027) nêu rõ: Đổi mới phương thức truyền bá, chuyển tải giáo lý Phật giáo theo tinh thần tùy duyên, phương tiện, khế lý, khế cơ đến với từng nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội” và Tổ chức hội thảo, nghiên cứu thực tế, điền dã nhằm tìm ra hướng đi phù hợp, hiệu quả trong việc truyền bá Phật giáo trong đồng bào Phật tử các dân tộc miền núi, hay như chủ trương: khuyến khích xây dựng các ngôi chùa thuần Việt với ngôn ngữ tiếng Việt, kiến trúc truyền thống, nhất là tại nơi biên giới, hải đảo, và tại hải ngoại. Những chủ trương trên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho thấy sự quan tâm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với hoạt động hoằng pháp ở vùng sâu, vùng xa, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Trong dòng chảy lịch sử của Phật giáo thì không thể không kể đến quá trình du nhập và phát triển của Phật giáo ở tỉnh Lào Cai, vì đây là một tỉnh giáp biên giới phía Tây bắc của Tổ quốc và cũng là tỉnh có nhiều đồng bào các dân tộc khác nhau sinh sống như: H'Mông Đen; Tày; Dao Đỏ; Giáy;

Kinh; Xá Phó... Nhưng với giáo lý “Tùy duyên phương tiện” của mình, Phật giáo đã len lỏi vào đời sống người dân và hội nhập đan xen với văn hóa bản địa như “sữa với nước” để cùng phát triển. Do vậy, mà mặc dù Giáo hội Phật giáo tỉnh Lào Cai mới được thành lập trong những năm gần đây, nhưng đã là một trong 63 tổ chức cấp địa phương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang trên đà phát triển, đi sâu vào đồng bào dân tộc, tạo đà làm nên tính đặc sắc của văn hóa Việt Nam.

Những hoạt động của Phật giáo ở tỉnh Lào Cai trong thời gian qua mang tính điển hình của những nỗ lực của Phật giáo Việt Nam trong việc hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Với những đặc thù nhiều thành phần dân tộc với những đặc trưng văn hóa khác nhau nên hoằng pháp của Phật giáo tỉnh Lào Cai cũng có rất nhiều những đặc trưng riêng, khác với các phương pháp hoằng pháp truyền thống. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của một tu sĩ hoằng pháp nơi đây, tôi nhận thấy có rất nhiều điểm đặc biệt đối với công tác hoằng pháp ở vùng đất này, đặc biệt là hoằng pháp trong đồng bào dân tộc thiểu số như vai trò đặc biệt của nghi lễ, các hoạt động từ thiện đối với hoằng pháp, duy trì sinh hoạt đạo tràng ở những nơi chưa có chùa làm phương tiện để Phật giáo bám rễ và phát triển,... Luận án lựa chọn chủ đề nghiên cứu công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng của Phật giáo ở tỉnh Lào Cai bởi công tác hoằng pháp của Phật giáo nơi đây thể hiện rõ nét những đặc trưng của hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và sinh hoạt đạo tràng nơi đây thể hiện rõ nét “cái mới” về phương thức tồn tại của Phật giáo ở những nơi mà cơ sở thờ tự của Phật giáo chưa thật sự hoàn thiện, đầy đủ.

Thực tiễn cho thấy, Phật giáo tỉnh Lào Cai một mặt đã và đang từng bước khẳng định vị trí trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội người dân nơi đây, đặc biệt trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, trong quá trình

phát triển tại một địa phương có nhiều dân tộc sinh sống thì còn rất nhiều vấn đề đặt ra. Chính vì vậy, nghiên cứu về Phật giáo ở tỉnh Lào Cai nói chung, các vấn đề cụ thể như hoằng pháp, sinh hoạt đạo tràng nói riêng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Đó là lý do, tác giả luận án lựa chọn đề tài: “Công tác hoằng pháp và hoạt động của đạo tràng Phật giáo tỉnh Lào Cai hiện nay” làm đề tài nghiên cứu của luận án. Hy vọng những kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về công tác hoằng pháp của Phật giáo nói chung, các vấn đề thực tiễn liên quan đến Phật giáo ở tỉnh Lào Cai nói riêng; góp phần phát huy vai trò của Phật giáo trong bối cảnh xây dựng và phát triển tỉnh Lào Cai hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

+ *Mục đích:*

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn luận án phân tích và đánh giá thực trạng công tác hoằng pháp và hoạt động của các đạo tràng Phật giáo tỉnh Lào Cai hiện nay; làm sáng tỏ những đặc điểm, vai trò và ảnh hưởng của các hoạt động này trong đời sống tâm linh – xã hội của cộng đồng dân cư, đồng thời chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân. Từ đó, luận án đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm tăng cường hiệu quả công tác hoằng pháp và kiện toàn các mô hình đạo tràng hoạt động bền vững, phù hợp với đặc thù văn hóa – dân tộc của Lào Cai, góp phần phát huy vai trò tích cực của Phật giáo trong xây dựng đời sống văn hóa, đạo đức và phát triển bền vững địa phương trong bối cảnh hội nhập.

+ *Nhiệm vụ nghiên cứu:*

Để đạt được mục đích trên, luận án cần thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Khái quát chung những vấn đề lý luận và địa bàn nghiên cứu: tỉnh Lào Cai là cơ sở cho nghiên cứu.

Chỉ ra thực trạng công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng của Phật giáo ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Đánh giá thành tựu và chỉ ra những vấn đề đặt ra, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm phát huy được vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội người dân tỉnh Lào Cai hiện nay, đóng góp vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển của tỉnh Lào Cai.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

+ *Đối tượng nghiên cứu*: Công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng của Phật giáo tại tỉnh Lào Cai.

+ *Phạm vi nghiên cứu*:

- Phạm vi không gian: Tỉnh Lào Cai

- Phạm vi thời gian: Năm 2012 đến nay, Bởi năm 2012 đánh dấu mốc sự kiện quan trọng là thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai.

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

+ *Câu hỏi nghiên cứu*:

Câu hỏi 1: Thực trạng công tác hoằng pháp của Phật giáo tại tỉnh Lào Cai hiện nay như thế nào? Đặc trưng của công tác hoằng pháp của Phật giáo tại tỉnh Lào Cai hiện nay?

Câu hỏi 2: Thực trạng hoạt động đạo tràng của Phật giáo ở tỉnh Lào Cai hiện nay như thế nào? Đặc trưng hoạt động đạo tràng của Phật giáo tại tỉnh Lào Cai hiện nay?

Câu hỏi 3: Đánh giá ở cả hai mặt những thành tựu đạt được và những vấn đề đặt ra trong công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng của Phật giáo tại tỉnh Lào Cai hiện nay?

Câu hỏi 4: Cần có những giải pháp gì đối với công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng nhằm phát huy vai trò của Phật giáo giáo trong đời sống

xã hội người dân tỉnh Lào Cai, đóng góp vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển của tỉnh Lào Cai hiện nay?

+ *Giả thuyết nghiên cứu:*

+ Giải thuyết thứ nhất, trong thời gian qua công tác hoằng pháp của Phật giáo ở tỉnh Lào Cai đã diễn ra phong phú, đa dạng về hình thức, có chuyển biến về chất lượng, thể hiện đặc trưng công tác hoằng pháp ở vùng đa dạng về đối tượng, còn nhiều khó khăn về điều kiện,...

+ Giả thuyết thứ hai: Hoạt động đạo tràng của Phật giáo ở tỉnh Lào Cai có nhiều đặc trưng riêng, là hình thức sinh hoạt chính đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân nơi mà cơ sở thờ tự Phật giáo và số lượng tu sĩ dẫn dắt các sinh hoạt tôn giáo còn ít.

+ Giả thuyết thứ ba: Công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng của Phật giáo ở tỉnh Lào Cai đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, khẳng định vai trò của Phật giáo trong đời sống của người dân tỉnh Lào Cai. Bên cạnh đó còn nhiều vấn đề đặt ra cần có những giải pháp khắc phục những vấn đề đặt ra đó.

5. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và lý thuyết nghiên cứu

+ *Cơ sở lý luận:*

Luận án dựa trên cơ sở Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước Việt Nam về vấn đề tôn giáo.

Luận án cũng dựa trên lý luận, quan điểm khoa học của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về vấn đề tôn giáo.

+ *Phương pháp nghiên cứu:*

Phương pháp quan sát tham dự: Đây là phương pháp của nghiên cứu điền dã tổng hợp. Là phương pháp người thực hiện tham gia vào cuộc sống địa phương để tìm hiểu “quan điểm của người trong cuộc” và “phiên giải ý

nghĩa” của sự vật, hiện tượng theo góc độ của người trong cuộc. Thực tế là người thực hành hoạt động hoằng pháp trong cộng đồng dân tộc thiểu số tại Lào Cai, tôi có những trải nghiệm thực tế, những tham dự trực tiếp với vai trò của người trong cuộc. Chính vì vậy, với những ưu điểm là có cơ hội trải nghiệm thực tiễn đối với đối tượng nghiên cứu nên hiểu rất am hiểu về đối tượng nghiên cứu, từ đó cho phép nghiên cứu đối tượng một cách sống động, toàn diện, không bị gò bó; có thể tạo quan hệ thân mật, gần gũi để thông hiểu đối tượng từ bên trong... Tuy nhiên cũng sẽ không tránh khỏi những hạn chế nhất định đó là dễ bị ảnh hưởng bởi “tính chủ quan” của chủ thể nghiên cứu, dữ liệu quan sát có định lượng, khó xây dựng thang đo và tổng hợp kết quả điều tra. Chính vì vậy để đảm bảo tính khách quan trong nghiên cứu, nghiên cứu kết hợp với một số phương pháp khác.

Phương pháp phỏng vấn sâu: Phương pháp này dùng hình thức hỏi – đáp, trao đổi thông tin bằng ngôn từ giữa người phỏng vấn và người cung cấp thông tin. Phương pháp phỏng vấn sâu với hai nhóm đối tượng là:

+ Các tín đồ Phật giáo ở Lào Cai, đặc biệt trong đồng bào dân tộc thiểu số và thành viên các đạo tràng ở Lào Cai, để thấy được thực trạng, những hiệu quả của công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng của Phật giáo ở Lào Cai. Số lượng phỏng vấn sâu: 20 người, trong đó tín đồ là đồng bào dân tộc thiểu số là 13 người.

+ Các tu sĩ Phật giáo hoạt động Phật sự ở Lào Cai để thấy được thực trạng, những thuận lợi, khó khăn của công tác hoằng pháp, sinh hoạt đạo tràng ở Lào Cai. Số lượng phỏng vấn là 15 người.

Và một số phương pháp khác: phân tích, tổng hợp tài liệu, so sánh,...

6. Đóng góp của luận án

+ *Về mặt lý luận*: Luận án làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng nói chung, vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội.

+ *Về mặt thực tiễn*: Luận án chỉ ra thực trạng, làm sáng tỏ những vấn đề của thực tiễn công tác hoằng pháp, hoạt động đạo tràng của Phật giáo tại tỉnh Lào Cai, trường hợp điển hình về vấn đề hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Những giải pháp đưa ra trong luận án có thể ứng dụng vào thực tiễn nhằm góp phần phát huy vai trò tích cực của Phật giáo trong xây dựng đời sống văn hóa, đạo đức và phát triển bền vững tỉnh Lào Cai trong quá trình hội nhập.

7. Bố cục của luận án

Luận án ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục Tài liệu Tham khảo, Phụ lục và Nội dung luận án được triển khai thành 04 chương, 9 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI, LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.1.1. Tổng quan những tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu

Nghiên cứu về công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai là một chủ đề tương đối mới, chưa có nhiều công trình đề cập đến một cách trực tiếp. Tuy nhiên, liên quan đến chủ đề này thì đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu đề cập đến ở các khía cạnh khác nhau. Trong phạm vi của đề tài luận án quan tâm đến các công trình xoay quanh ba chủ đề chính:

+ *Các công trình viết về các vấn đề có liên quan đến địa bàn nghiên cứu là tỉnh Lào Cai nói chung, Phật giáo ở Lào Cai nói riêng:*

Nghiên cứu về Phật giáo trên một địa bàn cụ thể không thể không quan tâm đến các tiền đề cơ sở kinh tế, chính, trị, văn hóa, xã hội của vùng đất đó, bởi đây chính là nền tảng tác động trực tiếp đến quá trình Phật giáo du nhập, là cơ sở nuôi dưỡng để Phật giáo bén rễ và phát triển ở vùng đất đó.

Về chủ đề này có các công trình tiêu biểu, liên quan khá trực tiếp:

Không thể bỏ qua đó là bộ sách Lịch sử Tỉnh Lào Cai gồm 03 cuốn: *Lịch sử tỉnh Lào Cai (1907-1950)*, *Lịch sử tỉnh Lào Cai (1950-1991)*, *Lịch sử tỉnh Lào Cai (1991-2020)*. Trong đó đề cập đến khá toàn diện các vấn đề về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa của tỉnh Lào Cai trong suốt quá trình lịch sử kể từ khi thành lập tỉnh Lào Cai 1907. Những bước đường phát triển của tỉnh Lào Cai được phác họa trong từng chương sách với những mốc sự kiện tiêu biểu.

Viết về những biến chuyển của Lào Cai hôm nay đang vươn mình hòa nhập vào xu thế phát triển chung của đất nước và thời đại, để càng thêm trân quý, tự hào, cùng nỗ lực đóng góp công sức, trí tuệ dựng xây mảnh đất biên cương ngày càng giàu đẹp có cuốn sách “*30 năm Lào Cai sáng tạo*”, Nxb Lao Động, Nxb Thông tin và Truyền thông (2021).

Về văn hóa, đặc biệt là các đặc trưng văn hóa của các dân tộc ở Lào Cai được đề cập đến trong rất nhiều các công trình: Tác giả Hà Văn Thắng có tác phẩm *Văn hóa dân gian các dân tộc Lào Cai*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2016. Cuốn sách là công trình tích hợp công phu các thông tin về các dân tộc ở Lào Cai và văn hóa dân gian các dân tộc ở Lào Cai, trong đó có một phần nhỏ viết về Phật giáo trong đời sống tinh thần của người Kinh ở Lào Cai, trong tác phẩm này đã khẳng định: “Đạo Phật được du nhập vào vùng đất Lào Cai từ rất sớm, từ đầu thế kỷ XIX. Các nhà sư dừng chân ở phố Lão Nhai rồi thành lập nên chùa Tâm Bảo – ngôi chùa được hình thành sớm nhất ở Lào Cai” (Hà Văn Thắng, 2016, tr.57).

Viết gần hơn nữa với chủ đề nghiên cứu của luận án là các công trình viết về đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người dân Lào Cai, có thể kể đến các công trình: Trần Hữu Sơn (chủ biên) (1999), *Lễ hội cổ truyền Lào Cai*, Nxb Văn hóa dân tộc. Cuốn sách đã phân tích và giới thiệu đến người đọc những lễ hội tiêu biểu của các dân tộc người ở Lào Cai như: Hội Roóng pọc của người Giáy, Hội xuống đồng cổ truyền của người Tày Văn Bàn, Hội Cúng rừng cấm bang của người Nùng,... cuốn sách đã phác họa nên một bức tranh đa sắc màu phong phú của lễ hội cổ truyền ở Lào Cai, cho thấy một đời sống văn hóa tinh thần đa dạng của người dân nơi đây. Thông qua các lễ hội, những đặc trưng văn hóa của các dân tộc ở Lào Cai được thể hiện mang những màu sắc riêng, tạo sức hút văn hóa. Cuốn sách *Truyền thuyết - lịch sử Đền Bảo Hà và một số đền thờ ở Lào Cai* của tác giả Phạm Văn Chiến (chủ

biên) (2013), Nxb Văn hóa Dân tộc. Cuốn sách đã giới thiệu khá chi tiết về một số di tích và truyền thuyết một số di tích tiêu biểu ở tỉnh Lào Cai như đền Bảo Hà, đền Cô Tân An, đền Phúc Khánh,... Cũng liên quan đến nội dung trên, tác giả Phạm Văn Chiến còn có tác phẩm: *Truyền thuyết, lịch sử Đền Cô và một số di tích huyện Văn Bàn tỉnh Lào Cai*, Nxb Văn hóa Dân tộc....

Ngoài hệ thống tín ngưỡng bản địa phong phú và đa dạng của các dân tộc cùng sinh sống trên mảnh đất Lào Cai, ở nơi đây còn có sự hiện diện của các tôn giáo ngoại sinh du nhập đến vùng đất này như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành. Chúng ta có thể thấy nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến nội dung đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào dân tộc thiểu số: Tác giả Hoàng Thị Lan có công trình *Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay* (2021, Nxb Lý luận Chính trị). Trong đó, tác giả đề cập đến thực trạng đời sống tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số. Trong đó các tác giả có phân tích về trường hợp Phật giáo trong đời sống đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Trong đó, phân tích về thực trạng vùng miền núi phía Bắc: Phật giáo chưa có tu sĩ người dân tộc thiểu số để thuyết pháp cho cộng đồng dân tộc. Tuy nhiên Phật giáo đã từng bước được củng cố và đi vào nề nếp, hình thành được một số đạo tràng trong vùng dân tộc thiểu số. Tác giả Nguyễn Văn Minh có công trình *Tôn giáo, tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam* (2013, Nxb Khoa học Xã hội), trong phần viết về Phật giáo, tác giả phân tích truyền giáo đến vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số trong thời gian vừa qua của Giáo hội Phật giáo rất được quan tâm: “Công tác truyền đạo ngoài việc vẫn áp dụng các cách thức truyền thống, cũng đã áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật, nhất là phương tiện truyền thông; không chỉ chú ý phát triển đạo ở vùng đô thị, đồng bằng và người Kinh là chủ yếu,

nay còn bắt đầu có chiến lược tiến lên vùng cao, vào các vùng sâu, vùng xa của đồng bào dân tộc thiểu số; nội dung truyền đạo không chỉ bó hẹp trong chân lý Phật giáo, mà còn về kinh tế Phật giáo và đạo đức trong kinh doanh, văn hóa và lối sống Phật giáo;...” (Nguyễn Văn Minh, 2013, tr.179).

Tin Lành trong cộng đồng dân tộc người Hmông ở Lào Cai được đề cập đến trong luận án: *Văn hóa của người Hmông theo đạo Tin Lành ở tỉnh Lào Cai* của tác giả Nguyễn Quỳnh Trâm (Luận án Tiến sĩ Nhân học, Học Viện Khoa học Xã hội, Viện HLKHXHVN, 2016). Trong luận án tác giả cũng đã phân tích quá trình du nhập, phát triển của đạo Tin Lành vào cộng đồng người Hmông ở Lào Cai, thực trạng văn hóa của người Hmông theo đạo Tin Lành ở Lào Cai.

Viết về Công giáo trong cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Lào Cai, có nhiều bài viết đăng trên các tạp chí như: Tác giả Lê Đình Lợi phân tích “Quá trình truyền nhập và phát triển Công giáo trong cộng đồng người Mông ở Lào Cai” đăng trên *Nghiên cứu tôn giáo* (183) (2019), tr. 91 – 103. Tác giả đã phân tích Công giáo hiện diện ở Lào Cai từ thập niên 20 của thế kỷ XX, đối với người Mông, quá trình truyền đạo của các giáo sĩ gặp không ít khó khăn, trở ngại do sự khác biệt giữa văn hóa Công giáo với phong tục, tập quán và sự phản kháng của đồng bào Mông. Tuy nhiên, với sự kiên trì, bền bỉ của các linh mục, bằng nhiều cách thức sinh hoạt, Công giáo đã dần được một bộ phận người Mông tiếp nhận như một sự cải đạo. Công giáo đã và đang ảnh hưởng đến nhiều mặt trong đời sống xã hội của vùng người Mông có đạo ở Lào Cai. Những khó khăn của Công giáo trong quá trình truyền bá đến với cộng đồng dân tộc thiểu số cũng là những khó khăn chung của các tôn giáo khác khi xâm nhập vào trong cộng đồng này.

Về Phật giáo, tìm hiểu về Phật giáo ở tỉnh Lào Cai, tác giả quan tâm đến các công trình đề cập đến quá trình du nhập, phát triển của Phật giáo ở

Việt Nam và các công trình nghiên cứu về cơ sở thờ tự của Phật giáo, các công trình đề cập về tổ chức Giáo hội Phật giáo các cấp.

Trước hết là các tác phẩm của các nhà nghiên cứu lớn viết về lịch sử Phật giáo Việt Nam, bởi xét đến cùng Phật giáo Lào Cai cũng là một phần của Phật giáo Việt Nam, là một phần của dòng chảy lịch sử đó: Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập*, Nxb Văn học, cuốn sách đã tái hiện lại dòng chảy Phật giáo Việt Nam từ khi du nhập với những nét đặc trưng tiêu biểu khác nhau ở từng thời kỳ, cho thấy Phật giáo Việt Nam không chỉ là một thực thể tinh thần đã tồn tại hàng nghìn năm, không phải với tư cách một tôn giáo ngoại nhập, mà đã được bản địa hóa từ rất lâu, và vẫn thường xuyên tiếp biến với văn hóa bản địa để trở thành một phần trong đời sống văn hóa, tâm linh của dân tộc.

Cuốn sách *Việt Nam Phật giáo sử lược* của Thiền sư Thích Mật Thể, Nxb Tôn giáo, cuốn sách đã tái hiện lại từng bước chân của Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử cụ thể từ khi du nhập đến Phật giáo hiện đại....

Cơ sở thờ tự của Phật giáo chính là chùa, vì thế chúng tôi đề cập đến một số tác phẩm viết về chùa Việt Nam:

Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long (2013), có tác phẩm *Chùa Việt Nam*, Nxb Thế giới. Cuốn sách là những nội dung căn bản liên quan đến cơ sở thờ tự của Phật giáo ở Việt Nam: Tổng quan về chùa Việt Nam, tác giả đề cập đến các nội dung Chùa Việt Nam – một cái nhìn chung: các vấn đề chung về ngôi chùa như vị trí đặt chùa, bài trí trong chùa theo mô típ chung; chùa Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và vai trò của chùa Việt Nam trong đời sống cộng đồng,... Và cuốn sách cũng đã giới thiệu đến người đọc 122 ngôi chùa tiêu biểu trên khắp mọi miền đất nước,... Nhận xét của PGS.TS Tống Trung Tín, Viện trưởng Viện khảo cổ học về cuốn sách: “Chùa Việt Nam là một công trình khoa học phổ cập kiến thức đạt trình độ cao. Nó

vừa khoa học, vừa hấp dẫn, vừa trí tuệ, vừa công phu. Chắc chắn đây là cuốn sách có sức sống lâu bền trong đời sống khoa học cũng như đời sống tinh thần của những bạn đọc yêu mến văn hóa dân tộc.”

Dưới góc độ văn hóa, nhà nghiên cứu Trần Lâm Biền có cuốn sách: *Chùa Việt*, Nxb Văn hóa – Thông tin (1996), Ngay từ những trang đầu cuốn sách, tác giả đã khẳng định vai trò của ngôi chùa Việt: “Ngôi chùa cổ truyền thống trên mọi miền của dải đất chữ S là kết tụ tinh thần “muôn đời muôn thuở” của người Việt. Đã một thời rất dài chùa gắn vào cuộc sống thường ngày trước việc ứng xử với cái đẹp, để trở thành những mảnh tâm hồn nhân thể và cõng trên lưng biết bao vấn đề của lịch sử dân tộc” (Trần Lâm Biền, 1996, tr.3).

Về vấn đề tổ chức Giáo hội các cấp của Phật giáo, cũng có một số ít các công trình đề cập như: Nguyễn Thị Minh Ngọc, *Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ 1981 đến nay*, Nxb Phương Đông, 2014; Một số luận văn ngành tôn giáo học viết về ban Trị sự các cấp như: Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa,... Về vấn đề này chúng tôi quan tâm đến các văn bản quy phạm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về các vấn đề liên quan đến tổ chức giáo hội như Hiến chương, Quy chế hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp,...

Thực tế, trong một số năm trở lại đây đã có một số đề tài nghiên cứu về Phật giáo trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số như: *Dự án khảo sát thực trạng Phật giáo Nam tông Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long* của Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ thực hiện; *Dự án Khảo sát thực trạng Phật giáo vùng biên giới và hải đảo* do Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ thực hiện,...

Viết trực tiếp về Phật giáo tỉnh Lào Cai, Tác giả Trần Phùng – Trưởng ban Tôn giáo tỉnh có bài viết: “Đóng góp của Phật giáo đối với sự phát triển Việt Nam (Qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Lào Cai)” đăng trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia: *Hoạt động của tín đồ Phật tử với sự phát triển bền vững đất nước*, trong đó tác giả khẳng định: “Từ năm 1990 đến nay, số lượng tín đồ Phật giáo phát triển khá nhanh. Nhiều hoạt động Phật giáo được tổ chức. Nhiều địa điểm sinh hoạt Phật giáo tập trung được thiết lập, nhiều cơ sở Phật giáo được xây dựng. Thành phần người theo Phật giáo ngày càng đa dạng. Như vậy có thể nói Phật giáo đã có ảnh hưởng khá lớn đến đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân địa phương và tác động đến nhiều mặt xã hội của tỉnh Lào Cai” (Trần Phùng, 2019, tr.383).

+ *Những công trình nghiên cứu liên quan đến công tác hoằng pháp của Phật giáo nói chung, hoằng pháp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng*

Hoằng pháp là hoạt động đưa giáo lý Phật giáo đến với rộng rãi nhiều người, trong nhiều xã hội khác nhau, để giáo lý của đức Phật đem lại lợi ích cho nhiều người. Đây là hoạt động trọng yếu của Phật giáo cũng như hoạt động truyền giáo đối với các tôn giáo khác nói chung. Nghiên cứu về chủ đề này có nhiều công trình nghiên cứu xoay quanh chủ đề lịch sử hoằng pháp của Phật giáo, quá trình phát triển đến các vùng đất khác nhau của Phật giáo từ thời đức Phật cho đến ngày nay.

Viết về hoằng pháp của Phật giáo nói chung có bài viết “Một số nhận thức chung về hoằng pháp” của tác giả Lâm Văn Liêm đăng trên tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo* (2018), trong đó đề cập đến những vấn đề lý luận như khái niệm hoằng pháp, những yếu tố ảnh hưởng đến phương thức hoằng pháp,... và khẳng định hoằng pháp đối với Phật giáo rất quan trọng (tối quan trọng), Phật giáo thịnh hay suy, sáng tỏ hay lu mờ đều do hoằng pháp. Mục

đích của hoằng pháp cần thể hiện đúng tinh thần của Phật giáo: đem lại lợi ích cho chúng sinh hữu tình, cụ thể hơn nữa là mang lại hạnh phúc an vui cho con người. Trong bài viết này, tác giả cũng chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến phương thức hoằng pháp:

- + Người hoằng pháp
- + Đối tượng hoằng pháp
- + Điều kiện hoằng pháp

Và khẳng định: “Công cuộc hoằng pháp có thể dẫn dắt hành giả đi bằng nhiều con đường khác nhau tùy điểm xuất phát, nhưng tất cả phải dẫn đến đích cuối: giúp người hành giả đạt đến sự hiểu biết và giác ngộ chân lý này. Vì hiểu biết càng sâu, thì niềm tin tôn giáo càng vững. Có một ví dụ mà đức Phật đã kể để so sánh hai khái niệm chấp nhận chân lý và giác ngộ chân lý, Ngài nói rằng: Giác ngộ chân lý như người ném mật, còn chấp nhận chân lý mà không hiểu thì cũng giống như người dùng thìa hứng mật, múc mật mà không nếm vậy” (Lâm Văn Liêm, 2018, tr.18).

Tác giả Diệu Âm Diệu Ngộ (2007), có cuốn sách *Ý nghĩa hoằng pháp và hộ pháp*, Trong đó đề cập đến nhiều nội dung về vấn đề căn bản của hoằng pháp Phật giáo, trong đó có chỉ ra ba cách hoằng pháp căn bản: trí tuệ hoằng pháp, tịnh tài hoằng pháp và công phu hoằng pháp:

+ Trí tuệ hoằng pháp: là nói những người có trí tuệ, thượng căn tiếp nhận được đạo nghiệp của Như Lai để giáo hóa chúng sanh hữu tình giác ngộ lìa mê (cách hoằng pháp này chư Tăng, Ni và chư Cư Sĩ có đủ khả năng hơn).

+ Tịnh tài hoằng pháp: là nói về những người không có đủ trí tuệ, nhưng cố gắng làm việc cực khổ dành dụm tiền bạc và thời gian phụ giúp hoặc in kinh sách lưu truyền rộng rãi để giúp chúng sanh giác ngộ lìa mê (cách hoằng pháp này chư Phật tử tại gia có khả năng hơn).

+ Công phu hoằng pháp: là nói đến công phu tu hành của mỗi người con Phật. Về mặt công phu hoằng pháp thì không phân biệt xuất gia hay tại gia, vì tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Nói về công phu hoằng pháp thì chúng ta không cần phải có trí tuệ, thượng căn hay tiền bạc mà chỉ cần lão thật niệm A Di Đà Phật là đủ. Lão thật nghĩa là chúng ta một lòng tin sâu tu niệm không thắc mắc nghi ngờ. Công phu tu niệm là nhân, nhân sanh ra công đức, công đức tạo thành quả, khi quả chín mùi thì ta thành Phật. Khi thành Phật rồi thì sẽ độ được vô số chúng sanh, nên công phu hoằng pháp ai ai cũng làm được. Chỉ cần chúng ta được vãng sanh ra đi tự tại để lại bằng chứng hùng hồn cho hậu thế thì bằng chứng vãng sanh sẽ là bài pháp không lời cao siêu dù ta không thuyết một lời nào (cách hoằng pháp này người xuất gia và tại gia đều có khả năng).

Đức Phật là tấm gương điển hình về hoằng pháp. Viết về hành trình hoằng pháp của đức Phật, tác giả Chánh Minh có bộ sách: *Đức Phật và 45 năm Hoằng Pháp Độ sinh*, Bộ sách là công trình đồ sộ viết về hành trình đưa giáo lý của mình đến với nhân gian của đức Phật. Với những câu chuyện cụ thể trên hành trình hoằng pháp của đức Phật cho thấy, đức Phật rất uyển chuyển trong việc lựa chọn phương thức hoằng pháp cho phù hợp với từng đối tượng, thực tiễn mà khế lý, khế cơ, khế xứ, khế thời hay phương tiện mà hành pháp.

Lịch sử hoằng pháp của Phật giáo cho thấy sau khi đức Phật tịch diệt, trên đường hoằng pháp, những người kế nghiệp đức Phật không thể không thích nghi với phong tục, tập quán cũng như nhu cầu thiết thực của cộng đồng, nếu muốn đạo Phật tồn tại và phát triển nơi vùng đất mới. Bài viết “Tìm hiểu một số đặc điểm hoằng pháp của Đức Phật” của ĐĐ Thích Chánh Thuận đăng trên *Tạp chí Văn hóa Phật giáo* (online), Bài viết tập trung nghiên cứu và chỉ ra những đặc điểm hoằng pháp của Đức Phật như: Đức Phật dần thân

vào cuộc đời hoằng pháp cứu độ chúng sinh; Đức Phật dùng chính sự thực hành phạm hạnh của bản thân để giáo hóa chúng sinh (Hoằng pháp bằng thân giáo); Đức Phật nói pháp có nhân duyên; Đức Phật xây dựng Tăng đoàn hòa hợp, thanh tịnh; Đức Phật thuyết pháp thiết thực với hiện tại, phù hợp, giải quyết được những vấn đề cuộc sống; Đức Phật bình đẳng trong giáo pháp, quan điểm, tư tưởng. Từ việc chỉ ra sáu đặc điểm đó, tác giả đã đi đến ứng dụng những bài học từ đặc điểm hoằng pháp của đức Phật vào thực tiễn hoằng pháp hiện nay (<https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/8176>).

Hoạt động hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam kể từ khi có Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng rất được quan tâm, tác giả Lê Khánh (2005) có bài viết “Giáo hội Phật giáo Việt Nam với việc hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh” đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Phật học* trong đó tác giả đã phân tích những nét đặc trưng của lịch sử hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam kể từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam. Ở những buổi đầu với tư tưởng từ bi, trí tuệ, Phật giáo xem trí tuệ như một phương tiện để truyền đạo và hành đạo. Thời kỳ nào lịch sử Phật giáo Việt Nam cũng ghi nhận có những nhà sư đại đức, đại trí như thiền sư Vạn Hạnh, Vua Trần Nhân Tông,... Khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập năm 1981, Ban Hoằng pháp Trung ương đã đạt được nhiều thành tựu nhất định, đưa Phật giáo có mặt ở hầu hết các nơi trên cả nước từ mũi Cà Mau đến địa đầu Móng Cái... Sinh hoạt đạo tràng cũng có nhiều bước phát triển: “Đồng thời các đạo tràng Pháp Hoa, Dược Sư, Hương Sen, Đạo tràng tu Bát Quan Trai, Thập Thiện, Tu Thiện, Tịnh độ và các Hội quy, Đạo tràng Niệm Phật, những lớp học giáo lý đang được phát triển ổn định có nề nếp và nhân rộng ra các cơ sở Tự viện của Giáo hội trong cả nước. Trung bình mỗi đạo tràng có khoảng 500 Phật tử tham dự” (Lê Khánh, 2005, tr. 61-63). Cùng chủ đề này, tác giả: Thích Thiện Bảo có bài

viết: “Vai trò hoằng pháp hiện nay” đăng trong *Kỷ yếu Hội thảo Giáo hội Phật giáo Việt Nam 7/11/1981 đến 7/11/2001*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

Về chủ đề hoằng pháp, trong thời gian gần đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức rất nhiều Hội thảo hoằng pháp, có thể kể đến như: Hội thảo hoằng pháp toàn quốc năm 2011 với chủ đề *Phật pháp với dân tộc* được tổ chức tại Bình Dương; Hội thảo hoằng pháp toàn quốc năm 2015 với chủ đề *Sứ mạng hoằng pháp hội nhập và phát triển* được tổ chức tại Bà Rịa – Vũng Tàu. Hay có thể kể đến các tài liệu kỷ yếu lưu hành nội bộ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về các lớp đào tạo cao cấp giảng sư của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trong các tài liệu này có rất nhiều các bài viết về chủ đề hoằng pháp. Điển hình như, cuốn Kỷ yếu lớp đào tạo cao cấp giảng sư khu vực phía Bắc khóa I (2018 – 2021) *Theo dấu chân Phật*, trong cuốn kỷ yếu này có rất nhiều bài viết của các vị giảng sư uy tín của Phật giáo: Hòa thượng Thích Quang Nhuận có bài viết Hoằng pháp nhiệm vụ thiêng liêng của Tăng sĩ, trong đó ba hình thức quan trọng của người làm hoằng pháp là thân giáo – khẩu giáo - ý giáo được phân tích rất rõ nét. Hay như bài viết Hoằng pháp của thời đại công nghiệp 4.0 của hòa thượng Thích Tấn Đạt, trong bài viết này Hòa thượng đã rất thẳng thắn chỉ ra những thuận lợi của hoằng pháp trong thời đại 4.0 là: cơ hội lớn để tiếp cận số lượng lớn tín đồ, đa dạng phương pháp hoằng pháp, nguồn thông tin phong phú, nhanh chóng, công nghệ hiện đại hỗ trợ hoằng pháp,... Bên cạnh những thuận lợi đó, hoằng pháp trong thời công nghệ 4.0 có những khó khăn: lệ thuộc quá đà vào công nghệ truyền thông; có thể dẫn đến các bài giảng thiếu tư duy và tính trải nghiệm; khó kiểm soát thông tin và sự phát tán nhanh chóng các bài giảng không đúng tinh thần nhà Phật,...

Đặc biệt gần đây nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tác giả Thích Thanh Điện chủ biên cuốn sách: *40 năm chặng*

đường lịch sử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981- 2021). Cuốn sách là sự tổng quan các giai đoạn lịch sử hình thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cơ cấu tổ chức, hoạt động chuyên môn, Phật sự chuyên ngành của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trong đó, hoạt động của Ban Hoằng pháp Trung ương được phân tích với vai trò hoạt động Phật sự chuyên ngành trọng tâm của Giáo hội với những hoạt động cụ thể chính yếu: Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ Tăng, Ni kế cận cho Giáo hội; Tổ chức, tham gia các sự kiện tôn giáo quan trọng; Các hoạt động đạo tràng, giảng pháp được đẩy mạnh.

Liên quan trực tiếp đến vấn đề hoằng pháp của Phật giáo, hoằng pháp vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, tác giả Thích Gia Quang có bài viết “Khơi nguồn Phật pháp nơi vùng sâu vùng xa vấn đề đặt ta cho tổ chức Phật giáo ở miền núi phía Bắc” đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, bài viết đã phân tích sự cần thiết của việc truyền bá Phật pháp ở vùng sâu vùng xa nói chung, miền núi phía Bắc nói riêng, trong đó nhấn mạnh đến nhu cầu đời sống tâm linh của đồng bào nơi đây, đời sống tâm linh của đồng bào vẫn còn nhiều vấn đề tạo ra khoảng trống cho một số tôn giáo, nhất là các tôn giáo có gốc nước ngoài truyền bá mạnh mẽ, thu hút một số lượng đáng kể người tin theo, gây xáo trộn nhiều mặt của đời sống xã hội trên địa bàn... Bài viết cũng phân tích những khó khăn với vấn đề hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Bài viết Sự du nhập của Phật giáo ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam của tác giả Lê Trần Quyên đăng trên *tạp chí Dân tộc học*, trong đó có đề cập đến sự du nhập của Phật giáo vào vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, trong đó tác giả phân tích và đề cập ít nhiều đến Phật giáo Lào Cai: Ở Việt Nam, Phật giáo Bắc tông tập trung phát triển ở miền Bắc, chủ yếu ở những khu vực đồng bằng, thành thị, vùng trung du. Hội Phật tử ở các tỉnh Quảng

Ninh, Lạng Sơn, Yên Bái, Tuyên Quang phát triển khá đông, còn ở các địa phương khác như Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu thì chưa có nhiều. Có ý kiến khác cho rằng, Phật giáo Bắc tông được nhiều người thừa nhận là tôn giáo chính của người Kinh, một bộ phận người Hoa và một số dân tộc ít người như Mường, Thái, Tày...

Hoằng pháp trong thời đại ngày nay được đề cập đến trong rất nhiều các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài Phật giáo. Viết về tấm gương HT Thích Thiện Hoa, tác giả Bùi Minh Nhựt có bài viết: “Hòa thượng Thích Thiện Hoa với sự nghiệp hoằng pháp và đào tạo tăng tài” đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (181), 2019, tr.32-45. Trong đó khẳng định: Hòa thượng Thích Thiện Hoa (1918-1973) đã góp phần quan trọng trong việc đặt nền móng đào tạo tăng tài và hoằng pháp vì sự phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) nói riêng và sự phát triển của dân tộc Việt Nam nói chung. Hòa thượng Thích Thiện Hoa là tấm gương hoằng pháp mẫu mực, dành cả cuộc đời cho tôn chỉ “không tách rời giữa nói và làm, lý thuyết và thực hành trên con đường hoằng pháp, lợi sinh”. Đối với Hòa thượng, truyền pháp và thực hành pháp luôn đem lại niềm vui và hạnh phúc ngay trong quá trình kiên trì học và thực hành: “... học giáo lý để mở mang tầm hiểu biết như lột bẹ chuối, lột hết lớp nọ đến lớp kia. Tu có nhiều cách, quan trọng chọn cho mình một pháp, kiên trì thực hành hoan hỷ thì mới có hoan hỷ. Hòa thượng đã chú ý tới trình độ tâm linh của huynh đệ và tăng chúng trong quá trình dạy và học, đó là “... cái thấy, nhận thức khi đang nhận định thì cái biết ấy chưa chính xác. Chỉ có cái thấy biết tách khỏi đối tượng bằng trực kiến tâm linh mới là cao tuyệt. Chính bởi mục tiêu nâng cao trình độ tâm linh của hoằng pháp đó, khi viên tịch Người đã nhắn nhủ: “Không hề gian lao, không hề khó nhọc, nơi đâu cần thì ta đến”,... Hòa thượng đã rút ra ba tiêu chuẩn đòi hỏi các vị giảng sư (truyền pháp) phải hội đủ các năng lực cần thiết để truyền

giảng thành công là: Biết căn cơ của người cầu đạo. Biết thời tiết đúng lúc truyền đạo. Biết phương pháp nào thích hợp.

Lịch sử hoằng pháp của Phật giáo cho thấy sau khi đức Phật tịch diệt, trên đường hoằng pháp, những sứ giả Như Lai không thể không thích nghi với phong tục, tập quán cũng như nhu cầu thiết thực của cộng đồng, nếu muốn đạo Phật tồn tại và phát triển nơi vùng đất mới.

Viết về Phật giáo của một tỉnh miền núi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, có nhiều điểm tương đồng với tỉnh Lào Cai, Hòa thượng Thích Thanh Điện (TS. Dương Quang Điện) chủ biên cuốn sách: *Hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hòa Bình trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. Trong cuốn sách có rất nhiều bài viết liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án như: “Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia bảo đảm an sinh xã hội hướng tới mục tiêu phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số” của tác giả Nguyễn Văn Thành, trong đó tác giả phân tích: “Mặc dù Phật giáo Hòa Bình phát triển còn chưa thực sự sâu, hoạt động Phật tử còn tương đối hạn chế trong đồng bào dân tộc thiểu số. Nhưng phải khẳng định rằng, mối quan hệ giữa Phật giáo đối với các Phật tử ở Hòa Bình nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Hòa Bình nói riêng đang ngày một gắn bó mật thiết, góp phần thực hiện việc đảm bảo an sinh xã hội hướng tới phát triển bền vững nơi đây” (Dương Quang Điện, 2021, tr.46). Những nghiên cứu này cho thấy nhiều nét tương đồng với Phật giáo tỉnh Lào Cai.

+ *Các công trình viết xoay quanh chủ đề sinh hoạt đạo tràng của Phật giáo*

Sinh hoạt đạo tràng là sinh hoạt đặc thù của Phật giáo, có một số công trình đề cập đến nội dung này, nhưng chủ yếu trong các tạp chí chuyên ngành Phật giáo: Bài viết “Đạo tràng và sự phát triển của Đạo Phật” đăng trên tạp chí *Nghiên cứu Phật học*. Trong đó khẳng định: “Trong Phật giáo, đạo tràng có nguyên nghĩa phát sinh từ thời đức Phật tại thế. Nguyên tự trong Phạn ngữ

là Bo – dhi- manda, Hán ngữ dịch là đạo tràng, với ý nghĩa chỉ nơi đức Phật thành đạo, tức tòa Kim Cương dưới gốc Bồ đề bên dòng sông Ni Liên Thiên, miền Trung Ấn Độ. Vì vậy, đạo tràng còn có tên gọi khác là pháp tọa” (An Nga, 2014, tr.63). Thực tế hiện nay cho thấy, hình thức và mục đích thành lập đạo tràng rất đa dạng, có đạo tràng chuyên làm từ thiện, có đạo tràng niệm Phật, có đạo tràng chuyên thực hành nghi lễ,...

Góc độ nghiên cứu từ bên ngoài, nghiên cứu về một đạo tràng cụ thể, tác giả Nguyễn Văn Quý có bài viết: “Đạo tràng niệm Phật: Lịch sử và đặc điểm, đăng trên tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*. Trong đó tác giả phân tích khái niệm đạo tràng và đi vào khái niệm cụ thể đạo tràng Niệm Phật. Lịch sử hình thành đạo tràng Niệm Phật qua kinh điển Tịnh Độ, trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc. Từ đó, tác giả đi vào phân tích Đạo tràng Niệm Phật trong lịch sử Phật giáo Việt Nam và khẳng định đạo tràng Niệm Phật đã được hình thành tương đối sớm trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thông qua việc phân tích các cứ liệu lịch sử khác nhau. Tác giả rút ra một số đặc điểm của Đạo tràng Niệm Phật:

- + Có nhiều tên gọi khác nhau, là nơi quy tụ mọi người có cùng niềm tin Phật A Di Đà và thế giới Tây phương Cực lạc, hình thành cộng đồng chuyên tu Tịnh Độ. Ngoài ra, còn một số đạo tràng bó hẹp trong các gia đình.

- + Cộng đồng chuyên tu Tịnh Độ do một hay nhiều người cùng tạo dựng. Nhưng thường là các tu sĩ, cư sĩ Phật giáo danh tiếng, có sức thu hút tín đồ Phật giáo trong vùng.

- + Về thành phần trong các đạo tràng Niệm Phật, có thể thấy tu sĩ xuất gia và cư sĩ tại gia là chủ yếu. Song về số lượng thì cư sĩ tại gia vượt trội dù không có ghi chép về độ tuổi, giới tính. Tuy nhiên, ở đạo tràng Niệm Phật không có sự phân biệt giai cấp, giàu nghèo, lại có xu hướng giúp đỡ nhau về vật chất nên thu hút rất đông tín đồ tham gia.

+ Về nghi lễ, đạo tràng Niệm Phật là nơi gửi gắm niềm tin, đồng thời là nơi thực hành Niệm Phật tốt nhất, bởi đây là nơi trang nghiêm nhất. Cho nên, việc trang nghiêm đạo tràng chủ đạo là tôn trí tượng Phật A Di Đà, hoặc cả Tây Phương tam thánh.

+ Bên cạnh việc luận giải, xiển dương giáo nghĩa Tịnh Độ nhằm tạo niềm tin xác tín cho mọi người về một thế giới an lành, lòng từ bi vô lượng của Phật A Di Đà, thì sự linh ứng của các vị chuyên tu Tịnh Độ trước khi viên tịch cũng gây sự chú ý đặc biệt cho tín đồ Phật giáo (Xem Nguyễn Văn Quý, 2020).

Trong bài viết “Bước đầu nhận diện sự biến đổi của Phật giáo Việt Nam hiện nay” của tác giả Chu Văn Tuấn đăng trên *tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (166) (2017), tr.41 – 55). Tác giả đã phân tích về xu hướng phát triển mạnh mẽ của hình thức sinh hoạt đạo tràng của Phật giáo ở các địa phương hiện nay và coi đây là biểu hiện của sự biến đổi của Phật giáo Việt Nam trên phương diện cộng đồng: “Một trong những điểm khá nổi bật trên phương diện biến đổi của cộng đồng Phật giáo thể hiện ở chỗ các đạo tràng, các nhóm Phật tử phát triển rất mạnh, theo cả xu hướng “tự phát” và “tự giác”. Nói tự giác là theo nghĩa các chùa, hoặc các nhà tu hành, các vị trụ trì thành lập các đạo tràng cho Phật tử, tổ chức các hoạt động của đạo tràng theo những tôn chỉ và nguyên tắc nhất định. Còn tự phát là tín đồ, những người có cảm tình với Phật giáo tự đứng ra thành lập đạo tràng hoặc các nhóm cộng tu. Hiện nay, có một số lượng rất đông các đạo tràng hay các nhóm cộng tu tu theo pháp môn tịnh độ với một số lượng người tham gia rất lớn. Điều đáng lưu ý là, một số nhóm các đạo tràng tự tổ chức với nhau mà không thuộc về một chùa nào” (Chu Văn Tuấn, 2017, tr. 51). Trong bài viết này, tác giả cũng phân tích về đạo tràng Phật tử chùa Tân Bảo, Lào Cai như một ví dụ điển hình về một mô hình tổng đạo tràng, bên dưới có các đạo tràng trực thuộc.

1.1.2. Nhận xét, đánh giá, những vấn đề kế thừa và nội dung nghiên cứu mới của luận án

+ Nhận xét, đánh giá

Ở mảng chủ đề thứ nhất cho thấy: Lịch sử Phật giáo Lào Cai so với các vùng khác trên cả nước thì chưa thực sự có chiều dài, bề dày như các vùng khác. Tuy nhiên trong những năm gần đây, với sự quan tâm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong vấn đề truyền bá Phật giáo đến với vùng sâu vùng xa, đến với đồng bào dân tộc thiểu số, vấn đề Phật giáo với các khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên,... cũng được qua tâm rất nhiều. Trong lĩnh vực nghiên cứu cũng vậy, có khá nhiều các công trình ở khía cạnh khác nhau đề cập đến Phật giáo ở các vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Phật giáo Lào Cai cũng khá được quan tâm. Các công trình kể trên đã cho chúng ta một phong nền chung của các kiến thức cơ bản như: Điều kiện, tiền đề cho sự du nhập, phát triển của Phật giáo Lào Cai; Những đặc trưng rất riêng về kinh tế, văn hóa, xã hội, tộc người của mảnh đất Lào Cai, là nền tảng để tích quá trình du nhập của Phật giáo vào Lào Cai và diện mạo Phật giáo nơi đây.

Ở mảng chủ đề thứ hai, các công trình nghiên cứu đã đề cập đến những vấn đề lý luận chung hoằng pháp của Phật giáo nói chung: khái niệm, chủ thể, phương thức, ý nghĩa của hoạt động hoằng pháp. Đặc biệt một số công trình nghiên cứu đã phân tích một số nội dung cơ bản liên quan đến các vấn đề nổi bật của hoằng pháp Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay như vấn đề hoằng pháp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hoằng pháp trong bối cảnh công nghệ 4.0.

Ở mảng chủ đề thứ ba còn khá hạn chế, mới chỉ đề cập đến một nội dung nhỏ trong cụm chủ đề này.

Những công trình nghiên cứu trên có thể giúp luận án kế thừa, hình thành những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản để đi sâu vào nghiên cứu các nội dung của luận án.

+ *Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu*

Từ sự phân tích kể trên cho thấy các nội dung về hoằng pháp nói chung đã được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả khác nhau. Tuy nhiên, một công trình nghiên cứu chuyên sâu về hoằng pháp qua trường hợp cụ thể là tỉnh Lào Cai với đặc trưng nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nên hoạt động hoằng pháp cũng mang nhiều nét đặc trưng riêng thì chưa có công trình nào. Đặc biệt là các sinh hoạt đạo tràng tại tỉnh Lào Cai thì chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập đến. Chính vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu của luận án, hy vọng các kết quả nghiên cứu sẽ giúp lấp đầy khoảng trống nói trên. Luận án tiếp tục nghiên cứu:

+ Thực trạng hoạt động hoằng pháp ở tỉnh Lào Cai hiện nay trên các phương diện: thuận lợi, khó khăn, những thành tựu đạt được, những vấn đề còn tồn tại, hạn chế.

+ Đặc trưng hoạt động hoằng pháp của Phật giáo tỉnh Lào Cai?

+ Quá trình hình thành, thực trạng hoạt động và đặc điểm của sinh hoạt đạo tràng tại Lào Cai

+ Qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Lào Cai chỉ ra cần có những giải pháp gì để nâng cao hiệu quả hoạt động hoằng pháp, hoàn thiện các đạo tràng của Phật giáo trong cộng đồng các dân tộc thiểu số hiện nay, phát huy được vai trò của Phật giáo đối với xã hội ở tỉnh Lào Cai nói riêng, Việt Nam nói chung?

1.2. Lý thuyết nghiên cứu và một số khái niệm cơ bản

1.2.1. *Lý thuyết nghiên cứu*

+ *Lý thuyết chuyển đổi tôn giáo:*

Chuyển đổi tôn giáo đối với ngành nhân học thuộc về hành vi tôn giáo của cá nhân, nhóm người hay cộng đồng tộc người, có thể làm thay đổi một

phần hoặc toàn bộ văn hóa, xã hội của cá nhân, nhóm người hay tộc người đó (Andrew Buckser and Stephen D. Glazier D. Stephen, 2003, tr. 2-3).

Ở Việt Nam, tác giả Trương Văn Chung bàn về lý thuyết chuyển đổi tôn giáo trong công trình Chuyển đổi tôn giáo một số vấn đề lý thuyết và lịch sử. Trong đó tác giả phân tích khái niệm “chuyển đổi tôn giáo” và chỉ ra tính chất và các giai đoạn của quá trình chuyển đổi tôn giáo bao gồm: tính văn hóa – xã hội, tính đa dạng, đa chiều.

Khái niệm Chuyển đổi tôn giáo là chuyển đổi niềm tin vào các thực thể tinh thần, các lực lượng siêu nhiên, cũng là chuyển đổi về nghi lễ tôn giáo và hành vi tôn giáo của cá nhân hay cộng đồng tộc người (Huỳnh Ngọc Thu, 2014, tr. 126- 136). Trong cuốn Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay, tác giả Hoàng Thị Lan cũng phân tích: “Chuyển đổi niềm tin tôn giáo là một hiện tượng diễn ra phổ biến trong lịch sử loài người. Hiểu một cách ngắn gọn, trên phạm vi toàn cầu, chuyển đổi niềm tin tôn giáo là quá trình từ bỏ tôn giáo cũ để theo một tôn giáo mới hoặc không bỏ tôn giáo cũ nhưng vẫn theo một tôn giáo mới. Hiện tượng này diễn ra rõ nhất trong các thời điểm xã hội thế tục có những biến động mạnh mẽ, đặc biệt là sự chuyển tiếp xã hội: từ xã hội chiếm hữu nô lệ hoặc xã hội nguyên thủy sang xã hội phong kiến, từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản hoặc xã hội xã hội chủ nghĩa, từ xã hội hiện đại sang xã hội hậu hiện đại, từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường” (Hoàng Thị Lan, 2021, tr.57).

Luận án sử dụng lý thuyết này trong nghiên cứu để thấy được sự “chuyển biến” trong niềm tin tôn giáo của các dân tộc ở Lào Cai, trong quá trình tiếp nhận các tôn giáo du nhập vào, Phật giáo là một trường hợp.

+ *Lý thuyết phân tích văn hóa và vùng văn hóa*: Đây là một trong những lý thuyết xã hội học tiêu biểu trong nghiên cứu tôn giáo. Đại diện tiêu biểu cho trường phái lý thuyết này là nhà xã hội học người Đức, Max Weber

(1864-1920). Trong nghiên cứu tôn giáo, lý thuyết này được lý giải: Hành động tôn giáo của một cá nhân hay tập thể không chỉ chịu sự chi phối của các điều kiện kinh tế, chính trị, môi trường... là những yếu tố khách quan từ bên ngoài mà còn chịu sự chi phối của các động cơ văn hóa mang tính chủ quan từ bên trong như: tri thức, tình cảm, phong tục, tập quán,... của các cá nhân hay tập thể đó. Hay nói cách khác, động cơ văn hóa từ bên trong sẽ tác động đến hành vi tôn giáo của cá nhân hay tập thể đó. “Nói cách khác, phân tích văn hóa là để tìm ra cách thức mà các nền văn hóa chi phối hành vi của con người, trong đó có những hành vi tác động đến xã hội và tôn giáo. Việc lý giải xã hội dựa trên tư tưởng đó của M.Weber được gọi là quan điểm phân tích văn hóa” (Phạm Minh Anh, 2016, tr.116).

Trong bài viết Lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu tôn giáo, tác giả Phạm Minh Anh cũng nhận định, lý thuyết này phù hợp trong việc áp dụng vào nghiên cứu sự truyền giáo của một số tôn giáo lớn như Công giáo, Tin Lành đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số: “Áp dụng lý thuyết phân tích văn hóa và vùng văn hóa khi nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam sẽ thấy được việc truyền giáo phát triển đạo, đặc biệt việc truyền giáo, phát triển đạo Kitô (Công giáo và Tin lành) vào vùng dân tộc thiểu số đã và đang tạo nên một làn sóng chuyển đổi đức tin diễn ra khá mạnh mẽ với việc một bộ phận không nhỏ đồng bào dân tộc đã từ bỏ đức tin, tôn giáo truyền thống của mình sang theo đạo Tin Lành hay Công giáo. Điều ấy cũng có nghĩa là đang hình thành những cộng đồng tôn giáo - tộc người mới với những nét sinh hoạt văn hóa, lối sống đạo mới” (Phạm Minh Anh, 2016, tr.117).

Trong luận án, tác giả áp dụng lý thuyết phân tích văn hóa và vùng văn hóa trong việc nghiên cứu cơ sở văn hóa, đặc trưng văn hóa của đa dạng các tộc người ở Lào Cai. Sự truyền bá Phật giáo ở vùng đất này với mỗi cộng

đồng khác nhau sẽ thể hiện những nét đặc trưng riêng và tác động đến văn hóa của từng tộc người là khác nhau.

+ *Lý thuyết về giao lưu tiếp biến văn hóa:*

Lý thuyết này được khởi xướng bởi các nhà nhân học đưa ra vào cuối thế kỷ XIX, điển hình là Anglo Saxon. Giao lưu, tiếp biến văn hóa là quá trình có ít nhất hai hoặc nhiều hơn nền văn hóa của các chủ thể khác nhau gặp nhau và tiếp xúc với nhau. Quá trình này diễn ra lâu dài và gây ra kết quả hoặc có thể dẫn đến sự thay đổi bên trong về cả mô hình và phương thức văn hóa của mỗi chủ thể tham gia một cách tự nguyện hay áp đặt hoặc là sự biến mất của một số loại hình văn hóa hoặc cả hai nền văn hóa đó. Giao lưu, tiếp biến văn hóa không những tạo cơ sở phát triển của các nền văn hóa, mà quá trình đó cũng giúp các chủ thể nhận thức, hướng đến tinh thần khoan dung văn hóa, tôn trọng và chủ động hơn trong việc phát triển và giữ gìn bản sắc văn hóa của mình. Giao lưu, tiếp biến văn hóa làm biến đổi và làm phong phú nền văn hóa của mỗi cộng đồng dân tộc. Các nhà nhân học Mỹ thì cho rằng giao lưu tiếp biến văn hóa là quá trình trong đó một nền văn hóa thích nghi, ảnh hưởng từ một nền văn hóa khác, bằng cách vay mượn, pha trộn nhiều nét đặc trưng của nền văn hóa ấy. Trong đó, hình mẫu văn hóa của cả hai chủ thể đều ít nhiều bị biến đổi.

Áp dụng lý thuyết này trong luận án để thấy được sự biến đổi về văn hóa của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Lào Cai trong quá trình tiếp xúc với văn hóa Phật giáo.

1.2.2. Một số khái niệm

+ *Hoàng pháp:*

Chúng ta xem xét khái niệm truyền giáo trong mối tương quan với các khái niệm có liên quan:

Trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, khi đề cập đến khái niệm hoạt động tôn giáo, luật quy định: “Hoạt động tôn giáo là hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức của tôn giáo” (Quốc hội, 2016, tr. 2). Như vậy hoạt động truyền bá tôn giáo là một hoạt động tôn giáo với ý nghĩa cụ thể là: Truyền bá tôn giáo (còn gọi là truyền đạo) là việc tuyên truyền những lý lẽ về sự ra đời, về luật lệ của tôn giáo. Thông qua hoạt động truyền đạo, niềm tin tôn giáo của các tín đồ được củng cố, luật lệ trong tôn giáo được tín đồ thực hiện. Đối với những người chưa phải là tín đồ, hoạt động truyền đạo giúp họ hiểu, tin và theo tôn giáo. Với các tôn giáo khác nhau có những khái niệm truyền biệt nhằm chỉ hoạt động này. Trong Phật giáo, ý nghĩa trên được thể hiện ở khái niệm “hoằng pháp”.

Hoằng pháp là một nhiệm vụ trọng yếu của những thế hệ đệ tử của Đức Phật, nối tiếp sự nghiệp của đức Phật, nhằm đưa giáo lý của Đức Phật đến với quần chúng, ở các vùng đất khác nhau, là hình thức đưa Phật giáo đi vào đời sống, phục vụ chúng sinh. Đức Phật sau khi thành đạo, thành lập Tăng đoàn cũng không ngoài mục đích hoằng pháp. Đức Phật từng căn dặn các đệ tử của mình: “Này các Tỷ - kheo, hãy du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Chớ có đi hai người một chỗ. Này các Tỷ - kheo, hãy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Hãy tuyên truyền Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh” (Thích Minh Châu (dịch), 1993).

Về khái niệm hoằng pháp, trong một bài viết của mình, tác giả Lâm Văn Liêm có phân tích: “Hoằng pháp là truyền bá đạo pháp, là một ngành tối quan trọng trong Phật giáo. Phật giáo thịnh hay suy đều do Hoằng pháp. Đạo Phật sáng tỏ hay lu mờ cũng do Hoằng pháp. Tín đồ hiểu được đạo lý sâu hay cạn cũng do Hoằng pháp. Hoằng pháp là hình thức thuyết giảng chính pháp

(dhammaṃ desetha), mang lời Phật dạy truyền bá đến mọi chúng sinh” (Lâm Văn Liêm, 2018, tr.5).

Ở một khía cạnh khác, tiếp cận mục đích của hoằng pháp, tác giả Thích Thiện Bảo trong bài viết “Hoằng pháp đem giáo lý Đức Phật vào cuộc đời” phân tích khái niệm hoằng pháp: Hoằng pháp nghĩa là mở rộng ra làm cho giáo Pháp của Phật được lan toả khắp nơi hay nói cách khác đem giáo lý của Đức Phật đến với mọi người muốn tìm hiểu và ứng dụng lời Phật dạy để có một đời sống an lạc giải thoát giác ngộ. Ở khái niệm này cho thấy rõ mục đích của hoằng pháp là đưa giáo lý Phật giáo đến với mọi người, phổ biến giáo lý Phật giáo và ứng dụng giáo lý Phật giáo vào đời sống xã hội.

Từ sự phân tích trên, có thể hiểu: hoằng pháp là hoạt động tôn giáo của Phật giáo với mục đích truyền bá, lan tỏa giáo lý Phật giáo, đưa Phật giáo vào đời sống để phục vụ đời sống của con người.

+ Công tác hoằng pháp:

Khái niệm công tác hoằng pháp được tiếp cận trong bối cảnh nghiên cứu hoằng pháp trong thời hiện đại. Khi mà hoằng pháp không chỉ gói gọn trong khuôn khổ mang tính truyền thống như trước đây mà phải có nội hàm rộng lớn hơn, bao trùm hơn, chịu sự tác động, ảnh hưởng của nhiều lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo; thể hiện được tính hệ thống, toàn diện, đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn lịch sử, thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại và sự vận động và biến đổi không ngừng của xã hội. Khi nhắc đến công tác hoằng pháp, người ta thường hướng đến một hệ thống, chỉnh thể từ mục tiêu, chủ thể, đối tượng đến phương thức, hoạt động, đánh giá hiệu quả, tác động của hoằng pháp.

+ Đạo tràng:

Đạo tràng có lẽ là một khái niệm xa lạ với mỗi người. Tuy nhiên, đối với những Phật tử, đây là một khái niệm vô cùng quen thuộc.

Theo Từ điển Phật học Huệ Quang cho biết: Đạo tràng (S. Bodhi-manda; Cg: Bồ đề đạo tràng, Bồ đề tràng). Theo Phẩm thế gian tịnh nhãn, Kinh Hoa Nghiêm 1 (cựu dịch); Phẩm Chư Bồ tát bản thọ ký, Kinh Bi Hoa 3 chỉ nơi đức Phật thành đạo, tức nơi cội Bồ đề ở Bồ đề giả da (S: Buddha gaya) Trung Ấn Độ. Theo Duy Ma nghĩa ký 2, phần cuối thì: Đạo tràng chỉ nơi tu hành Phật đạo. Theo Phẩm Như Lai thân lực, Kinh Pháp Hoa 6 (Đại 9, 52 thượng) ghi: Nơi cõi nước đang ở, nếu có người thụ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, như lời dạy tu hành hoặc trong vườn, trong rừng, dưới cội cây hoặc nơi tăng phường, nhà bạch y, điện đường, nơi núi hang đồng trống mà có quyền kinh thì nên xây tháp cúng dường. Vì sao? Vì chỗ đó tức là Đạo tràng. Nơi làm Phật sự trong cung gọi là Nội đạo tràng hoặc Nội tự. Sư An Nhiên thuộc tông Thiên Thai gọi nơi thụ giới là Đạo tràng. Ngoài ra còn các từ: Thủy lục đạo tràng, Từ bi đạo tràng, v.v... Đạo tràng còn được hiểu là: Sự phát tâm và tu hành thành tựu Bồ đề. Theo Phẩm Bồ tát trong Kinh Duy ma, quyển thượng cho biết: Trục tâm là đạo tràng, thâm tâm là đạo tràng, tam minh là đạo tràng, một niệm biết tất cả các pháp là đạo tràng. Trong Mật giáo, đạo tràng là phạm vi đã được kiết giới để thành lập Đạo tràng Bản tôn, tu Đạo tràng quán của hành giả Mật giáo. Theo kinh Kim cương đánh du già thiên thủ thiên nhãn quán tự tại bồ tát tu hành nghi quỹ, thượng, Đại nhật kinh số 14 cho biết: Khi tu hạnh Du già, hành giả Mật tông phải kiết giới để kiến lập Đạo tràng Bản tôn, rồi quán tưởng ba luân: Gió, nước, đất (pháp tu của Thai tạng giới), hoặc năm luân: đất, nước, gió, lửa, hư không (pháp tu của Kim cương giới), kế đến là quán tưởng lâu gác báu và Mạn đồ la để kiến lập đạo tràng cho Bản tôn nơi tâm bồ đề thanh tịnh sẵn có của chính mình, rồi quán tưởng hình tượng Bản tôn trước đàn thềm khế hợp với Đức Phật sẵn có nơi tâm. Trong luận án tiến sĩ Pháp tu Tịnh Độ trong Phật giáo Việt Nam, Nguyễn Tiến Sơn dẫn theo Từ điển Phật học do Đinh Phúc Bảo chủ biên cho rằng:

“Đạo tràng” nghĩa ban đầu chỉ nơi Đức Phật Thích Ca thành đạo, nay vẫn còn ngọn tháp “Bồ Đề Đạo Tràng”. Tại Ấn Độ, đạo tràng là nơi thờ Phật. Ở Trung Quốc, đến thời nhà Tùy, năm Đại Nghiệp thứ 9, nhà vua ra sắc lệnh đổi các “Tự viện” thành “Đạo tràng”. Ngoài ra, theo sách Chú thích Kinh Duy Ma, “Đạo tràng” là nơi nhàn tĩnh để tu đạo.

Như vậy, nguyên nghĩa đạo tràng ban đầu là với ý nghĩa chỉ nơi đức Phật thành đạo, thức tòa Kim Cương dưới gốc Bồ đề, đạo tràng còn có tên khác là pháp tọa.

Tuy nhiên hiện nay, đối với hoạt động tu tập, giảng pháp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đạo tràng là thuật ngữ chủ yếu được sử dụng nhằm chỉ sự gặp gỡ của những người con Phật (những người tín đồ Phật giáo được hình thành trên cơ sở có chung niềm tin tôn giáo và thực hành tôn giáo) đều có chung một tâm hướng chuyên tu và theo một pháp môn tu hành trước đó đã được chọn, hay do một người sư trụ trì khác hoặc muôn vàn pháp môn của Phật chỉ dạy. Trong hoạt động hiện nay của đạo tràng theo Phật giáo thường có một hay vài vị sư chỉ dạy và thường được mở riêng trong không gian nhất định. Ta thường nghe nói đến như đạo tràng Quang Minh, đạo tràng Pháp Hoa, đạo tràng Bát quan trai...

Tuy nhiên cũng cần lưu ý đạo tràng là nơi tu hành Phật đạo. Bất luận có nhà cửa hay không, phạm chỗ nào dùng để tu hành Phật đạo đều được gọi là đạo tràng. Phẩm Như Lai thần lực trong kinh Pháp Hoa quyển 6 (Đại 9, 52 thượng), nói: "Nơi đất nước đang ở, nếu có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, viết chép, như lời dạy tu hành, nơi trong vườn, trong rừng, dưới gốc cây, nơi tăng phường, nhà bạch y, điện đường, trong núi hang, đồng trống... nếu có quyển kinh thì nên xây tháp cúng dường. Vì sao? Vì chỗ ấy tức là Đạo tràng. Điều đó cho thấy có nhiều đạo tràng sinh hoạt nhưng không phải trong chùa,

như trường hợp tỉnh Lào Cai, ở một số huyện chưa có chùa nhưng vẫn hình thành những đạo tràng và sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu của tín đồ.

Như vậy có thể hiểu đạo tràng là một hình thức sinh hoạt Phật giáo, tập hợp những tín đồ Phật giáo (được hình thành trên cơ sở có chung niềm tin tôn giáo và thực hành tôn giáo) đều có chung một tâm hướng chuyên tu và theo một pháp môn tu hành trước đó đã được chọn.

Chương 2:

KHÁI QUÁT NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

2.1. Khái quát những vấn đề lý luận

2.1.1. Những vấn đề lý luận về hoằng pháp của Phật giáo và hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam

2.1.1.1. Hoằng pháp trong lịch sử Phật giáo

Hoằng pháp là nhiệm vụ quan trọng của người tu sĩ Phật giáo, là tiếp nối sự nghiệp của Đức Phật trên con đường lý tưởng, hóa độ giải thoát chúng sinh, đem lại hạnh phúc cho con người. Cuộc đời phạm hạnh của Đức Phật vốn là một sự vĩ đại. Trong sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh, Đức Phật không chuyển bánh xe pháp bằng quyền năng phép thuật, mà Ngài dùng trí tuệ giác ngộ và những phương pháp linh hoạt để giáo hóa, giác ngộ chúng sinh với mong muốn cao cả là “khai thị chúng sinh ngộ nhập tri kiến Phật”, để tất cả chúng sinh đều được giải thoát. Trong cuốn Đức Phật và Phật pháp, ngay lời mở đầu cuốn sách đã khẳng định: “Đức Phật là nhà truyền giáo đầu tiên hoạt động tích cực nhất lịch sử nhân loại. Trải qua bốn mươi lăm năm trường, Ngài đi từ nơi này sang nơi khác để hoằng dương giáo lý, đến hàng đại chúng cũng như các bậc thiện trí. Chỉ đến giây phút cuối cùng Ngài phục vụ nhân loại bằng gương lành trong sạch và giáo huấn cao thượng. Hàng môn đệ lỗi lạc của Ngài cũng bước đúng theo dấu chân Ngài. Không một xu trong túi, các Ngài đi đến những phương trời xa lạ để truyền bá Giáo Pháp mà không bao giờ cầu mong đền đáp” (Nārada Mahā Thera, 2016, tr.8).

Trong các tư liệu ghi chép cho thấy, sau khi giác độ dưới gốc cây bồ đề, Phật đã quyết chí giáo hóa chúng sinh: “Trước hết Người đi đến vườn Lộc Dã (Mrgadāva), nay gọi là Sarnath thuộc thành Ba – la – nại – tư (Vārānasi), vì người biết rằng, năm người hầu đã hầu hạ bên cạnh người 6 năm sau khi lìa

bỏ Người họ đã đến đây. Để đền đáp công ơn họ, Phật trước hết muốn hóa độ họ. Năm vị này về sau trở thành năm tỳ khuru nổi tiếng nhất là: A Nhã Kiều Trần Như (Ājñata – Kamdinga, Bạt Đề (Bhadrika), Bàsaba (Bāsapa), Mahanam (Mahānāma) và A Thuyết Thị (Asvajit). Đây là lần đầu tiên Thích Tôn chuyển pháp luân sau khi thành đạo, Ngài đã nói với năm tỳ - khuru về diệu pháp thân chứng của Phật Đà. Sau khi nghe pháp, họ liền chứng được quả A-la-hán của Tiểu thừa” (Thánh Nghiêm – Tịnh Hải, 2008, tr.38).

Đức Phật đã nêu rõ mục đích của hoằng pháp là: Truyền dạy giáo pháp và công bố đời sống thiêng liêng phạm hạnh, nhằm giáo hóa giúp chúng sinh đạt được thành tựu giải thoát: “Vì mục đích giáo hóa thế gian của Phật Đà là nhằm làm cho chúng sinh hữu tình đạt được nguyện vọng giải thoát. Nói khác đi, Phật pháp coi chúng sinh hữu tình con người là trung tâm. Nếu rời bỏ cái chủ đích chúng sinh hữu tình để khảo sát Phật pháp thì ắt sẽ dẫn đến hiểu lầm. Tứ thánh đế, bát chính đạo mà Phật Đà chứng ngộ chính là để nhằm giải thoát chúng sinh” (Thánh Nghiêm – Tịnh Hải, 2008, tr.39). Cần lưu ý rằng, sự giáo hóa của đức Phật đối với chúng sinh là nhằm làm cho tất cả chúng sinh, người người đều cùng được giải thoát như đức Phật, cùng được giải thoát khỏi khổ đau, không phải là để tăng thêm lý luận thế giới và nhân sinh. Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa viết:

“Ta là bậc Như Lai

Là đấng Lương Túc Tôn

Hiện ra nơi trong đời

Dường như vàng mây lớn

Thấm nhuần khắp tất cả

Những chúng sanh khô khao

Đều làm cho lìa khổ

Đặng an ủi vui sướng

Hưởng sự vui thế gian

Cùng sự vui Niết Bàn”

(Thích Trí Tịnh, 2018, tr.195)

Cuộc đời hoằng pháp của đức Phật là tấm gương sáng về hoằng pháp. Đức Phật dẫn dò các đệ tử đi du hóa nhân gian, hoằng dương giáo pháp của Phật Đà, thậm chí mỗi người hãy đi mỗi hướng, không chung đường với nhau để đưa giáo lý Phật giáo đi khắp muôn nơi vì lợi ích của chúng sinh: “Hãy ra đi, các Tỳ Khuru, đem sự tốt đẹp lại cho nhiều người, đem hạnh phúc đến nhiều người. Vì lòng từ bi, hãy đem mọi sự tốt đẹp, lợi ích và hạnh phúc lại cho chư Thiên và nhân loại. Mỗi người hãy đi một ngã. Nay hỡi các Tỳ Khuru, hãy hoằng dương Giáo Pháp, toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn cuối cùng, toàn hảo trong cả hai, tinh thần và văn tự. Hãy công bố đời sống thiêng liêng và cao thượng, vừa toàn thiện, vừa trong sạch” (Nārada Mahā Thera, 2016, tr.117).

Cả cuộc đời đức Phật từ khi thành đạo đến khi nhập Niết Bàn là một hành trình hoằng pháp không ngừng nghỉ. Sau khi thành đạo, đức Phật giáo hóa năm vị tỳ khuru (đã kể ở trên) ở vườn Lộc dã. Sau đó ngài dẫn dò đệ tử đi hoằng pháp trong nhân gian, khi các đệ tử đi về các hướng khác nhau, bản thân đức Phật cũng một mình đi đến thôn làng Ưu – lâu – tần – la, hóa độ Ưu – lâu – tần – la Ca – diếp và hai người em của Ca – diếp và đệ tử của họ, lên đến cả ngàn người. Sau đó, ông tiếp tục đến thành Vương Xá tiếp tục sự nghiệp hoằng pháp của mình. Trong sử sách còn ghi chép: Khi trở về quê hương Ca Tì La Vệ thăm mẹ cha, những người thân yêu, đức Phật đã thuyết pháp cho vua cha và những người thân thuộc trên quê hương mình. Trải qua 45 năm giáo hóa chúng sinh, đến những giây phút cuối cùng trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật vẫn tranh thủ thời gian cuối cùng triệu tập toàn thể tỳ khuru về tinh xá Trúc lâm ở Tỳ xá Li để dạy bảo họ lần cuối cùng (Thánh

Nghiêm, Tịnh Hải, 2008). Ngay cả những giây phút cuối cùng của cuộc đời, khi người đã nằm nghiêng trên chiếc áo tăng già lê, một người ngoại đạo là Tu Bạt Đà La xin phép gặp, người vẫn gắng gượng tiếp kiến người đó, khiến người đó trở thành người đệ tử cuối cùng được hóa độ.

Đức Phật là tấm gương sáng về nguyên tắc bình đẳng trong hoằng pháp. Đức Phật cùng với Tăng già của mình đã đi khắp các vùng của Ấn Độ, từ nơi thành thị đến nông thôn, giáo hóa tất cả chúng sinh, không phân biệt giàu nghèo, giai cấp, tuổi tác,... tất cả đều được hưởng cơn mưa vị Pháp, cơ hội được giáo hóa, giác ngộ để trở thành Phật của mọi chúng sinh là như nhau. Tuy nhiên với mỗi đối tượng khác nhau, có đặc thù khác nhau vì vậy đức Phật dùng các phương pháp khác nhau để giáo hóa. Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã viết rất rõ điều này:

Phật chỉ bình đẳng nói
Như nước mưa một vị
Theo căn tánh chúng sanh
Mà hưởng thọ không đồng
Như những cây cỏ kia
Được đượm nhuần đều khác.
Phật dùng món dụ này
Đề phương tiện chỉ bày
Các thứ lời lẽ hay
Đều diễn nói một pháp
Ở nơi trí huệ Phật
Như một giọt trong biển.
Ta rưới trận mưa pháp
Đầy đủ khắp thế gian
Pháp mầu thuần một vị

Tùy sức riêng tu hành
Như thể lùm rừng kia
Và cỏ thuốc những cây
Tùy giống lớn hay nhỏ

Lần lần thêm sum suê” (Thích Trí Tịnh dịch, 2018, tr.198- 199)

Phương thức hoằng pháp: Bản thân đức Phật là tấm gương sáng về hoằng pháp. Đức Phật dùng chính sự thực hành phạm hạnh của bản thân để giáo hóa chúng sinh (Hoằng pháp bằng thân giáo). Đức Phật biểu hiện thân tướng trang nghiêm lưu xuất từ giới đức vẹn toàn. Từ thân đức đó đã tác động mạnh mẽ đến từ trường tâm linh cảm hóa trực tiếp đến tâm khảm của thính chúng. Đức Phật nói 5 pháp rốt ráo của thân giáo Như Lai: “Những gì là năm? Đây Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do giới vô thượng, khen ngợi Ta rằng, “Thế Tôn có giới, đại giới, lời nói đúng theo việc làm, việc làm đúng theo lời nói”. Đức Phật hoằng pháp qua khẩu giáo. Đức Phật từng nói: “Im lặng như là chính pháp, nói năng như chính pháp”. Người hoằng pháp hành pháp như thế nào biểu hiện qua ngôn ngữ thế ấy. Trong kinh điển đại thừa có đưa ra bốn tiêu chuẩn của một vị giảng sư khi hoằng pháp: “Từ vô ngại biện tài, Nghĩa vô ngại biện tài, Từ và nghĩa vô ngại biện tài và Pháp vô ngại biện tài”. Hoằng pháp qua thân, qua khẩu là hình thức biểu hiện bề ngoài, còn hoằng pháp qua ý giáo là dùng thật tính nội tâm để giáo hóa chúng sinh.

Phương thức hoằng pháp mà đức Phật chỉ cho các đệ tử của mình cũng rất linh hoạt, đa dạng. Đó là hoằng pháp trên tinh thần “tùy duyên phương tiện”, khế lý, khế cơ, khế thời, khế xứ hay phương tiện tam giáo (thân giáo, khẩu giáo, ý giáo) hay tùy căn cơ chúng sinh mà thuyết pháp. Bởi mỗi chúng sinh có những đặc thù riêng về nhận thức, nhu cầu, tâm tư, nguyện vọng... Đức Phật nhận thấy rất rõ sự khác biệt của từng chúng sinh: “Ngài nhận thấy rằng chúng sanh kẻ ít người nhiều đều có bụi trong mắt, người thông minh

sáng suốt, kẻ ngu muội tối tăm, bầm tánh của người này tốt, người kia xấu, có chúng sanh dễ dạy cũng có chúng sanh khó dạy, và một số ít khác, với lòng biết lo sợ, nhận thấy mối hiểm họa của một kiếp sống tương lai (Paraloka – vajjabhayadssavino). Cũng như trong đầm sen. Sen trắng, đỏ, trắng lẫn lộn. Có những cây mọc từ trong nước, trưởng thành trong nước, sống trong lòng nước, và sồn sột tươi tắn trong nước. Có những cây xanh trong nước, trưởng thành trong nước và ló dạng trên mặt nước. Có những cây khác sanh trong nước, trưởng thành trong nước và vượt lên khỏi mặt nước, không vướng chút bùn nhơ” (Nārada Mahā Thera, 2016, tr. 77). Với mỗi đối tượng khác nhau thì phương thức đưa ra cũng phải khác nhau để tất cả đều được hưởng những lời khuyên, những bài học của đức Phật. Chính vì thế, người nghèo, người giàu, người lương thiện, người tội lỗi đều quý mến Ngài như nhau; những bậc vua chúa tàn bạo độc tài, những vị minh quân chính trực, những người sống vinh quang hiển hách đến những người sống cuộc đời tối tăm, không ai biết đến, từ những nhà triệu phú giàu lòng quảng đại đến những kẻ keo kiệt bủn xỉn; từ những học giả khiêm tốn đến những người kiêu căng tự đắc, từ hạng gái giang hồ, hạng người làm nghề bẩn thỉu, hạng sát nhân, hạng người thường bị khinh bỉ,... tất cả đều tìm được những bài học, đều được hưởng những lời dạy trí tuệ và từ bi của đức Phật.

Khi đức Phật nhập Niết Bàn, các thế hệ đệ tử của Ngài lại tiếp tục con đường hoằng pháp đưa Phật giáo đi khắp muôn nơi.

2.1.1.2. Hoằng pháp trong lịch sử Phật giáo Việt Nam

Phật giáo ra đời ở Ấn Độ, phát triển rộng khắp Ấn Độ, bằng nhiều con đường khác nhau lan rộng ra các vùng xung quanh, vượt ra khỏi biên giới Ấn Độ. Phật giáo đến Việt Nam vào những thế kỷ đầu kỷ nguyên Tây Lịch, đến “hạ bán thế kỷ thứ hai, tại nước ta đã có một trung tâm Phật giáo phồn vinh và

quan trọng rồi, nhưng có thể đạo Phật đã du nhập vào nước ta trong thế kỷ đầu của kỷ nguyên” (Nguyễn Lang, 2014, tr.23).

Những người đầu tiên đưa Phật giáo đến với Việt Nam là những thương gia Ấn Độ khi đến Việt Nam họ đã đưa theo những sinh hoạt Phật giáo vào Việt Nam và tăng sĩ Ấn Độ, họ đến Việt Nam theo các thuyền buôn người Ấn, theo đường biển vào Việt Nam. Với những thương nhân Ấn Độ, có thể thấy họ là những người đầu tiên đem Phật giáo vào nước ta, nhưng là những tiếp xúc ban đầu với những sinh hoạt tôn giáo thông qua quá trình họ lưu trú lại Việt Nam chứ bản thân họ không phải là nhà truyền giáo chuyên nghiệp: “Những thương gia kia, tuy vậy, không phải là những nhà truyền giáo, và mục đích của họ khi tới xứ ta là để buôn bán chứ không phải là để truyền đạo. Trong thời gian lưu lại Giao Chi, họ thờ Phật, đốt trầm, đọc kinh và cúng dường những pháp Phật nho nhỏ mà họ mang theo. Người Giao Chi chúng ta đã áp dụng những điều hay về canh nông và về y thuật do họ chỉ bày, cố nhiên là cũng tỏ ra mến chuộng tôn giáo của họ” (Nguyễn Lang, 2014, tr.25). Trên những con thuyền buôn lênh đênh ngoài biển cả mênh mông, các thương gia Ấn Độ cũng thỉnh thêm một vị tăng sĩ đi theo. Và với sứ mệnh của người đệ tử Phật, các tăng sĩ không chỉ với mục đích giảng đạo và cầu nguyện cho các Phật tử trong thương thuyền mà họ còn thực hiện sứ mệnh truyền bá giáo lý Phật giáo, đưa Phật giáo đến với những vùng đất mới: “Vào cuối thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch, khuynh hướng Phật giáo Đại thừa đã nảy nở tại Ấn Độ, và vào đầu thế kỷ thứ nhất của kỷ nguyên Tây lịch, các trung tâm *Amaravati* và *Nagarjunakonda* ở miền duyên hải Đông Nam Ấn Độ dần dần trở nên những trung tâm Phật giáo Đại thừa hưng thịnh. Ý hướng đem Phật giáo truyền bá vào các nước xa là một trong những hoa trái của đạo Phật đại thừa; chính ý tưởng này đã thúc đẩy những vị tăng sĩ đi theo với các thương thuyền về Đông Nam Á. Trung tâm Phật giáo Luy Lâu được thiết lập do sự

viếng thăm của thương gia và tăng sĩ Ấn Độ tới bằng đường biển, đó là một điều tất cả học giả đều phải đồng ý” (Nguyễn Lang, 2014, tr.26).

Ở những thế kỷ đầu tiếp xúc, người Việt tiếp nhận Phật giáo chủ yếu qua lăng kính khúc xạ, chọn lọc của tín ngưỡng truyền thống và đạo đức truyền thống. Những quan niệm của Phật giáo phù hợp với tín ngưỡng, văn hóa người Việt như Nhân quả, luân hồi, quan niệm cúng dường, công đức,... Họ được các tăng sĩ Ấn Độ hướng dẫn những bài tụng tam quy bằng tiếng Phạn, dạy cách thờ Phật, lạy Phật, làm phúc, thiện, bố thí, cúng dường tăng sĩ,...

Những thế kỷ tiếp theo, hoằng pháp Phật giáo Việt Nam được các vị thiền sư thúc đẩy, có thể kể đến một số thiền sư điển hình như: Khương Tăng Hội, người được biết đến là người sáng tổ thiền học Việt Nam. Trong sử sách còn ghi chép: “Vai trò xương minh Thiền học của Tăng Hội ăn sâu vào cả trong truyền thuyết. Cao Tăng Truyện chép câu chuyện An Thế Cao để lại một bức cảm nang, trong đó ông tiên đoán như sau: “Tôn Ngô đạo giả, cư sĩ Trần Tuệ; truyền thiền kinh giả, tử kheo Tăng Hội”. Nghĩa là cư sĩ Trần Tuệ là người làm tôn giáo trị đạo học của tôi, còn tử kheo Tăng Hội là người truyền dạy kinh thiền”. Câu chuyện này có thể cho ta thấy một ý niệm về sự cộng tác của Tăng Hội và Trần Tuệ trong việc truyền bá thiền pháp trước tiên tại Giao Chỉ” (Nguyễn Lang, 2014, tr.76). Thế kỷ thứ V, ở Giao Châu có thiền sư Đạt Ma Đề Bà, người Ấn Độ, đến giảng về phương pháp thực hành thiền học. Một trong những học trò ưu tú của thiền sư là thiền sư Huệ Thắng đã trở nên nổi tiếng nối tiếp sự nghiệp hoằng pháp của người Thầy của mình: sư Huệ Thắng được biết đến là thiền sư từng vân du khắp các miền sông núi, thung dung giải phóng, đọc kinh Pháp Hoa mỗi ngày tới một lần... (Nguyễn Lang, 2014, tr.83,84).

Những thế kỷ sau, bên cạnh các thiền sư Ấn Độ, các thiền sư Việt Nam, ở Việt Nam công cuộc truyền giáo còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của sự truyền nhập các dòng thiền, điển hình có thể kể đến điển hình như dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông,... Tỳ Ni Đa Lưu Chi là một do thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi (gốc Nam Thiên Trúc, dòng dõi Bà La Môn, vân du qua Trung Hoa) đến chùa Pháp Vân (chùa Dâu, Thuận Thành, Bắc Ninh ngày nay) vào năm 580. Thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã truyền tâm ấn cho thiền sư Pháp Hiền. Dòng thiền này truyền thừa 19 thế hệ. Thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi thời gian ở chùa Pháp Vân, thiền sư đã miệt mài với sự nghiệp dịch thuật của mình, điển hình như bản dịch kinh Đại thừa phương quảng tổng trì (Lê Mạnh Thát, 2001). Năm 820, một vị thiền sư Trung Hoa là Vô Ngôn Thông đã sang Việt Nam thành lập thiền phái Vô Ngôn Thông. Thiền sư tu ở chùa Kiến Sơ, dòng thiền này truyền được 17 thế hệ...

Với quá trình hoằng pháp của các vị thiền sư, Phật giáo ngày càng khẳng định được vị thế trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. Đến thời Lý, hoạt động hoằng pháp được đẩy mạnh. Chính sách của triều Lý đối với Phật giáo đã giúp Phật giáo có những bước phát triển mạnh mẽ. Có thể thấy, triều Lý lấy tư tưởng Phật giáo làm bộ đỡ tư tưởng cho hệ thống chính trị của mình. Các vị vua triều Lý đều là những người chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Phật giáo. Chính vì vậy hàng loạt các chính sách đối với Phật giáo ra đời, tạo điều kiện cho hoạt động hoằng pháp phát triển mạnh. Đối với các vị vua triều Lý: “đường lối chính sách, hay thể chế chính trị nhà Lý là phương tiện giúp cho các ông vua đời Lý thực hiện lòng từ bi và trí tuệ của mình. Theo ngôn ngữ Phật giáo có thể gọi đây là một trong những phương tiện hoằng pháp của những ông vua Phật tử” (Thích Minh Trí, 2012, tr. 113). Chính các vị vua nhà Lý là những tấm gương mẫu mực về thực hành Phật giáo, từ đó tạo nên sự ảnh hưởng rộng lớn đối với xã hội. Tinh thần từ bi của

Phật giáo được các vị vua nhà Lý thể hiện rõ nét. Vua Lý Thánh Tông tỏ lòng thương xót với những kẻ tù nhân bị giam trong ngục tối và thể hiện bằng hành động: “Mùa đông, tháng 10, đại hàn, vua bảo các quan tả hữu rằng: Trẫm ở trong cung, sưởi than xương thú, mặc áo lông chồn còn rét thế này, nghĩ đến người tù bị giam trong ngục, khổ sở về gông cùm, chưa rõ ngay gian, ăn không no bụng, mặc không kín thân, khốn khổ vì gió rét, hoặc có kẻ chết không đáng tội, trẫm rất thương xót. Vậy lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu, và cấp cơm ăn ngày hai bữa” (Nxb Khoa học Xã hội, 1998), tr. 271).

Nhà Lý cho xây dựng nhiều chùa chiền, tạo cơ sở thuận lợi cho hoạt động hoằng pháp. Trong Sử ký toàn thư còn lưu: Năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) mùa thu, tháng 7, vua Lý Thái Tổ phát 2 vạn quan để xây 8 ngôi chùa ở phủ Thiên Đức. Năm Thuận Thiên thứ 2, bên tả dựng cung Đại Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế, bên ngoài thành dựng chùa Tứ Đại Thiên Vương, chùa Cẩm Y, chùa Long Hưng, chùa Thánh Thọ. Năm Thuận Thiên thứ 7 dựng hai chùa Thiên Quang và Thiên Đức, đồng thời tô 4 pho tượng Thiên Đế. Năm Thuận Thiên thứ 15 dựng chùa Chân Giáo ở trong thành để vua tiện ngự xem tụng kinh. Việc xây dựng, tu bổ chùa cảnh thời Lý đã tạo điều kiện cho Phật giáo truyền bá rộng rãi trong nhân dân. Ngôi chùa trở thành nơi sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân, như nhận xét: “Về việc làm chùa của nhà Lý, ngoài mục đích biểu thị sự sùng mộ Phật giáo, còn chứng tỏ Lý Thái Tổ rất hiểu giá trị của những ngôi chùa trong đời sống văn hóa dân gian. Ngoài chức năng phục vụ tín ngưỡng, chùa còn là trường học, nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Ngôi chùa vùng làng quê còn được người dân coi là tổ mộ của mình. Theo tín ngưỡng của người dân thì, từ bé sinh ra đã được bán khoán cho “Đức Ông” ở trong chùa, cưới xin cũng tới chùa làm lễ, ngay cả khi chết vong linh cũng được đưa ra chùa để ăn mỳ Phật. Câu nói dân dã “Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt” phản ánh tâm thức văn hóa của người

Việt. Đặc biệt, ngôi chùa thời Lý còn là nơi nối kết nhà nước với dân” (Thích Minh Trí, 2012, tr. 158,159). Không chỉ vậy, Triều Lý có nhiều lần dân được khuyến khích xuất gia. “Năm 1010 khi lên ngôi vua, vua Lý Thái Tổ đã chọn người xuất sắc cho đi xuất gia. Bốn năm sau tăng thống Thảm Văn Uyên lập giới đàn ở chùa Vạn Thọ để tăng đồ thọ giới. Năm 1016, hơn 1.000 người ở kinh đô Thăng Long được tuyển chọn được xuất gia làm tăng sĩ và đạo sĩ. Năm 1019, lại một lần nữa độ dân làm tăng sĩ. Đến năm 1134 vua Lý Thần Tông lại tổ chức độ tăng một lần nữa. Số lượng người xuất gia đông dần” (Nguyễn Lang, 2014, tr. 201).

Sang đến thời Trần, với tinh thần nhập thế sâu sắc, các vị vua Trần và các vị thiền sư đã đưa Phật giáo vào đời một cách tinh tế và hoàn hảo. Các bậc minh quân nhà Trần đều hiểu rõ trách nhiệm của mình với dân với nước, trách nhiệm của một ông vua Phật tử. Với những nỗ lực của các vị vua, quan sùng Phật nhà Trần như Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng sĩ Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông,... và các vị thiền sư uy tín: Tuệ Pháp Loa, Huyền Quang, Trí Viễn..., hoạt động hoằng pháp của Phật giáo thời Trần đạt được nhiều thành tựu: số lượng tự viện trong cả nước tăng lên rất nhiều, phong trào học Phật lan rộng, số người xuất gia và quy y gia tăng mau chóng, nhiều bộ kinh sách lớn được ấn hành điển hình nhất như Đại Tạng Kinh. Để thấy rõ sự hưng thịnh của Phật giáo thời Trần, chúng ta có thể thấy qua phân tích về hoạt động an cư của Phật giáo Việt Nam thời Trần trong Việt Nam Phật giáo sử luận: “Chùa Vân Yên (mà đời Lê đổi lại là Hoa Yên) trên núi Yên Tử là quê hương tinh thần, là “đại bản sơn” của Phật giáo Trúc Lâm. Hàng năm chùa có tổ chức kết hạ an cư ba tháng, và tăng sĩ bốn phương trở về tham dự rất đông, đến nỗi phải cất thêm nhiều dãy nhà tạm để có đủ chỗ cư trú. Vị tăng sĩ nào trong thời đại ấy cũng ước ao được về kết hạ ba tháng trên núi Yên Tử. Đời Trần có truyền lại cho ta câu ca dao:

Dù ai quyết chí tu hành
Có về Yên Tử mới đành lòng tu

Nhưng Yên Tử không thể thu nhận quá số người có thể thu nhận hàng năm. Giáo hội Trúc Lâm đã tổ chức an cư tại các chùa lớn khác như chùa Báo Ân, Sùng Nghiêm, Vĩnh Nghiêm, Quỳnh Lâm, Thanh Mai và Côn Sơn” (Nguyễn Lang, 2014, tr. 387). Thời Trần, có những thời kỳ thịnh trị nhất của Phật giáo Trúc Lâm, khoảng trên 15.000 người đã thụ giới xuất gia trong các giới đàn do giáo hội Trúc Lâm tổ chức. Không khí sinh hoạt Phật giáo trong cả nước rất hưng thịnh, các lễ hội lớn như Vu Lan, Phật Đản,... được tổ chức lớn với sự tham gia của vua Trần, những tối 14 và 30 mỗi tháng, nhiều gia đình lên chùa lễ Phật sám hối, các ngày rằm, mồng một, mọi người trong gia đình thường lên chùa lễ Phật, cúng dường, đem theo hoa quả, trầm hương, đèn nến. Giới tại gia được hướng dẫn chăm chỉ thực hành Bát Quan Trai, Bồ Tát giới, Thập thiện giới,... Ở thời Trần, trong quan niệm Phật giáo bình dân: Giữ giới, ăn chay, tụng kinh, in kinh, làm chùa, đúc tượng, cúng chùa, chẩn tế cho người nghèo khó và cho cô hồn đói lạnh... đó là những việc làm tạo nên công đức. Nếu không có phương tiện tài chính thì cũng có thể dùng thì giờ của mình để tạo công đức, như tới chùa làm công việc vặt, sung vào ban hộ niệm để tụng kinh cầu an, cầu siêu, sung vào ban tượng tế để đi lo cho những người nghèo khổ, đói bệnh. Chính nhờ những quan niệm đó mà Phật giáo lan tỏa đến được với tất cả đa số người dân, thuộc tất cả các tầng lớp trong xã hội.

Những thế kỷ sau, công cuộc hoằng pháp của Phật giáo ở Việt Nam vẫn được các thiền sư Việt Nam duy trì với nhiều hình thức đa dạng. Vào khoảng giữa thế kỷ XVII, một số khá đông các Cao tăng Trung Hoa sang Đại Việt hoằng pháp, đặc biệt là sự du nhập, truyền bá hai dòng thiền Lâm Tế và Tào Động vào Việt Nam với tên tuổi các thiền sư như: thiền sư Chuyết Chuyết (sinh năm 1590) ở tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Năm 1630, khi Trung Hoa

xảy ra cuộc nổi loạn, ông đến vùng Đồng Nai hoằng hóa Phật pháp, sau đi ra Bình Định và Thuận Hóa mở rộng công cuộc hoằng hóa ở Đàng Trong. Sau đó thiền sư Chuyết Chuyết cùng đệ tử ra Đàng Ngoài. Năm 1633, thiền sư Chuyết Chuyết ra đến kinh thành Thăng Long, ngụ tại chùa Khán Sơn để thực hiện sứ mệnh hoằng pháp, “Phật tử đến tham học và qui y thọ giới rất đông, gồm cả người Việt và người Trung Hoa. Hoàng tộc vua Lê, chúa Trịnh, các quan tướng triều đình.... cũng theo thọ giáo rất đông” (Nguyễn Hiền Đức, 1995, tr.88). Thiền phái Lâm Tế ở miền Nam Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ với các tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch cùng với các đệ tử ưu tú như: Minh Giác – Kỳ Phương, Thành Đăng – Minh Lượng, Minh Vật – Nhất Tri, Minh Hải – Pháp Bảo, Minh Hoằng – Tử Dung... đã mở rộng phạm vi hoằng pháp của Phật giáo ra khắp lãnh thổ Đàng Trong, giúp cho Phật giáo phát triển mạnh, ảnh hưởng sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân từ thành thị đến nông thôn.

Năm 1659, hòa Thượng Thạch Liêm (1633-1704) cùng một số đệ tử trên thuyền cập bến đảo Tiêm Bút La (Cù Lao Chàm ngày nay), ngoài khơi hải cảng Hội An bắt đầu quá trình hoằng pháp dòng thiền Tào Động ở Việt Nam. Nối tiếp sự nghiệp của hòa thượng Thạch Liêm, các đệ tử của ông như thiền sư Hưng Liên, thiền sư Hưng Triệt,... cũng tích cực với công cuộc hoằng dương giáo lý Phật giáo....

Các thiền phái khi du nhập vào Việt Nam đều tạo được những chỗ đứng nhất định. Phật giáo Việt Nam từng thời kỳ do những điều kiện chủ quan, khách quan khác nhau tạo nên những diện mạo khác nhau nhưng nhìn chung ở thời kỳ nào, hoằng pháp cũng luôn là nhiệm vụ trọng tâm của Phật giáo, Phật giáo lan tỏa trên tinh thần luôn đồng hành cùng dân tộc, len lỏi vào đời sống nhân dân, đóng góp thiết thực vào phục vụ đời sống nhân dân trên tinh thần từ bi, trí tuệ: “Trải qua hơn 2000 năm kể từ khi theo dòng lịch sử du

nhập và phát triển, đồng hành cùng với dân tộc, trải qua từ những thời kỳ sơ khai cho đến những thời kỳ phát triển như thời Trần, Lê hay thời kỳ suy thoái như thời nhà Hồ, thời Lê Sơ do ảnh hưởng từ Nho giáo, rồi đến những thời kỳ bị áp bức, kìm kẹp trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ; song thời nào Phật giáo cũng lấy đức từ bi để giáo hóa chúng sinh, lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Phật giáo Việt Nam đã luôn thể hiện được sự ảnh hưởng, lan tỏa của mình không chỉ trong đời sống tín ngưỡng tâm linh mà còn đối với mọi mặt trong đời sống xã hội của người dân Việt Nam (Thích Thanh Điện, 2021, tr. 354).

Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, đánh dấu mốc son quan trọng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Ngay khi thành lập Giáo hội, nhận thức được tầm quan trọng của công tác hoằng pháp, Ban Hoằng pháp Trung ương đã được thành lập là một trong sáu ban, viện chuyên ngành đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đến nay, số lượng ban, viện chuyên ngành đã tăng lên 13 thì Ban Hoằng pháp vẫn là một ban có vai trò quan trọng hàng đầu trong cơ cấu tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trong Nội quy Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 281/2013/QĐ.HĐTS ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam quy định tại điều 2: “**ĐIỀU 2:** Ban Hoằng pháp Trung ương hoạt động nhằm mục đích: Hộ trì Chánh pháp, lợi lạc chúng hữu tình. Đồng thời hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử phát huy tư tưởng trong sáng, tích cực trong đa dạng của giáo lý Đạo Phật, làm cho ý nghĩa đích thực của Đạo Phật được thể hiện trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, mang lại hạnh phúc an vui cho con người” (Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2013).

Tại Quy chế hoạt động của Ban Hoằng pháp TW GHPGVN nhiệm kỳ IX, quy định tại điều 5: Điều 5. Để phụ trách một số công tác chuyên môn, Ban Hoằng Pháp Trung ương được thành lập các Phân ban:

1. Phân ban Đào tạo Giảng sư và Bồi dưỡng nghiệp vụ Hoằng pháp
2. Phân ban Hoằng pháp Hải ngoại
3. Phân ban Truyền thông Hoằng pháp và Ứng dụng Công nghệ
4. Phân ban Hoằng pháp Pháp hội Đạo tràng
5. Phân ban Hoằng pháp Thanh thiếu niên Phật tử
6. Phân ban Bồi dưỡng Hoằng pháp viên Phật tử
7. Phân ban Biên soạn giáo trình thuyết giảng
8. Phân ban Tổ chức sự kiện Hoằng pháp
9. Phân ban Hoằng pháp đồng bào Dân tộc
10. Phân ban Hoằng pháp Tổ chức xã hội và nghề nghiệp.

Chúng tôi đánh giá, kể từ khi được thành lập đến nay, Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có nhiều chính sách toàn diện thúc đẩy hoạt động hoằng pháp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam sang một trang mới thể hiện tính chuyên nghiệp và hệ thống hơn. Điều đó thể hiện: Có bộ máy chuyên trách điều phối, quản lý các hoạt động; Có những chính sách thúc đẩy chất lượng của đội ngũ thực hiện nhiệm vụ hoằng pháp; Các hoạt động được chuyên môn hóa và hệ thống hơn,... Như vậy, có thể thấy hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam kể từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập có thể gọi là công tác hoằng pháp.

Công tác hoằng pháp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo ở Việt Nam. Trong cuốn 40 năm chặng đường lịch sử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2021) có nhấn mạnh đến các thành tựu sau:

+ Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ tăng, ni kế cận cho Giáo hội: Thể hiện trong việc Ban Hoằng pháp Trung ương rất quan tâm đến việc cử các tăng, ni tham gia các khóa đào tạo giảng sư từ Trung cấp cho đến Cao cấp, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ tăng ni, đặc biệt là tăng, ni trẻ - tầng lớp kế cận là nòng cốt giúp phát triển hiệu quả hơn nữa các hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung và công tác “hoằng dương chính pháp” của Ban Hoằng pháp nói riêng.

+ Tích cực tổ chức các khóa bồi dưỡng, hội thảo, tập huấn viên hoằng pháp tại nhiều địa phương trong cả nước. Các hoạt động này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tăng, ni trẻ của Giáo hội được đào tạo bài bản, củng cố, gia tăng trí tuệ và tăng cường hiệu quả hoằng pháp.

+ Đa dạng hóa các hình thức hoằng pháp: tổ chức các hội thi giáo lý cho Phật tử, hoằng pháp kết hợp với từ thiện xã hội, đẩy mạnh các hoạt động giảng pháp như thuyết pháp ở các lễ hội, lễ đài tập trung mùa lễ hội, giảng đường, đạo tràng, khóa tu,...

Từ sự phân tích trên cho thấy, hoằng pháp là hoạt động thường xuyên và xuyên suốt của Phật giáo trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Mỗi thời kỳ, hoằng pháp có những đặc trưng riêng nhưng đều hướng chung mục đích đưa giáo lý Phật giáo đến gần hơn với quần chúng nhân dân, phục vụ lợi ích của nhân dân theo phương châm “phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật”.

2.1.2. Những vấn đề lý luận về hình thức sinh hoạt đạo tràng của Phật giáo Việt Nam

Ngay từ thời Đức Phật còn tại thế, Ngài đã thành lập các đạo tràng để cho chư Tăng tu học, vừa là nơi để cho người cư sĩ Phật tử có thể đến để tu tập dưới sự dẫn dắt của Đức Phật và chư Tăng, có nhiều đạo tràng tu học mà Đức Phật và chư Tăng dừng chân trong một mùa, hay vài mùa an cư. Nhìn chung tất cả những gì mang tính cách hình thức của hoạt động Phật sự: hành

đạo, thuyết pháp, truyền giới, thọ bát, cúng dàng... đều có thể gọi chung là đạo tràng. Đạo Phật truyền đến đâu thì các đạo tràng tu học được thành lập đến đấy. Không chỉ với ý nghĩa đó, trong Kinh Tịnh Danh có nói: “trực tâm là đạo tràng, trực tâm là tịnh độ”. Với cách hiểu này, đạo tràng còn là chỉ cảnh giới đặc đạo mà người tu hành đạt được.

Trong sử sách còn ghi chép về các đạo tràng thời đức Phật: Đạo tràng đầu tiên có thể kể đến là vườn Lộc dã: “Sau khi hưởng thụ pháp duyệt chứng ngộ dưới gốc cây, Phật quyết chí giáo hóa chúng sinh. Trước hết Người đi đến vườn Lộc dã (Mrgadāva), nay gọi là Sarnath thuộc thành Ba – la – nại – tư (Vārānasi), vì người biết rằng, năm người hầu đã hầu hạ bên cạnh người 6 năm khi lìa bỏ Người họ đã đến đây. Để đền đáp công ơn họ, Phật trước hết muốn hóa độ họ. Năm vị này về sau trở thành năm tỳ khưu nổi tiếng nhất là: A Nhã Kiều Trần Như (Ājñata – Kamdinga), Bạt Đề (Bhadrika), Bàsaba (Bāspa), Mahanam (Mahānāma) và A Thuyết Thi (Asvajit). Đây là lần đầu Thích Tôn chuyển pháp luân sau khi thành đạo, Ngài đã nói với năm tỳ khưu về diệu pháp thân chứng của Phật Đà. Sau khi nghe pháp, họ liền chứng được quả A – la – hán của Tiểu thừa” (Thánh Nghiêm, Tịnh Hải, 2008, tr.38).

Các đạo tràng được hình thành tiếp nối theo dấu chân hoằng pháp của đức Phật. Sau khi đức Phật đến thành Vương xá, có vị trưởng giả Ca – lan – đà (Kalanda) đem vườn trúc ngoài thành Vương xá của mình dâng cho Phật, nhà vua Tần – tì – sa – la lúc đó đã được giáo hóa, pháp nhãn thanh tịnh đã hỗ trợ cho xây dựng tịnh xá trong vườn trúc cho Phật. Đây được coi là đạo tràng Phật giáo có quy mô to lớn đầu tiên. Khi đức Phật trở về quê hương Ca Tì La Vệ thăm mẹ cha, vua cha đã cho xây dựng tịnh xá ở vườn Ni – Câu – Luật để tiếp đón....

Trên con đường hoằng pháp của các thế hệ đệ tử của đức Phật, đưa Phật giáo đến với các vùng đất mới, sinh hoạt đạo tràng cũng là một trong

những hình thức phổ biến. Ở Việt Nam chúng ta cũng không ngoại lệ. Ngay từ những buổi đầu, khi đạo Phật mới truyền vào nước ta, cùng với sự có mặt của chư Tăng, các chùa đã được lập nên và người Phật tử đã tề tựu về chùa để cùng nhau tu học. Truyện Man Nương, trong *Lĩnh Nam Chích Quái*, viết: "Bấy giờ cô gái tên Man Nương, cha mẹ đều mất, trong nhà nghèo khổ, cũng quyết cầu học đạo. Nhưng vì nói năng chậm chạp không thể cùng chúng tụng kinh, thường ở dưới bếp, giã gạo, hái củi, tự mình nấu nướng để cúng dường thức ăn cho chư Tăng trong chùa cùng khách bốn phương đến tu học" (Trần Thế Pháp, 2011). Như vậy có thể thấy ở những thế kỷ đầu khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam đã có những hình thức đạo tràng cho Phật tử tu tập. Các thế kỷ tiếp sau đó, mô hình tu tập này vẫn được duy trì và phát triển. Dưới triều đại nhà Đinh, Tiền Lê và nhà Lý, các đạo tràng tu học của Phật giáo không chỉ dừng lại trong khuôn khổ đào tạo Phật học, mà cả thế học, Nho giáo. Và người đến tu học không phải chỉ có Phật tử, mà cả những người không phải là Phật tử, sách *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* ghi rằng: "Bên cạnh các hoạt động rộn rịp cho cuộc đấu tranh độc lập và phát triển đất nước, Phật giáo vẫn tiếp tục những sinh hoạt truyền thống của mình, dù bấy giờ được nhìn với ánh sáng mới của hệ tư tưởng Pháp Vân. Các thiền trường vẫn là nơi tu luyện, truyền thọ tri thức học thuật và kinh nghiệm giác ngộ" (Lê Mạnh Thát, 2003). Và ngôi chùa trong lịch sử không chỉ có vai trò là nơi sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo mà còn là nơi đào tạo nhân tài cho đất nước: "Các thiền trường và các ngôi chùa nhà trường này, ngoài chức năng là nơi sinh hoạt đạo, còn là nơi để đào tạo nhân tài cho đất nước. Với tư cách là những nơi sinh hoạt đạo thì chúng là địa điểm để truyền thụ kinh nghiệm giác ngộ" (Lê Mạnh Thát, 2003). Trong một bài viết của mình tác giả Nguyễn Văn Quý cũng khẳng định: "ở thời Lý chúng ta biết ít nhất một đạo tràng Niệm Phật lớn được mở bởi Thiền sư Trì Bát. Về thực hành, chủ yếu là "lễ Phật sám

hồi”,... Sự kiện này cho phép chúng ta suy đoán về đạo tràng Niệm Phật thời kỳ này chủ yếu do các thiền sư tạo dựng và đứng đầu nhằm “phổ khuyến đạo tục”, có cả giới tu sĩ xuất gia và cư sĩ tại gia, điều này hoàn toàn phù hợp với tình hình Phật giáo thời Lý” (Nguyễn Văn Quý, 2020, tr.71-94).

Đến triều đại nhà Trần, với sự phát triển mạnh của Phật giáo, từ tầng lớp vua quan, quý tộc đến quần chúng nhân dân đều hướng về Phật giáo, đều chuyên cần tu học. Trong sách *Việt Nam Phật giáo sử luận* ghi rằng: "Năm 1324, Văn Huệ Vương và Uy Huệ Vương đến chùa Báo Ân xin thụ Bồ đề tâm giới và pháp quán đỉnh; Bảo Vân công chúa, rồi Bảo Từ hoàng hậu và Văn Huệ Vương thỉnh Pháp Loa giảng kinh Hoa Nghiêm" (Nguyễn Lang, 2014).

Dưới triều đại nhà Nguyễn, bên cạnh Thiền tông, Tịnh độ tông cũng đã phát triển khá mạnh, các đạo tràng tu học theo Tịnh độ tông đã được thành lập ở nhiều nơi. Các giới đàn truyền giới cho người xuất gia và tại gia được tổ chức với quy mô lớn. Trong số đó, đáng kể nhất là Đại giới đàn Thiền Lâm, được tổ chức từ ngày mùng 1 đến ngày 12 tháng Tư năm Ất Hợi (1695). Giới đàn này có đến trên 3.000 giới tử đến từ nhiều tỉnh thành trong nước, trong đó có 1.400 vị giới tử xuất gia.

Đáng chú ý, vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, ở Hà Nội, đạo tràng Niệm Phật được Hòa thượng Nguyên Biểu (1836 - 1906) thành lập năm 1897 tại chùa Bồ Đề thuộc quận Long Biên, Hà Nội hiện nay. Ngài Nguyên Biểu khai tràng thuyết pháp, thu nạp đệ tử, tiếp độ chúng nhân. Tăng tục lui tới tham học, tín đồ đến nghe pháp rất đông. Đạo tràng Niệm Phật chùa Bồ Đề trở thành đạo tràng sầm uất ở kinh thành Thăng Long. Từ chốn tổ này, các đệ tử của Ngài đưa sinh hoạt đạo tràng đi muôn nơi, trở thành các tổ đình lớn ở miền Bắc, các lớp đệ tử nổi danh của Ngài như Tổ Quảng Gia, Tổ Quảng Yên ở chùa Bồ Đề, Tổ Phổ Tự ở chùa Tế Xuyên, Tổ Doãn Hải ở chùa Tế Cát, Tổ Thanh Khải ở chùa Đa Bảo.

Đến đầu thế kỷ XX, với sự ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo từ Trung Quốc và một số nước ở châu Á, ở Việt Nam chúng ta, nhiều hội, đoàn Phật giáo đã được thành lập, vừa để cùng nhau tu học, truyền bá giáo lý đạo Phật, vừa để vận động, tiến hành công cuộc chấn hưng Phật giáo nước nhà. Điển hình như Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật học được thành lập năm 1930 ở Nam Kỳ, do Thiền sư Từ Phong làm hội trưởng; ở Trung Kỳ có Hội An Nam Phật Học được thành lập vào năm 1932, do cư sĩ Lê Đình Thám làm hội trưởng; ở miền Bắc có Hội Phật Giáo Bắc Kỳ thành lập năm 1934, do cư sĩ Nguyễn Năng Quốc làm hội trưởng. Tiếp theo đó là sự ra đời của Lương Xuyên Phật học ở Trà Vinh, Hội Phật Học Kiêm Tế ở Rạch Giá. Bên cạnh đó, có một tổ chức dành cho các thanh niên tân học được thành lập vào năm 1940, với tên gọi là Đoàn Thanh niên Phật học Đức Dục, dưới sự hướng dẫn của cư sĩ Lê Đình Thám. Đồng thời những lớp thiếu niên, thiếu nữ Phật tử (gọi là Đồng Ấu) cũng được thành lập dưới sự hướng dẫn của đoàn. Cùng thời điểm ấy, ở Nam Kỳ còn có Hội Tịnh độ Cư sĩ. Ngay cái tên của hội đã cho chúng ta biết đây là hội của những người cư sĩ Phật tử tu học theo pháp môn Tịnh độ.

Vào những thập niên cuối của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, phong trào tu học của cư sĩ Phật tử càng được giới lãnh đạo của Phật giáo quan tâm nhiều hơn, nhờ vậy mà đã và đang phát triển mạnh mẽ. Rất nhiều chương trình, nhiều khóa tu học dành cho người Phật tử tại gia được mở ra, với nhiều pháp môn, nhiều nội dung tu học khác nhau, như: Các đạo tràng tu thiền theo thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do Hòa thượng Thanh Từ dẫn dắt; các đạo tràng Pháp Hoa do Hòa thượng Thích Trí Quảng dẫn dắt; các đạo tràng tu theo pháp môn tịnh độ, điển hình nhất là đạo tràng tu Tịnh độ tại chùa Hoằng Pháp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; rồi các khóa tu "Một ngày an lạc", khóa tu Bát quan trai được tổ chức ở khắp tất cả các tỉnh thành trong cả nước, các đạo tràng trì tụng kinh Dược Sư, trì tụng chú Đại Bi; gần đây còn có các

khóa tu thiền Minh sát tuệ (Vipassana) do một số chùa thuộc truyền thống Phật giáo Nguyên thủy tổ chức.

Tiếp nối truyền thống đó, Việt Nam hiện nay có đa dạng các đạo tràng hoạt động. Điều đó thể hiện qua các số liệu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam:

+ Năm 2017: cả nước có 3.617 đạo tràng với 592.983 Phật tử sinh hoạt

+ Năm 2019: Có 3.243 Đạo tràng tu tập Bát Quan trai, tu Thiền, Niệm Phật, Pháp Hoa, Dược Sư, Đại Bi,... với 209.705 Phật tử thường xuyên tu tập.

+ Năm 2022: 2.510 Đạo tràng, chủ yếu là Đạo tràng Tịnh Độ, tu Thiền, Bát Quan trai, với 294.792 Phật tử thường xuyên tham dự.

Các hoạt động sinh hoạt của đạo tràng nhằm giúp cho các thành viên nâng cao trình độ hiểu biết về Đạo pháp, gây dựng lòng tin vững chắc đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có ý thức tôn trọng và kính ngưỡng Chư tôn đức Tăng Ni.

Tổ chức và hoạt động của đạo tràng được thực hiện trên cơ sở tuân thủ Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và quy chế sinh hoạt của cơ sở thờ tự tại nơi đạo tràng sinh hoạt.

Các hoạt động sinh hoạt của đạo tràng phải được tổ chức định kỳ, thường xuyên vào ngày nhất định hàng tháng, hàng tuần... Nội dung sinh hoạt cụ thể gồm có học nghi lễ, tụng kinh, niệm Phật, trao đổi chia sẻ giáo lý, tập văn nghệ, sinh hoạt tập thể,... với những hình thức sinh hoạt phong phú, phù hợp với từng thời kỳ và đối tượng.

Mỗi đạo tràng có Tôn chỉ và nguyên tắc hoạt động, các thành viên khi tham gia đạo tràng đều có những quy định nhất định, đạo tràng có cơ cấu tổ chức, bên cạnh đó còn có chức năng nhiệm vụ rõ ràng ghi trong Nội quy, minh bạch trong tài chính,...

Sinh hoạt đạo tràng đem lại nhiều kết quả tích cực đối với công tác duy trì sinh hoạt tôn giáo, hoạt động tu tập của tín đồ. Bởi:

+ Sinh hoạt đạo tràng giúp cho tinh thần tự giác tu tập của tín đồ được phát huy. Trong đạo tràng, cư sĩ tự quản theo sự chỉ đạo của bốn sư và trong một tập thể những người cùng chí hướng tu tập nên họ sẽ tự nhắc nhở, giúp đỡ nhau trong con đường tu học ổn định. Ai có những khó khăn hay xao nhãng, huynh đệ đạo tràng sẽ cùng nhau nhắc nhở, giúp đỡ nên kết quả tu học sẽ tinh tấn hơn.

+ Sinh hoạt đạo tràng là sinh hoạt, tu học trong môi trường tập thể, vì vậy sẽ có cơ hội phát huy sức mạnh của tập thể, của tình đoàn kết,... giúp cho các công việc thuận lợi, đạt kết quả cao hơn. Như một người Phật tử muốn phát tâm tổ chức hoạt động từ thiện sẽ gặp rất nhiều khó khăn, nhưng nếu như đạo tràng cùng bắt tay vào làm, công việc sẽ được sẻ chia, sức mạnh tập thể sẽ làm được nhiều điều lớn lao. Sinh hoạt đạo tràng thể hiện rõ nét chức năng giao tiếp và chức năng liên kết của tôn giáo.

+ Sinh hoạt đạo tràng giúp cho các cá nhân có môi trường, cơ hội học hỏi, hoàn thiện mình trong mối tương quan với các cá nhân khác trong tập thể đạo tràng.

Từ sự phân tích trên cho thấy, đạo tràng là một hình thức sinh hoạt truyền thống của Phật giáo, có lịch sử từ lâu đời, ngay từ những buổi đầu đức Phật hoằng pháp chúng sinh. Ý nghĩa của đạo tràng, hình thức sinh hoạt đạo tràng ở các thời kỳ khác nhau, ở các khu vực khác nhau có thể có diện mạo khác nhau nhưng vẫn giữ được bản chất và ý nghĩa cốt lõi của nó là nơi tu học của những người cùng chung lý tưởng theo con đường giác ngộ chân lý, giải thoát của đức Phật.

2.2. Khái quát về địa bàn nghiên cứu: tỉnh Lào Cai

2.2.1. Điều kiện lịch sử, tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Lào Cai

Nghiên cứu về Phật giáo tỉnh Lào Cai, không thể không quan tâm đến các điều kiện về địa kinh tế, xã hội, văn hóa của tỉnh Lào Cai, bởi đây chính là những nền tảng của quá trình hình thành, phát triển của Phật giáo nói riêng,

tôn giáo nói chung trên địa bàn tỉnh. Bởi xét cho cùng, Phật giáo hay bất kỳ một tôn giáo nào khác gọi chung là tôn giáo là thuộc về hình thái ý thức xã hội, chính vì thế nó chịu sự tác động, chi phối, quy định bởi các yếu tố của tồn tại xã hội. Lịch sử và các điều kiện địa kinh tế, xã hội, văn hóa của vùng đất này chính là những nền tảng để khi Phật giáo du nhập vào, hình thành và phát triển hình thành nên những đặc điểm rất riêng của Phật giáo tỉnh Lào Cai, khác với những địa phương khác trong cả nước.

Về lịch sử địa giới hành chính: Từ xa xưa, thời Hùng Vương, Lào Cai đã là một trung tâm hành chính quan trọng của nước ta: “Việc phát hiện các di tích văn hóa Đông Sơn, có thể minh chứng, vùng thành phố Lào Cai hiện nay là trung tâm hành chính của một bộ tộc cổ thuộc nước Văn Lang. Sách “Dư địa chí” của Nguyễn Trãi soạn năm 1438 có ghi: Hưng Hóa xưa là bộ Tân Hưng, Bộ Tân Hưng là một trong 15 bộ của nước Văn Lang thời các vua Hùng” (Hà Văn Thảng, chủ biên, 2016, tr.9).

Thời Âu Lạc, Lào Cai thuộc bộ lạc Tây Vu, thời kỳ Bắc Thuộc, Lào Cai cũng nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính. Trải qua các thời kỳ phong kiến độc lập, với chính sách của các triều đại phong kiến Việt Nam với nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính: thời Lý, Lào Cai thuộc đất Châu Đăng, thời Trần, Lào Cai thuộc bộ Đà Giang, sang thời Hồ, Bộ Đà Giang đổi thành trấn Thiên Hưng. Thời Lê, Lào Cai nằm trong địa phận Châu Thủy Vĩ, Văn Bàn, phủ Quang Hóa, thừa tuyên Hưng Hóa... Đến đời nhà Nguyễn, nhà Nguyễn cũng cho chia lại địa giới hành chính, vùng đất Lào Cai chủ yếu thuộc đất của châu Thủy Vĩ, châu Văn Bàn, một phần thuộc châu Chiêu Tấn và một phần nhỏ thuộc châu Lục Yên thuộc phủ Quy Hóa. Đến thời điểm này địa danh Lào Cai chưa được hình thành. Như vậy, từ thời vua Hùng dựng nước đến cuối thế kỷ XIX, địa giới hành chính của khu vực được gọi là tỉnh

Lào Cai hiện nay luôn biến động tăng hoặc giảm theo các sự kiện lịch sử trong vùng.

Thời kỳ 1886 đến 1945 là thời kỳ định hình tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên, do tình hình nằm trong sự chiếm đóng của thực dân Pháp và sau này là phát xít Nhật, lại cộng thêm chính sách phức tạp của một tỉnh biên giới nên thực dân Pháp đã liên tục thay đổi địa giới hành chính của tỉnh Lào Cai. Các thời kỳ sau cũng là những thời kỳ có nhiều biến động về địa giới hành chính của Lào Cai. Giai đoạn năm 1946 – 1975, Lào Cai được xếp vào các Khu Mười rồi đến Khu Tây Bắc, Liên Khu Việt Bắc. Sau khi đất nước thống nhất năm 1975, Lào Cai hợp nhất cùng Yên Bái, Nghĩa Lộ thành tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Ngày 12/8/1991, tỉnh Hoàng Liên Sơn được chia thành hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái. Đến ngày 1/10/1991, tỉnh Lào Cai được tái thành lập với 9 đơn vị hành chính gồm thị xã Lào Cai và các huyện: Bát Xát, Sa Pa, Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Than Uyên. Trải qua việc thành lập mới hoặc sát nhập các đơn vị hành chính, huyện Than Uyên về với tỉnh Lai Châu (2004). Thành phố Lào Cai được thành lập năm 2004. Hiện nay, Lào Cai có 1 thành phố Lào Cai và 8 huyện là Sa Pa, Bát Xát, Bảo Yên, Bảo Thắng, Si Ma Cai, Văn Bàn, Mường Khương, Bắc Hà, với 164 xã, phường, thị trấn, trong đó có 138 xã vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Về tên gọi: Xưa kia, vùng đất thị xã Lào Cai ngày nay có một khu chợ, dần dần người ta mở mang thêm một phố chợ. Vì thế phố chợ đầu tiên này theo tiếng địa phương được gọi là Lão Nhai (tức Phố Cũ). Sau này người ta mở thêm một phố chợ khác gọi là Tân Nhai (Phố Mới ngày nay). Theo cổ giáo sư Đào Duy Anh, từ Lão Nhai được biến âm thành Lao Cai và được gọi một thời gian khá dài. Khi làm bản đồ, người Pháp viết Lao Cai thành Lào Kay. Danh từ Lào Kay đã được người Pháp sử dụng trong các văn bản và con dấu. Nhưng trong giao tiếp và dân gian người ta vẫn gọi là Lao Cai. Sau ngày

tỉnh Lào Cai được giải phóng (11-1950), đã thống nhất gọi là Lào Cai cho đến ngày nay.

Vị trí địa lý: Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới, nằm chính giữa vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc của Việt Nam. Phía Đông giáp tỉnh Hà Giang, phía Nam giáp tỉnh Yên Bái, phía Tây giáp tỉnh Lai Châu, phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam - Trung Quốc với khoảng hơn 200km đường biên giới. Là một tỉnh biên giới, với vị trí như trên, Lào Cai có Lào là vùng quan trọng trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, là “cửa ngõ”, “cầu nối” của Việt Nam, các nước ASEAN với thị trường Vân Nam và miền Tây Nam Trung Quốc.

Nhìn chung, vị trí địa lý đã tạo cho Lào Cai có thuận lợi nhất định về vị thế kinh tế xã hội và giao lưu quốc tế, mặt khác đây cũng là vùng có vị trí chiến lược quan trọng không chỉ về kinh tế mà còn về chính trị, an ninh, quốc phòng.

Địa hình: Địa hình Lào Cai rất phức tạp, phân tầng độ cao lớn, mức độ chia cắt về địa hình mạnh, cả tỉnh phân chia thành hai vùng tự nhiên khác nhau:

Vùng núi cao, là các vùng có độ cao trên 700 m trở lên, được hình thành từ các dãy núi lớn, khối núi lớn, điển hình là hai dãy núi chính là dãy Hoàng Liên Sơn và dãy Con Voi chạy song song với nhau hướng Tây Bắc - Đông Nam. Nơi đây có những đỉnh núi cao đồ sộ: Fan – xi – păng (3.134m) – được coi là nóc nhà của Đông Dương, Tả Giàng Phình (3.090 m), Pú Luông (2.983 m).... Khu vực vùng núi cao có độ dốc địa hình lớn, độ chia cắt mạnh. Khu vực này là khu vực sinh sống của các dân tộc: Hmông, Hà Nhì, Dao, La Ha, La Chí,...

Loại địa hình thứ hai là ở vùng thấp, chủ yếu là khu vực các thung lũng ven sông, ven suối lớn và loại địa hình máng trũng có dạng đồi. Dải đất dọc

theo sông Hồng và sông Chảy gồm thành phố Lào Cai - Cam Đường - Bảo Thắng - Bảo Yên. Có những vùng thung lũng lớn như: thung lũng dọc sông Hồng, thung lũng Mường Than thì cũng có những thung lũng nhỏ hẹp bị bao bọc bởi các dãy núi, các cao nguyên. Vùng thấp thung lũng này có nhiều điều kiện để phát triển sản xuất nông – lâm – nghiệp hoặc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng.

Khí hậu: Lào Cai có khí hậu nhiệt đới gió mùa, song do nằm sâu trong lục địa bị chia phối bởi yếu tố địa hình phức tạp, phân tầng độ cao lớn nên diễn biến thời tiết có phần thay đổi, khác biệt theo thời gian và không gian, hình thành nên một số tiểu vùng Á nhiệt đới. Khí hậu Lào Cai chia thành hai mùa khá rõ rệt: mùa mưa (tháng 4 đến tháng 9) và mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau). Nhiệt độ trung bình hàng năm thường từ 22 – 24⁰C; cao nhất 36⁰C, thấp nhất 10⁰C. Trong đó giữa hai loại địa hình cũng có sự khác biệt về nền nhiệt, vùng núi cao, nhiệt độ trung bình từ 15- 20⁰C, trong khi đó vùng thấp có nhiệt độ trung bình từ 23-25⁰C. Đột biến về nhiệt độ thường xuất hiện ở dạng nhiệt độ chênh lệch trong ngày lên cao hoặc xuống thấp quá (ví dụ như vùng Sa Pa có nhiều ngày nhiệt độ xuống dưới 0⁰C và có băng hoặc tuyết rơi). Lượng mưa trung bình khoảng trên 1.700mm. Sương mù thường xuất hiện phổ biến trên toàn tỉnh với mức độ rất dày. Thậm chí, ở những vùng núi cao và các thung lũng kín gió còn xuất hiện sương muối. Với địa hình, khí hậu đa dạng như trên, đất đai của Lào Cai có độ phì cao, màu mỡ, đa dạng bao gồm 10 nhóm, 30 loại đất.

Sông ngòi: Lào Cai có hệ thống sông ngòi tương đối dày, trong đó có 17 sông suối liên tỉnh và 62 sông suối nội tỉnh. Các sông chính có thể kể đến như: sông Hồng, sông Chảy, sông Sinh Quyền, Ngòi Đum, Nậm Thi, Ngòi Bo,...

Giao thông: Là một tỉnh miền núi nên địa hình Lào Cai phức tạp, nhiều đồi núi cao, chia cắt mạnh, rất khó khăn cho việc phát triển giao thông. Nhưng nhờ những nỗ lực lớn, Lào Cai có hệ thống hạ tầng giao thông liên vùng, liên quốc tế, gồm: Đường bộ cao tốc, đường sắt, đường thủy.

Các điều kiện tự nhiên như trên đã tạo cho Lào Cai những tiềm năng nhất định phát triển kinh tế:

Nông – Lâm nghiệp, Thủy sản: Nơi đây phù hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau. Có thể phát triển đa dạng các loại hình: cư dân vùng cao canh tác nương rẫy là chủ yếu với loại cây trồng chính là ngô, lúa nương; cư dân vùng thấp có thể phát triển cây lương thực chính: lúa nếp, lúa tẻ, vụ mùa. Bên cạnh đó, Lào Cai còn có lợi thế phát triển các sản phẩm nông nghiệp trái mùa, giá trị cao về tiềm năng kinh tế. Hơn nữa, rất thích hợp với các loại cây ôn đới, vì vậy Lào Cai có lợi thế phát triển các đặc sản xứ lạnh mà các vùng khác không có được như: hoa, quả, thảo dược và cá nước lạnh. Hiện tại đã hình thành các vùng cây dược liệu, chè chất lượng cao, rau, hoa, cây ăn quả ôn đới, chuối, dứa, nuôi cá nước lạnh, chăn nuôi đại gia súc, trong đó cây dược liệu nằm trong vùng quy hoạch quốc gia Việt Nam. Lào Cai còn có tiềm năng về phát triển lâm nghiệp, diện tích đất rừng sản xuất chiếm 45% đất nông nghiệp.

Công nghiệp: với đa dạng các địa hình, trong đó có địa hình núi cao, một mặt tạo ra những khó khăn nhất định cho sự phát triển kinh tế của tỉnh nhưng mặt khác tạo cho Lào Cai nguồn khoáng sản tương đối đa dạng, phong phú thuận lợi cho phát triển công nghiệp: Lào Cai sở hữu đến trên 35 loại khoáng sản khác nhau, trong đó có những loại có trữ lượng cao như: Apatit, sắt, đồng,... Và thực tế, Lào Cai đã phát triển nhiều khu công nghiệp lớn, điển hình như: Khu công nghiệp Tăng Loỏng – khu công nghiệp luyện kim, hóa chất lớn nhất cả nước,... Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai có cơ sở hạ tầng, dịch

vụ tương đối đầy đủ và là 1 trong 9 Khu Kinh tế cửa khẩu trọng điểm được Chính phủ đầu tư.

Thương nghiệp: Lào Cai có tiềm năng lớn để phát triển thương nghiệp: Lào Cai có: “cặp cửa khẩu Quốc tế Lào Cai – Hà Khẩu (đường sắt và đường bộ) với 3 điểm thông quan: Ga quốc tế Lào Cai, cầu đường bộ qua sông Nậm Thi, cầu đường bộ qua sông Hồng (là điểm nối giữa đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai (Việt Nam) với đường cao tốc Hà Khẩu - Côn Minh (Trung Quốc) là cầu nối quan trọng trên tuyến Hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; Là cửa ngõ của Việt Nam và các nước ASEAN. Trung tâm của Hành lang Bắc Nam trong hợp tác các nước tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS) với thị trường Tây Nam – Trung Quốc. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai là cửa khẩu duy nhất ở phía Bắc Việt Nam nằm trong lòng một thành phố trực thuộc tỉnh, có đầy đủ hệ thống dịch vụ của đô thị loại III cũng như các dịch vụ thương mại vận tải, kho bãi, logistics, giám định hàng hóa, cảng ICD...” (<https://laocai.gov.vn/>)..

Từ năm 2001 đến nay, hội chợ thương mại biên giới được luân phiên hàng năm giữa Lào Cai (Việt Nam) và Hà Khẩu (Việt Nam – Trung Quốc), thu hút đông đảo doanh nghiệp trong và ngoài nước tham dự.

Du lịch: Với những điều kiện tự nhiên và văn hóa, Lào Cai là tỉnh có nguồn lực để phát triển các loại hình du lịch phong phú, đa dạng. Phát triển du lịch gắn với tự nhiên: điều kiện tự nhiên phong phú về các mặt: địa hình, khí hậu mang cho Lào Cai những lợi thế phát triển du lịch như: có đỉnh Fan – xi – păng cao nhất Đông Dương; một số nơi khí hậu quanh năm mát mẻ như Bắc Hà, Sa Pa; có bãi đá cổ huyền bí,... Thực tế, du lịch Sapa đã trở thành điểm mạnh của du lịch Lào Cai, là điểm đến của rất nhiều du khách trong và ngoài nước. Du lịch gắn với các điều kiện xã hội: Lào Cai có đa dạng các dân tộc anh em cùng sinh sống, mỗi dân tộc có những sắc màu

riêng, những nét văn hóa đặc trưng từ chữ viết, trang phục, kiểu dáng nhà ở, văn hóa ẩm thực, tâm linh... là điểm đến lý tưởng cho những ai thích khám phá về văn hóa các dân tộc; Lào Cai cũng có hệ thống các di tích lịch sử, di tích tín ngưỡng, tôn giáo nổi tiếng là hệ thống các đền thờ như: Đền Cô, đền Bảo Hà,... và hệ thống lễ hội cổ truyền phong phú và đa dạng thuận lợi phát triển du lịch tâm linh.

Về dân cư: Cách ngày nay hơn vạn năm, con người đã có mặt tại địa bàn Lào Cai. Thời Hùng Vương dựng nước, vùng đất Lào Cai thuộc bộ Tân Hưng, là một trong 15 bộ của Nhà nước Văn Lang - là một trung tâm kinh tế chính trị lớn ở thượng nguồn sông Hồng. Lào Cai là một trung tâm hành chính quan trọng. Và “Việc phát hiện các di tích văn hóa Đông Sơn, có thể minh chứng, vùng thành phố Lào Cai hiện nay là trung tâm hành chính của một bộ tộc cổ thuộc nước Văn Lang” (Hà Văn Thắng, 2016), tr.9). Lào Cai là vùng đất hội lưu các tộc người, sự xuất hiện của cư dân sinh sống ở đây diễn ra từ rất sớm trong lịch sử. “Những phát hiện khảo cổ học đã chứng minh, cách ngày nay từ 12.000 năm đến 18.000 năm, ở Lào Cai đã có cư dân cư trú tập trung dọc ven sông Hồng, sông Chảy và các cửa ngòi Mi, ngòi Nhù. Một khối lượng lớn những hiện vật của văn hóa Đông Sơn được phát hiện đã cho thấy, vào thời Hùng Vương các dân tộc sinh sống ở Lào Cai đã phát triển nông nghiệp lúa nước, các nghề thủ công như làm gốm, dệt vải, đúc đồng” (Hà Văn Thắng, 2016, tr.18). Điều đó đã chứng minh, vùng đất Lào Cai là cái nôi sinh sống của các tộc người từ rất sớm, lịch sử vùng đất này đã khởi đầu từ rất sớm.

Không chỉ xuất hiện sớm các tộc người ở Lào Cai, mà vùng đất nơi đây còn là nơi hội tụ của đa dạng, phong phú các tộc người cùng sinh sống. Toàn tỉnh Lào Cai hiện có 16 dân tộc (phân thành 25 nhóm dân tộc) thuộc 2 nhóm ngôn ngữ lớn ở Việt Nam: Dòng Nam Á và Hán Tạng, cụ thể

- Dòng Nam Á:

- + Ngôn ngữ Việt – Mường có: Việt, Mường
- + Ngôn ngữ Mèo – Dao: Hmông, Dao
- + Ngôn ngữ Tày – Thái: Tày, Thái, Nùng, Giáy, Bó Y, Lự.
- + Ngôn ngữ Nam Á khác: có các tộc người La Chí, Kháng, La Ha,
- Dòng Hán – Tạng:
- + Ngôn ngữ Hán: Hoa,
- + Ngôn ngữ Tạng – Miến: Hà Nhì, Phù Lá.

Các dân tộc cùng chung sống hoà thuận, trong đó dân tộc thiểu số chiếm đa số, khoảng 66% dân số toàn tỉnh.

Về phân bố dân cư: “Bức tranh tổng thể về sự phân bố dân cư của các tộc người ở Lào Cai có thể được phác họa như sau: Người Kinh cư trú lâu đời ở các vùng đồng bằng, trung du, ven biển; sau này lan tỏa lên các vùng miền núi của tỉnh Lào Cai. Các cư dân Thái – Tày cùng với người Mường chiếm cứ vùng thung lũng hẹp với hoạt động mưu sinh đa dạng, vừa làm ruộng, vừa làm nương, vừa làm vườn, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đào ao, thả cá, sáng tạo nên nền “văn hóa thung lũng” độc đáo. Các tộc người Hà Nhì, Phù Lá thuộc nhóm ngôn ngữ Hmông – Dao, Tạng – Miến thì sinh sống ở các vùng cao hơn. Đồng bào canh tác nương rẫy là chính, nghĩa là, về mặt truyền thống, họ sinh sống gắn bó với rừng. Chính vì vậy mà các bộ phận cư dân này trước đây có tỉ lệ du canh, du cư lớn nhất” (Hà Văn Thắng, 2016, tr.20).

Theo số liệu thống kê: Tổng số dân của tỉnh Lào Cai vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 là 730.420 người, trong đó, dân số nam là 371.306 người, chiếm 50,8% và dân số nữ là 359.114 người, chiếm 49,2%. Với kết quả này, Lào Cai là đông dân thứ 55 của cả nước (55/63 tỉnh). Mật độ dân số bình quân: 115 người/km², trong đó có 25 nhóm ngành dân tộc cùng chung sống hoà thuận, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 66,21% dân số toàn tỉnh. Dân tộc Kinh chiếm 33,78%. Các dân tộc thiểu số phân bố, cư trú trên địa bàn 9/9 huyện, thành phố của tỉnh (Nguồn Cục Thống kê tỉnh Lào Cai).

Tổ chức cộng đồng: Người Kinh ở Lào Cai vẫn tổ chức cộng đồng theo kết cấu làng xã, cư trú ở hầu hết các xã, huyện, thành phố của tỉnh, trong đó, tập trung đông nhất là: thành phố Lào Cai, thị trấn phố Lu, huyện Bảo Thắng,... chủ yếu ở các vùng thấp, ven các sông,... Các dân tộc ở Lào Cai chủ yếu tổ chức cộng đồng theo hình thức bản, làng, có thể tên gọi khác nhau: cư dân Tày – Thái gọi là “bản”, người Hmông gọi là “giao”, người Giáy gọi là “luông”,... Mỗi đơn vị bản, làng thường là tập trung của một số họ cùng một tộc người. Mỗi quan hệ trong các dòng họ, làng bản khá khăng khít, vai trò đứng đầu của trưởng họ, trưởng bản được đề cao.

Tổ chức gia đình: Gia đình các dân tộc ở Lào Cai chủ yếu gia đình phụ hệ, với vai trò chính của người chồng, người cha rất quan trọng. Mỗi quan hệ giữa các thành viên trong gia đình rất khăng khít thể hiện ở các mối quan hệ vợ - chồng; cha mẹ - con cái; anh, chị - em;... Vẫn theo truyền thống của người Việt Nam nói chung, các gia đình ở Lào Cai vẫn thực hiện các chức năng chính: chức năng kinh tế, chức năng tái sản xuất giống nòi (rất coi trọng việc sinh đẻ); chức năng nuôi dưỡng, giáo dục con cái,...

Nhìn chung, văn hóa các dân tộc sinh sống ở Lào Cai nằm trong dòng chảy của văn hóa dân tộc Việt Nam với nền tảng là văn minh nông nghiệp lúa nước, của văn hóa Đông Sơn rực rỡ và có sự kết hợp với nét độc đáo riêng của văn hóa các tộc người.

Phương thức sinh hoạt (có thể phân tích dưới các phương diện cơ bản trong phương thức sinh hoạt: ăn, mặc, ở, đi lại):

Các dân tộc ở Lào Cai cũng giống như người Việt Nam nói chung, trong khẩu phần ăn tinh bột là chủ yếu, trong đó cơm tẻ và xôi nếp là điển hình, trong đó các dân tộc thiểu số, xôi nếp có vai trò quan trọng trong khẩu phần ăn của họ:

“hầu như toàn bộ người Thái, một bộ phận đáng kể các tộc người thuộc nhóm Thái – Tày, và khá nhiều người thuộc nhóm Mường chỉ chuyên ăn xôi nếp. Người Thái có câu thành ngữ nói về thói quen không ăn cơm tẻ trước kia của họ: “Ngựa không ăn lá có lông. Người Thái không ăn cơm tẻ”. Các cư dân ăn cơm nếp chỉ ra lợi thế của lợi lương thực này như sau: Chất lượng dinh dưỡng cao, ngon miệng hơn, no lâu hơn. Thức ăn cho xôi nếp không cầu kỳ, thường là thức ăn khô, ít nước. Loại thức ăn này không gây cảm giác tức bụng, khó chịu sau khi ăn xong hay khi phải đi làm việc xa nhằm làm các công việc nặng nhọc” (Hà Văn Thắng, 2016, tr.26-27).

Ngoài gạo nếp, gạo tẻ, nguồn tinh bột còn có thể trong các loại lương thực: khoai lang, khoai sọ, ngô... Thức ăn đi kèm trong bữa ăn là các loại thịt, cá,... cung cấp chất đạm và các loại rau, củ quả,... Trong ăn uống của người Lào Cai nói chung trước đây rượu là đồ uống khá phổ biến, được sử dụng trong hầu như tất cả các dân tộc, rượu được cất, được ủ trong vò, chĩnh,...

Trang phục và đặc điểm thể hiện rất rõ đặc trưng của từng dân tộc. Mỗi dân tộc ở Lào Cai có những đặc trưng riêng về trang phục: người Kinh mặc theo “lối Tây”, sơ mi, quần âu, áo dài truyền thống. Còn lại các dân tộc đều có trang phục truyền thống thể hiện nét độc đáo của dân tộc mình: trang phục được thêu dệt công phu, người Hmông, người Dao trang phục được trang trí hoa văn sắc sảo; người Tày, người Nùng, người Giáy lại thiên về những trang phục màu chàm;... Đi kèm theo trang phục là các trang sức, chủ yếu bằng bạc. Hiện nay, đối với các dân tộc thiểu số cũng ít nhiều có chịu ảnh hưởng về trang phục của người Kinh, đặc biệt là ở tầng lớp trẻ, tuy nhiên đó là ở phần trang phục hàng ngày, còn các dịp lễ Tết, các trang phục truyền thống dân tộc vẫn là chủ đạo.

Ở Lào Cai, các dân tộc ở trong hai dạng nhà chủ yếu là nhà đất và nhà sàn: nhà đất phổ biến ở người Kinh, Hmông, Dao và một bộ phận người Nùng; nhà sàn phổ biến ở người Tày, Thái, Mường,... Trước đây, nhà được cất chủ yếu từ những vật liệu có sẵn trong tự nhiên: tre, nứa, gỗ, lá rừng,... hiện nay có thêm các vật liệu xây dựng nhân tạo.

Về đời sống tín ngưỡng, tâm linh: Vì đa dạng tộc người nên đời sống tín ngưỡng, tâm linh của người dân Lào Cai thể hiện rất đa dạng.

Nền tảng của đời sống tâm linh của người dân nơi đây, đặc biệt các dân tộc thiểu số là hệ thống tín ngưỡng bản địa của họ: tín ngưỡng thờ Thần, thờ Mẫu, tín ngưỡng vòng đời, tín ngưỡng nông nghiệp,...

Mỗi tộc người đều quan niệm về tổ tiên của mình riêng: người Kinh coi mình là “con cháu Rồng – Tiên”, người Dao coi tổ tiên của mình là loài Long Khuyển ngũ sắc, có dân tộc lại coi một số loài chim là tổ tiên,...

Các nghi lễ tín ngưỡng, tâm linh gắn chặt với đời sống các tộc người ở từng sự kiện, giai đoạn của đời người, phổ biến là các nghi lễ vòng đời (sinh con, cưới hỏi, ma chay, thờ tổ tiên,...; các nghi lễ nông nghiệp (lễ cúng ruộng, lễ cúng lúa mới,...);...

Ví như, người Mường coi cưới hỏi là một dịp quan trọng của đời người, thể hiện trong câu dân ca:

*Như cây cau mừng sai buồng, sai trái
Mừng như trống cái mừng dùi son son
Mừng có ông mối bà lái
Đã đi đón dâu này lại
Đã đi đón gái này về*

Cho nên, lễ cưới hỏi được tổ chức rất trọng thể gồm nhiều nghi lễ nhỏ như: dạm ngõ, ăn hỏi nhỏ, ăn hỏi to, lễ cưới,...

Lào Cai là một tỉnh đa dạng về thành phần dân tộc, và có bề dày lịch sử văn hóa đã tạo nên cho vùng đất này sự đa dạng về văn hóa, bởi mỗi dân tộc có những nét đặc sắc riêng về văn hóa thể hiện trong nhiều khía cạnh: tổ chức cộng đồng, tổ chức gia đình, phương thức sinh hoạt, đời sống tín ngưỡng, tâm linh,...

Nhìn chung, văn hóa các dân tộc sinh sống ở Lào Cai nằm trong dòng chảy của văn hóa dân tộc Việt Nam với nền tảng là văn minh nông nghiệp lúa nước, của văn hóa Đông Sơn rực rỡ và có sự kết hợp với nét độc đáo riêng của văn hóa các tộc người.

Lào Cai không chỉ nổi tiếng là vùng đất có nhiều cảnh quan thiên nhiên nguyên sơ hùng vĩ, cùng với vốn văn hóa giàu bản sắc của các dân tộc mà còn là nơi có nhiều điểm du lịch tâm linh nổi tiếng, có thể kể đến như: Đền Cô, đền Thượng, đền Bắc Hà, đền ông Hoàng Bảy,... Những tín ngưỡng này là những tín ngưỡng khá điển hình của người Việt Nam nói chung.

Đền Cô là nơi thờ Công chúa Thượng Ngàn, nằm xã Tân An, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Đây là nơi thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu đặc trưng, điển hình của đồng bào các dân tộc Lào Cai nói riêng, ở Việt Nam nói chung.

Có nhiều truyền thuyết khác nhau về Công chúa Thượng Ngàn, nhưng điểm chung là đều khẳng định “Thượng Ngàn Công Chúa tôn thần có công bảo hộ đất nước, che chở cho dân, khi cầu linh ứng, ngay thẳng” (Phạm Văn Chiến, 2018, tr.12).

Đền Bảo Hà nơi thờ Thần Vệ Quốc Hoàng Bảy (vì thế còn gọi là đền Ông Hoàng Bảy). Truyền thuyết về ngôi đền kể rằng: Xưa kia vào thời Lê, khắp vùng Quy Hóa, trong đó có Châu Thủy Vĩ và Châu Văn Bàn thường xuyên bị giặc Trung Quốc sang cướp phá. Ông Hoàng Bảy là con của Đức Vua Cha Ngọc Hoàng, theo lệnh vua cha giáng xuống là con của gia tộc họ Nguyễn. Ông đã trở thành một danh tướng, giúp dân đánh giặc, trấn giữ

vùng biên ải. Trong một trận chiến khốc liệt, ông đã hy sinh, xác ông trôi về đến khu Bảo Hà thì dừng lại. Cùng lúc đó, hiện tượng kỳ lạ xảy ra: trời bỗng nổi gió, mây đen vần vũ, kết thành hình con ngựa, thi thể ông phát ánh hào quang lộng lẫy. Hồn ông, thoát khỏi xác, nhảy lên lưng ngựa vút đi, đến khu vực đền Bảo Hà thì dừng lại, trời trở nên quang đãng, mây ngũ sắc kết thành hình tứ linh châu hội. Vì thế, nhân dân trong vùng đã lập đền thờ ông, gọi là đền Bảo Hà.

Nơi đây có những tôn giáo lớn du nhập như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành,... Tuy nhiên so với lịch sử vùng đất này, thì các tôn giáo này thường du nhập tương đối muộn. Ở đây, tác giả phân tích kỹ hơn sự du nhập của Công giáo, Tin Lành vào Lào Cai (Phật giáo sẽ trình bày ở phần sau):

Công giáo du nhập vào vùng đất Lào Cai vào khoảng cuối thế kỷ XIX, ban đầu là một số giáo sĩ người Pháp đã đến truyền đạo ở huyện Sa Pa, một số gia đình đồng bào Mông sinh sống ở các xã Hầu Thào, Lao Chải, Tả Phìn, Tả Giàng Phình (huyện Sa Pa) tiếp nhận Công giáo. Đầu thế kỷ XX, tại huyện Sa Pa đã thành lập được các giáo họ, sau đó Tòa Giám mục Giáo phận Hưng Hóa đã thành lập Giáo xứ Sa Pa và cử các linh mục người Pháp đến thực hiện quản xứ: “Tháng 3 năm 1886, Pháp chiếm được Lào Cai và thực hiện chế độ quân quản. Đến cuối năm 1907, chính quyền thuộc địa mới chuyển sang chế độ cai trị dân sự, thành lập tỉnh Lào Cai. Đầu thế kỷ XX, Pháp cho xây dựng một khu nghỉ dưỡng dành cho sỹ quan quân đội và công chức của chính quyền thuộc địa. Để tiện sinh hoạt tôn giáo cho những người làm việc ở đây, năm 1902, dưới thời giám mục Paul Ramond Lộc (Phao Lô Lộc), giáo xứ Sa Pa được thành lập. Năm 1905, nhà thờ và nhà xứ được xây dựng tại thị trấn Sa Pa vừa làm nhà ở cho linh mục vừa làm nơi giảng đạo và hội họp của Công giáo buổi ban đầu” (Lê Đình Lợi, 2019, tr. 92). Theo báo cáo của Ban Tôn giáo tỉnh, năm 2022, Lào Cai có 17 linh mục, 136 chức việc và hơn 9.000 tín

đồ đạo công giáo. Trên địa bàn tỉnh có 4 giáo xứ, 20 giáo họ và 12 nhà thờ, nhà nguyện.

Tin Lành đến với vùng đất Lào Cai chủ yếu cũng đến với cộng đồng người Mông. Quá trình xâm nhập và phát triển của đạo Tin lành vào địa bàn tỉnh Lào Cai có thể chia thành các giai đoạn sau: (1). Giai đoạn thứ nhất: Từ năm 1989 đến 1993 là thời kỳ mở đầu của việc tiếp cận đạo qua sự kiện “Vàng Chứ” sẽ xuất hiện, mọi người chuẩn bị đón và theo “Vàng Chứ”. Giai đoạn này tuyên truyền “Vàng Chứ” gắn với Giê-su là một, dẫn đến sự mập mờ giữa đạo Công giáo và Tin lành. (2). Giai đoạn thứ hai: từ năm 1993 đến 2005 là giai đoạn đạo Tin lành phát triển nhanh trong đồng bào Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc và ở Lào Cai. Giai đoạn này, lực lượng hỗ trợ cho việc truyền bá đạo Tin lành vào vùng đồng bào Hmông ở Lào Cai chủ yếu vẫn là Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) là chính. (3). Giai đoạn ba: Từ năm 2006 đến nay, được đánh dấu từ Chỉ thị 01/CT-TTg, năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ Về một số công tác đối với đạo Tin lành. Đến nay, sau hơn 20 năm tồn tại và phát triển, Tin Lành đã có hàng vạn tín đồ, chủ yếu là người Mông, ở hầu khắp các huyện, thành phố ở tỉnh Lào Cai. Đạo Tin Lành đã thực sự có chỗ đứng trong đời sống tinh thần một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới ở Lào Cai (Xem Lê Đình Lợi, 2012; Nguyễn Quỳnh Trâm, 2016).

Lào Cai hiện nay: Toàn tỉnh hiện có 03 tôn giáo đã được nhà nước công nhận (Phật giáo, Công giáo, Tin Lành) và một số hội nhóm, tổ chức khác có liên quan với trên 49.000 tín đồ, chiếm khoảng 8.1% dân số, cùng với các hình thức tín ngưỡng khác nhau hiện có 41 cơ sở thờ tự tín ngưỡng thờ mẫu, thờ người có công với đất nước, cộng đồng, trong đó 31 cơ sở thờ tự tín ngưỡng đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh và cấp quốc gia.

2.2.2. Khái quát về Phật giáo tỉnh Lào Cai

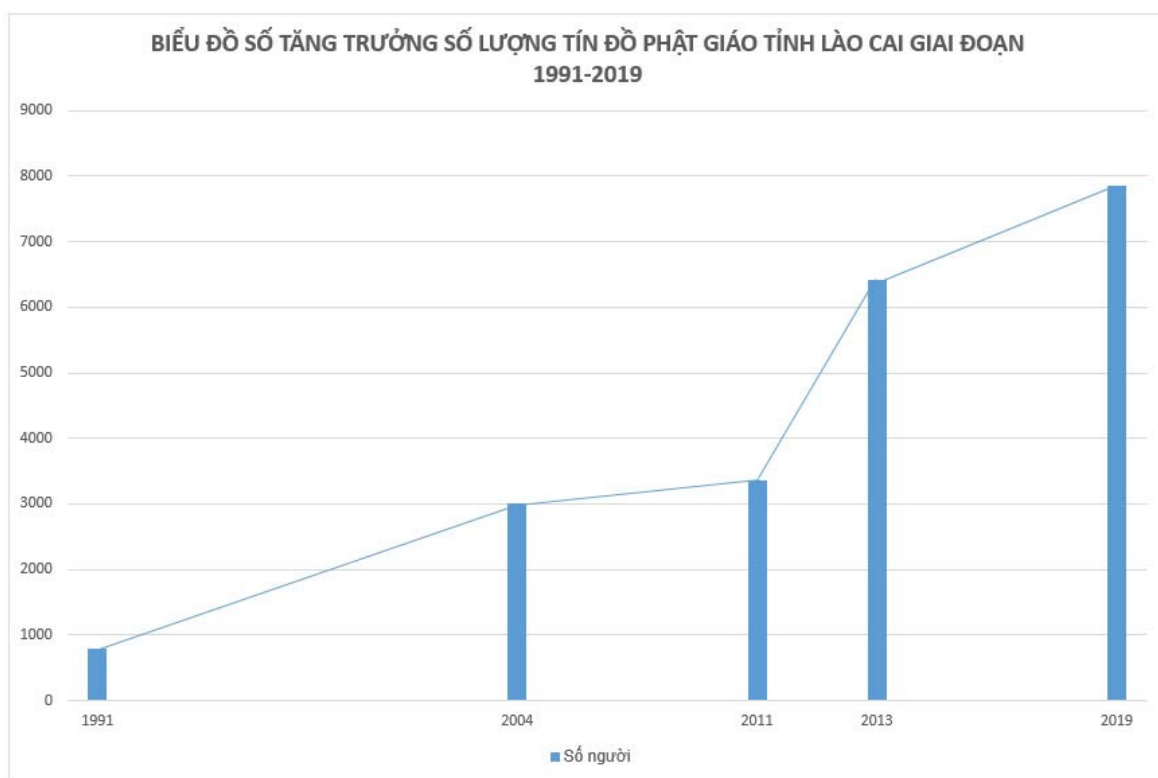
Có nhiều quan điểm khác nhau về thời điểm cụ thể về việc Phật giáo xuất hiện ở Lào Cai, tuy nhiên hầu hết các công trình nghiên cứu đều cho rằng: Phật giáo xuất hiện ở Lào Cai vào khoảng đầu thế kỷ XIX. Như trong *Báo cáo Thực trạng về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai* có khẳng định: “Phật giáo xuất hiện ở Lào Cai vào khoảng đầu thế kỷ XIX” (Tỉnh ủy Lào Cai, 2014, tr.9). Hay trong cuốn sách *Văn hóa dân gian các dân tộc Lào Cai*, cũng khẳng định: “Đạo Phật được du nhập vào vùng đất Lào Cai từ rất sớm, từ đầu thế kỷ XIX” (Hà Văn Thắng, 2016, tr.57). Ở một khía cạnh khác, nếu như căn cứ vào lịch sử ngôi chùa cổ nhất của tỉnh Lào Cai để xem xét về vấn đề Phật giáo xuất hiện ở tỉnh Lào Cai thì đó là ngôi chùa Tân Bảo (có tài liệu gọi là Tâm Bảo). Trên một số trang mạng điện tử như dulich24.com.vn; <http://laocai.tnu.edu.vn/> khi giới thiệu về chùa Tân Bảo, đều giới thiệu “theo dân gian thì ngôi chùa này có từ thời Trần, nổi tiếng linh thiêng, lại nằm ở vị trí gần với cửa khẩu Việt - Trung nên thường xuyên có khách thập phương đến lễ bái” (Xem <http://laocai.tnu.edu.vn>). Tuy nhiên trong cuốn *Văn hóa dân gian các dân tộc Lào Cai*, các tác giả lại cho rằng “Đạo Phật được du nhập vào vùng đất Lào Cai từ rất sớm, từ đầu thế kỷ XIX. Các nhà sư dừng chân ở phố Lão Nhai rồi thành lập nên chùa Tâm Bảo – ngôi chùa được hình thành sớm nhất ở Lào Cai (Hà Văn Thắng, 2016, tr.57). Như vậy, có thể có nhiều cách dẫn chứng về thời gian Phật giáo xuất hiện ở Lào Cai nhưng trong nghiên cứu này, tác giả tán đồng quan điểm của phần đông các nhà nghiên cứu và các tài liệu là Phật giáo xuất hiện ở Lào Cai từ khoảng đầu thế kỷ XIX. Lịch sử Phật giáo Lào Cai so với lịch sử hàng nghìn năm của Phật giáo Việt Nam hay so với các tỉnh miền xuôi, trung tâm đồng bằng như Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, Nam Định,... thì không phải là sớm. Tuy nhiên với đặc thù của một tỉnh miền núi, với những đặc trưng rất khác biệt

nếu đã phân tích ở trên thì có thể đánh giá Phật giáo đến với tỉnh Lào Cai là tương đối sớm so với các vùng khác tương đồng. Và trong số các tôn giáo lớn du nhập vào Lào Cai, Phật giáo du nhập sớm hơn Công giáo khoảng cuối thế kỷ XIX, Tin Lành vào năm 1989 như đã trình bày ở phần trên.

Phương thức du nhập của Phật giáo vào Lào Cai chủ yếu theo chân của con đường di cư, đặc biệt trong giai đoạn 1960 – 1985, thực hiện kế hoạch của Nhà nước về điều động dân cư đến xây dựng kinh tế ở miền núi. Nhiều người dân tộc Kinh ở khu vực Trung du và đồng bằng Bắc Bộ đã đến sinh sống tại Lào Cai, trong đó có một số Phật tử, khi di cư lên Lào Cai họ mang theo cả những nét sinh hoạt vốn có của mình ở miền xuôi. Minh chứng cho điều này, có thể thấy: “Những tăng ni, tín đồ của đạo Phật ở trên địa bàn Lào Cai chủ yếu là người Kinh” (Hà Văn Thắng, 2016, tr.57). Và “những khu vực nào có nhiều người Kinh sinh sống thì ở khu vực đó đạo Phật phát triển như thành phố Lào Cai, các xã thuộc huyện Bảo Thắng, Sa Pa” (Hà Văn Thắng, 2016, tr.57).

Quá trình: Thời gian đầu, số lượng tín đồ Phật giáo ở Lào Cai phát triển rất chậm, Phật giáo chủ yếu ảnh hưởng tới những người dân tộc Kinh sinh sống ở khu vực bên ven bờ sông Hồng. Ở thời kỳ này, phần lớn các Phật tử của Phật giáo Lào Cai đều không hiểu sâu sắc về giáo lý, giáo luật, lễ nghi, các sinh hoạt tôn giáo diễn ra chủ yếu theo hình thức tự truyền cho nhau.

Từ năm 1990 đến nay, số lượng tín đồ Phật giáo ở tỉnh Lào Cai phát triển khá nhanh. Có thể thấy điều đó qua số liệu thống kê sau: Năm 1991, trên toàn tỉnh chỉ có khoảng 800 người theo Phật giáo, năm 2004, toàn tỉnh có khoảng hơn 3.000 tín đồ, năm 2011 là 3.366 tín đồ, năm 2013 là 6.418 tín đồ, 2019 là 7.864 tín đồ. Có thể thấy sự tăng trưởng tín đồ Phật giáo ở tỉnh Lào Cai qua biểu đồ sau:



Đây là số lượng những người được Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp giấy chứng nhận Phật tử. Còn số lượng người tham gia sinh hoạt tôn giáo tại các chùa thì lớn hơn rất nhiều. Ví dụ như năm 2013, số lượng người tham gia sinh hoạt tôn giáo tại các chùa là khoảng hơn 10.000 người nhưng số lượng người được cấp giấy chứng nhận chỉ là 6.410 người.

Nghiên cứu về sự hình thành Phật giáo tỉnh Lào Cai, không thể bỏ qua việc khảo cứu các cơ sở thờ tự chính là các ngôi chùa, bởi đây là minh chứng cụ thể chứng minh cho các bước đường hình thành của Phật giáo tỉnh Lào Cai. Toàn tỉnh Lào Cai hiện có 07 ngôi chùa. Chùa Tân Bảo là ngôi chùa cổ nhất, được xây dựng đầu tiên, sau đó đến các chùa Cam Lộ, Thiên Trúc, Liên Hoa và thiền viện Trúc Lâm Đại Giác...

+ *Chùa Tân Bảo:*

Chùa Tân Bảo ở Lào Cai còn có tên gọi khác là chùa Lê Lợi, tọa lạc bên bờ sông Nậm Thi, giáp ranh với biên giới hai nước Việt – Trung (cửa

khẩu Hà Khẩu, Vân Nam, Trung Quốc), thuộc tổ 7, phường Lào Cai, thị xã Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Theo dân gian thì ngôi chùa này có từ thời Trần, nổi tiếng linh thiêng, lại nằm ở vị trí gần với cửa khẩu Việt – Trung nên thường xuyên có khách thập phương đến lễ bái. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên trong cuốn Văn hóa dân gian các dân tộc Lào Cai, các tác giả lại cho rằng: Đạo Phật được du nhập vào vùng đất Lào Cai từ rất sớm, từ đầu thế kỷ XIX. Các nhà sư dừng chân ở phố Lão Nhai rồi thành lập nên chùa Tâm Bảo – ngôi chùa được hình thành sớm nhất ở Lào Cai.

Theo nhiều thông tin ghi nhận được thì chùa được trùng tu nhiều lần, đến năm 1979 thì chùa bị hư hỏng hoàn toàn. Năm 1991, khi tỉnh Lào Cai được tái lập, nhiều di tích lịch sử - văn hóa có cơ hội được tôn tạo lại trong đó có chùa Tâm Bảo.

Sau nhiều năm tôn tạo (chính điện năm 1992, tam quan 2002), thì ngôi chùa có hiện trạng như ngày nay. Chùa có khá nhiều tượng thờ như: Tượng Tam Thế Phật, tượng đức Phật Thích Ca, tượng Bồ Tát Quan Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn, tượng Phật Đản Sanh, tượng Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu,...

Ngôi chùa đã đáp ứng được nhu cầu đời sống tôn giáo, tâm linh của người dân trong vùng, là điểm tựa tâm linh để người dân yên tâm sinh sống, làm ăn và có ý nghĩa như một bằng chứng khẳng định chủ quyền của dân tộc tại vùng biên xa xôi của Tổ quốc.

+ *Chùa Cam Lộ*

Chùa Cam Lộ nằm ở phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chùa Cam Lộ nằm liền kề đền Đôi Cô. Quần thể di tích chùa Cam Lộ và đền Đôi Cô đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh.

Người dân trong vùng không nhớ được chính xác niên đại xây dựng chùa Cam Lộ. Chỉ biết rằng ngôi chùa đã tồn tại gần hai trăm năm, những nét

rêu phong cổ kính của ngôi chùa đã minh chứng cho điều đó. Theo các cụ cao niên trong làng kể lại thì truyền thuyết chùa Cam Lộ gắn với hai nhân vật là ông Lý Lợi và Phó Ngà, là hai người tính tình có nhiều khác biệt nên mâu thuẫn nhau rất sâu sắc. Sự trả thù ân oán giữa hai người dẫn đến cảnh: Phó Ngà, bị tù đầy li tán; Lý Lợi đau ốm liên miên. Để chữa bệnh, Lý Lợi đã phải bán hết nhà cửa, tài sản và về mặt tâm linh thì cho người về xuôi đặt tượng Phật bằng đá đưa lên để thờ. Tượng Phật được vận chuyển bằng đường sông, khi đưa tượng lên thuyền thì con thuyền chòng chành bị lật, cho người mò tìm tượng thì không thấy. Tin đó là điềm báo, ông quyết tâm đặt lại tượng lần hai, rút kinh nghiệm trước khi lên thuyền ông đã cho làm lễ cúng Phật, nhờ đó, chuyến đi thuận buồm xuôi gió. Về đến ngôi chùa Cam Lộ cũ đã dột nát, ông cho tu sửa, đưa tượng Phật vào thờ. Khi ông chết, gia đình ông đưa bát hương của ông vào chùa thờ tự.

Ngoài sân chùa Cam Lộ là tượng Phật Tổ Như Lai ngồi uy nghiêm và tượng Phật Bà Quan Âm. Bên trong chính điện là các ban thờ Phật.

Chùa Cam Lộ đã trở thành nơi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo tôn nghiêm của người dân địa phương và thu hút cả nhiều du khách đến chiêm bái.

+ *Chùa Liên Hoa*

Chùa Liên Hoa nằm ở xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Theo nhiều tài liệu và lời kể của người dân trong vùng cho rằng: giai đoạn 1960 – 1985, thực hiện kế hoạch của Nhà nước về điều động dân cư đến xây dựng kinh tế ở miền núi. Nhiều người dân tộc Kinh ở khu vực Trung du và đồng bằng Bắc Bộ đã đến sinh sống tại Lào Cai, trong đó có một số Phật tử. Đến với vùng đất mới, cư dân di cư mang theo cả những nét sinh hoạt vốn có của mình ở miền xuôi, trong đó có một nét sinh hoạt rất phổ biến là lễ chùa. Đây là nét sinh hoạt văn hóa tâm linh phổ biến và quen thuộc của người dân Việt ở các làng quê Việt. Hầu như làng nào ở dưới xuôi cũng có chùa,

hình ảnh “Mái chùa che chở hồn dân tộc” đã trở thành hình ảnh đi sâu vào tiềm thức của người Việt nói chung. Vì thế, đến với vùng đất mới, nỗi niềm khắc khoải về một ngôi chùa, một chốn thờ tự linh thiêng để đáp ứng nhu cầu điểm tựa tâm linh luôn thường trực trong tâm trí những người dân xa quê. Ban đầu họ tập trung đến đền tại gia của một gia đình trong vùng. Về sau họ xây dựng một ngôi chùa lá trên đất của một gia đình. Sau đó, khoảng năm 1982, các gia đình này hiến đất, ngôi chùa Liên Hoa được hình thành đơn sơ với mái tranh, nền đất. Trải qua thời gian, ngôi chùa được tôn tạo dần và như ngày nay.

Chùa Liên Hoa được công nhận là cơ sở tôn giáo vào năm 2010.

Chùa Liên Hoa đã trở thành một địa điểm sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của người dân trong vùng, đáp ứng nhu cầu của Tăng Ni, Phật tử trong vùng.

+ *Chùa Thiên Trúc*

Chùa Thiên Trúc ở thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai, chùa được xây dựng 1991, trên thửa đất của một tư gia công đức. Chùa trở thành địa điểm sinh hoạt tôn giáo của Phật tử trong vùng mặc dù chưa được thừa nhận là cơ sở tôn giáo. Thể theo nguyện vọng của các Phật tử và nhân dân trong vùng, năm 2008, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các cấp chính quyền đã công nhận Chùa Thiên Trúc là cơ sở tôn giáo. Từ đó đến nay, chùa lại tiếp tục sứ mệnh coi sóc đời sống tâm linh, là nơi sinh hoạt của tín đồ Phật tử trong vùng.

Năm 2018, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã quyết định bổ nhiệm ĐĐ. Thích Chân Định về trụ trì chùa để tiếp tục coi sóc, xây dựng và chăm lo đời sống tín ngưỡng, tâm linh cho nhân dân trong vùng.

+ *Thiền viện Trúc Lâm Đại Giác*

Thiền viện Trúc Lâm Đại Giác được khởi công xây dựng vào ngày 23/4/2017, tại Thị trấn Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Đây là công trình Phật giáo lớn

của tỉnh Lào Cai, được xây dựng trên quy mô gần 10.000 m², gồm nhiều hạng mục công trình: chính điện, thiền đường, tăng đường, gác chuông, nhà Tổ,....

Đây là thiền viện thuộc hệ phái Trúc Lâm Yên Tử - hệ phái thiền tông của Việt Nam được sáng lập từ thời Trần, bởi vị vua nhà Trần – Phật hoàng Trần Nhân Tông. Thiền viện được xây dựng là nơi tu hành nhằm duy trì, phát huy tinh thần Thiền phái Trúc Lâm, gìn giữ bản sắc văn hóa, dân tộc.

Tóm lại, mặc dù với số lượng cơ sở thờ tự Phật giáo còn khá hạn chế, nhưng với một tỉnh mà lịch sử Phật giáo chưa dày lại gặp rất nhiều khó khăn về mọi mặt: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa,... thì đây là những kết quả bước đầu đáng ghi nhận.

Lịch sử mỗi ngôi chùa, mỗi cơ sở thờ tự đều gắn chặt với lịch sử Phật giáo tỉnh Lào Cai, với những bước đi chậm rãi nhưng vững chắc, để vượt qua mọi khó khăn để luôn luôn thực hiện sứ mệnh đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân, trở thành điểm tựa tinh thần trong cuộc sống của người dân.

Về cơ cấu tổ chức Giáo hội: Trong bản Hiến chương đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 và các lần tu chỉnh về sau đều có nội dung về Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh, thành. Như trong Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, điều 29:

“Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo địa giới hành chính, được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì được thành lập tổ chức Giáo hội cấp tỉnh, thành phố với danh xưng: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố (gọi chung là cấp tỉnh)” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2009).

Trong đó: “Ban Trị sự là cơ quan hành chính, điều hành, quản lý trực tiếp mọi mặt hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong địa bàn tỉnh” [điều 30].

Trong báo cáo tổng kết công tác Phật sự thời gian qua và Phương hướng nhiệm vụ công tác Phật sự nhiệm kỳ 2012-2017, Đại đức Thích Thanh Dương – Đại diện Tăng Ni Phật giáo tỉnh Lào Cai đã nêu rõ tình hình Phật giáo tỉnh Lào Cai trước năm 2012:

“Lào Cai là một tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Bắc, nơi địa đầu của Tổ quốc, thuộc vùng sâu, vùng xa có biên giới tiếp giáp với Trung Quốc ở phía bắc, Yên Bái ở phía nam, Lai Châu ở phía tây và Hà Giang ở phía đông, có điều kiện địa lý không thuận lợi, dân cư thưa thớt (96 người/km²) Với diện tích tự nhiên 8.187 km² trong đó 80% diện tích là núi đồi, dân số trên 720.000 người gồm nhiều dân tộc anh em như: Kinh, Tày, Nùng, Giáy và các nhóm thiểu số cùng sinh sống. Lào Cai có đặc thù về đa dạng văn hoá do điều kiện thổ nhưỡng mang lại, có núi, có sông và có các cánh đồng lúa, có rừng đủ lớn để có thể tạo ra vùng nguyên liệu và thực phẩm phù hợp với đời sống của người dân bản địa. Hiện nay toàn tỉnh có 4 vị sư, có 04 ngôi chùa là dưới sự quản lý của Giáo hội. Trong đó có chùa Tân Bảo và Cam Lộ có sư trụ trì và hướng dẫn Phật tử tu tập còn lại các chùa khác thì do ngành Văn hóa thể thao và du lịch hoặc chính quyền địa phương quản lý, hay các gia đình, dòng họ quản lý. Ngoài ra còn đang nhờ vào sự quản lý của Ban hộ tự lâm thời, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, đường đi lối lại còn khó khăn và hầu hết các huyện trong tỉnh chưa có cơ sở thờ tự Phật giáo để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng truyền thống của nhân dân trong tỉnh” (Xem Phatgiaio.vn/bai-viet/lao-cai-chinh-thuc-dai-hoi-dai-bieu-phat-giao-tinh-lao-cai-lan-thu-nhat-nhiem-ky-20122017.html).

Để hình thành được tổ chức Giáo hội Phật giáo tỉnh Lào Cai, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã rất quan tâm và đặc biệt là vai trò rất lớn của Hòa thượng Thích Thanh Điện. Lào Cai với đặc trưng là một tỉnh

miền núi với nhiều điều kiện khó khăn về mọi mặt, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, đường đi lối lại còn khó khăn và hầu hết các huyện trong tỉnh chưa có cơ sở thờ tự Phật giáo để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng truyền thống của nhân dân trong tỉnh. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng bà con tăng ni, Phật tử trong tỉnh luôn chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực thi đua lao động sản xuất để vươn lên xóa đói, giảm nghèo, xây dựng Lào Cai ngày càng văn minh, giàu đẹp. Nhận thấy cần phải quan tâm hơn nữa đến đời sống sinh hoạt tôn giáo cho bà con Phật tử nơi đây, Thượng tọa Thích Thanh Điện với vai trò Phó Tổng Thư ký HĐTS Chánh VP I T.Ư GHPGVN, Phó ban TT Ban HDPT T.Ư GHPGVN đã không quản khó khăn, xa xôi, lặn lội đến với bà con Phật tử tỉnh Lào Cai. Thượng tọa đã đảm nhận thêm vai trò trụ trì chùa Tân Bảo, xây dựng, trùng tu lại ngôi chùa, hướng dẫn bà con Phật tử sinh hoạt tu tập. Vượt qua bao khó khăn, thử thách, đã đưa Phật giáo đến gần với bà con hơn, đóng góp nhiều hơn cho đời sống người dân nơi đây. Với tâm huyết đưa Phật giáo đến gần hơn với bà con miền núi tỉnh Lào Cai, Thượng tọa đã từng bước xây dựng, phát triển Phật giáo tỉnh Lào Cai và chuẩn bị mọi mặt cho sự hình thành Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai.

Chính vì thế có thể nói, sự kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh Lào Cai lần thứ nhất – nhiệm kỳ 2012 – 2017 có một ý nghĩa quan trọng không chỉ với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, mà với cả Phật giáo Lào Cai và xã hội.

Đối với Phật giáo Việt Nam, “cánh tay” đã nối dài thêm một chặng, vươn xa thêm một chặng, hệ thống tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã vươn đến được thêm một vùng xa xôi, hẻo lánh, nơi biên cương của Tổ quốc, tiếp tục sự nghiệp hành trình vươn đến mọi miền của Tổ quốc Việt Nam. Có thêm một tổ chức của Giáo hội ở cấp tỉnh để hoàn thiện về mặt tổ chức của Giáo hội là yêu cầu cấp thiết. Quan trọng hơn là Giáo hội Phật giáo

Việt Nam đến được gần hơn với các tín đồ Phật giáo ở một vùng sâu, vùng xa, có điều kiện để chăm sóc, hướng dẫn họ tu tập theo con đường chính pháp, đưa Phật giáo đến gần hơn với nhân dân trong vùng. Trước đó, chỉ có các ngày lễ lớn, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có cử các Tăng Ni lên Lào Cai hướng dẫn nhân dân sinh hoạt tôn giáo vì vậy hoạt động này chưa được thường xuyên và chủ động.

Đối với Phật giáo tỉnh Lào Cai, việc kiện toàn và hình thành Ban Trị sự Tỉnh là một sự kiện quan trọng: các hoạt động tôn giáo của tín đồ Phật tử trong toàn tỉnh sẽ được hướng dẫn bài bản hơn, cụ thể hơn, sát sao hơn. Các cơ sở thờ tự sẽ có cơ hội tốt hơn để có các Tăng, Ni về trụ trì hướng dẫn nhân dân sinh hoạt Phật pháp, coi sóc đời sống tâm linh. Đồng thời cũng là cơ hội tốt để Phật giáo tỉnh Lào Cai có cơ hội phát triển hơn.

Đối với xã hội: Phật giáo là một tôn giáo luôn đồng hành cùng dân tộc. Các hoạt động của Phật giáo luôn hướng đến mục đích tối cao là “phụng sự chúng sinh, cúng dường Chư Phật”. Ở đâu, lúc nào Phật giáo cũng góp sức mình cùng nhân dân xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước khi Giáo hội Phật giáo tỉnh Lào Cai được thành lập, các hoạt động Phật sự của Phật giáo tỉnh Lào Cai vẫn thường diễn ra nhưng manh mún, tự phát vì thế hiệu quả đóng góp cho xã hội chưa cao. Khi thành lập Giáo hội Phật giáo tỉnh Lào Cai, với sự điều hành trực tiếp, chặt chẽ của các Tăng, Ni các cấp trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các hoạt động đó được lên kế hoạch, chủ động nên đạt hiệu quả cao. Và ở khía cạnh khác:

“Các cơ sở của Phật giáo được xây dựng tại các khu vực biên giới vừa là để phục vụ sinh hoạt tôn giáo các Phật tử, vừa là nơi phát triển du lịch tâm linh cộng đồng, nhưng cũng đồng thời là cột mốc tâm linh thực hiện bảo vệ đường biên, mốc giới Quốc gia trải qua các thời kỳ

lịch sử” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương, 2019, tr.392).

So với lịch sử Phật giáo Việt Nam hay lịch sử Phật giáo các tỉnh miền xuôi như Bắc Ninh, Hà Nam, thành phố Hà Nội,... thì Lào Cai có thể coi là vùng đất mới đối với Phật giáo. Bằng chứng là Phật giáo Lào Cai bắt đầu lịch sử chỉ từ đầu thế kỷ XIX. Chính vì thế sẽ đặt ra hai vấn đề về mặt tổ chức đối với Phật giáo Lào Cai: một là còn nhiều khó khăn, thử thách phía trước và làm sao để khai thác nhiều tiềm năng để phát triển.

Về mặt tổ chức, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai còn gặp rất nhiều khó khăn, cần sự nỗ lực vượt bậc của tập thể Tăng Ni tỉnh nhà và sự quan tâm sát sao hơn nữa của của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các cấp chính quyền địa phương. Các vấn đề cụ thể có thể kể đến như:

Về hoàn thiện hệ thống tổ chức của Giáo hội: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống tổ chức cấp huyện, hệ thống cơ sở thờ tự còn hạn chế.

Về nhân sự: tính đến tháng 3-2022, Lào Cai có 7 cơ sở tự viện, 35 vị Tăng Ni đang sinh hoạt chính thức và 8 vị đang hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục pháp lý, chính vì thế nguồn nhân lực cho cơ cấu tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai còn đặt ra rất nhiều vấn đề.

Thứ nhất, một người phải đảm đương rất nhiều công việc. Ví như trong quyết định Chuẩn y nhân sự Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ II (2017 – 2022) đã thể hiện rất rõ điều đó. Trong Ban Thường trực Ban Trị sự, mỗi người đều phải đảm nhiệm kiêm ít nhất từ hai chức danh, công việc trở lên: Trưởng Ban Trị sự thì kiêm Ban Tăng sự; 01 Phó Trưởng ban Trị sự kiêm Trưởng ban Hoằng pháp, trưởng ban Phật giáo Quốc tế; Phó Trưởng ban Trị sự kiêm Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni, Trưởng ban Từ thiện Xã hội; Phó Trưởng ban Trị sự kiêm Chánh Thư ký Ban Trị sự, Trưởng ban

Hướng dẫn Phật tử.... Hay trong sự phân công nhiệm vụ phụ trách hoạt động Phật sự tại các địa bàn trong toàn tỉnh, một người cũng phải phụ trách một vùng địa bàn lớn với điều kiện đi lại, sinh hoạt rất khó khăn.

Thứ hai, về chất lượng của nguồn nhân sự thực hiện các nhiệm vụ, vai trò trong tổ chức chưa cao. Đặc trưng của một tỉnh miền núi, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, các cơ sở thờ tự cũng còn nhiều hạn chế (chủ yếu mới được sửa chữa, tu bổ quy mô vừa và nhỏ trong thời gian mấy chục năm gần đây), nên các Tăng Ni trên địa bàn tỉnh cũng chưa có điều kiện để được đào tạo bài bản cả về Phật học và thế học. Việc đi lại khó khăn lại thêm phải đảm đương quá nhiều công tác Phật sự do số lượng người ít, vì thế các Tăng Ni chưa có điều kiện được tham gia các khóa đào tạo, các chương trình đào tạo phục vụ cho chính các hoạt động Phật sự của mình. Và thực tế đã cho thấy, vì quá trình tu học không đến nơi đến chốn nên mặc dù số lượng Tăng Ni rất ít nhưng trong thời gian qua đã để xảy ra một số hiện tượng phức tạp trên địa bàn có liên quan đến hoạt động tôn giáo và vai trò của người tu sĩ Phật giáo trong hoạt động đó, điển hình là vụ việc tại chùa Liên Hoa.

Thứ ba: Cơ sở vật chất của Giáo hội: Cả tỉnh hiện nay chỉ có 07 cơ sở tôn giáo được công nhận. Ngoài Thiền Viện Trúc Lâm Đại Giác mới được xây dựng với quy mô tương đối lớn và được đầu tư khá lớn thì các cơ sở, ngôi chùa còn lại là những ngôi chùa ở quy mô vừa, nhỏ, điều kiện cơ sở vật chất hết sức khó khăn: Không gian cho sinh hoạt tôn giáo có nhiều hạn chế; điều kiện duy trì các sinh hoạt, hoạt động thì thiếu thốn,... gây ra rất nhiều khó khăn.

Vì thời gian đi vào hoạt động chưa lâu lại cộng thêm những khó khăn về nhân sự, về điều kiện cơ sở vật chất nên các hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai còn gặp nhiều khó khăn, chưa đạt hiệu quả cao như mong muốn. Điều đó thể hiện ở nhiều khía cạnh cụ

thể như: Sự phối hợp giữa các ban ngành, các cấp trong tổ chức còn chưa thật trơn tru, hiệu quả chưa đạt được như mong đợi. Đặc biệt với các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, các công văn, giấy tờ đưa đến còn gặp nhiều khó khăn nên việc thực hiện nội dung các văn bản còn chậm trễ.

Vì phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ do nguồn nhân sự còn mỏng nên trong thực hiện các công việc của các vị trí còn có sự chồng chéo....

Tiểu kết chương 2

Với bất kỳ một tôn giáo, truyền bá tôn giáo có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn tại và phát triển của tôn giáo đó. Phật giáo cũng vậy, hoằng pháp luôn được coi là một nhiệm vụ trọng tâm trong bất kỳ giai đoạn nào của lịch sử Phật giáo. Đức Phật ngay từ khi giác ngộ dưới gốc cây Bồ đề, đã quyết chí giáo hóa chúng sinh. Bản thân đức Phật là tấm gương sáng ngời về tinh thần hoằng pháp kiên trì, bền bỉ, về phương thức hoằng pháp uyển chuyển, linh hoạt với từng đối tượng, từng hoàn cảnh,... Mục đích của hoằng pháp Phật giáo là đưa giáo lý Phật giáo đến với nhiều người hơn, giúp họ khơi dậy Phật tính trong bản thân mỗi người và đi đến thành tựu thoát khỏi khổ đau, đạt đến giải thoát. Hoằng pháp Phật giáo không có mục đích gì khác ngoài đem lại lợi lạc cho người và lợi lạc cho đời.

Phật giáo Việt Nam đến nay đã trải qua hơn hai ngàn năm lịch sử, thời kỳ nào hoằng pháp vẫn được các thế hệ đệ tử của đức Phật thực hành và coi là nhiệm vụ trọng tâm. Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, hoằng pháp chính thức trở thành hoạt động chuyên ngành trọng yếu, công tác hoằng pháp lúc này được thực hiện bởi Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Với những nỗ lực của các thế hệ tăng, ni Phật tử, sự quan tâm của Giáo hội, hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận.

Trong thời gian gần đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang đẩy mạnh công tác hoằng pháp đến với vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, hải đảo xa xôi, nơi sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số, trong đó có Lào Cai. Lào Cai là một tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Bắc, nơi địa đầu của Tổ quốc, thuộc vùng sâu, vùng xa, có nhiều dân tộc anh em như: Kinh, Hmông, Tày, Nùng, Giáy và các nhóm thiểu số cùng sinh sống.

Các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hóa của vùng đã tạo ra những tiềm năng to lớn cho sự phát triển của tỉnh, tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi đó thì cũng đặt ra rất nhiều khó khăn. Thời gian qua cùng với sự nỗ lực của các tầng lớp nhân dân, sự quan tâm của các Đảng, Nhà nước, kinh tế - xã hội của tỉnh đã có những bước phát triển nhanh nhưng vì xuất phát điểm thấp, nên nhìn chung Lào Cai vẫn còn là một tỉnh nghèo, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, tỉ lệ đói nghèo cao, trình độ dân trí thấp và mức độ phân hóa lớn giữa các địa phương trong tỉnh và giữa các tộc người. Với những đời sống tinh thần, vật chất cùng điều kiện môi trường tự nhiên, sau có thêm sự tác động của những yếu tố văn hóa xã hội đã ảnh hưởng phần nào đến nhận thức, tâm lý và sự tiếp nhận một tôn giáo bên ngoài (Phật giáo) chuyển dịch vào. Trên con đường chinh phục những vùng đất mới của mình, Phật giáo đến với Việt Nam nói chung với tỉnh Lào Cai nói riêng bằng triết lý “Tùy duyên phương tiện” và sự phù hợp, đương đồng với văn hóa dân tộc nên đã dễ dàng cắm rễ vào Việt Nam Nam, đặc biệt là các tỉnh miền núi nơi có sắc màu nhiều dân tộc sinh sống và nhiều tín ngưỡng khác nhau. Bằng phương thức, thời gian du nhập và sự hình thành các cơ sở thờ tự của mình, Phật giáo đã từng bước hội nhập, bám rễ, phát triển và đóng góp ngày càng nhiều hơn cho sự phát triển của tỉnh Lào Cai.

Chương 3.

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HOÀNG PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẠO TRÀNG CỦA PHẬT GIÁO TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY

3.1. Những nhân tố tác động đến công tác hoàng pháp, hoạt động đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai

3.1.1. Nhân tố khách quan:

*+ Nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và truyền thống gần
bó, đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam*

Về mặt lý luận: Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác trong tình hình mới (16/10/1990) được coi là một bước “đột phá” trong quá trình đổi mới nhận thức của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề tôn giáo. Trong đó có những luận điểm thể hiện rõ ràng sự đổi mới đó: Thứ nhất khẳng định: “tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài”, thứ hai “tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân”, thứ ba: “đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”. Ở luận điểm thứ hai: “tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân” đã khẳng định rõ chức năng, vai trò quan trọng nhất của tôn giáo: đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người. Hiện nay, một trong những quan điểm đáng chú ý khi xem xét tôn giáo đó là xem xét vấn đề tôn giáo dưới góc độ xem xét nhu cầu về tín ngưỡng, tôn giáo của con người. Bởi bất cứ thứ gì tồn tại đều có tính “hợp lý” của nó, đáp ứng một “nhu cầu” nào đó.

Từ xa xưa, khi con người bắt đầu biết ý thức về bản thân mình, ý thức về vị trí của mình với thế giới, tôn giáo đã ra đời và tồn tại song song cùng lịch sử loài người từ đó đến nay. Vậy trong đời sống xã hội hiện nay, nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của con người có còn không? Con người luôn cần một điểm tựa về mặt tinh thần, điểm tựa đó sẽ giúp con người cân bằng cuộc sống

về mặt vật chất – tinh thần. Giúp họ vượt qua những khó khăn, những đau khổ, mất mát trong cuộc sống. Viết về vấn đề này, các tác giả đã viết trong cuốn Tập bài giảng Tôn giáo học: “Sự ra đời tôn giáo là nhằm đáp ứng nhu cầu cần có tín ngưỡng tôn giáo hay nhu cầu đền bù (bù đắp) hư ảo của con người. Việc xem xét nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo cũng chính là xem xét sự ra đời, tồn tại của tôn giáo trong mối quan hệ với hoạt động và lợi ích của con người.... Cuộc sống con người bao giờ cũng có cả một hệ thống những nhu cầu với sự vận động phức tạp, nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo trong hệ thống những nhu cầu đó là rất quan trọng và cần thiết” (Nguyễn Hữu Vui, Trương Hải Cường, 2003, tr.15). Khi đi sâu vào nghiên cứu cụ thể cơ duyên tồn tại và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay, tác giả Vũ Minh Tuyên đã khẳng định: Phật giáo tồn tại và phát triển ở nước ta hiện nay là một tất yếu khách quan”.

Phật giáo là một tôn giáo ra đời từ rất sớm từ trong lòng xã hội Ấn Độ, từ Ấn Độ lan truyền ra các vùng khác, đến nay đã trở thành một tôn giáo phổ biến trên thế giới. Đến với Việt Nam từ những thế kỷ đầu Công nguyên, bằng phương pháp khéo léo, mềm mại, uyển chuyển “tùy duyên phương tiện” và nhiều điểm tương đồng với văn hóa Việt Nam, Phật giáo đã nhanh chóng được người Việt đón nhận. Phật giáo đã bám rễ, phát triển và trở thành Phật giáo Việt Nam, trở thành một phần của văn hóa Việt Nam.

Lịch sử Phật giáo Việt Nam là lịch sử luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc Việt Nam. Có những thời kỳ Phật giáo phát triển rực rỡ, đóng góp to lớn về mọi mặt cho đất nước như thời kỳ Lý – Trần. Có những thời kỳ, Phật giáo lui mình vào văn hóa dân gian, hòa quyện cùng văn hóa dân gian, nuôi dưỡng mạch nguồn văn hóa dân tộc. Dù ở thời kỳ nào, bằng phương pháp nào, Phật giáo cũng góp phần công sức của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi đất nước hòa bình, Phật giáo hết lòng chăm lo coi sóc đời sống

nhân dân; khi đất nước nguy nan đối đầu giặc ngoại xâm, Phật giáo lại hết lòng cùng nhân dân đánh giặc cứu nước, những ngôi chùa trở thành căn cứ cách mạng, những tu sĩ trở thành người chiến sĩ xông pha nơi trận mạc,...

Truyền thống ấy đã được gìn giữ, phát huy từ bao đời. Đến năm 1981, tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, trở thành tổ chức đại diện hợp pháp cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam về mọi mặt đánh dấu một sự kiện lớn của lịch sử Phật giáo. Ngay từ khi thành lập, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng đã lựa chọn phương châm hành đạo “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội”. Phương châm đó như một lời khẳng định truyền thống luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam. Trong bối cảnh hiện nay, Phật giáo Việt Nam bằng những hành động cụ thể cũng đang đóng góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới: bối cảnh hội nhập quốc tế. Với tinh thần đó, chúng ta có thêm cơ sở để khẳng định Phật giáo sẽ tiếp tục con đường chinh phục những vùng đất mới của mình, để đưa giáo lý Phật giáo đi khắp thế gian, để đóng góp nhiều hơn nữa cho nhân gian theo đúng tinh thần: “Phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật”.

Về mặt thực tiễn là nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của người dân tỉnh Lào Cai: Như sự phân tích quá trình hình thành Phật giáo tỉnh Lào Cai ở chương 2 đã cho thấy, khi người dân ở các vùng miền xuôi di cư theo phong trào xây dựng vùng kinh tế mới lên các vùng miền núi, trong đó có tỉnh Lào Cai, họ mang theo trong mình tâm thức về một tôn giáo quen thuộc với đời sống trước kia của họ là Phật giáo. Bởi ở các vùng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ, Phật giáo với hình ảnh mái chùa đã trở thành hình tượng thân thuộc, như tục ngữ Việt Nam có câu: “Đất vua, chùa làng”,... Phật giáo theo tâm thức của người dân đến với vùng đất mới, ở vùng đất mới đó mặc dù chưa có chùa chiền, chưa có Phật giáo nhưng họ luôn đau đầu về việc sinh hoạt tín ngưỡng ở vùng đất mới. Chính vì thế họ đã lập những cơ sở thờ tự để cùng nhau sinh

hoạt tín ngưỡng, để vơi bớt nỗi nhớ quê, để thấy vùng đất mới cũng trở nên thân thuộc hơn (điều này đã được chứng minh trong việc lịch sử hình thành các ngôi chùa ở Lào Cai đã trình bày ở trên). Chính vì thế, Phật giáo là nhu cầu văn hóa tinh thần của một bộ phận người dân của tỉnh Lào Cai. Hiện nay, nhu cầu đó vẫn còn, bởi với sự phát triển của đời sống xã hội, với những biến đổi mạnh mẽ của xã hội đang khiến con người dễ rơi vào tình trạng “mất cân bằng” giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, đặt ra nhu cầu “cân bằng”. Đối với đời sống tinh thần, việc lựa chọn một điểm tựa tâm linh ở một tôn giáo đã gắn bó lâu đời cùng dân tộc, đã trở nên thân thuộc như Phật giáo là một điều dễ hiểu.

+ Kết quả thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tôn giáo nói chung, Phật nói riêng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề tôn giáo công tác quản lý Nhà nước, trong thời gian qua, các cơ quan thực hiện nhiệm vụ Quản lý Nhà nước về công tác tôn giáo các cấp của tỉnh Lào Cai đã có những việc làm thiết thực từ lý luận đến thực tiễn nhằm quản lý tốt nhất về tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Điều đó được thể hiện:

Trong thời gian qua, từ năm 1991 đến nay, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành nhiều văn bản quản lý và hướng dẫn các tổ chức tôn giáo hoạt động, như Chỉ thị 14/CT-UB ngày 30/6/1995 về tăng cường công tác dân tộc và tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Quyết định số 131/QĐ/UB ngày 15/7/1996 Quy định Phân cấp quản lý Nhà nước về hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 12/3/2010 về quy định quản lý hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai và ban hành nhiều văn bản khác...

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong địa bàn tỉnh luôn phối kết hợp chặt chẽ với nhau để triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác tôn giáo cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn nảy sinh.

Chú trọng công tác tổ chức bộ máy, cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Trước năm 1995, do công tác tôn giáo còn mới mẻ, các cơ quan chuyên môn làm công tác tôn giáo trong toàn tỉnh chưa được hoàn thiện chức năng nhiệm vụ, các cán bộ nhận nhiệm vụ làm công tác tôn giáo không được đào tạo bài bản, chủ yếu là tay ngang từ chuyên môn khác sang,... vì thế việc thực hiện công tác tôn giáo còn nhiều hạn chế. Vì thế, nhận thức được tầm quan trọng của lực lượng làm công tác tôn giáo, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai đã có nhiều biện pháp nhằm tăng cường hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy từ tỉnh xuống đến huyện, đến xã. Cử các cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng về chuyên môn công tác tôn giáo,...

Nhờ những nỗ lực trên đây, công tác tôn giáo ở tỉnh Lào Cai trong thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Có thể tóm tắt các kết quả đó như sau: Công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo cơ bản được thực hiện tốt. Các cơ quan chức năng đã kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết đề nghị của các tổ chức tôn giáo đúng quy định pháp luật. Các huyện, thành phố chủ động nắm tình hình hoạt động và quản lý hoạt động về tôn giáo. Các hoạt động tôn giáo được quản lý đúng pháp luật, quyền tự do tôn giáo của nhân dân được tôn trọng và đảm bảo, giữ vững an ninh trật tự địa phương.

Trong hành lang pháp lý đó, các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng ở tỉnh Lào Cai có đầy đủ cơ sở, điều kiện để phát triển, duy trì ổn định các sinh hoạt. Đây cũng chính là một cơ sở căn cứ để dự báo xu hướng phát triển của Phật giáo Lào Cai trong thời gian tới.

Dưới sự nỗ lực trong quản lý của các cấp, các ngành làm công tác quản lý về tôn giáo ở tỉnh Lào Cai, sự chấp hành nghiêm túc và tinh thần xây dựng cao của các tôn giáo trong toàn tỉnh mà đại diện là các tổ chức tôn giáo, nhìn chung thực tiễn đời sống tôn giáo nói chung, trong đó có Phật giáo ở tỉnh Lào Cai diễn ra ổn định, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt tâm linh của người dân. Đồng bào có tôn giáo cơ bản chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước. Quyền tự do, tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân được đảm bảo.

Các tổ chức tôn giáo, điển hình là Phật giáo đã phối hợp nhịp nhàng với các cơ quan, đơn vị tại địa phương trong mọi hoạt động: từ việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong sinh hoạt tôn giáo, cho đến việc tổ chức các hoạt động nghi lễ tôn giáo lớn trên địa bàn. Ví như, dịp lễ Phật Đản của Phật giáo, các lễ tổ chức trong các cơ sở tôn giáo đều nhận được sự ủng hộ, tham dự, chúc mừng của đại diện chính quyền địa phương,...

3.1.2. Nhân tố chủ quan

+ *Quan điểm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về hoằng pháp và hoằng pháp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số:*

Như đã phân tích ở trên cho thấy Đức Phật sau khi thành đạo, thành lập tăng đoàn cũng không ngoài mục đích hoằng pháp. Bản thân đức Phật cũng là tấm gương của sự dân thân hoằng pháp, cứu độ chúng sinh. Bằng trí tuệ giác ngộ và phương pháp uyển chuyển, đức Phật đã đưa giáo lý của mình đến với tất cả chúng sinh để tất cả chúng sinh đều ngộ nhập tri kiến Phật.

Tiếp nối sự nghiệp đó, các thế hệ đệ tử của đức Phật đã truyền bá Phật giáo đi khắp muôn nơi, đến với nhiều những vùng đất khác nhau, để thực hiện sứ mệnh “phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật” của mình trên hành trình Phật giáo đến với Việt Nam từ những thế kỷ đầu Công nguyên (Nguyễn Lang, 2014). Trong suốt chiều dài lịch sử Phật giáo Việt Nam, hoằng pháp

luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm (Xem chương 2). Ngay khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981), Ban Hoằng pháp là một trong những ban được thành lập đầu tiên. Trong hoạt động hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam nói chung, hoằng pháp đến với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa là một nội dung rất được quan tâm. Nhìn lại lịch sử có thể thấy: “Kể từ thời nhà Lý, Phật giáo đã được khuyến khích phát triển ở vùng miền núi phía Bắc. Từ đó, các tri châu, tù trưởng vùng miền núi phía Bắc qua các triều đại phong kiến Đại Việt ủng hộ mạnh mẽ Phật giáo. Điều này thể hiện rõ qua những di tích thờ Phật được ghi chép trong sử sách, hoặc tìm thấy trên thực địa như chùa Quỳnh Lâm ở huyện Đông Triều, chùa Quan Lạn ở huyện Vân Đồn, Chùa Lắm ở huyện Cẩm Phả, khu chùa tháp Yên Tử ở thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; chùa Sùng Khánh ở huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang; Chùa Hang và chùa Hắc Y ở huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái...” (Thích Gia Quang 2014: 67).

Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập năm 1981, kể từ đó đến nay, Chương trình hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam các nhiệm kỳ đều thể hiện sự quan tâm đến hoạt động này. Chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ IV (1997-2002) của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã chú ý đến việc lập kế hoạch phân bổ giảng sư đến các vùng sâu, vùng xa để thuyết giảng giáo lý và hướng dẫn việc tu học cho các Phật tử địa phương (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn phòng Hội đồng Trị sự 2012, tr.338). Trong Chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ V (2002-2007), Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp tục lưu tâm đến “phát triển văn hóa Phật giáo ở các vùng sâu, vùng xa, nỗ lực xây dựng các Niệm Phật đường, các lớp xóa mù chữ và nâng cao các phòng đọc sách báo, ấn hành các tài liệu giáo lý, kinh tụng bằng tiếng dân tộc, cũng như các trung tâm phát thuốc, phát tặng phẩm cho đồng bào nghèo, khó khăn” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn phòng Hội đồng Trị sự, 2012,

tr.461). Chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VI (2007-2012) của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẫn chú ý “phát triển văn hóa Phật giáo đến các vùng sâu, vùng xa, thành lập các lớp xóa mù chữ và nâng cao các phòng đọc sách báo, ấn hành các tài liệu giáo lý, kinh tụng bằng tiếng dân tộc. Nỗ lực xây dựng mô hình tự viện tại những vùng kinh tế mới, tái định cư, xây dựng mô hình tự viện văn minh tiên tiến phù hợp với truyền thống văn hóa Phật giáo và xu hướng phát triển của thời đại” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn phòng Hội đồng Trị sự, 2012, tr.575).

Đến Đại hội Phật giáo khóa IX (2022 – 2027), hoạt động hoằng pháp của Phật giáo đến với vùng sâu, vùng xa được nhấn mạnh đến chất lượng, phương thức hoạt động. Điều đó được thể hiện rõ trong Chương trình mục tiêu, phương hướng hoạt động Phật sự nhiệm kỳ IX (2022 – 2027) nêu rõ: “Đổi mới phương thức truyền bá, chuyển tải giáo lý Phật giáo theo tinh thần tùy duyên, phương tiện, khế lý, khế cơ đến với từng nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội” và Tổ chức hội thảo, nghiên cứu thực tế, điền dã nhằm tìm ra hướng đi phù hợp, hiệu quả trong việc truyền bá Đạo Phật trong đồng bào Phật tử các dân tộc miền núi, hay như chủ trương: khuyến khích xây dựng các ngôi chùa thuần Việt với ngôn ngữ tiếng Việt, kiến trúc truyền thống, nhất là tại nơi biên giới, hải đảo, và tại hải ngoại. Những chủ trương trên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho thấy sự quan tâm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với hoạt động hoằng pháp ở vùng sâu, vùng xa, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Hoằng pháp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với Phật giáo mà với cả đời sống văn hóa, xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số ở các vùng sâu, vùng xa và với vấn đề ổn định xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bởi “các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc nước ta hiện nay cần được quan tâm nhiều hơn, bởi vì đời sống

vật chất và đời sống tinh thần của đồng bào còn nhiều thiếu thốn. Mấy năm gần đây, nhờ sự phát triển kinh tế của cả nước, nên đời sống vật chất của đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc có sự cải thiện nhất định. Tuy nhiên, đời sống tâm linh của đồng bào vẫn còn nhiều vấn đề tạo ra khoảng trống cho một số tôn giáo, nhất là các tôn giáo có gốc nước ngoài truyền bá mạnh mẽ, thu hút một số lượng đáng kể người tin theo, gây xáo trộn nhiều mặt của đời sống xã hội trên địa bàn” (Thích Gia Quang, 2014, tr. 68). Phật giáo với truyền thống “hộ quốc an dân”, luôn đồng hành cùng dân tộc (lịch sử Phật giáo Việt Nam đã chứng minh) khi đến được với đồng bào dân tộc thiểu số sẽ đáp ứng nhu cầu tâm linh của đồng bào nơi đây, góp phần ổn định đời sống văn hóa - xã hội của đồng bào nơi đây.

Nhìn chung có thể thấy, trong lịch sử cũng như hiện tại, Phật giáo Việt Nam các thời kỳ đều rất quan tâm đến vấn đề hoằng pháp nói chung, trong đó hoằng pháp trong vùng dân tộc thiểu số nói riêng. Tuy nhiên vì nhiều lý do khách quan, ở vùng sâu, vùng xa như Lào Cai, Điện Biên, Sơn La,... nói chung là vùng núi phía Bắc và khu vực Tây Nguyên nơi chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, Phật giáo chưa thật sự phổ biến.

+ *Quan điểm và tiềm lực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai:*

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai mặc dù mới được thành lập năm 2012, còn có rất nhiều khó khăn về mọi mặt nhưng các Tăng Ni trong Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai trong thời gian qua đã rất nỗ lực trong các hoạt động Phật sự, đặc biệt là hoạt động hoằng pháp. Nhiệm kỳ 2022 – 2027, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai gồm 24 thành viên, do Hòa thượng Thích Thanh Điện làm trưởng Ban:

DANH SÁCH NHÂN SỰ BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH LÀO CAI
NHIỆM KỲ 2022 - 2027

(Kèm theo Quyết định số 241/QĐ-HĐTS ngày 15/6/2022)

STT	Phá danh/ Thế danh	Năm sinh	Chức vụ
Ban Thường trực (11 vị)			
1	Hòa thượng Thích Thanh Điện (Dương Quang Điện)	1958	Trưởng ban Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Tăng sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
2	Thượng tọa Thích Tâm Thuần (Phan Văn Hảo)	1966	Phó Trưởng ban Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Phật giáo Quốc tế GHPGVN tỉnh Lào Cai
3	Đại đức Thích Chân Tín (Dương Thái Bình)	1983	Phó Trưởng ban, Chánh Thư ký Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Pháp chế GHPGVN tỉnh Lào Cai
4	Đại đức Thích Đạo Thịnh (Bùi Văn Kiều)	1975	Phó Trưởng ban Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Kinh tế Tài chính, Trưởng ban Ban Giáo dục Phật giáo GHPGVN tỉnh Lào Cai
5	Ni sư Thích Diệu Bản (Nguyễn Thị Ngoan)	1972	Phó Trưởng ban Ban Trị sự, Đặc trách Ni giới kiêm Trưởng ban Ban Thông tin Truyền thông GHPGVN tỉnh Lào Cai

6	Đại đức Thích Thông Thịnh (Cao Việt Hưng)	1979	Ủy viên Thường trực, Phó Chánh Thư ký, Phó Chánh Văn phòng Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Hoằng pháp, Trưởng ban Ban Kiểm soát GHPGVN tỉnh Lào Cai
7	Đại đức Thích Tĩnh Thiền (Lưu Việt Nhi)	1961	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Văn hóa GHPGVN tỉnh Lào Cai
8	Đại đức Thích Chân Niệm (Hoàng Văn Cầu)	1990	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Nghi lễ GHPGVN tỉnh Lào Cai
9	Đại đức Thích Chân Định (Trần Xuân Kiêm)	1982	Ủy viên Thường trực Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Hướng dẫn Phật tử GHPGVN tỉnh Lào Cai
10	Sư cô Thích Anh Nghiêm (Bùi Thị Phương Anh)	1993	Ủy viên Thường trực, Phó Chánh Văn phòng Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Từ thiện Xã hội GHPGVN tỉnh Lào Cai
11	Cư sĩ Diệu Hòa (Lê Thị Hiền)	1956	Ủy viên Thường trực, phụ trách Kế toán Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
Ủy viên			
12	Đại đức Thích Chân Thường	1977	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN

	(Ninh Xuân Năm)		tỉnh Lào Cai
13	Đại đức Thích Minh Quân (Đặng Văn Duy)	1994	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
14	Đại đức Thích Minh Quang (Trương Quang Tuyền)	1992	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
15	Đại đức Thích Giác Ân (Nguyễn Văn Bình)	1994	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
16	Sư cô Thích Nữ Tịnh Đức (Chu Thị Thu Hương)	1989	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
17	Sư cô Thích Nữ Tuyết Nghiêm (Trương Thị Thu Hường)	1994	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
18	Cư sĩ Phúc Đức (Lưu Công Phúc)	1963	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
19	Cư sĩ Phúc Minh (Phan Nhật Quang)	1970	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
20	Cư sĩ Diệu Hoan (Nguyễn Thị Lý)	1949	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
21	Cư sĩ Diệu Thiện (Nguyễn Thị Bình)	1950	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
22	Cư sĩ Diệu Nhân (Hoàng Thị Thu)	1961	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
23	Cư sĩ Diệu Hiền (Vũ Thị Vân)	1952	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai
24	Cư sĩ Diệu Nga (Phan Thị Nhung)	1968	Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai

Ý thức được công tác Hoằng pháp là điểm cốt yếu để Phật giáo phát triển, Thường trực Ban Trị sự giao cho Ban Hoằng pháp kết hợp với Ban Hướng dẫn Phật tử thực hiện đa dạng các hoạt động hoằng pháp nhằm đưa Phật giáo đến với đông đảo quần chúng nhân dân hơn nữa và hướng dẫn Phật tử tu tập theo đúng chính pháp, đúng pháp luật.

+ *Xu hướng phát triển của Phật giáo tỉnh Lào Cai trong thời gian tới*

Thứ nhất, Phật giáo Lào Cai sẽ tiếp tục phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân. Điều đó sẽ thể hiện ở sự gia tăng một số chỉ số căn bản như: số lượng tín đồ, số lượng Tăng Ni, số lượng cơ sở thờ tự (nhiều cơ sở tiếp tục được sửa chữa, tôn tạo, mở rộng, nhiều cơ sở mới được xây dựng), cơ cấu tổ chức sẽ tiếp tục được phát triển, hoàn thiện,...

Đây là xu hướng tất yếu bởi với những cơ sở trên đây, chúng ta có đủ cơ sở để dự báo về một xu hướng tiếp tục phát triển của Phật giáo. Chính Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai trong các bản đánh giá tổng kết các hoạt động Phật sự theo kỳ, theo năm, theo quý đều đề ra những mục tiêu cụ thể trong phương hướng hoạt động của kỳ, năm, quý sau, cụ thể là các việc: tiếp tục hoàn thiện các thủ tục xây dựng các chùa mới, sửa sang, tôn tạo, mở rộng các chùa cũ; có chiến lược đầu tư, đổi mới hơn nữa nội dung các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân;....

Thứ hai, Phật giáo Lào Cai trong thời gian tới sẽ tiếp tục thể hiện tinh thần “nhập thế” sâu sắc.

Nhập thế là đặc điểm nổi bật của Phật giáo Việt Nam. Đánh giá về Phật giáo, Hồ Chí Minh từng viết: “Tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm”. Và với tư tưởng “Phụng sự chúng sinh là cội nguồn chư Phật của Phật giáo đã cho thấy “nhập thế” là “bản chất tự thân của Phật giáo”.

Phật giáo “nhập thế” đã thể hiện rất rõ nét trong suốt quá trình lịch sử tồn tại và phát triển của Phật giáo Việt Nam. Đặc biệt Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần là biểu hiện của một đỉnh cao trong việc áp dụng thành công triết lý này thông qua hành trạng của các vị vua, quan và các vị thiền sư.

Phật giáo đã khẳng định: Phật giáo là một tôn giáo trên cao để người ta ngược nhìn mà Phật giáo hiện hữu ngay trong đời sống, Phật giáo là hành động đem đạo vào đời, truyền trao chân lý mà đức Phật đã tìm ra cho những ai mong cầu hạnh phúc và hướng đến lộ trình giải thoát tâm linh trong đời sống hiện thực bởi như đức Phật đã nói “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật chưa thành”.

Là một thành tố của Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Lào Cai cũng đã chứng minh cho tư tưởng Phật giáo “nhập thế” bằng các hành động cụ thể, thiết thực, gần gũi hướng đến phục vụ ngay trong đời sống người dân. Hình ảnh những vị tu sĩ Phật giáo với áo nâu giản dị xông pha trên mọi mặt trận, cùng nhân dân xây dựng cuộc sống: hướng dẫn nhân dân xây dựng nếp sống mới, giảng giải về những điều hay lẽ phải trong cuộc sống cho người dân, giúp đỡ người nghèo từ miếng ăn, chiếc áo ấm, cung cấp cho họ những phương tiện sống thiết yếu,... Trong tương lai, Phật giáo Lào Cai cũng sẽ tiếp tục con đường đó, bởi phương châm của Phật giáo luôn song song giữa đạo và đời: Tốt đời đẹp đạo!

Thứ ba, Phật giáo Lào Cai trong tương lai sẽ đến gần hơn với đồng bào các dân tộc thiểu số. Hơn 60% dân số trong toàn tỉnh Lào Cai là đồng bào các dân tộc thiểu số với những nét sinh hoạt rất đặc trưng, với một đời sống tín ngưỡng rất phong phú và đa dạng. Phật giáo với những bước đi uyển chuyển, mềm mại, với truyền thống đã được xây dựng từ ngàn năm, với tinh thần “nhập thế” sâu sắc chắc chắn sẽ đến được gần hơn với đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Phật giáo sẽ trở thành một trong những “cầu nối” rút ngắn khoảng cách về mọi mặt trong đời sống của đồng bào các dân tộc.

Thứ tư, Phật giáo Lào Cai sẽ tiếp tục dung hợp với tín ngưỡng bản địa các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh

Tinh thần “Tùy duyên bất biến, bất biến nhưng tùy duyên” của Phật giáo thể hiện ngay từ những ngày đầu du nhập vào Việt Nam đã nói lên tính hội nhập của nền giáo lý Phật giáo.

Phật giáo vào Việt Nam đã dung hợp, hòa quyện với văn hóa, tín ngưỡng bản địa Việt Nam, để trở thành Phật giáo mang đậm màu sắc văn hóa dân tộc, trở thành Phật giáo Việt Nam. Phật giáo dung hợp sâu sắc với tín ngưỡng thờ Mẫu, thể hiện rõ nét ở buổi đầu du nhập với hình tượng Man Nương hay tín ngưỡng thờ Tứ pháp và hiện nay trong các chùa thờ Phật ở đồng bằng bắc bộ có nhà Mẫu như một thành tố trong cấu trúc thờ tự. Phật giáo dung hợp với các tín ngưỡng nông nghiệp nên trong các lễ hội Phật giáo hiện nay còn rất nhiều các nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp như lễ hội cầu mát chùa Quan Âm (Đông Anh, Hà Nội), nghi lễ cầu mưa trong lễ hội chùa Dâu (Bắc Ninh),...

Cũng theo truyền thống ấy, Phật giáo Lào Cai cũng thể hiện sự dung hợp với các tín ngưỡng bản địa. Một ví dụ điển hình là với tín ngưỡng thờ Mẫu tại đền Cô, huyện Văn Bàn – nơi thờ Mẫu Thượng Ngàn. Trong lễ hội đền Cô, sau nghi lễ Khao quân – nghi lễ đầu tiên trong chuỗi các nghi lễ tại lễ hội là đến nghi lễ cầu an đầu năm, cầu siêu cho những người đã khuất. “Lễ cầu an được thực hiện bởi các tăng ni của Giáo hội Phật giáo. Các thầy dựng chay đàn và thả đèn hoa đăng trên sông Hồng, mong muốn âm siêu dương thái, một năm mới viên mãn...” (Phạm Văn Chiến, 2018, tr.35).

Trong thời gian tới, khi Phật giáo phát triển sâu rộng hơn nữa trong đời sống người dân tỉnh Lào Cai, xu hướng này sẽ là xu hướng tất yếu. Phật giáo và các tín ngưỡng văn hóa bản địa của người dân nơi đây sẽ hội nhập trên cơ sở “chọn lọc” những yếu tố phù hợp để đan xen, bổ sung cho nhau để cùng phát triển.

Những yếu tố khách quan và chủ quan trên đây, tác động trực tiếp đến công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai.

3.2. Thực trạng công tác hoằng pháp

3.2.1. *Chủ thể, khách thể hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai*

+ *Chủ thể hoằng pháp:*

Nói đến công tác hoằng pháp của Phật giáo là nói đến vai trò của tăng, ni. Bởi tăng, ni chính là những con người thực hiện, là cầu nối đưa Phật giáo đến với nhân dân. Chính yếu tố nhân sự (con người) là yếu tố cốt lõi quyết định sự thành bại của công tác hoằng pháp. Để hoằng pháp đạt hiệu quả cao cần có những con người có đầy đủ phẩm chất cần thiết cho công tác hoằng pháp. Đối với Phật giáo, khi nói đến yếu tố nhân sự là nói đến Tăng đoàn (tăng già). Phật – Pháp – Tăng hợp lại thành Tam bảo Phật giáo. Tăng là một bộ phận cấu thành của Tam bảo. Trong cuốn Phật giáo và Phật giáo Việt Nam: Tăng già – Phật pháp – Tự viện – Nghi lễ, tác giả cuốn sách tiếp cận, Tăng già:

“1. Những đệ tử của đức Phật, xuất gia tu học, đạt được đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, trụ trong giai vị tứ hướng, tứ quả (trong sách gọi là Tăng sĩ).

4. Chỉ đoàn thể tăng/ giáo đoàn, gồm 4 vị Tỳ kheo trở lên sống hòa hợp trong tinh thần giới luật, chỉ chung cho 7 chúng xuất gia và tại gia của giáo đoàn Phật giáo (trong sách gọi là tăng đoàn)” (Nguyễn Hồng Dương, 2021, tr.5).

Tổ chức của Phật giáo là tổ chức Tăng đoàn, vì vậy sự sống còn của Phật giáo trong quá khứ, hiện tại và mãi mãi về sau luôn phụ thuộc vào Tăng đoàn mà không bao giờ là những cá nhân. Tuy nhiên tập thể lại được tạo nên từ những cá nhân, để có một Tăng đoàn thật sự vững mạnh, có khả năng

chuyển tải giáo lý từ bi-trí tuệ, vô ngã-vị tha của đạo Phật đến với quần chúng, các nhân các thành viên của Tăng đoàn phải hội đủ những yếu tố cần và đủ để xứng đáng với danh hiệu là “Sứ giả của Như Lai”. Bởi vì, sức mạnh của một tổ chức xã hội luôn luôn phụ thuộc vào phẩm chất của thành viên.

Công tác hoằng pháp của Phật giáo tỉnh Lào Cai được thực hiện bởi đội ngũ tăng, ni trên địa bàn tỉnh, tập hợp trong tổ chức là Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai. Đây chính là chủ thể của công tác hoằng pháp của Phật giáo nơi đây. Mỗi người tăng, ni nơi đây là một hoằng pháp viên. Nhận thức được vai trò “sứ giả Như lai” của mình, các tăng, ni của Phật giáo tỉnh Lào Cai luôn không ngừng nỗ lực không ngừng trong quá trình tu tập để có đủ uy nghi và đạo hạnh để hướng dẫn tín đồ tu tập, để đưa giáo lý chân chính đến với người khác.

Các tăng, ni ở Lào Cai luôn ý thức trọng trách của mình, trước tiên là tinh tấn trong con đường tu học, bởi chỉ khi nào người hoằng pháp thực sự hiểu đúng về Phật pháp mới mong có thể dẫn dắt, hướng dẫn người khác tu hành theo đúng chính pháp. Với đặc trưng của một tôn giáo thế giới, trong quá trình Phát triển với tư tưởng “tùy duyên phương tiện”, Phật giáo hình thành và phát triển các bộ phái Phật giáo theo thời gian là nhằm mục đích đáp ứng những nhu cầu đa dạng của con người, yêu cầu tất yếu cho sự tồn tại của Phật giáo giữa các nền văn hóa khác nhau. Chính vì vậy, hình thức tổ chức và phương thức vận dụng có thể khác nhau nhưng những triết lý cốt tủy của Phật giáo là hằng số, không thể có sự khác biệt. Xuyên suốt trong tư tưởng Phật giáo là hướng đến mục đích chúng sinh nhận ra được bản chất của khổ đau, dùng các phương pháp tu tập để chế ngự tâm, đoạn tận khổ, giải thoát khỏi khổ đau phiền não, đạt được sự an trú trong hạnh phúc. Đức Phật quan niệm Phật tính có trong tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh đều có thể trở thành Phật. Dù kinh điển Phật giáo Nam truyền hay Bắc truyền cũng đều thừa nhận

những chân lý đó. Tu tập theo giáo lý Phật giáo qua việc tìm hiểu kinh sách, thực hành tinh chuyên nghiêm trì giới luật, tác phong oai nghi trong tu học.

Không chỉ học giáo lý Phật giáo, hiểu giáo lý Phật giáo rồi còn cần thực hành theo giáo lý Phật giáo. Người tu sĩ Phật giáo, được mệnh danh là sứ giả của đức Như Lai, mang trong mình sứ mạng hoằng dương chính pháp, người xuất gia còn phải sống và thể hiện tinh thần của một con người mẫu mực làm mô phạm cho xã hội. Thực hành giáo lý Phật giáo trước tiên là tin vào giáo lý của đức Phật, tin với một niềm tin trong sáng, kinh *Hoa nghiêm* dạy rằng: Niềm tin là căn nguyên của đạo, là mẹ của mọi công đức, nuôi lớn hết thảy thiện pháp, đoạn trừ lưới nghi, đưa người vượt qua dòng nước ái dục, khai thị con đường tối thượng dẫn đến Niết-bàn. Niềm tin là khởi điểm của tiến trình tu tập đạt đến giác ngộ. Nhưng niềm tin của đức Phật trao truyền cho các đệ tử của mình là một niềm tin trí tuệ, một niềm tin sáng suốt, như trong kinh *Tăng chi*: Nay các Kalama, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết, chớ có tin vì theo truyền thống, chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng, chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình, chớ có tin vì đúng theo một lập trường, chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện, chớ có tin vì phù hợp với định kiến, chớ có tin vì xuất phát từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình. Nhưng nay các Kalama, khi nào tự mình biết rõ: Các pháp này là thiện, các pháp này là không có tội, các pháp này được người có trí tán thán, các pháp này nếu chấp nhận và thực hành sẽ đưa đến an lạc và hạnh phúc, lúc ấy, các người hãy chấp nhận và thực hành.

Các tăng, ni của Phật giáo tỉnh Lào Cai luôn chăm chỉ, cần mẫn trong việc tu học. Các tăng, ni theo học chương trình học Phật giáo từ sơ cấp lên đến cao đẳng, đại học. Một số vị đang học Thạc sĩ, tiến sĩ Phật học tại Học viện Phật giáo Việt Nam, siêng năng đọc kinh, tụng kinh để hiểu sâu sắc hơn giáo lý Phật giáo. Tham gia các Hội thảo, các khóa đào tạo giảng sư của Ban

Hoàng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức. Tích cực chủ động lập cho mình một thời khóa tu tập riêng, siêng năng tụng kinh bái sám ngoài thời khóa cùng đại chúng, nỗ lực khắc phục những nhược điểm yếu kém của bản thân để oai nghi được thành tựu, hoàn thiện nhân cách. HT. TTĐ chia sẻ: “Với người tu sĩ Phật giáo, am hiểu giáo lý Phật giáo, thực hiện tu tập đúng theo tinh thần của Phật giáo là việc không dễ dàng. Mình phải hiểu thực sự mới nói và làm để người khác hiểu được. Cần kiên nhẫn, nỗ lực vượt qua rất nhiều khó khăn. Trong sáu Ba la mật được đức Phật giảng dạy cho các đệ tử của Ngài phải giữ tâm kiên trì, nhẫn nại trước nghịch cảnh, khó khăn. Với vai trò người đứng đầu, tôi luôn động viên các tăng ni, đệ tử của mình như vậy” [Nam, GHPGVN tỉnh Lào Cai, Phỏng vấn tháng 8 năm 2023].

Không chỉ vậy mà còn không ngừng học hỏi, rèn luyện các kỹ năng thuyết pháp. Người thực hiện nhiệm vụ hoàng am hiểu giáo lý Phật giáo là điều kiện trọng yếu đầu tiên. Bởi có hiểu mới nói đúng, mới giúp người khác hiểu đúng, mới hướng dẫn người khác thực hành theo chính pháp. Thực tế Giáo hội Phật giáo Việt Nam thời gian qua đã phải chấn chỉnh, xử lý rất nhiều những trường hợp thuyết pháp chưa đúng với bản chất, tinh thần của Phật giáo. Nhưng chỉ như vậy thôi là chưa đủ, người hoàng pháp cần có những kỹ năng hoàng pháp. Bởi hoàng pháp không chỉ đơn giản là hiểu giáo lý, ứng dụng giáo lý mà còn là nghệ thuật chuyển tải giáo lý từ chủ thể hoàng pháp đến đối tượng hoàng pháp, không chỉ là truyền tải giáo lý mà còn là làm thế nào để đối tượng nguyện thực hành theo giáo lý Phật giáo, một lòng hướng đến những giá trị tốt đẹp của Phật giáo như tinh thần từ bi, thập thiện,...

Trong kinh Tăng Chi, Đức Phật chỉ ra những điều căn bản đối với người hoàng pháp/người giảng pháp là cần phải có và thông hiểu 5 phạm sự của mình (dhammadesakadhamma):

- (1) Thuyết tuần tự thứ lớp, có nghĩa là từ thấp lên cao.
- (2) Thuyết y cứ theo pháp môn và kinh điển.

(3) Thuyết vì lòng từ bi, muốn cho người khác được lợi ích.

(4) Thuyết không vì lợi lộc, không muốn được lợi hay được đền đáp

(5) Thuyết không đụng chạm mình và người khác, không cố ý châm chích, khen mình chê người.

Người giảng pháp thiếu một trong năm chi phần này xem như là nhiệm vụ người hoằng pháp không hoàn hảo. Phân tích 5 phạm sự trên cho thấy, người hoằng pháp cần tuân thủ những nguyên tắc nhất định để hoằng pháp có hiệu quả:

+ Thuyết tuân tự thứ lớp, có nghĩa là từ thấp lên cao. Phật giáo có hệ thống giáo lý và kinh điển vô cùng phong phú. Đức Phật trong cuộc đời giáo hóa của mình, đã thuyết hơn ba trăm pháp hội, khoảng tám vạn bốn ngàn bài, tùy nơi, tùy lúc, tùy người, thuận lý, tùy theo căn cơ trình độ khác nhau mà dùng những bài bài pháp, phương pháp phù hợp để đạt được hiệu quả cao nhất. Trong hoằng pháp hôm nay, người hoằng pháp cũng cần sắp xếp thứ tự nội dung các bài thuyết pháp theo tuân tự thứ lớp, sắp đặt những nội dung cơ bản, gần gũi với đối tượng sau đó dần dần mới đi đến các nội dung khó hơn, cao hơn.

+ Thuyết y cứ theo pháp môn và kinh điển: Hoằng pháp là đưa giáo lý Phật giáo đến với mọi người, nên hoằng pháp phải giảng đúng những điều đức Phật đã dạy, được ghi trong kinh sách, chỉ giảng những điều mà người giảng đã hiểu một cách thấu đáo, không nên suy diễn cá nhân theo trào lưu, xu thế.

+ Thuyết vì lòng từ bi, muốn cho người khác được lợi ích: Phật giáo và đạo của từ bi, với mong muốn tất cả mọi người đều được giải thoát. Trong “bồ thí” của Phật giáo, pháp thí là một hình thức của bố thí.

+ Thuyết không vì lợi lộc, không muốn được lợi hay được đền đáp: Đưa giáo pháp của Phật giáo đến với người khác cũng cần xuất phát từ tinh

thần không vụ lợi, không phải xuất phát từ tâm cầu danh, muốn nổi tiếng, danh lợi mà đi thuyết pháp.

+ Thuyết không đụng chạm mình và người khác, không cố ý châm chích, khen mình chê người: Theo đúng tinh thần Phật giáo, thái độ thuyết pháp, hoằng pháp cũng rất quan trọng, người thuyết pháp nên dùng thái độ khiêm cung, chân thật mà giảng pháp, tránh khoe khoang, khoa trương tự cao tự đại. Trong thuyết pháp tránh phê phán tôn giáo khác ngoài Phật giáo,...

Kinh *Tur ích Phạm thiên Sở vấn* 2 nói Đức Phật phân biệt năm trường hợp thuyết pháp: 1. Ngôn thuyết (dùng lời nói); 2. Tùy nghi (thuyết pháp theo căn cơ, hoàn cảnh của người nghe); 3. Phương tiện (dùng các phương tiện để khuyến tu như phước đức, quả vị Niết-bàn...); 4. Pháp môn (giảng các pháp thù thắng của đạo Bồ-đề) và 5. Đại bi (với tâm đại bi thương tưởng chúng sanh để đưa chúng sanh đến giải thoát).

Tự bản thân mình tu tập đã khó, hướng dẫn người khác tu tập còn khó hơn. Với người hoằng pháp có kiến thức Phật giáo thôi thì chưa đủ, mẫu mực trong đời sống tu hành phẩm hạnh cũng chưa đủ. Người hoằng pháp, đặc biệt hoằng pháp trong bối cảnh xã hội hiện nay cần có những “kỹ năng mềm”. Thuật ngữ kỹ năng mềm trong hoằng pháp có thể hiểu là những kỹ năng cần thiết để hỗ trợ người hoằng pháp thực hiện hiệu quả các hoạt động hoằng pháp trong các điều kiện khác nhau. Trong một bài viết về kỹ năng mềm của nhà hoằng pháp Phật giáo và những thách thức của thời đại công nghệ 4.0, tác giả tường nghiêm phân tích chúng ta có thể chia làm 2 nhóm như sau: kỹ năng đối nội và kỹ năng đối ngoại. Kỹ năng đối nội bao gồm: làm chủ thân tâm, lắng nghe và chia sẻ, biết kham nhẫn, kiên trì và đạt mục tiêu, sáng tạo trong công việc, sự bao dung v.v...; và kỹ năng đối ngoại bao gồm: có cái nhìn tổng quan, hòa đồng và tạo lập mối quan hệ tập thể, lựa chọn và ưu tiên công việc, thuyết giảng, từ tôn giải quyết vấn đề ... (<https://phatgiaio.org.vn>)

Để tăng cường các kiến thức xã hội, để hiểu hơn về quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về vấn đề tôn giáo, các tăng, ni trên địa bàn tỉnh Lào Cai tích cực tham gia các khóa đào tạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ngoài ra còn học các chương trình đào tạo thế học như Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

Trong thời gian vừa qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai đã rất tích cực trong việc thu hút các tăng ni trẻ đến tu tập và hoạt động Phật sự ở tỉnh Lào Cai. Năm 2012 khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai số tăng ni trên toàn tỉnh chỉ có 4 tăng ni, có 04 ngôi chùa là dưới sự quản lý của Giáo hội. Trong đó có chùa Tân Bảo và Cam Lộ có sư trụ trì và hướng dẫn Phật tử tu tập còn lại các chùa khác thì do ngành Văn hóa thể thao và du lịch hoặc chính quyền địa phương quản lý, hay các gia đình, dòng họ quản lý. Đến nay, 2024, toàn tỉnh đã có 43 tăng, ni, điều đó đã chứng minh rõ nét cho sự nỗ lực của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai. Đội ngũ tăng ni làm công tác hoằng pháp hiện nay phần nhiều là những tăng ni có nhiệt huyết, có sức trẻ, sẵn sàng tích cực tham gia dân thân hoằng pháp vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, sẵn sàng đến với đồng bào, ở trực tiếp, cùng sinh hoạt với đồng bào, tham gia tích cực vào việc xây dựng nông thôn mới, nếp sống văn hoá khu dân cư, thôn bản. Các tăng ni đều lấy thân giáo để noi gương, xây dựng hình ảnh về chư tôn đức tăng ni cũng như ấn tượng của Phật giáo đối với đồng bào dân tộc thiểu số, từ đó đồng bào yêu mến, học theo, làm theo, tu tập theo.

Khách thể, đối tượng hoằng pháp:

Thời đức Phật, đức Phật tự thân hoặc lãnh đạo chư Tỳ-kheo đến với mọi tầng lớp xã hội, từ kẻ hạ tiện đến các thành phần gia chủ, kẻ xấu, người ngoại đạo, quan lại, vua chúa, Phạm thiên, chư thiên, quỷ thần...

không phân biệt giới tính, tuổi tác, đẳng cấp,... Mục đích của đức Phật là giúp cho tất cả chúng sinh đều tỏ ngộ chân lý, đều giác ngộ, đi đến giải thoát mọi khổ đau. Đức Phật cùng đệ tử của Ngài đều tận tâm tận lực dùng mọi phương tiện để giúp chúng sanh đạt được giải thoát, như đức Phật đã nói trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa: “Nhu Lai cũng lại như thế, Phật là cha của tất cả thế gian, ở nơi các sự sợ hãi suy não lo buồn vô minh che tối hết hắc không còn thừa, mà trọn thành tựu vô lượng tri kiến, trí lực, vô sở úy, có sức đại thần thông cùng sức trí huệ đầy đủ các món phương tiện, trí huệ Ba la mật, đại từ đại bi thường không hề lười mỏi. Hằng vì cầu việc lành lợi cho tất cả muôn loại mà sanh vào nhà lửa Tam giới cũ mục này, để độ chúng sanh ra khỏi nạn lửa: sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não, ngu si tối tăm, ba độc, dạy bảo cho chúng sanh đăng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” (Thích Trí Tịnh dịch, 2018, tr.119).

Đưa giáo lý Phật giáo đến với tất cả mọi người để giúp họ khai mở được Phật tính tiềm ẩn trong mỗi người là nhiệm vụ của các thế hệ đệ tử Như Lai: “Chúng sanh ai ai cũng có Phật tánh và Trí Tuệ thường hằng mà quên mất, để căn duyên theo trần nên sanh ra thức... Mục đích của Đức Phật Thích Ca ra đời cũng là để khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Tri Kiến Phật của chính mình. Nhận được Tri Kiến Phật đó, tức là tạo cái nhân tu để dẹp sạch vô minh vọng tưởng, cho đến khi ứng dụng được Tri Kiến Phật thường hằng, đó là quả Phật” (Thích Huệ Đăng, 2011, tr. 522). Chính vì thế đối tượng, khách thể trong công tác hoằng pháp của Phật giáo nói chung, Phật giáo tỉnh Lào Cai nói riêng là tất cả mọi người, không phân biệt. Nếu như khoanh vùng theo nghiên cứu thì là tất cả người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Như đã phân tích ở trên, với những nỗ lực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai thời gian qua, đã có rất nhiều người dân trên địa bàn tỉnh quan tâm đến Phật giáo, tuy nhiên con số này còn nhiều hạn chế. Chính vì thế, đối tượng hoằng pháp của Phật giáo tỉnh Lào Cai còn rất rộng mở.

Tuy nhiên, Lào Cai có nhiều dân tộc cùng sinh sống, chính vì thế đối tượng, khách thể của hoạt động hoằng pháp mang những đặc trưng rất riêng:

Thứ nhất, đối tượng hoằng pháp đa dạng về thành phần dân tộc, đa dạng về đặc trưng văn hóa: Lào Cai có 25 nhóm ngành dân tộc anh em cùng sinh sống và có hơn 66% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số (xem chương 2). Lào Cai là nơi cư ngụ của 2 nhóm ngôn ngữ lớn của Việt Nam (dòng Nam Á và Hán – Tạng), với 6 nhóm ngôn ngữ (Việt – Mường, Tày – Thái, Hmông – Dao, Hán, Tạng – Miên). Mỗi dân tộc lại mang bản sắc văn hóa riêng, thậm chí trong cùng một dân tộc nhưng mỗi nhóm, ngành mang một đặc điểm sắc thái đặc trưng tương tự như một tộc người. Từ đó tạo nên một Lào Cai giàu bản sắc văn hóa, thuận lợi cho giao lưu, hội tụ văn hóa. Về sự đa dạng văn hóa của các dân tộc ở Lào Cai, trong nghiên cứu này tác giả tập trung phân tích làm rõ hơn sự đa dạng trong đời sống tín ngưỡng, tâm linh của người dân Lào Cai. Có thể thấy rõ hơn ở bảng sau:

STT	Tộc người	Quan niệm tiêu biểu trong đời sống tín ngưỡng, tâm linh
1	Người Kinh	+ Người Kinh quan niệm con người có linh hồn (3 hồn), thể xác, người nữ có 9 vía, người nam có 7 vía; + Khi chết linh hồn sẽ thoát khỏi thể xác nhưng vẫn tồn tại và có thể gây tác động ảnh hưởng đến thế giới người đang sống. + Người Kinh ở Lào Cai quan niệm vũ trụ được chia làm ba cõi: cõi trời, cõi trần và cõi âm. Trong đời sống của người Kinh có nhiều vị thần cùng tồn tại.

		+ Trong cuộc đời mỗi người sẽ có nhiều nghi lễ liên quan đến mỗi sự kiện quan trọng của đời người, trong đó quan trọng nhất phải kể đến là cưới hỏi, tang ma.
2	Người Mường	+ Tin vào sự tồn tại của linh hồn con người sau khi chết. Vạn vật vận hành theo quy luật âm dương hòa hợp để sinh sôi, phát triển + Người Mường thờ cúng ma bản, ma rừng và thờ cúng tổ tiên + Trong nhà của người Mường có 4 gian, người ta quy ước gian thứ nhất là gian gốc, tại đó có cột thiêng, nơi trú ngụ của ma nhà và cột âm dương. Người Mường thờ tổ tiên ba đời ngay tại gian gốc cạnh cột thiêng.
3	Dân tộc Tày	+ Người Tày thờ cúng Tổ tiên trong gia đình, thờ cúng thần bản mệnh cộng đồng làng (thần khu rừng cấm: Đưng ban; ma bản: Dắt pi bản). + Người Tày quan niệm Thầy Mo, Thầy Then có khả năng chữa bệnh, làm người trung gian, được coi trọng + Người Tày chia thành các nhóm địa phương: Nhóm Thu Lao, Nhóm Pa Dí,
4	Dân tộc Thái	+ Gồm hai ngành Thái Đen, Thái Trắng. + Trong làng người Thái, mỗi làng có vài

		người làm nghề thầy cúng, gọi là ông ma, bà then: nhiệm vụ là làm cúng chữa bệnh, gọi hồn, gọi vía, đi sang thế giới bên kia tìm bắt dụ hồn người ốm trở về (người Thái quan niệm người bị ốm đau là do hồn bỏ đi chơi vắng hoặc bị ma bắt...).
5	Dân tộc Bố Y	+ Người Bố Y thờ cúng tổ tiên trong ba đời, chỉ cúng tổ tiên vào ngày lễ tết, không cúng vào ngày giỗ. + Trong gia đình thờ các vị thần nhà: thần Thổ địa, thần Bếp, thần Cửa. + Trong cộng đồng thờ cúng Thù tử Sán Sầu (Sơn Thần Thổ địa): thần cai quản toàn bộ khu cư trú của làng.
6	Dân tộc Nùng	+ Người Nùng quan niệm “vạn vật hữu linh” – mọi sự vật đều có linh hồn, gọi chung là “phi”, đó là các thần thánh, ma quỷ. + Người Nùng có quan niệm vũ trụ có ba thế giới, với ba loại phi khác nhau: Trên trời là các thánh thần, gồm tổ tiên, Ngọc Hoàng thượng đế; Trên mặt đất là các phi rừng. Dưới đất có các ma dữ. + Trong gia đình người Nùng thờ cúng Tổ tiên ở bàn thờ đặt ở gian giữa, thờ Táo quân ở cạnh bếp, thờ Hoa vương Thánh Mẫu (Mề pang) ở tại buồng các bà mẹ từ

		lúc có con đầu lòng đến khi con cái xây dựng gia đình, thờ Thổ công (Thu tỉ) ở dưới bàn thờ gia tiên, thờ thần bản mệnh (Sơn Thần) ở tại làng,...
		

Từ sự phân tích trên cho thấy, các dân tộc ở Lào Cai đa dạng về thành phần dân tộc, mỗi dân tộc lại có những nét đặc trưng riêng về đời sống tín ngưỡng, tâm linh. Điều đó tác động không nhỏ đến sự tiếp nhận các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng vào với đồng bào các dân tộc nơi đây. Sự đa dạng về đời sống tinh thần của đồng bào cũng ảnh hưởng, tác động đến phương thức hoằng pháp của Phật giáo khi hoằng pháp ở Lào Cai.

Thứ hai, đời sống người dân nơi đây còn nhiều khó khăn: Ngày 15/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 353/QĐ-TTg phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025. Theo Quyết định, cả nước có 74 huyện nghèo thuộc 26 tỉnh, 54 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thuộc 12 tỉnh của giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó Lào Cai có 4 huyện nghèo gồm huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Bát Xát.

Đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 138/152 xã, phường, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có 68 xã khu vực I, 4 xã khu vực II, 66 xã khu vực III, 605 thôn đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo chuẩn giai đoạn 2016 – 2020 của toàn tỉnh là 5,31%; tỷ lệ giảm nghèo đa chiều năm 2023 đạt 4,43%, hiện còn 14,9%, hộ cận nghèo còn 10,25% (theo tiêu chí mới) (<https://dangcongsan.vn>). Mặc dù thời gian qua, các cấp Đảng, chính quyền của tỉnh Lào Cai đã có nhiều nỗ lực để giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân như tỉnh Lào Cai đã ban hành một số chính

sách, cơ chế riêng hỗ trợ người dân vươn lên thoát nghèo: Nghị quyết 20 ngày 24/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giảm nghèo bền vững đối với các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% trở lên đến hết năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, có xét đến năm 2030; Nghị quyết 06 ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh về việc sử dụng ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay phát triển kinh tế - xã hội tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% trở lên trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2019 - 2025; Nghị quyết 26 ngày 4/12/2020 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai... Với những nỗ lực của chính quyền địa phương và nhân dân trong toàn tỉnh, thời gian qua, Lào Cai thuộc top các địa phương có tỉ lệ giảm nghèo cao nhất cả nước. Theo khảo sát mức sống dân cư của Tổng cục Thống kê, tỉnh Lào Cai xếp thứ 5 trong số 10 tỉnh, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh nhất cả nước giai đoạn 2006 – 2021 (Số liệu Tổng cục Thống kê).

Nhưng với đặc thù một tỉnh miền núi, cơ sở hạ tầng chưa thật sự đồng bộ, điều kiện tự nhiên có nhiều khó khăn, khắc nghiệt,... chính vì vậy đời sống người dân nơi đây thực sự còn nhiều khó khăn, đặc biệt các vùng sâu vùng xa, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Lào Cai hiện có 10 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất tỉnh, còn được gọi là vùng "lõi nghèo", đó là: Hoàng Thu Phố, Lùng Cải (huyện Bắc Hà), Dền Thàng, Pa Cheo (huyện Bát Xát), Nậm Chày (huyện Văn Bàn), La Pan Tẩn, Tả Thàng, Tả Ngải Chồ, Dìn Chín, Lùng Khẩu Nhìn (huyện Mường Khương). Trong số đó, Lào Cai có 5 dân tộc còn nhiều khó khăn, và 01 dân tộc khó khăn đặc thù: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 phê duyệt danh sách 32 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và 14 dân tộc có khó khăn đặc thù sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-

2025, trong đó tỉnh Lào Cai có 5 dân tộc còn nhiều khó khăn, khó khăn đặc thù. Dân tộc khó khăn là dân tộc thiểu số sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và đáp ứng 1 trong các tiêu chí sau: Có tỷ lệ hộ nghèo lớn hơn từ 1,5 lần trở lên so với bình quân chung tỉ lệ hộ nghèo của 53 dân tộc thiểu số; Có tỉ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông lớn hơn 1,5 lần so với bình quân chung tỉ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông của 53 dân tộc thiểu số; Có tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi lớn hơn 1,5 lần so với bình quân chung tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi của 53 dân tộc thiểu số. Tỉnh Lào Cai có 4 dân tộc có các điều kiện trên, đó là dân tộc La Chí, Hà Nhì, Phù Lá, Hmông. Dân tộc có khó khăn đặc thù là dân tộc thiểu số sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và có dân số dưới 10.000 người, tỉnh Lào Cai có dân tộc Bố Y.

Đời sống người dân nơi đây còn gặp nhiều khó khăn, điều đó tác động đến nhu cầu về đời sống tôn giáo của người dân nơi đây và tác động đến phương thức truyền giáo các tôn giáo nói chung khi truyền bá đến vùng đất này. Đối với Phật giáo phương thức hoằng pháp kết hợp với hoạt động từ thiện xã hội trở thành một phương thức truyền giáo đặc thù (Sẽ được phân tích kỹ hơn ở phần sau).

Thứ ba, nhu cầu về đời sống tôn giáo của nhân dân nơi đây tương đối cao: Trong thời gian vừa qua, nhờ sự phát triển kinh tế chung của cả nước và sự quan tâm của Nhà nước đối với đồng bào sinh sống ở các tỉnh miền núi, biên giới hải đảo xa xôi, nên đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các

dân tộc sinh sống ở các tỉnh miền núi đã có bước cải thiện. Tuy nhiên, nhìn chung đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở các tỉnh miền núi, vùng sâu vùng xa còn nhiều khó khăn. “Bên cạnh đó, trước sự phát triển mạnh mẽ của đời sống kinh tế - xã hội, trong bối cảnh giao lưu, hội nhập nhiều giá trị văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số không theo kịp với sự phát triển của xã hội hiện đại. Những yếu tố lạc hậu, bảo thủ, lỗi thời trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống trở thành gánh nặng cho đời sống của đồng bào. Vì vậy, nhu cầu tìm kiếm, lựa chọn niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng mới đơn giản hơn, tiếp kiệm hơn so với truyền thống, hoặc cải cách, cách tân sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống cũng là một nhân tố tác động không nhỏ tới đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số những thập niên gần đây” (Hoàng Thị Lan, 2021, tr.44). Trong bối cảnh đó, Phật giáo với vị thế của một tôn giáo có truyền thống lâu đời ở Việt Nam (Theo các tài liệu phân tích đa số đồng nhất Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ I, II, xem chương 2). Phật giáo với phương châm “tùy duyên phương tiện” nên trong quá trình du nhập đã dung hợp, tiếp nhận các yếu tố bản địa của người Việt, hình thành nên những đặc trưng riêng của Phật giáo Việt Nam: “Phật giáo được Việt Nam hóa sâu sắc đến mức kết hợp hài hòa với nhân cách và giá trị Việt Nam. Đạo đức của người Việt Nam là thiết thực, phúc đức, là ở hiền gặp lành. Vì vậy, Phật giáo rất gần gũi với cuộc sống thường nhật của nhân dân. Đối với nhân dân, Phật giáo không chỉ là triết lý, mà quan trọng hơn là hành vi mang chữ Thiện và chữ Tín. Phật giáo Việt Nam có tính phổ cập, vì thể hiện được rõ nét tính thực tế của quần chúng. Người Việt Nam vì vậy coi trọng việc sống phúc đức, trung thực hơn là việc chăm chỉ vào chùa khấn vái” (Nguyễn Thanh Tuấn, 2009, tr. 40).

Nhìn chung, người đồng bào dân tộc ở Lào Cai bản chất là thuần hậu, chất phát, rất dễ tin vào đời sống tâm linh (Xem phần phân tích đặc điểm đời

sống tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc ở Lào Cai ở phần trên), trong khi đó giáo lý của đạo Phật có phần gần gũi với truyền thống tín ngưỡng dân gian của người đồng bào nên nhân dân dễ đón nhận. Đồng bào dân tộc thiểu số đa số sinh sống ở các vùng xa xôi, hẻo lánh rất hạn chế những hoạt động văn hoá tinh thần, nhưng đa số nhân dân rất nhiệt tình tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể mang tính cộng đồng. Người dân chỉ bận rộn vào lúc mùa màng, còn lại thời gian rảnh rỗi nên các chùa ở khu vực có đông đồng bào nên tổ chức những sinh hoạt như lễ hội, khoá tu thì sẽ dễ quy tụ người dân về tham dự. Chính nhờ những lợi thế đó tác động đến diện mạo hoằng pháp của Phật giáo tỉnh Lào Cai.

Thứ tư, đối tượng hoằng pháp có nhiều rào cản khó xâm nhập: Một trong những rào cản lớn nhất đối với truyền giáo vùng đồng bào đa dạng các dân tộc sinh sống cần kể đến là vấn đề văn hóa, ngôn ngữ. Về vấn đề này ĐD. TTT chia sẻ: “Ở Lào Cai có nhiều đa dạng các dân tộc cùng sinh sống. Vì thế người dân có đa dạng các ngôn ngữ, hoằng pháp cũng gặp nhiều khó khăn. Hiểu được ngôn ngữ, mới hiểu được văn hóa, hiểu được văn hóa mới xâm nhập hoằng pháp được. Hoằng pháp với người cùng hệ ngôn ngữ nói sao để họ hiểu đúng về Phật pháp đã khó, hoằng pháp ở đồng bào dân tộc thiểu số, khác ngôn ngữ càng khó gấp vạn lần. Người hoằng pháp phải rất kiên trì, nỗ lực mới mong đạt được thành tựu, có khi phải đi qua rất nhiều cách mới tạo được cảm tình với họ về Phật giáo. Đây chính là rào cản lớn, chính vì thế cũng là một nguyên nhân giải thích cho việc hiện nay Phật giáo mới chủ yếu đến được với đồng bào dân tộc thiểu số biết tiếng Kinh. Ở những vùng sâu vùng xa, không phải ai cũng hiểu và nói tiếng Kinh nên hoạt động hoằng pháp chưa thực sự có hiệu quả” [Nam, phỏng vấn tháng 10 năm 2023].

Như đã phân tích ở trên cho thấy, đời sống người dân nơi đây còn tồn tại, duy trì nếp sống cũ ở đây còn nhiều hủ tục vốn đã ăn sâu vào tiềm thức

của bà con. Đây cũng là một trong những rào cản về văn hóa khiến Phật giáo khó xâm nhập, việc hoằng pháp gặp nhiều khó khăn. Có thể kể đến những hủ tục vẫn còn tồn tại như: Người Mường làm lễ giải oan cho người chết trước khi đem chôn. Đây là một nghi lễ tốn kém, kéo dài nên phải để xác trong nhà dài ngày, khi chuẩn bị đầy đủ điều kiện làm lễ này xong mới thực hiện chôn cất. Hay với người Giáy, phong tục từ xa xưa là người Giáy phải để người chết quá 48 tiếng mới đem đi chôn cất. Ngoài ra, người Giáy phải đợi thầy cúng, thầy mo xem ngày, giờ mới được đem đi chôn cất. Những ngày tang lễ, gia đình tổ chức cúng, ăn uống, làng xóm nghỉ việc đến giúp, lễ cúng nhiều lãng phí... Huyện vùng cao Si Ma Cai, những năm trước, khi có đám tang, thông thường, đồng bào để người chết trong nhà 3-5 ngày, thậm chí 7 ngày mới chôn cất, còn tổ chức "lễ ra nắng" đồng thời mổ trâu bò lợn, gà ăn uống nhiều ngày... ảnh hưởng đến sản xuất, sức khỏe và thời gian của gia đình, cộng đồng. Người Thu Lao (nhóm địa phương của dân tộc Tày), tang lễ kéo dài 3-4 ngày, có khi lên đến cả tuần,... Hay như ở cộng đồng người Pa Dí (nhóm địa phương của dân tộc Tày và chỉ có duy nhất ở Lào Cai), người Pa Dí không có nghĩa địa riêng mà việc chôn cất được thực hiện ở nơi người chết vẫn rất “ngẫu nhiên”, do người chết tự chọn trước cho mình, hoặc người con trai trong gia đình đi chọn đất trước khi chôn. Khi đi chọn đất chôn mang theo một quả trứng gà, một bắp ngô, vài bông lúa. Khi đi đến một nơi nào, người con khấn hỏi linh hồn người chết có muốn nằm ở đây không và giơ quả trứng trong lòng bàn tay và hát nhẹ về phía trước. Nếu quả trứng vỡ là hồn người chết ưng. Vì thế mộ người chết của người Pa Dí nằm rải rác khắp trên địa bàn họ sinh sống. Ngoài ra, việc thả rông gia súc gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, ảnh hưởng tới sức khỏe, khó khăn cho công tác xây dựng thôn bản văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. ĐĐ. TĐT chia sẻ: “Hoằng pháp với đồng bào dân tộc thiểu số gặp rất nhiều khó khăn, họ có những thói

quen duy trì trong đời sống từ ngàn đời, việc tác động để thay đổi những thói quen tập tục đó không hề dễ dàng, chứ chưa nói đến việc đưa một niềm tin mới vào đời sống của họ” [Nam, phỏng vấn tháng 12/2023].

Có thể thấy một yếu tố nữa đó là: Trên địa bàn tỉnh Lào Cai đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người dân tương đối phức tạp, có một số tổ chức mang màu sắc tôn giáo hoạt động: tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống có một số tổ chức mang màu sắc tôn giáo hoạt động như tổ chức bất hợp pháp “Dương Văn Minh”, tà đạo “Bà cô Dợ”, tổ chức mang màu sắc tôn giáo như Ngọc Phật Hồ Chí Minh, đạo Hoàng Thiên Long... lén lút hoạt động, tiềm ẩn những yếu tố phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bản chất thuần hậu, thật thà rất dễ bị tà đạo lợi dụng. Sự phức tạp đó cũng ít nhiều gây khó khăn cho hoạt động hoằng pháp ở vùng đất Lào Cai.

3.2.2. Phương thức, nội dung hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai

Nội dung hoằng pháp của Phật giáo bao giờ và ở đâu cũng đặt trên nền tảng lời dạy của đức Phật trong tam tạng kinh điển, nhưng sẽ sử dụng những phương thức khác nhau để chuyển tải hiệu quả những lời dạy đó đến với những đối tượng khác nhau. Với sự nỗ lực của tập thể Tăng Ni trên địa bàn tỉnh Lào Cai, trong thời gian qua hoạt động hoằng pháp đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận: các hoạt động hoằng pháp diễn ra đa dạng, phong phú, thể hiện đặc trưng riêng.

Hoằng pháp gắn với nghi lễ, đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân: Phật giáo là một tôn giáo với chức năng xã hội cơ bản, đặc thù là “bù đắp tinh thần” đã đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của con người. Mang lại sự thăng bằng cho con người trong rủi ro cuộc sống. Trước khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai chưa được thành lập, số lượng các cơ sở tôn giáo

Phật giáo trên địa bàn còn ít ỏi, sinh hoạt tín ngưỡng Phật giáo của người dân nơi đây diễn ra chủ yếu tự phát. Hàng năm, vào các dịp lễ lớn, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có cử tu sĩ lên hướng dẫn nhân dân sinh hoạt nhưng vì không thường xuyên, sát sao, hằng ngày nên chưa thể đáp ứng được hết nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân.

Từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai được thành lập, với sự phân công, chỉ đạo sát sao của các cấp Giáo hội, với sự hiện diện trực tiếp của các tu sĩ Phật giáo tại các địa phương, các tu sĩ đã không chỉ tham gia thực hành nghi lễ mà còn tôn tạo, trùng tu các cơ sở thờ tự, đèn nhang thường xuyên tại chùa đem lại cho Phật giáo tỉnh Lào Cai một diện mạo mới - phát huy được mọi chức năng xã hội của tôn giáo (Phật giáo), bởi chùa đã có sự hướng dẫn của nhà sư để người dân thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của mình và sư trụ trì thực sự đóng vai trò là “linh hồn” của ngôi chùa. Nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Bình đã khẳng định: “Tại mỗi cơ sở thờ tự, sư trụ trì là người đại diện cho tổ chức tôn giáo duy trì sự hiện diện, ảnh hưởng của tôn giáo đối với đời sống xã hội của cộng đồng. Sư trụ trì thường xuyên làm công tác gìn giữ, dọn dẹp không gian ngôi chùa; giữ gìn, bảo vệ hệ thống tượng Phật; giữ gìn các nghi lễ Phật giáo, thường xuyên tụng kinh, niệm Phật theo quy định của tổ chức tôn giáo...” (Xem Nguyễn Thanh Bình, 2017).

Trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai, sự nỗ lực của các Tăng Ni trong toàn tỉnh, hoạt động nghi lễ của Phật giáo được diễn ra trang nghiêm, phong phú, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo, tinh thần của nhân dân, đặc biệt là cộng đồng Phật tử của tỉnh Lào Cai.

Các ngày lễ lớn của Phật giáo như: Phật Đản, Vu Lan,... các chùa trong toàn tỉnh đều được chuẩn bị chu đáo, tổ chức buổi lễ long trọng, trang nghiêm

đúng với quy định của Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thu hút đông đảo Phật tử và người dân tham dự. Vì số lượng cơ sở tôn giáo trong toàn tỉnh còn hạn chế, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Lào Cai còn xin phép các cơ quan có thẩm quyền cho phép tổ chức Lễ Phật Đản ngoài cơ sở tôn giáo tại các địa điểm như: xã Thái Niên, Gia Phú, Phú Nhuận (huyện Bảo Thắng), xã Văn Sơn (huyện Văn Bàn), xã Bảo Hà (huyện Bảo Yên),... nhằm đáp ứng mong mỏi, nguyện vọng của các Phật tử và nhân dân trong vùng (Xem phụ lục ảnh).

Các ngày Rằm, mừng Một hay các ngày lễ tết trong năm, các chùa đều hướng dẫn các Phật tử và những người đến chùa thực hiện các nghi thức tụng niệm theo đúng tinh thần Phật giáo, đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân. Hay trong các dịp quan trọng của các gia đình người dân trong vùng như xây nhà mới, cưới hỏi cho con cái, ma chay cho người đã khuất,... đều có sự hiện diện của các vị sư thầy với vai trò người hướng dẫn tâm linh khi gia chủ tin tưởng và có nhu cầu nương nhờ các sư thầy.

Mỗi năm, các chùa trên địa bàn tỉnh Lào Cai như Tân Bảo, Liên Hoa, Thiên Trúc, Cam Lộ đều đặn hai lần tổ chức khóa lễ Quy y Tam Bảo, đáp ứng nhu cầu muốn trở thành đệ tử đức Phật của người dân,... Các dịp Đại lễ quan trọng của đất nước, hay đầu năm mới các chùa trong toàn tỉnh cũng thường xuyên tổ chức các lễ cầu cho Quốc thái, dân an,...mang lại sự an vui trong tinh thần người dân. Trong các thời khắc xã hội có nhiều biến động, đời sống nhân dân có nhiều khó khăn, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai tổ chức các nghi lễ lớn nhằm xoa dịu những mất mát tinh thần, tạo điểm tựa tâm linh cho bà con. Năm 2024, cơn bão Yagi đổ bộ vào Việt Nam, gây thiệt hại nặng nề về người và của ở tỉnh Lào Cai, đặc biệt trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Chia sẻ nỗi đau đó, bên cạnh những hỗ trợ về mặt vật chất thông qua các hoạt động từ thiện (xem phần sau), Giáo hội Phật giáo Việt

Nam tỉnh Lào Cai đã tổ chức Đại lễ Cầu siêu – Tưởng niệm các nạn nhân tử vong do thiên tai trên địa bàn tỉnh Lào Cai vào ngày 13/10/2024 (Xem phụ lục ảnh).

Như vậy Phật giáo với ngôi chùa và các tu sĩ cùng những hoạt động nghi lễ đã trở thành điểm tựa tâm linh không thể thiếu của người dân. Để mỗi khi cần một nơi tĩnh tâm, cân bằng tinh thần, hay tìm một chỗ dựa, một sự thăng hoa trong muôn vàn khó khăn, rủi ro từ thực tế cuộc sống thì ngôi chùa đã trở thành nơi thân quen, tịnh tâm để vượt qua.

Tôn giáo (Phật giáo) không chỉ có chức năng an ủi tinh thần mà còn có chức năng giáo dục đạo đức. Do vậy, khi đến chùa hay tham gia các nghi lễ Phật giáo, thì người Phật tử hay những người tham gia không chỉ được thỏa mãn nhu cầu tâm linh, mà còn được nghe giảng về giáo lý Phật pháp, về chuẩn mực đạo đức (Lục độ, Lục hòa), về những câu chuyện trong kinh kệ của đức Phật làm thấm thía những lời giảng về luân thường đạo lý làm người,... từ đó giúp họ điều chỉnh những hành vi đạo đức, có lối sống tốt hơn.

“Có thể khẳng định, Phật giáo Việt Nam đã có nhiều đóng góp trong việc hình thành những quan niệm tích cực, nhân bản. Những giá trị và chuẩn mực đạo đức mà Phật giáo đề cập đến đã đi vào cuộc sống và được duy trì cho đến tận ngày nay. Phật giáo đã hình thành trong tín đồ quan niệm về một trật tự đạo đức, một xã hội tươi đẹp. Lý tưởng đó đã trở thành động lực thôi thúc các Phật tử hướng đến những hành động tốt đẹp, dứt bỏ dục vọng, ham muốn cá nhân, xây dựng phong cách đạo đức từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha.

Phật giáo Lào Cai có tác động đến văn hóa, đời sống tinh thần của nhiều người. Phần lớn người dân tộc Kinh ở Lào Cai chịu sự chi phối yếu tố tinh thần của Phật giáo. Phật giáo cũng đã góp phần

giáo dục cho nhân dân Lào Cai xây dựng nhân cách phù hợp với xã hội mới, xây dựng xã hội văn minh, bình đẳng (Xem Giáo hội PGVN, 2019, tr. 389).

Hoằng pháp gắn với Từ thiện xã hội: Với đặc thù của một tỉnh miền núi, xa xôi, hẻo lánh, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là nhân dân các dân tộc thiểu số. Với tinh thần “Từ bi” và tinh thần “Phụng sự chúng sinh là cúng dường Chư Phật” nên Phật giáo tỉnh Lào Cai luôn đóng vai trò không nhỏ trong công tác hoạt động từ thiện và coi đó là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác Phật sự của mình. Hoằng pháp gắn với từ thiện xã hội đã đưa lại nhiều kết quả tốt, một mặt lan tỏa hình ảnh, giá trị tốt đẹp của Phật giáo, mặt khác góp phần giúp đỡ các đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm bớt những khó khăn.

Trước tiên, các hoạt động từ thiện hướng đến đối tượng là những người có hoàn cảnh khó khăn trên toàn tỉnh.

Lào Cai là địa bàn sinh sống của 25 dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc chiếm đa số. Có những dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu trên các vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn ở các huyện như: Mường Khương, Bát Xát, Bắc Hà, Si Ma Cai, Sa Pa, Văn Bàn,... điều kiện sinh sống thấp, kinh tế chậm phát triển, tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu (như đã phân tích ở trên).

Là một tỉnh có điều kiện tự nhiên đa dạng và phong phú nhưng cũng vô cùng khắc nghiệt, chính vì thế, hàng năm nhân dân trong tỉnh phải hứng chịu rất nhiều thiên tai, thể hiện trong bảng thống kê sau:

STT	Năm	Số cơn bão	Số trận lũ lụt	Số trận lũ quét	Số trận AT nhiệt đới	Số đợt sạt lở đất	Hạn hán	Thiên tai khác (giông, lốc xoáy, mưa đá, mưa lớn kéo dài)	Thiệt hại về người (chết, bị thương và mất tích)	Thiệt hại về tài sản (tỷ đồng)
1	2010	2		3	2		1	12	51	58
2	2011	3		2	1		1	7	17	72
3	2012	3		1	3		1	8	19	125
4	2013	2		3	3		2	10	106	635
5	2014	2		2	1		1	7	14	211
6	2015	1		2	2		1	8	8	273
7	2016	3		3	2		1	14	50	768
8	2017	3	1	2	1		1	6	11	658
9	2018	2	1	2	3		1	12	22	699
10	2019	2		1	3		2	20	8	103
Tổng		23	2	20	21	0	12	104	306	3.602

Nguồn: Thống kê trong Đề xuất dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi nhỏ và hệ thống nước sinh hoạt lồng ghép với sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc thích ứng với biến đổi khí hậu - Tỉnh Lào Cai

Vì thế đời sống nhân dân tỉnh Lào Cai còn nghèo. Trong thời gian qua, chính quyền tỉnh Lào Cai đã có nhiều biện pháp tập trung nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, đặc biệt chú trọng đồng bào dân tộc thiểu số, điển hình như Chương trình 135, Chương trình 30a dành cho các huyện nghèo của cả nước, Chương trình Xây

dựng nông thôn mới... cùng với những chính sách, chương trình riêng được tỉnh Lào Cai ban hành để tập trung đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từ đó góp phần thúc đẩy công tác giảm nghèo trên địa bàn.

Nhưng xóa đói giảm nghèo là công cuộc lâu dài, cần sự chung tay đóng góp của mọi nguồn lực xã hội. Và tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng có thể coi là một nguồn lực xã hội.

Phật giáo với tư tưởng nhập thế sâu sắc, đã dần thân vào cùng với nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh giải quyết các vấn đề đói nghèo, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn từng bước vượt qua để sống tốt hơn, bằng các hoạt động cụ thể như: Ban Trị sự Hội Phật giáo tỉnh đã kêu gọi các nhà hảo tâm, các tổ chức phát tâm thiện nguyện nhằm chung tay cùng chính quyền địa phương các cấp hỗ trợ cho đồng bào và học sinh vùng cao, vùng sâu đặc biệt khó khăn trong mọi vấn đề học tập, sinh hoạt: sửa chữa trường học; tặng bữa ăn bán trú, tặng khẩu phần dinh dưỡng của bữa ăn bán trú; khoan giếng nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của giáo viên, học sinh các trường ở các vùng núi cao còn nhiều thiếu thốn; phối hợp với các đơn vị y tế trong tỉnh tổ chức khám bệnh và cấp thuốc miễn phí cho học sinh các trường dân tộc nội trú huyện Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai, Sa Pa Hội còn; hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó...

Cụ thể: gần đây, tháng 9 năm 2024, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai, trao tặng hai tấn gạo cho học sinh nghèo Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học Cơ sở xã Thanh Bình, huyện Mường Khương. Việc quan tâm đến thế hệ trẻ có hoàn cảnh khó khăn ở các vùng cao, biên giới không chỉ thể hiện tinh thần từ bi của Phật giáo mà còn là phương thức để đưa Phật giáo đến với nơi đây. Mường Khương là huyện vùng cao biên giới có vị trí quan trọng về quốc

phòng – an ninh. Nơi đây là nơi sinh sống của 23 dân tộc anh em chung sống, trong đó chủ yếu là các dân tộc thiểu số: Mông (41,78%), Nùng (26,8%), Dao (5,75%), Dáy (3,74%),... Ngoài ra còn rất nhiều dân tộc khác như: Bô Y, Phù Lá, Mường,... Xã Thanh Bình huyện Mường Khương có 11 thôn: Văng Đẹt, Thính Chéng, Lao Hâu, Nậm Pản, Pờ Hồ, Tả Thên A, Tả Thên B, Sín Chải, Sín Pao Chải, Cán Hồ, Nậm Rúp, nơi sinh sống của chủ yếu các đồng bào dân tộc thiểu số. Là một xã của huyện vùng cao, biên giới, với xuất phát điểm thấp, Mường Khương từng là huyện nghèo nhất của tỉnh Lào Cai. Trong thời gian qua, đời sống người dân nơi đây đã có nhiều khởi sắc nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn. Những hoạt động từ thiện của Phật giáo đã đưa Phật giáo đến với đồng bào sinh sống nơi đây. Chia sẻ về vấn đề này, chị HSH, dân tộc Nùng chia sẻ: “Gia đình tôi có có gái đang học THCS ở trường, học bán trú. Hôm nay các sư Thầy đến cho gạo, tôi rất vui, con tôi ở trường sẽ có cơm ngon để ăn, tôi yên tâm đi làm, tôi thường hái chè ở các nương. Các Thầy bảo đây là việc làm thường xuyên của Phật giáo, hay giúp đỡ người khác” [Nữ, 36 tuổi, Phỏng vấn tháng 9/2024]. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Bảo Thắng duy trì quỹ khuyến học hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc nội trú, khuyến khích các em nỗ lực vươn lên trong học tập [Xem phụ lục ảnh]

Ban Từ thiện xã hội Phật giáo tỉnh Lào Cai còn tổ chức kêu gọi các tấm lòng hảo tâm tổ chức thăm hỏi các gia đình neo đơn, các gia đình chính sách trên địa bàn, các vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai hàng năm,...

Các hoạt động từ thiện của Phật giáo tỉnh Lào Cai diễn ra bằng nhiều hình thức đa dạng, gắn liền với thực tiễn, góp phần giải quyết các nhu cầu của người dân về đời sống xã hội. Báo cáo Kết quả thực hiện công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2014 như sau: các tổ chức Phật giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã tích cực tham gia nhiều hoạt động từ thiện nhân đạo như:

Ban trị sự Phật giáo tỉnh Lào Cai phối hợp với UBND các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bảo Thắng, Si Mai Cai, Bát Xát, Mường Khương và thành phố Lào Cai tặng 619 suất quà, 1.000 chiếc áo ấm, 500 đôi giày, 150kg gạo nếp, 01 máy phát điện thủy lực cho các hộ gia đình nghèo, cô đơn, dân tộc thiểu số, thương binh, liệt sỹ và các cháu học sinh với tổng trị giá 293.600.000 đồng; phối hợp với Bệnh viện Đa Khoa tỉnh cung cấp 100 suất cơm miễn phí cho bệnh nhân nghèo, có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị tại bệnh viện vào buổi trưa các ngày thứ 4 và thứ 6 hàng tuần.

Giá trị của các hoạt động từ thiện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai ngày càng lớn, thể hiện sức thu hút, ý nghĩa, giá trị của các hoạt động từ thiện của Phật giáo. Ví dụ như, năm 2018, các tổ chức Phật giáo đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã tổ chức nhiều hoạt động từ thiện nhân đạo với tổng kinh phí lên đến 05 tỉ đồng.

Những số liệu về công tác từ thiện xã hội, an sinh xã hội năm 2024 cho thấy sự phát triển vượt bậc và khẳng định những đóng góp của Phật giáo với xã hội tỉnh Lào Cai:

Bàn giao 14 ngôi nhà Đại đoàn kết tại các tỉnh Lào Cai: 01 căn nhà tại xã Trì Quang huyện Bảo Thắng trị giá 80.000.000 triệu đồng

Ban Trị sự tỉnh Lào Cai, huyện Bảo Thắng trồng cây nhân dịp tết Nguyên đán tại xã Xuân Giao: 200 cây bàng Đài Loan trị giá 40.000.000 triệu đồng.

Tiếp tục nâng cấp tuyến đường Đại đoàn kết tại Thôn Hùng Xuân 1, Thôn Phèo xã Xuân Giao huyện Bảo Thắng giai đoạn 2 trị giá 320.000.000 triệu đồng

Phối hợp với Ban Trị sự tỉnh, Lào Cai, huyện Bảo Thắng tặng Bình cứu hoả cho xã Xuân Quang, tổng trị giá : 44.800.000 triệu đồng.

Trao quà nhân mùa phật Đản là: 360.000.000 triệu đồng.

Phối hợp với Ban Trị sự tỉnh, Lào Cai, huyện Bảo Thắng tặng Chương trình ánh an ninh và 2 điểm chữa cháy công cộng tại thôn Nậm Trà, Nậm Phẳng tổng trị giá : 36.000.000 triệu đồng.

Phối hợp với Ban Trị sự tỉnh, Ban Trị sự Huyện, Công an huyện Bảo Thắng tuyên truyền Pháp luật (luật an ninh mạng, luật giao thông, Phòng cháy chữa cháy cho nhân dân Phật tử tại chùa Thiên Trúc, Thị Trấn Phố Lu: Tặng 150 bình cứu hoả xách tay cho hộ nghèo, cận nghèo, Phật tử dân tộc khó khăn trị giá: 42.000.000 triệu đồng.

Tiếp sức mùa thi cho học sinh thi vào lớp 10 THPT và THPT Quốc Gia của Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng và trường PTDT Nội trú THCS&THPT Bảo Thắng trị giá các xuất quà là: 6.580.000 đồng.

Phối hợp với Hội chữ thập đỏ Huyện Bảo Thắng tham gia tặng quà tháng nhân đạo tại xã Trì Quang: 1,5 tấn 55kg gạo trị giá: 27.900.000 triệu đồng.

Phối hợp với Ban Trị sự tỉnh Lào Cai tổ chức nhiều chương trình như “Bữa cơm Đại đoàn kết”, “Bát cháo yêu thương” tại bệnh viện Sản – Nhi Lào Cai và một số bệnh viện cấp huyện, tỉnh Lào Cai, hỗ trợ 52 nghìn cây quế giống cho 22 hộ trồng rừng và hỗ trợ 1 tấn gạo cho 50 hộ nghèo và các tịnh vật cho các hộ gia đình cận nghèo, các hộ khó khăn của xã biên giới, thôn Pạc Tà, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai với tổng kinh phí gần 100.000.000 triệu đồng trong chương trình phát động Phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” năm 2024;

Trong dịp Tổng kết năm học 2023-2024 vừa qua, các hoạt động khuyến học, khuyến tài tặng thưởng các học sinh nghèo vượt khó và học sinh giỏi của ban Phân HDPT đến các em hơn 80.000 triệu đồng.

Tham dự chương trình với tỉnh Đoàn Lào Cai, huyện Đoàn Bảo Thắng tổ chức lễ phát động tháng Thanh niên tình nguyện hè năm 2024, tại xã Xuân Giao, tặng 1 tấn gạo và 60 suất quà, trị giá: 30.000.000 đồng.

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Huyện Bảo Thắng trao quà tại thôn Ải Nam Thị trấn Phong Hải trị giá: 11.000.000 triệu đồng.

Trao quà nhân Mùa Vu lan báo hiếu: 319.000.000.

Phối hợp với các đoàn từ thiện cứu nạn lũ lụt trong cơn bão YAGI là: 2.600.000 (hai tỉ sáu trăm triệu đồng)

Trao học bổng cho Học sinh dân tộc thiểu số các tỉnh: Lào Cai: 10 HS, Hà Giang: 10 HS, Thái Nguyên: 10 HS, Nghệ An: 10 HS, Yên Bái: 10 HS, Quảng Bình: 10HS. Mỗi học sinh được hưởng 3.000.000/ 01 năm. Tổng số: 180.000.000 triệu đồng.

Trong đợt bão YAGI chư tôn đức tỉnh Lào Cai đã phối hợp với các chùa cứu trợ đồng bào ảnh hưởng thiệt hại do lũ hơn chục tỉ đồng...

Không chỉ tổ chức các hoạt động từ thiện hướng đến nhân dân trong tỉnh mà với tinh thần Từ bi Hỷ xả của Phật giáo hòa đồng với bản sắc văn hóa Việt Nam “Bầu ở thương lấy bí cùng”, “Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”, các hoạt động từ thiện của Phật giáo Lào Cai còn hướng đến chung tay, chia sẻ, xoa dịu những khó khăn với đồng bào trên cả nước. Khi thì đóng góp giúp đỡ đồng bào Nghệ An, Hà Tĩnh gặp thiên tai lũ lụt, khi thì gửi quà giúp đỡ các em học sinh các vùng núi cao khó khăn của các tỉnh lân cận Hà Giang, Điện Biên,... (Xem phụ lục ảnh).

Chính những hoạt động từ thiện trên đã góp phần không nhỏ vào việc hỗ trợ cùng địa phương tham gia giúp đỡ người nghèo, những người hoàn cảnh khó khăn ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, để họ có cuộc sống ấm no hạnh phúc hơn. Và cũng chính những hoạt động đó mà Phật giáo đến gần hơn với đồng bào các dân tộc. Hình ảnh những tu sĩ Phật giáo với tấm áo nâu giản

dị cùng các Phật tử xuất hiện kịp thời ở những nơi “đầu sóng ngọn gió”, những nơi khó khăn, gian nan,... đã trở thành những hình ảnh vô cùng đẹp đẽ, tạo nên ấn tượng sâu sắc trong lòng người dân. Từ đó, người ta biết đến với Phật giáo - một tôn giáo thân thiện, từ bi, luôn đồng hành giúp đỡ chúng sinh.

Khi đánh giá về đóng góp của Phật giáo với các vấn đề an sinh xã hội tại tỉnh Lào Cai, tác giả Trần Phùng đã viết:

“Lào Cai đang đẩy mạnh sự phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, ngày càng có nhiều vấn đề xã hội bức xúc nổi lên và trở thành thách thức, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững. Để đảm bảo sự phát triển bền vững cho xã hội, Phật giáo ngày càng có vai trò quan trọng, góp phần hỗ trợ đối với tỉnh Lào Cai thực hiện tốt an sinh và đảm bảo công bằng xã hội. Với những đóng góp lớn, tích cực vào công tác an sinh xã hội và vai trò trách nhiệm đối với xã hội, Phật giáo đã khẳng định được vị trí đặc biệt quan trọng của mình trong đời sống xã hội. Đồng thời khẳng định được sức sống của Phật giáo đối với sự phát triển của dân tộc qua suốt các thời kỳ lịch sử. Công tác an sinh xã hội, đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội không thể thiếu sự đóng góp của Phật giáo” (Xem Giáo hội PGVN, 2019, tr. 391, 392).

Tăng cường xây dựng chùa – tạo cơ sở hoằng pháp, đa dạng hóa hoạt động thu hút tín đồ: Trong thời gian qua, để nâng cao hiệu quả công tác hoằng pháp và hướng dẫn Phật tử, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Lào Cai đã tập trung kiện toàn và phát triển Ban Hoằng pháp và Ban hướng dẫn Phật tử bởi đây là nhiệm vụ trọng tâm của Phật giáo tỉnh trong bối cảnh hiện nay. Do đó, các hoạt động Hoằng pháp và hướng dẫn Phật tử trong thời gian qua diễn ra sôi nổi với nhiều hình thức khác nhau như các chương trình tặng các cuốn Kinh, Luật, Luận, sách Phật học ứng dụng cho những người có niềm tin với Phật

giáo để họ hiểu nhiều hơn về Phật pháp; tổ chức các khóa tu mùa hè, ví như: Năm 2019, được sự đồng ý của các cấp chính quyền tỉnh Lào Cai. Ban Trị sự Phật giáo tỉnh đã tổ chức Khóa tu mùa hè cho khoảng 2000 thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh Lào Cai, tại Thiền Viện Trúc Lâm Đại Giác và Chùa Cam Lộ. Tổ chức, Hội trại Trúc Lâm lần thứ VI cho 350 thanh, thiếu niên đến từ các thiền viện thuộc thiền phái Trúc Lâm Yên Tử tại Thiền viện Trúc Lâm Đại Giác Sa Pa, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai...

Các khóa tu này thường gắn với các chủ đề thiết thực nhằm đưa Phật giáo đi sâu vào thực tiễn đời sống theo đúng tinh thần “nhập thế” của Phật giáo Việt Nam, thu hút nhiều thành phần tham gia sinh hoạt như các chủ đề: “Gieo hạt từ tâm”, “Thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ của Việt Nam đăng ký với Liên hiệp quốc”, “Tháng An toàn giao thông”, hay “Tuổi trẻ với hành động bảo vệ trái đất”,...

Như đã phân tích ở trên, Lào Cai là một tỉnh miền núi, trong tỉnh có rất nhiều khu vực vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, điều kiện đi lại khó khăn, cư dân ở các vùng này lại chủ yếu là các dân tộc thiểu số. Phật Giáo mới chỉ đến và phổ biến với người Kinh ở các vùng ven sông, điều kiện đi lại thuận tiện. Chính vì thế, hoằng pháp đưa Phật giáo đến được với vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn là một nhiệm vụ không phải dễ dàng của Phật giáo Lào Cai. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Giáo hội Phật giáo tỉnh Lào Cai cùng chính quyền địa phương và người dân trong vùng, nên nhiều ngôi chùa đã được xây dựng, đặc biệt là ở các khu vực biên giới vừa để phục vụ đời sống tâm linh cho nhân dân, cũng đồng thời có ý nghĩa cột mốc tâm linh, khẳng định chủ quyền của dân tộc: Phật giáo hiện diện nơi biên giới, xâm nhập được vào các dân tộc đã góp phần quan trọng trong thúc đẩy gắn kết thực hiện trách nhiệm của tín đồ với trách nhiệm của công dân, trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng, trách nhiệm với Nhà nước, với dân tộc, với quốc gia”.

Ý thức được công tác Hoằng pháp là điểm cốt yếu để Phật giáo phát triển, Thường trực Ban Trị sự giao cho Ban Hoằng pháp kết hợp với Ban Hướng dẫn Phật tử thành lập Giảng sư đoàn để thuyết giảng giáo pháp, tuyên truyền nhân dân, Phật tử tu tập đúng chính pháp, tuân thủ pháp luật. Đồng đạo Tăng Ni, Phật tử đã hăng hái tham gia các phong trào thi đua yêu nước, đặc biệt là cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, “*Ngày vì người nghèo*: Nghiêm chỉnh thực hiện các chỉ đạo về phòng chống dịch bệnh của các cấp chính quyền và Trung ương Giáo hội; các cuộc vận động do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phát động. Các Chùa thường xuyên tổ chức Lễ chúc thọ cho các Phật tử cao tuổi, duy trì tổ chức các buổi gặp mặt cho Hội Phật tử ngành Y, Hội Phật tử Giáo chức, Hội Phật tử Cựu chiến binh; tổ chức kỷ niệm các ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.. những hoạt động Hoằng pháp đã đi vào lòng người, để lại nhiều ấn tượng sâu sắc, tạo cho nhân dân, Phật tử có thêm niềm tin, nhận thức rõ những giá trị chân chính về giáo lý của Đạo Phật, từ đó cải tạo được nhiều những tập quán lạc hậu, đoàn kết, giúp đỡ nhau, không nghe những luận điệu xấu của các thế lực thù địch gây chia rẽ, bất ổn trong đời sống nhân dân.

Nhiều phương pháp hoằng pháp hay, độc đáo đã được các Tăng Ni của Phật giáo tỉnh Lào Cai triển khai, mang lại hiệu quả: Ví dụ như, hoằng pháp đối với đối tượng thanh thiếu niên nhi đồng, khi các em bé mới sinh ra, nhiều gia đình đã mang gửi danh sách bán khoán cho chùa để dễ nuôi và thông minh. Quý Thầy làm lễ cầu nguyện và quy y cho các cháu, đồng thời lưu trữ các thông tin cá nhân của các cháu để lưu lại chùa. Vào ngày sinh nhật của các cháu, Ban Hướng dẫn Phật tử và chùa Tân Bảo và Cam Lộ cử người trao quà sinh nhật đến từng cháu. Quà sinh nhật là những thiệp mừng gói kẹo, những băng đĩa thuyết giảng đạo đức... giúp các cháu định hướng nhân cách

để trở thành những người con ngoan trò giỏi. Mỗi khi cháu nào có hoàn cảnh vui buồn, đều được các thầy quan tâm chia sẻ, giúp đỡ. Các cháu học sinh đạt kết quả cao, hàng năm đều được mời đến chùa vinh danh và tặng quà khuyến học. Từ đó, gắn kết các cháu giữa Đạo với đời, giúp các cháu tránh xa những tệ nạn xã hội. Hiện tại, có trên 1000 các cháu đang được Ban Hoằng pháp; Ban Hướng dẫn Phật tử tỉnh và chùa Tân Bảo, Cam Lộ trực tiếp quản lý. Do vậy gia đình các cháu rất yên tâm và hoan hỉ thường xuyên đến chùa nghe Pháp chia sẻ với các Quý thầy.

Nội dung hoằng pháp: Hoằng pháp là đưa giáo lý Phật giáo vào với đời sống của con người nhằm phục vụ đời sống, đem lại lợi ích cho con người. Với tất cả các đối tượng, hoằng pháp không gì khác là đưa những quan niệm, tư tưởng của Phật giáo được thể hiện trong kinh sách của Phật giáo đến gần hơn với đối tượng hoằng pháp. Với đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng, cộng đồng các dân tộc ở Lào Cai nói chung, với những đặc điểm rất riêng về đối tượng hoằng pháp nên những nội dung hoằng pháp của Phật giáo tỉnh Lào Cai thời gian qua cũng thể hiện những nét đặc trưng riêng:

Nội dung hoằng pháp là đưa những giáo lý, giáo luật gần gũi với tư tưởng, quan niệm của người dân, của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Lào Cai: Ngay từ những ngày đầu du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã được người Việt Nam mở lòng đón nhận, một trong những nguyên nhân là do giáo lý, tư tưởng Phật giáo có nhiều điều phù hợp, tương đồng với văn hóa truyền thống Việt Nam: “Do đạo Phật đến với Việt Nam bằng con đường hòa bình, do giáo lý của Phật giáo về bình đẳng, bác ái, cứu khổ, cứu nạn..., gần gũi với tín ngưỡng, văn hóa truyền thống của cư dân Việt Nam, nên Phật giáo dễ dàng được người dân Việt Nam chấp nhận” (Nguyễn Thanh Tuấn, 2009, tr.21). Khi đưa Phật giáo đến với vùng núi có đông đồng bào các dân tộc sinh sống như Lào Cai, các tư tưởng cơ bản của Phật giáo cũng rất phù hợp với các

quan niệm truyền thống của người dân nơi đây, có thể kể đến triết lý từ bi, nhân quả, cứu khổ cứu nạn, sống hướng thiện, sống có trách nhiệm với cộng đồng, rời xa cái xấu,... Chính vì thế trong các nội dung hoằng pháp đây là những nội dung được đề cập đến thường xuyên, phổ biến.

Người Dao ở Lào Cai có những giá trị đạo đức truyền thống, các quy phạm đạo đức thể hiện trong trong ứng xử, gia đình, cộng đồng, sách Tăng quang thư, Phá Lý, Boòng dầu cầu... ghi rằng: “Một năm bắt đầu từ mùa xuân; Một ngày bắt đầu từ giờ Dần; Điều cốt lõi của gia đình là sự hoà hợp; Cái quan trọng nhất trong đời là tính cần cù chịu khó; Cầu người không bằng cầu ngay chính bản thân; Xét bản thân trước rồi mới đến người ngoài”. Khi một người Dao là nam giới đến tuổi trưởng thành sẽ được tổ chức lễ cấp sắc, Trong lễ cấp sắc, lời răn gắn với nghi lễ linh thiêng được thầy cúng thổi hồn dạy bảo: “Cấp sắc rồi, con không được trộm cắp, nói xấu người; Cấp sắc rồi, con không được ác tâm, đánh chửi người thiên hạ...”. Chính vì thế, trong những buổi thuyết giảng ở nơi có đông đồng bào Dao sinh sống, những tư tưởng Phật giáo gần gũi với quan niệm, tư tưởng của dân tộc Dao cũng được nhấn mạnh để thấy được sự gần gũi giữa những giá trị Phật giáo và tư tưởng truyền thống của dân tộc. Tư tưởng từ bi, hướng thiện của Phật giáo gần gũi với những điều răn dạy không ác tâm của người Dao. Những bài giảng pháp ở những nơi có người Dao tham gia, các tăng ni đều chú ý giảng những lời kinh thể thơ, ngắn gọn, dễ hiểu, đậm tính triết lý gần gũi với quan niệm của người Dao:

“Xin tâm con yêu mến
Cả những người chẳng quen
Trên đường đời nhiều phen
Gặp nhau mà không biết.

Xin tâm con thương hết
Cả những người ghét con
Thậm chí đã đưa con
Vào khốn cùng đau khổ.
Xin thương người già yếu
Kiếp sống đã đi qua
Lắm vinh nhục phong ba
Tuổi trời không xa nữa.
Xin thương những em bé
Từng đôi mắt ngây thơ
Những vui khổ đang chờ
Kiếp người không biết trước.
Nguyện lòng đầy thương cảm
Những thân phận tật nguyên
Làm người ít phước duyên
Thiệt thòi và bất hạnh”
(Kính Từ bi sám hối).

Luôn hướng con người đến với những việc làm thiện, tránh xa điều ác, để xây dựng cuộc sống yên bình, hạnh phúc, giải thoát được khổ đau, phiền não:

“Nguyện tất cả muôn loài
Biết yêu quý lẫn nhau
Đừng gây cảnh khổ đau
Đề kéo theo oan trái.
Ai cũng biết phòng hộ
Những ý niệm của mình

Tránh xúc não chúng sinh
Bởi ác tâm hung bạo.
Trên đường đời vạn nẻo
Gặp nhau kết duyên lành
Trong tử tế hân hoan
Bằng yêu thương giúp đỡ.
Người với người yêu mến
Người khuyên người từ bi
Dòng luân hồi cùng đi
Bớt được nhiều nỗi khổ.
Pháp giới là vô ngã
Pháp giới là tình thương
Lòng từ trải muôn phương
Tâm bồ đề vô thượng”
(Kinh Từ bi sám hối).

Với người Pa Dí, đặc trưng nổi bật là tính cố kết cộng đồng cao, xuất phát từ nhu cầu đời sống lao động, sản xuất của họ: “Tính cố kết cộng đồng là một đặc điểm nổi bật của người Pa Dí. Do điều kiện sản xuất gặp nhiều khó khăn, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, công cụ lao động sản xuất còn thô sơ, các gia đình phải liên kết chặt chẽ với nhau về nhiều phương diện, vượt qua trở ngại để có thể sinh tồn và phát triển. Tính tập thể trong lao động sản xuất không chỉ tạo chỗ dựa vật chất và tinh thần cho mỗi người, mà điều quan trọng hơn là đem lại lợi ích thiết thân cho các gia đình” (Hà Văn Thắng, 2016, tr.143). Tính cố kết cộng đồng của người Pa Dí được thể hiện rõ nét ngay trong đời sống hằng ngày của họ: trong trồng trọt, sản xuất nông nghiệp, họ duy trì hình thức đổi công; người Pa Dí có tinh thần cao trong việc gìn giữ những “tài sản”, “nguồn lợi” chung của cộng đồng như khu rừng chung của

cộng đồng, nguồn nước chung của cộng đồng,...; người Pa Dí luôn hỗ trợ nhau trong đời sống hằng ngày, khi mỗi gia đình có công việc lớn, các sự kiện vui, buồn đều hỗ trợ nhau trên tinh thần tương thân, tương ái. Với đặc trưng như vậy, các tăng ni khi tiếp cận các đối tượng hoằng pháp là người dân tộc Pa Dí đều rất chú ý đến tinh thần cố kết cộng đồng, đưa những quan niệm của Phật giáo về những nguyên tắc duy trì một cộng đồng bền vững đến với họ. Những quan niệm lục hòa của Phật giáo được sẻ chia, lồng ghép những ví dụ cụ thể gắn với cuộc sống cộng đồng của họ. Đức Phật dạy người đệ tử sáu nguyên tắc chung sống của cộng đồng:

- + Thân hòa đồng trụ:
- + Khẩu hòa vô tranh
- + Ý hòa đồng duyệt
- + Lợi hòa đồng quân:
- + Giới hòa đồng tu:
- + Kiến hòa đồng giải:

Kinh sách Phật giáo viết về Lục hòa:

“Có sáu pháp cần phải ghi nhớ này, này các Tỷ-kheo, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú thân làm từ đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú lời nói từ... ý nghĩ từ đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các lợi dưỡng đúng pháp, nhận được đúng pháp, cho đến những đồ vật nhận được chỉ trong bình bát, vị ấy không phải là người không san sẻ các đồ vật nhận được như vậy, phải là người san sẻ dùng chung với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các Giới Luật không bị bề vụn, không bị sút mẻ, không bị vết chấm, không bị uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đi đến Thiền định, Tỷ-kheo sống thành tựu Giới Luật trong các Giới Luật ấy đối với các vị đồng Phạm hạnh, cả trước mặt lẫn sau lưng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các tri kiến thuộc bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, khiến người thực hành chơn chánh diệt tận khổ đau, Tỷ-kheo sống thành tựu tri kiến với các tri kiến như vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh, cả trước mặt lẫn sau lưng.

Đây là sáu pháp cần phải ghi nhớ, này các Tỷ-kheo, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí” (Tăng Chi Bộ Kinh, chương Sáu Pháp, phẩm Cần Phải Nhớ, bài kinh Cần Phải Nhớ 2).

Chia sẻ về vấn đề này ĐĐ. TTT. chia sẻ: “Phật giáo vào Việt Nam, tư tưởng của đức Phật có nhiều điều phù hợp với truyền thống văn hóa của người Việt Nam nói chung, chính vì thế Phật giáo được người Việt đón nhận nhiệt tình. Hiện nay, Phật giáo đã trở thành một phần của văn hóa Việt Nam, đặc biệt với người Kinh. Tuy nhiên, với đồng bào các dân tộc thiểu số, thời gian qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đẩy mạnh công tác hoằng pháp đến đối tượng là đồng bào các dân tộc thiểu số, việc thành lập Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở tất cả các tỉnh thành, trong đó có các tỉnh thành miền

núi mà sự hiện diện Phật giáo chưa thật sự đậm nét chính là minh chứng cho sự nỗ lực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hoằng pháp của Phật giáo ở các vùng sâu vùng xa, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Hoằng pháp ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều điểm khác biệt đặc trưng riêng khác với các hình thức hoằng pháp thông thường. Người hoằng pháp phải có sự hiểu nhất định đối với văn hóa bản địa của các dân tộc, phải hiểu ngôn ngữ của họ, sinh hoạt cùng với họ mới có thể từng bước đưa Phật giáo đến gần với họ [Nam, phỏng vấn tháng 12/2023].

Như đã phân tích ở trên một trong những phương thức hoằng pháp hiệu quả ở Lào Cai, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống là hoằng pháp kết hợp với từ thiện. Thông qua đó, các giáo lý cơ bản của Phật giáo: từ bi, hỷ xả, nhân quả, thập thiện,... cũng được truyền bá, không chỉ là lý thuyết mà còn được hướng dẫn thực hành. Bồ thí là hạnh đứng đầu trong lục độ, là một phương thức thực hành rất hiệu quả giáo lý của đức Phật. Khi thực hiện các hoạt động từ thiện và hướng dẫn Phật tử cùng thực hiện các hoạt động từ thiện, các tăng ni ở Lào Cai đều giảng cho các Phật tử về ý nghĩa thực sự của việc làm từ thiện, giúp cho họ hiểu từ thiện thực sự theo tinh thần Phật giáo là như thế nào, các hình thức của từ thiện. Những kinh sách, những lời dạy của đức Phật về từ thiện được truyền đạt, giảng giải, giúp họ hiểu thêm về Phật giáo, hiểu đúng về Phật giáo, biết vận dụng Phật giáo vào đời sống để giúp người, giúp đời. Với các tăng ni luôn nhận thức rõ trong tất cả các loại bồ thí, Pháp thí là vĩ đại hơn cả, chính vì thế, lan tỏa Phật giáo, đưa Phật giáo đến với nhiều người hơn, giúp họ tăng trưởng thiện tâm có thể ứng dụng Phật giáo vào đời sống xã hội là việc làm đem lại nhiều lợi ích. Cụ thể như, trong các hoạt động từ thiện tại chùa Thiên Trúc, Bảo Thắng, Lào Cai, sư trụ trì luôn

lồng ghép những bài giảng Phật giáo về từ thiện để các Phật tử hiểu hơn về từ thiện Phật giáo và thực hành theo:

+ Đức Phật từng dạy về các hình thức bố thí mà người đời sau ứng dụng vào từ thiện: "Này các Tỳ-kheo, có tám sự bố thí của bậc chân nhân. Thế nào là tám? Cho vật trong sạch; cho vật thù diệu; cho đúng thời; cho vật thích ứng; cho với sự cẩn thận; cho luôn luôn; khi cho tâm tịnh tín; sau khi cho tâm luôn hoan hỷ";

+ Lợi ích của bố thí, từ thiện: "Có năm lợi ích của bố thí: được nhiều người ưa thích mến mộ; được thiên nhân và các bậc chân nhân thân cận; tiếng đồn tốt đẹp được truyền đi; không có sai lệch pháp của người gia chủ; khi thân hoại mạng chung được sinh lên cõi lành thiên giới" (Kinh Tăng Chi Bộ).

Chia sẻ về vấn đề này, Phật tử NTY ở chùa Thiên Trúc chia sẻ: "Ngôi chùa Tân Bảo trước đây chỉ là nơi thờ cúng đơn sơ của gia đình một Phật tử từ thời trước để lại, kể từ khi sư trụ trì về đây thì sinh hoạt Phật giáo của bà con chúng con cũng thay đổi toàn diện. Chúng con có người dẫn dắt thực hành Phật giáo quy củ. Chúng con có các tổ phụ trách như tổ nghi lễ chuyên tụng kinh, hỗ trợ các gia đình Phật tử khi có việc cần như ma chay,...; tổ hậu cần chuyên lo các công việc hậu cần, chùa cảnh; tổ từ thiện, chuyên phát động, kêu gọi Phật tử và nhân dân giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn cần giúp đỡ. Chúng con được sư Thầy dạy về làm từ thiện, từ thiện phải từ cái tâm trong sáng không tính toán, không phô trương danh lợi mới thực sự ý nghĩa; từ thiện có nhiều hình thức chứ không phải cứ cho người khác tiền mới là từ thiện. Từ đó chúng con hăng hái, ai có tiền góp tiền, ai có công góp công, như xây nhà tình nghĩa nhiều Phật tử đóng góp bằng ngày công lao động" [Nữ, 56 tuổi, phỏng vấn tháng 12/2023].

Phật giáo đến với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lào Cai bằng nhiều hình thức khác nhau, mức độ ảnh hưởng của Phật giáo đối với mỗi vùng khác

nhau, các đối tượng khác nhau cũng có nhiều khác biệt. Có những vùng ảnh hưởng Phật giáo đã khá đậm nét, các sinh hoạt Phật giáo diễn ra thường xuyên, hệ thống, quy củ đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, tiêu biểu là những nơi đã có chùa và có các tăng, ni trụ trì hướng dẫn Phật tử sinh hoạt như Thiên Trúc, Tân Bảo, Cam Lộ,... Có những vùng Phật giáo biểu hiện ảnh hưởng trong đời sống người dân ở các quan niệm của người dân về Bụt, về nhân quả, về tử bi,... Người Tày, Nùng, Dao trong quan niệm của họ ông Bụt là một nhân vật linh thiêng cùng tồn tại trong hệ thống nhiều vị thần linh khác, mang nhiều yếu tố thần bí, có thể nhìn thấu mọi hành động của các cá nhân, hay giúp đỡ, chở che cho những người tốt và có khả năng trừng phạt với đối với những hành động sai trái của con người. Chính vì đức tin sẽ bị trừng phạt theo luật nhân quả mà mỗi cá nhân có những điều chỉnh thích hợp trong đời sống đạo đức. Những quan niệm ở hiền gặp lành, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, tử bi hỷ xả cũng được thể hiện trong các phạm trù, quan niệm đạo đức của người dân đồng bào các dân tộc thiểu số thể hiện sự ảnh hưởng của Phật giáo.

Số lượng chùa của Lào Cai còn rất hạn chế, tuy nhiên không phải chỉ ở những nơi có chùa người dân mới biết đến Phật giáo mà Phật giáo đã ảnh hưởng đến đời sống người dân nơi đây qua nhiều phương thức khác nhau, ở những nơi chưa có chùa, nhân dân cũng đã có những hình thức sinh hoạt tín ngưỡng Phật giáo đa dạng. Bà LTT, người dân tộc Tày chia sẻ: “Người Tày trong bản có ngày lễ Rằm tháng Bảy là ngày lễ lớn của người Tày, chỉ sau Tết Nguyên Đán. dịp này nhà nào cũng chuẩn bị lễ vật dâng cúng tổ tiên, chuẩn bị rất nhiều lễ vật, trong đó không thể thiếu là các loại bánh truyền thống như bánh rộm, bánh gai, bánh chuối,... Lễ tổ tiên để cầu mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, gia đình ấm no hạnh phúc. Bây giờ lễ ở nhà xong, chúng tôi còn cùng nhau đến chùa tiếp tục lễ cho tổ tiên.

Rằm tháng Bảy trong chùa cũng lễ cho cha mẹ, tổ tiên” [56 tuổi, nữ, phỏng vấn tháng 8 năm 2024].

Trong tương quan với vùng Đông Bắc, khi phân tích về ảnh hưởng của Phật giáo với đời sống đạo đức người dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc, tác giả Vũ Minh Tuyên và Ngô Thị Lan Anh cho rằng: “Theo khảo sát của chúng tôi, trong đời sống của các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc, tín ngưỡng dân gian qua “hình ảnh ông Bụt” không chỉ hình thành nên các quan niệm đạo đức, mà còn điều hành thực hiện những chuẩn mực đạo đức đó. Nếu các chuẩn mực đạo đức đòi hỏi mỗi công dân tự nguyện thực hiện và dư luận xã hội đóng vai trò khuyến khích hoặc trừng phạt đối với những vi phạm, thì tín ngưỡng dân gian qua “hình ảnh ông Bụt” trong quan niệm của người dân tộc Tày, Nùng, Dao lại thực hiện sự trừng phạt mang tính thần bí. Sự vi phạm những răn dạy về đạo đức của đức tin sẽ bị trừng phạt bởi thánh thần, của luật đền bù nhân quả. Do đó, nỗi lo sợ bị đức tin trừng phạt có ý nghĩa to lớn trong việc điều chỉnh hành vi cá nhân, đòi hỏi ở họ phải có nghĩa vụ đạo đức. Nhờ thế con người sống với nhau tốt hơn, cuộc sống của cộng đồng cũng tốt đẹp hơn” (Vũ Minh Tuyên và Ngô Thị Lan Anh, 2017, tr. 185-186).

Công tác hoằng pháp của Phật giáo tỉnh Lào Cai rất quan tâm đến thế hệ trẻ: Thế hệ trẻ là mầm non tương lai của đất nước. Chính vì thế, các chùa trên địa bàn tỉnh tổ chức nhiều khóa tu học cho đối tượng là người trẻ. Ý nghĩa khóa tu hướng đến hai mục đích chính là đưa đến những kiến thức, kỹ năng bổ ích cho lứa tuổi của các em, giúp các em ứng dụng vào đời sống học tập và sinh hoạt vì thế trong các khóa tu có hướng đến trang bị cho các em các kiến thức đạo đức về lòng hiếu thảo, về lòng từ bi, về ý thức tích cực trong cuộc sống và trang bị cho các em các kỹ năng cần thiết: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng sẻ chia, kỹ năng mềm như chống đuối nước, phòng chống cháy nổ,... Và hơn hết như tên của các khóa tu đã thể hiện là “gieo hạt bồ

đề”, gieo vào lòng các em những thiện cảm đầu tiên, những tiếp xúc đầu tiên với Phật giáo, với giáo lý Phật giáo, với thực hành Phật giáo để các em hiểu hơn về Phật giáo, từ đó hình thành những tình cảm, ý thức đầu tiên đối với Phật giáo. Chùa Thiên Trúc (huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai) bắt đầu tổ chức khóa tu mùa hè từ năm 2022, với chủ đề Gieo hạt bồ đề”, với đối tượng là các em trong độ tuổi từ 12 đến 18 tuổi, đến nay đã được ba mùa khóa tu. Năm 2022, khóa tu được tổ chức trong 9 ngày, tại khóa tu, các em được hướng dẫn thực tập thiền cơ bản, giúp các em ý thức được tầm quan trọng của sự tĩnh lặng, học làm chủ ý thức và nâng cao sức khỏe tinh thần. Khóa tu còn giúp các em sống lục hòa, thực hành nếp sống theo khuôn khổ giới luật của nhà Phật, hiểu biết kỹ năng giao tiếp cộng đồng... Khóa tu tổ chức lễ tri ân cha mẹ để các đoàn sinh đã thể hiện lòng kính trọng, hiếu thuận của mình.

Năm 2024, chùa Thiên Trúc tổ chức Khóa tu mùa hè Gieo hạt bồ đề lần thứ ba, với sự tham gia của 200 khóa sinh, tại đây các khóa sinh đã có 7 ngày trải nghiệm quý báu, được tiếp cận và tìm hiểu sâu sắc về Phật pháp, rèn luyện đạo đức và bồi dưỡng tâm hồn hướng thiện. Chương trình khóa tu với các nội dung như Hành trình gieo hạt bồ đề nơi cửa thiền thanh tịnh, Hướng dẫn thực hành các nghi lễ Phật giáo... Các khóa sinh được hướng dẫn cách lễ Phật, niệm Phật, thiền để tĩnh tâm, buông xả tất cả các tâm niệm lo sợ buồn rầu, trong lòng thanh thoi luôn hướng tới những điều thiện, tích cực, những giá trị trong mỗi quan hệ, “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” vì Tổ quốc hùng cường, vì dân giàu nước mạnh, thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trong các nội dung khóa tu “Về nguồn”, Ban Trị sự đã phối hợp với đội Cảnh sát giao thông, đội PCCC Công an huyện Bảo Thắng giảng về Luật an toàn giao thông, các kỹ năng đi xe an toàn, kỹ năng phòng cháy chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm cháy, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước trong dịp hè, phối hợp với Huyện đoàn

Bảo Thắng chia sẻ về Tuổi trẻ Bảo Thắng với ý thức bảo vệ di tích Lịch sử địa phương, định hướng giá trị văn hoá cho thế hệ trẻ. Chia sẻ về ý nghĩa khi tham gia khóa tu, em NLH chia sẻ “Con cùng 2 bạn cùng lớp tham gia khóa tu. Chúng con được học rất nhiều điều bổ ích như phòng cháy chữa cháy, thoát hiểm khi có cháy, được học kỹ năng bơi. Con thấy rất bổ ích. Chúng con được học về đạo Phật, về các lời dạy từ bi, hiếu thảo, chăm chỉ học tập,...” [Nữ, 16 tuổi, phỏng vấn tháng 6/2024]. Đặc biệt ở các khóa tu này có sự hiện diện của các em thiếu nhi người dân tộc thiểu số. Em B.V.X, người dân tộc Dao ở huyện Bảo Thắng chia sẻ: “Con ở Sơn Hà, con tham gia khóa tu lần đầu tiên. Được học nhiều thứ hay, có ích. Con sẽ cố gắng học tập để giúp đỡ bà con dân tộc Dao” [17 tuổi, Nam, phỏng vấn tháng 6/2024]. Chùa Thiên Trúc thường xuyên tổ chức các khóa tu ngắn dành cho các cháu học sinh dân tộc nội trú huyện Bảo Thắng, đến với khóa tu các em học sinh đồng bào dân tộc thiểu số được làm quen với Phật giáo qua các nghi thức Phật giáo, các bài kinh ngắn, được tọa thiền, được nghe giảng về giáo lý Phật giáo và nhiều hoạt động khác (Xem hình ảnh phụ lục).

Mặc dù mới được xây dựng, nhưng thiền viện Trúc Lâm Đại Giác (thị trấn Sa Pa, tỉnh Lào Cai) cũng rất quan tâm đến vấn đề tạo môi trường tu học, lan tỏa Phật giáo đến thế hệ trẻ. Thiền viện đã tạo được truyền thống hoạt động khóa tu thường niên với ý hướng lan tỏa điều thiện, giá trị nhân văn sâu sắc cho tầng lớp thanh thiếu niên Phật tử, tạo sân chơi lành mạnh, hướng thiện, bồi dưỡng đạo đức, nhân cách cho thế hệ trẻ tương lai. Ví như năm 2019, thiền viện tổ chức 03 khóa:

Khóa 1: Từ 02/6 đến 8/6/2019

Khóa 2: Từ 9/6 đến 15/6/2019

Khóa 3: Từ 14/7 đến 20/7/2019

Mỗi khóa tu có số lượng khoảng 500 em, độ tuổi từ 10 đến 18 tuổi.

Luận án sẽ phân tích kỹ hơn một nội dung được tổ chức thực hiện tại khóa tu tại thiền viện Trúc Lâm Đại Giác để thấy được ý nghĩa và những tác động của khóa tu đối với các bạn trẻ. Tại khóa tu ngày 9/6 đến 15/6/2019, tại thiền viện Trúc Lâm Đại giác với sự tham gia của 600 khóa sinh, Ban tổ chức đã lựa chọn chủ đề thuyết giảng chủ đề Tứ Trọng Ân. Những lời thuyết giảng đã giúp cho các em hiểu Tứ trọng Ân bao gồm: Ân Cha Mẹ, Ân Tam bảo Sư trưởng, Ân quốc gia xã hội và Ân chúng sinh vạn loại. Báo đáp Tứ trọng ân là bốn việc làm lớn nhất, trọng đại nhất của đời người mà bất cứ ai cũng không thể lãng quên. Bài thuyết giảng đã giúp các em hiểu hơn, vun bồi thêm tình yêu quê hương đất nước, thấm thía những lời Bác Hồ dạy “Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào”. Giúp các em ý thức thêm về trách nhiệm của mình, về lòng hiếu thảo với mẹ cha – những người đã sinh ra, vượt qua bao khó khăn vất vả để nuôi nấng các em nên người, luôn dành những điều tốt đẹp nhất cho các em, các em càng thêm thấm thía lời ca:

“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.

Từ sự phân tích trên cho thấy phương thức, nội dung hoạt động hoằng pháp của Phật giáo tỉnh Lào Cai thể hiện đa dạng, phong phú, là sự nỗ lực của tập thể tăng ni đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Lào Cai, là sự quan tâm của các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Các hoạt động hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai thể hiện rõ nét những đặc trưng của công tác hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

3.3. Thực trạng sinh hoạt đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai

3.3.1. Hình thức sinh hoạt đạo tràng

Các đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai thời gian qua được thành lập, tổ chức, về cơ bản đã theo quy định của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về việc đăng ký hoạt động của các đạo tràng. Theo thông tư 474/TT.HĐTS hướng dẫn việc đăng ký hoạt động của các đạo tràng của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có hai hình thức tổ chức sinh hoạt đạo tràng. Cụ thể:

1. Đạo tràng do trụ trì, tự viện tổ chức. Thông tư quy định:

+ Bên cạnh các lễ tôn giáo hằng năm tại chùa, tổ đình, tịnh xá, thiền viện, tu viện, tịnh viện, tịnh thất, niệm Phật đường (gọi chung là tự viện) được đăng ký theo quy định của GHPGVN và Nghị định 92/2012/NĐ-CP, các Tự viện tổ chức Đạo tràng theo từng pháp môn cho Phật tử địa phương tu học là nhu cầu cần thiết và chánh đáng.

+ Các hoạt động của Đạo tràng không thuộc quy định tại phần I của Thông tư này, phải thực hiện theo quy định tại công văn số 413/CV.HĐTS ngày 25-11-2014 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự.

2. Đạo tràng do Ban – Viện Trung ương tổ chức:

+ Các Ban – Viện Trung ương GHPGVN được quyền tổ chức các loại hình đạo tràng để hướng dẫn Phật tử tu học đúng Chánh pháp, truyền thống của Phật giáo Việt Nam, quy định của Hiến chương GHPGVN và pháp luật.

+ Đạo tràng do Ban - Viện T.Ư tổ chức phải thực hiện các quy định như sau:

- ✓ Ban – Viện trung ương phải có đề án tổ chức Đạo tràng trình Ban Thường trực HĐTS xem xét và chấp thuận.
- ✓ Sau khi Ban Thường trực HĐTS chấp thuận cho phép tổ chức Đạo tràng, Ban – Viện Trung ương phải phối hợp với Ban Trị sự

GHPGVN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Ban chuyên môn cấp tỉnh để quản lý về mặt tổ chức và sinh hoạt.

- ✓ Các Đạo tràng thuộc Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương, Ban Hoằng pháp Trung ương tổ chức, phải gắn kết chặt chẽ với một Tự viện cụ thể, do Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh, Ban Hướng dẫn Phật tử và Ban Hoằng pháp cấp tỉnh, Ban Trị sự GHPGVN cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký thành lập và quản lý về mặt tổ chức, sinh hoạt theo quy định của GHPGVN và pháp luật.

+ Ban Thường trực HĐTS không chấp thuận những đạo tràng hoạt động song song với các Ban Trung ương trong phạm vi cả nước mà không có trong Nội quy hoạt động và kế hoạch hoạt động của các Ban tương ứng.

+ Thủ tục đăng ký:

- ✓ Đạo tràng có phạm vi hoạt động và tập hợp tín đồ Phật tử trong một quận (huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Ban – Viện T.U' và Trụ trì Tự viện thực hiện thủ tục đăng ký với Ban Trị sự GHPGVN cấp huyện và đúng pháp luật.
- ✓ Đạo tràng có phạm vi hoạt động và tập hợp tín đồ Phật tử ở nhiều quận (huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban – Viện Trung ương và Trụ trì Tự viện thực hiện thủ tục đăng ký với Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh và đúng pháp luật.

+ Đạo tràng phải hoạt động tại một Tự viện cụ thể ở địa phương, không được hoạt động tại nhà riêng của Phật tử.

Theo thông tư trên có thể thấy, đạo tràng ở tỉnh Lào Cai chủ yếu là hình thức đạo tràng do trụ trì tự viện tổ chức, quản lý. Trong Quy chế hoạt động của Ban Quản trị cơ sở tự viện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ (2022- 2027) quy định rõ về chức năng quản lý đạo tràng: “Quản lý sinh hoạt các đạo tràng, câu lạc bộ Phật tử tại cơ sở tự viện. Báo cáo Ban trị sự cấp

huyện nơi đạo tràng, câu lạc bộ Phật tử sinh hoạt. Trường hợp pháp luật quy định thì Ban Quản trị có trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng ký hoặc đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoạt động của đạo tràng, câu lạc bộ Phật tử tại tự viện”.

Phật giáo có rất nhiều các pháp môn tu học, tùy vào trình độ của mỗi người để chọn cho mình một pháp môn. Việc tu học của tín đồ Phật tử để đạt được hiệu quả cần được sự hướng dẫn, dẫn dắt của những người tu sĩ Phật giáo và thường diễn ra ở các cơ sở thờ tự của Phật giáo là ở các tự viện, các chùa, tịnh xá, tịnh thất,... Tuy nhiên một thực tế cho thấy, hiện nay ở Việt Nam, ở các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, số lượng cơ sở thờ tự của Phật giáo còn rất hạn chế, như toàn tỉnh Lào Cai hiện nay chỉ có 7 cơ sở thờ tự Phật giáo. Chính vì thế sinh hoạt tín ngưỡng Phật giáo của tín đồ nơi đây còn gặp rất nhiều khó khăn. Cơ sở thờ tự là nơi diễn ra các hoạt động thờ cúng tôn giáo và cũng là cơ sở chính để thực hiện các hoạt động hoằng pháp, sự hạn chế về số lượng cơ sở thờ tự cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác hoằng pháp ở nơi đây.

Thông thường tại các cơ sở thờ tự Phật giáo, các tu sĩ phụ trách cơ sở sẽ tổ chức, thành lập các đạo tràng tu học, như như: khóa Tu Bát Quan Trai, Một ngày an lạc, Tu Phật Thất, Tu Thiền, đạo tràng Pháp Hoa,... Ở các chùa ở Lào Cai cũng duy trì thường xuyên hình thức tu tập đạo tràng nhằm đáp ứng nhu cầu tu học của tín đồ.

Trong đạo tràng, các tín đồ sẽ cùng nhau sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo theo hướng dẫn, đáp ứng nhu cầu tâm linh của tín đồ. Đối với đạo tràng tại các chùa: Phật giáo là một tôn giáo với chức năng xã hội cơ bản, đặc thù là “bù đắp tinh thần” nó đã đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của con người. Mang lại sự thăng bằng cho con người trong rủi ro cuộc sống. Như đã phân tích ở trên, trước khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai chưa được

thành lập, số lượng các cơ sở tôn giáo Phật giáo trên địa bàn còn ít ỏi, sinh hoạt tín ngưỡng Phật giáo của người dân nơi đây diễn ra chủ yếu tự phát. Hàng năm, vào các dịp lễ lớn, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có cử tu sĩ lên hướng dẫn nhân dân sinh hoạt nhưng vì không thường xuyên, sát sao, hằng ngày nên chưa thể đáp ứng được hết nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân.

Từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai được thành lập, với sự phân công, chỉ đạo sát sao của các cấp Giáo hội, với sự hiện diện trực tiếp của các tu sĩ Phật giáo tại các địa phương, các tu sĩ đã không chỉ tham gia thực hành nghi lễ mà còn tôn tạo, trùng tu các cơ sở thờ tự, đèn nhang thường xuyên tại chùa đem lại cho Phật giáo tỉnh Lào Cai một diện mạo mới - phát huy được mọi chức năng xã hội của tôn giáo (Phật giáo), bởi chùa đã có sự hướng dẫn của nhà sư để người dân thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của mình và sự trụ trì thực sự đóng vai trò là “linh hồn” của ngôi chùa. Các ngày lễ lớn của Phật giáo như: Phật Đản, Vu Lan,... các chùa trong toàn tỉnh đều được chuẩn bị chu đáo, tổ chức buổi lễ long trọng, trang nghiêm đúng với quy định của Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thu hút đông đảo Phật tử và người dân tham dự.

Các ngày Rằm, mừng Một hay các ngày lễ tết trong năm, các chùa đều hướng dẫn các đạo tràng, các Phật tử và những người đến chùa thực hiện các nghi thức tụng niệm theo đúng tinh thần Phật giáo, đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân. Hay trong các dịp quan trọng của các gia đình người dân trong vùng như xây nhà mới, cưới hỏi cho con cái, ma chay cho người đã khuất,... đều có sự hiện diện của các vị sư thầy với vai trò người hướng dẫn tâm linh khi gia chủ tin tưởng và có nhu cầu nương nhờ các sư thầy.

Mỗi năm, các chùa trên địa bàn tỉnh Lào Cai như Tân Bảo, Liên Hoa, Thiên Trúc, Cam Lộ đều đặn hai lần tổ chức khóa lễ Quy y Tam Bảo, đáp ứng nhu cầu muốn trở thành đệ tử đức Phật của người dân,... Các dịp Đại lễ quan

trọng của đất nước, hay đầu năm mới các chùa trong toàn tỉnh cũng thường xuyên tổ chức các lễ cầu cho Quốc thái, dân an,...mang lại sự an vui trong tinh thần người dân.

Chùa Thiên Trúc ở phố Lu, Bảo Thắng, Lào Cai hiện nay đang duy trì đều đặn sinh hoạt các đạo tràng: đạo tràng Pháp Hoa, đạo tràng Bát quan trai, đạo tràng Một ngày An lạc. Các đạo tràng đã quy tụ những người có cùng chung chí hướng, chung “sự yêu thích” quan tâm đến một lĩnh vực nào đó trong đời sống tu tập tại chùa. Các đạo tràng được tổ chức hệ thống, bài bản, có thời khóa biểu sinh hoạt, Tất cả đều do các Phật tử đứng ra đảm nhiệm dưới sự hướng dẫn của Sư trụ trì. Đến nay sinh hoạt đạo tràng đã diễn ra nề nếp, quy củ.

Đạo tràng Bát quan trai chùa Thiên Trúc hiện có 400 thành viên, sinh hoạt đều đặn theo lịch sau:

Hàng tháng (Rằm và mùng Một):

– 16:00: Cúng thí thực, Lễ sám hối

* Hàng ngày:

– 06:00: Tụng kinh

– 16:30: Lạy sám hối

– 18:00: Tụng kinh.

* Chủ nhật:

– 06:00: Tụng kinh

– 07:30: Thuyết pháp

– 09:00: Tụng kinh

– 18:00: Tụng kinh

Trong đạo tràng Bát quan trai: Bát quan trai là một phương pháp tu hành của người Phật tử tại gia thọ trì 8 giới, áp dụng trong một ngày một đêm.

Tám giới đó là dựa vào năm giới căn bản nhưng được triển khai thêm để giúp tạo nên một đời sống thanh tịnh, tu dưỡng tâm trí:

- + Không sát sinh
- + Không trộm cắp
- + Không tà dâm
- + Không nói dối
- + Không uống rượu và dùng các chất say
- + Không ăn trái giờ (Không ăn sau 12 giờ trưa)
- + Không tham gia múa hát, thổi kèn, đánh đàn, xem múa hát, nghe đàn, kèn.
- + Không trang điểm, thoa vật thơm, bôi phấn và đeo tràng hoa.

Các thành viên đạo tràng Bát quan trai đều thực hành, giữ gìn nghiêm túc các giới luật đó từ sáu giờ sáng ngày 14 đến 6 giờ sáng ngày 15 Âm lịch hàng tháng, tức một ngày một đêm. Còn thời khóa biểu hằng ngày tại chùa là đạo tràng phân chia lịch cho từng thành viên của đạo tràng thực hiện tại chùa Thiên Trúc. Việc duy trì các nghi lễ hằng ngày, các tuần, các ngày lễ trọng của đạo tràng đã được thực hiện đều đặn 6 năm nay (từ năm 2018, khi ĐĐ. Thích Chân Định được cử về trụ trì chùa).

Một đặc điểm nổi bật là ở tỉnh Lào Cai là số lượng chùa còn hạn chế nên không chỉ ở các chùa tổ chức các đạo tràng để Phật tử cùng nhau tu học mà đặc biệt ở những huyện không có chùa, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Lào Cai còn xin phép các cơ quan có thẩm quyền cho phép tổ chức Lễ Phật Đản ngoài cơ sở tôn giáo tại các địa điểm như: xã Thái Niên, Gia Phú, Phú Nhuận (huyện Bảo Thắng), xã Văn Sơn (huyện Văn Bàn), xã Bảo Hà (huyện Bảo Yên),... nhằm đáp ứng mong mỏi, nguyện vọng của các Phật tử và nhân dân trong vùng. Ở những nơi chưa có chùa các đạo tràng được thành lập, là

nơi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo chính của tín đồ Phật tử nơi đây. Các đạo tràng này không sinh hoạt tự do mà có sự hướng dẫn và quản lý của một tu sĩ Phật giáo, tại một chùa cụ thể phụ trách. Tuy nhiên do điều kiện xa xôi, các Phật tử của đạo tràng đó không thể về chùa thường xuyên sinh hoạt tôn giáo thì họ sẽ cùng nhau sinh hoạt tại đạo tràng của mình. Ví như đạo tràng Trúc Lâm Minh Chánh.

Với các đạo tràng không phải trong các chùa, các Phật tử chủ động cùng nhau tổ chức các hoạt động nghi lễ theo đúng tinh thần Phật giáo. Như Đại lễ Vu Lan, đạo tràng Trúc Lâm Minh Chánh tổ chức sinh hoạt với các nội dung, nghi thức:

+ Cùng nhau sinh hoạt văn nghệ: Hát ca ngợi Phật pháp, ca ngợi đạo tràng: Lạy Phật Quan Âm, Niềm An vui, Ai bảo ăn chay là khổ, Đạo tràng Tịnh Độ,...

+ Nghi lễ Vu Lan:

- Tụng kinh Vu Lan
- Nghi thức rửa chân cho cha mẹ
- Nói lời yêu thương cha mẹ
- Tặng hoa cha mẹ
- Cảm niệm về cha mẹ
- Hồi hướng

Như vậy, dù không có chùa, không gian truyền thống để thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh của mình, nhưng các đạo tràng được thành lập đã tạo điều kiện cho các sinh hoạt tôn giáo của tín đồ được thực hiện, thỏa mãn niềm tin tôn giáo của mình. Các đạo tràng Phật giáo tỉnh Lào Cai là môi trường tu học, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của người dân trong bối cảnh có rất nhiều khó khăn như không có nhiều cơ sở thờ tự để sinh hoạt tôn giáo.

3.3.2. Hoạt động xã hội của đạo tràng

Các đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai đều sôi nổi, tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, đóng góp tích cực vào an sinh xã hội. Trong thời gian qua, các đạo tràng trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội, đền ơn đáp nghĩa, khuyến học khuyến tài đạt kết quả cao thông qua các hình thức ủng hộ giúp đỡ các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, hàng chục nghìn phần quà được trao tặng cho các gia đình chính sách; khám chữa bệnh phát thuốc cho đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa, các chương trình quyên góp ủng hộ đồng bào thiên tai lũ lụt được triển khai. Trong thời gian qua. Công tác từ thiện xã hội của đạo tràng Tăng Ni Phật tử chùa Tân Bảo Và Cam Lộ với tổng số tiền đã làm là hơn 2 tỷ đồng.

Tổng kết công tác từ thiện xã hội của các Tăng, Ni, Phật tử, đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai trong nhiệm kỳ vừa qua (2017 – 2022): Hoạt động từ thiện xã hội - văn hóa luôn được coi là một nghĩa cử cao đẹp như lời Phật dạy “*Phục vị Chúng sinh là thiết thực Cúng dàng Chư Phật*”, đồng hành với truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam “*Một miếng khi đói bằng một gói khi no*”. Ban Trị sự luôn xác định đây là trách nhiệm của mỗi tổ chức xã hội qua công tác tuyên truyền, vận động được các nhà hảo tâm, nhân dân, bà con Phật tử xa gần phát tâm ủng hộ đóng góp tình tài để thường xuyên làm tốt công tác từ thiện. Trong nhiệm kỳ Ban từ thiện xã hội Phật giáo tỉnh đã triển khai hoạt động từ thiện tại các chùa trên địa bàn tỉnh, phát quà đến nhiều huyện vùng cao, vùng sâu...Các hoạt động như phát cơm, cháo hàng ngày cho bệnh nhân nghèo tại một số bệnh viện trong tỉnh, phát học bổng cho các cháu học sinh nghèo vượt khó, tặng quà cho gia đình chính sách, tặng quần áo, gạo, chăn màn, dụng cụ sinh hoạt; Chương trình “*Cùng em tới trường*”, đã ủng hộ hàng chục tấn gạo, muối, quần áo, dụng cụ sinh hoạt, quần áo đồng phục, áo rét... cho trẻ em Mầm non và Tiểu học. Chương trình “*Báo đáp*

người có công”, “Sức khỏe là vàng”, xây nhà tình nghĩa, cứu trợ đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai, xây dựng một số điểm trường trên địa bàn một số tỉnh... ủng hộ quỹ vắc xin, trang thiết bị phòng chống dịch... Tổng số tiền từ thiện trong nhiệm kỳ đạt hơn 28 tỷ đồng, đóng góp một phần công đức của mình để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy tinh thần “Hộ quốc an dân” của Phật giáo Việt Nam. Có thể khẳng định, trong nhiệm kỳ qua Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai, cùng toàn thể Tăng Ni thành viên đã không ngừng củng cố, phát triển mọi mặt trong các phong trào hoạt động của Phật giáo trên địa bàn. Tăng cường sự đoàn kết, hòa hợp trong nội bộ Tăng Ni; Tăng Ni với các cấp chính quyền; Tăng Ni với nhân dân, Phật tử tại các cơ sở tự viện với tinh thần “Đoàn kết hòa hợp, trường dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội”.

Đạo tràng là môi trường tốt để mọi người chia sẻ kinh nghiệm tu tập, học hỏi lẫn nhau, chia sẻ lẫn nhau không chỉ về Phật pháp mà cả các vấn đề khác trong cuộc sống và hoàn thiện bản thân.

Những người Phật tử sinh hoạt trong cùng cộng đồng đạo tràng được rèn luyện theo nguyên tắc Sáu pháp hòa kính của Phật giáo, cùng tu học trên tinh thần từ bi, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau trên con đường giác ngộ, giải thoát và cả cuộc sống. Trong đạo tràng ở Lào Cai, các thành viên đều nắm rõ hoàn cảnh của các thành viên khác trong cùng đạo tràng, hiểu những khó khăn trong cuộc sống của từng thành viên. Từ đó có sự sẻ chia cùng nhau. Như đạo tràng chùa Thiên Trúc, có trường hợp chị NTT, gia đình hoàn cảnh khó khăn, chồng ốm yếu, lại đông con, một mình chị gánh nặng nuôi sống cả gia đình từ công việc làm nông vất vả. Hiểu được khó khăn đó, sư thầy thường xuyên động viên, nhắc nhở các cán sự đạo tràng để ý đến trường hợp của chị. Trong những dịp lễ, tết, khi đạo tràng phát động từ thiện, đạo tràng đều dành một suất quà tặng động viên cho gia đình chị, giúp chị phần nào thấy được sẻ chia,

có động lực vượt qua những khó khăn. Cảm kích trước tấm lòng của tập thể đạo tràng, chị T đều rất tích cực với các sinh hoạt đạo tràng.

Lào Cai với đặc thù đa sắc tộc nhiều hủ tục nghi lễ rườm rà tôn kém, mang nặng màu sắc mê tín dị đoan. Để nâng cao chất lượng đời sống của thành viên trong đạo tràng, các đạo tràng đề tích cực hướng dẫn cho các thành viên, các Phật tử và nhân dân thực hiện nếp sống mới theo phát động của MTTQ Việt Nam là việc làm cấp thiết, vận động bà con thực hiện nếp sống tôn giáo đúng chính pháp. Trong những năm qua, các gia đình Phật tử của đạo tràng đã từ bước bỏ các hủ tục trong tang ma, xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, cùng nhau hướng đến nếp sống văn minh, tiến bộ.

Tiểu kết chương 3

Hiện nay, trong việc tu học, hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam, đạo tràng thường đề chỉ nơi hội tụ của những người cùng theo Phật giáo, có cùng chí hướng chuyên tu, theo một pháp môn tu hành nào đó đã được lựa chọn, hoặc do một vị sư hướng đạo, trong muôn vàn pháp môn của Phật giáo. Đạo tràng là một cách thức tổ chức tu học và sinh hoạt của Phật giáo.

Phật giáo tỉnh Lào Cai đang trong quá trình phát triển, với đặc trưng của một tỉnh miền núi, gặp rất nhiều khó khăn trong công tác hoằng pháp để đưa Phật giáo đến với người dân nơi đây, đặc biệt trong cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều nơi trong tỉnh còn chưa có chùa sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Sinh hoạt đạo tràng trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh được duy trì đều đặn, đặc biệt đối với vùng chưa có chùa, sinh hoạt đạo tràng là một hình thức sinh hoạt chính, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của người dân nơi đây.

Sinh hoạt đạo tràng khá sôi nổi, đa dạng nhưng còn nhiều hạn chế cần khắc phục để sinh hoạt đạo tràng thực sự đem lại nhiều lợi ích cho người dân nơi đây.

Chương 4.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC HOÀNG PHÁP, HOẠT ĐỘNG ĐẠO TRÀNG CỦA PHẬT GIÁO TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP

4.1. Một số vấn đề đặt ra đối với công tác hoàng pháp, hoạt động đạo tràng

Là một tỉnh miền núi, Phật giáo tỉnh Lào Cai có rất nhiều khó khăn ở cả hai góc độ chủ quan và khách quan.

4.1.1. Một số vấn đề đặt ra về mặt chủ quan

Về chủ quan Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai:

Thứ nhất là thiếu nguồn nhân lực, nhân sự cho hoạt động Phật giáo nói chung, hoàng pháp, hoạt động đạo tràng nói riêng: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai mới được thành lập là kết quả của sự nỗ lực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung trong việc hoàn thiện bộ máy hành chính ở các tỉnh thành. Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở các vùng sâu, vùng xa phần lớn mới được thành lập trong khoảng thời gian gần đây, các tỉnh xung quanh tỉnh Lào Cai có thể kể đến:

- + Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Sơn La: 2014
- + Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Điện Biên: 2014
- + Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lai Châu: 2015 (đơn vị Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh sau cùng được thành lập).

Chính vì vậy, các hoạt động của Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai gặp nhiều khó khăn, trong đó vấn đề nhân sự là vấn đề cốt yếu. Ở Lào Cai, nhân sự hoàng pháp, hướng dẫn và quản lý sinh hoạt các đạo tràng còn thiếu. Có thể thấy đây là khó khăn chung của Phật giáo các tỉnh miền núi.

Lý giải về điều này, HT. Thích Thiện Nhơn chia sẻ: “Sở dĩ, tỉnh Lai Châu cũng như một vài tỉnh phía Bắc thành lập Ban Trị sự Phật giáo cấp tỉnh tương đối chậm là do Phật giáo vắng bóng trong một thời gian dài, lại không có nhân sự là Tăng Ni để điều hành Phật sự. Do đó, Trung ương Giáo hội phải hiệp thương, điều nhân sự từ Trung ương về đảm nhận công tác Trưởng ban Ban Trị sự. Đồng thời, do địa hình tương đối phức tạp của một vài tỉnh miền núi phía Bắc nên sự đồng thuận của chính quyền địa phương chưa cao, do vậy công tác thành lập Ban Trị sự Phật giáo tại một vài tỉnh này tương đối chậm là vì thế” (Xem <https://giacngo.vn>). Chính vì thế, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh này mới có thời gian hoạt động trên dưới chục năm, đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện, nhìn chung ở những khu vực này, số lượng Tăng, Ni còn ít, và tăng ni ở các tỉnh này chủ yếu là tăng ni từ các nơi khác được điều đến nên cần thời gian tìm hiểu “làm quen” về địa bàn, về văn hóa của cư dân bản địa.

Hơn nữa, ở những tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa có rất nhiều khó khăn về kinh tế, tài chính cũng như các điều kiện sống, cơ sở vật chất và giao thông trắc trở tạo ra tâm lý “ngại khó, ngại khổ”, chính vì vậy, việc thu hút nhân sự có đủ Tâm, Tài và Đức cống hiến, phục vụ cho phát triển của Giáo hội tại đây cũng luôn là bài toán chưa có lời giải đáp đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Viết về điều này HT. Thích Thanh Điện nhận xét: “hoạt động của Phật giáo, về vai trò của các chức sắc của nhà Phật tại các tỉnh miền núi Tây Bắc còn gặp nhiều khó khăn, do thiếu cơ sở sinh hoạt và một số vấn đề trong hoằng pháp và hoạt động Phật sự. Hầu hết chức sắc Phật giáo là người Kinh, chưa có chức sắc là người dân tộc thiểu số, nên việc thực hiện hoạt động Phật sự đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Phật giáo gặp khó khăn vì “ngôn ngữ bất đồng”, do sự khác biệt về nếp sống, sinh hoạt, văn

hóa, phong tục, tập quán ở mỗi vùng đồng bào dân tộc thiểu số là khác nhau” (Dương Quang Điện, 2020, tr.69-70). Không chỉ thế những vấn đề một số tỉnh thành vùng sâu, vùng xa bất ổn về chính trị, xã hội, các tranh chấp dân sự về đất đai gia tăng, các thiết chế tôn giáo do đồng bào dân tộc thiểu số tự đặt ra... tác động không nhỏ tới việc tổ chức, nhân sự và hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên địa bàn vùng sâu, vùng xa. Sự bất đồng trong ngôn ngữ, phong tục khác biệt, nên việc Tăng Ni hòa nhập với đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa cũng rất khó khăn. Hơn nữa, Giáo hội Phật giáo Việt Nam chưa có đãi ngộ cụ thể để khuyến khích Tăng Ni lên phục vụ tại vùng sâu, vùng xa. Ví dụ như trường hợp chùa Thiên Trúc, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Mặc dù nằm ở thị Trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng nhưng trước khi Đại đức Thích Chân Định về trụ trì, nơi đây vẫn chỉ là “ngôi chùa” rất nhỏ, được xây dựng trên cơ sở đất của một gia đình Phật tử mộ đạo từ dưới xuôi di cư lên nơi đây làm ăn, sinh sống. Với lòng mộ đạo, gia đình đã hiến dâng mảnh đất của gia đình để làm nơi thờ tự, sinh hoạt tôn giáo của các Phật tử trong vùng. Năm 2008, thể theo nguyện vọng của các Phật tử trên địa bàn thị trấn và vùng lân cận, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các cấp chính quyền đã chấp thuận và công nhận chùa Thiên Trúc là cơ sở tôn giáo. Từ khi được công nhận, chùa luôn được Phật tử và nhân dân trong làng thờ phụng và giữ gìn. Với niềm khát khao và mong mỏi của nhân dân địa phương về nhu cầu tín ngưỡng, được sự quan tâm của chính quyền cũng như Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai - ngôi chùa được phục dựng dần dần, nhưng vẫn chỉ là ngôi chùa nhỏ, có một chính điện thờ Tam Bảo nhỏ, đang có dấu hiệu xuống cấp trầm trọng. Năm 2018, đại đức Thích Chân Định được bổ nhiệm về trụ trì chùa Thiên Trúc, thực hiện sứ mệnh hoằng pháp, chăm sóc đời sống tinh thần tâm linh của người dân

nơi đây. Đại đức Thích Chân Định phải vượt qua rất nhiều những khó khăn: tu sửa, xây dựng chùa cảnh để có nơi sinh hoạt tôn giáo cho bà con nơi đây; Hướng dẫn, xây dựng các hoạt động sinh hoạt tôn giáo tại chùa vào nề nếp; tìm hiểu, thích nghi với văn hóa, sinh hoạt của đồng bào nhân dân sinh sống nơi đây... Đó là những công việc không hề đơn giản, rất khó khăn, vất vả. Thấu hiểu những vất vả đó, Cư sĩ DN – NXL chia sẻ: “Duyên lành đưa sư phụ TCD đến với chùa Thiên Trúc của chúng con. Những ngày đầu thầy đến đây rất vất vả, chùa thì nhỏ, xuống cấp, sinh hoạt của Phật tử chưa vào nề nếp. Nhờ công đức của Thầy, Thầy đã xây dựng chùa cảnh khang trang như ngày hôm nay, đang tiếp tục mở rộng xây dựng ngày một đẹp hơn. Thầy hướng dẫn chúng con từng nghi lễ, đến nay sinh hoạt đã nề nếp, chúng con đã tự quản, duy trì đều đặn, thường xuyên các hoạt động. Trước đây, chùa Thiên Trúc chỉ có các Phật tử xung quanh, gần chùa đến nhưng từ khi có Thầy về, số lượng Phật tử biết đến Phật giáo, thường xuyên đến chùa rất đông, có những khóa lễ hàng nghìn người tham dự” [Phỏng vấn tháng 7 năm 2024].

Như đã phân tích ở phần trên, số lượng tăng ni của Phật giáo tỉnh Lào Cai còn hạn chế, hoạt động trên một địa bàn rộng lớn nên một người phải kiêm nhiều công việc, chính vì thế hoạt động hoằng pháp hay đạo tràng cũng bị hạn chế về mặt thời gian, nguồn lực nhân sự tập trung có các hoạt động này mỏng. Chia sẻ về vấn đề này, cư sĩ DN, chùa Thiên Trúc chia sẻ: “Ở chùa hiện nay chúng con duy trì nhiều đạo tràng tu học. Như các chùa dưới xuôi chúng con biết có nhiều Thầy cùng một chùa, có một vị trụ trì còn lại các vị là giúp việc cho Thầy trụ trì. Nhưng ở trên chúng con, có một thầy trụ trì nên phải quán xuyến tất cả các công việc. Thầy rất nhiệt tình, dẫn dắt chúng con trong các sinh hoạt nghi lễ hay đạo tràng nhưng

hạn chế về mặt thời gian. Vì chỉ có một mình thầy, chùa lại đang xây dựng ngổn ngang. Nên chúng con cũng phải chủ động giúp đỡ thầy, bảo ban nhau cùng sinh hoạt nề nếp” [Phỏng vấn tháng 7 năm 2024].

Thứ hai là thiếu cơ sở vật chất cho hoạt động hoằng pháp và sinh hoạt đạo tràng, số lượng chùa trên địa bàn tỉnh còn rất hạn chế: Là vùng miền núi, lịch sử Phật giáo chưa thật sự dày dặn, mật độ dân cư thường thưa thớt, số lượng chùa chiền ít, công tác hoằng pháp, sinh hoạt đạo tràng gặp nhiều khó khăn. Trong truyền thống văn hóa Việt Nam, từ ngàn xưa, ngôi chùa đã trở thành một địa điểm quen thuộc mang tính biểu tượng trong đời sống người dân Việt Nam. Người Việt Nam ta có câu: “Đất vua, chùa làng” để thấy được vai trò của ngôi chùa. Từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, gắn với hình bóng các vị sư truyền đạo là hình ảnh những ngôi chùa – cơ sở cho những vị sư trú ngụ để thực hiện hoạt động hoằng pháp. Chùa là nơi diễn ra những hoạt động tôn giáo của Phật giáo: nghi lễ, những buổi thuyết giảng,... Với sinh hoạt cộng đồng làng quê Việt Nam, cùng với ngôi đình, ngôi chùa trở thành nơi che chở ấp ủ nuôi dưỡng đời sống tâm linh của họ. Họ xem ngôi chùa như là một mái ấm gia đình chung. Do đó, nên họ cùng nhau quyết tâm đóng góp xây dựng bảo vệ và phát huy mạnh mẽ. Mái chùa là niềm an ủi xoa dịu những nỗi buồn u uất đè nặng trong tâm hồn của họ. Và vì thế nên họ không thể nào quên được.

Mai này tôi bỏ quê tôi

Bỏ trắng, bỏ gió, chao ôi bỏ chùa.

Với người Việt khi xa quê, nhớ về quê mẹ, nhớ về nơi thân thuộc của mình, hình ảnh ngôi chùa là nỗi niềm day dứt trong sâu thẳm tâm can mỗi người. Chính vì thế, người Việt đi đâu, khi đã quần cư thành một làng, họ đều tìm đất xây chùa thờ Phật. Với người Việt duy trì tín ngưỡng thờ Phật như

duy trì một truyền thống của cộng đồng. Trong lịch sử Việt Nam, ngôi chùa không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo mà còn là nơi thực hiện chức năng giáo dục, chính vì thế ngôi chùa cũng đóng một vai trò then chốt quan trọng trong việc điều hướng giáo dục quần chúng nhân dân. Có thể nói chùa là cái nôi là cái lò rèn luyện chuyên đào tạo cho mọi người hướng thiện tu hành. Có những ngôi chùa thực hiện chức năng như một ngôi trường làng, với mục đích chính là nhằm giáo dục con người có được đời sống tâm linh phong phú và trên hết là chất liệu văn hóa đạo đức tốt đẹp. Đó là con đường hướng đến Chân, Thiện, Mỹ, đến những giá trị nhân bản của Phật giáo như Từ bi, hướng thiện. Một học giả đã viết: “Thời Giao Châu đô hộ phủ, các lò huấn dục nhân tài ắt phải ở tại các ngôi chùa Phật giáo cổ xưa, vốn thân cận với nhân dân bị trị, nơi quy tụ tín ngưỡng của nhân dân” (Nguyễn Đăng Thục, 1974). Thực tế, hoàng pháp, sinh hoạt đạo tràng là những hoạt động tôn giáo, nó phải được thực hiện trong không gian của cơ sở tôn giáo, cụ thể ở đây là các ngôi chùa. Không gì hiệu quả hơn khi nói về những triết lý nhân sinh Phật giáo ở tại những ngôi chùa cổ kính, trang nghiêm. Không gì làm lan tỏa Phật giáo hiệu quả hơn việc hướng dẫn người khác thực hiện các nghi lễ Phật giáo ngay trước ban thờ Phật trong chùa, đáp ứng nhu cầu tâm linh của họ,...

Ở Việt Nam ở các vùng Phật giáo phát triển, số lượng chùa rất lớn. Ví như, tỉnh Bắc Ninh – tỉnh nhỏ nhất Việt Nam nhưng được biết đến như cái nôi của Phật giáo Việt Nam, trung tâm Phật giáo đầu tiên của nước ta, dân gian còn lưu truyền câu ca: “Cầu Nam, chùa Bắc, đình Đoài”, toàn tỉnh có đến 613 ngôi chùa; Tỉnh Nam Định có hơn 800 ngôi chùa trải khắp tỉnh đáp ứng nhu cầu Phật giáo của nhân dân...; Như phân tích ở trên, số lượng chùa, cơ sở thờ tự Phật giáo ở Lào Cai vẫn rất hạn chế, đặc biệt ở vùng sâu vùng xa trong tỉnh rất nhiều nơi chưa có chùa mặc dù bà con Phật tử ở các huyện rất khao khát.

Toàn tỉnh có 7 cơ sở thờ tự Phật giáo, trong đó có những cơ sở thờ tự còn đang trong quá trình xây dựng. Ví như Thiền viện Trúc Lâm Đại Giác ở thị xã Sa Pa, được coi là công trình cơ sở Phật giáo có quy mô lớn nhất ở Lào Cai, quá trình xây dựng cũng rất khó khăn:

Thiền Viện Đại Giác được hình thành danh hiệu như hiện nay do một nhân duyên: Năm 2010 Quý thầy Thiền viện Trúc lâm Sùng Phúc ở Hà Nội được duyên về viếng thăm và chia sẻ đạo lý nhà anh Nguyễn Ngọc Hải trú tại TP Lào Cai. Từ đó anh và các Phật tử rất cảm kích, mời quý thầy về sinh hoạt Phật Pháp mỗi tháng một lần. Hơn một năm sau, gia đình anh Hải đã phát tâm cung tiến cho quý thầy một mảnh đất hơn 5.000m² tọa lạc như trên. Điều đó cho thấy tấm lòng mộ đạo của các Phật tử ở Lào Cai đối với Phật giáo. Trong khoảng thời gian quý thầy tới lui trên mảnh đất có ngôi nhà gỗ đơn sơ tại Sa Pa. Thề theo nguyện vọng của các Phật tử cùng đông đảo bà con địa phương mong mỗi nơi thị trấn Sa Pa nay là thị xã Sa Pa có một ngôi chùa để nhân dân Phật tử có nơi nương tựa tâm linh và hành lễ cầu nguyện. Tháng 10/2014: Quý thầy tiến hành làm thủ tục xin phép cất Thiền viện. Do diện tích xây dựng còn hạn hẹp, nên sau đó quý thầy đã xin ban lãnh đạo chính quyền các cấp cho quy hoạch mở rộng thêm hơn 4.000m² nữa, tổng diện tích thiền viện khoảng 1 hecta. Ngày 23/4/2017 : Lễ động thổ khởi công xây dựng Thiền Viện Trúc Lâm Đại Giác chính thức được diễn ra, sau hai năm hoàn thiện đầy đủ thủ tục pháp lý giấy tờ. Xây dựng thiền viện nguồn lực chủ yếu từ xã hội hóa, sự đóng góp của các tín đồ chính vì thế công tác xây dựng được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, có kinh phí đến đâu, triển khai đến đấy. Chính vì thế, đến nay thiền viện mới khánh thành giai đoạn 1, còn chặng đường rất dài phía trước.

Số lượng cơ sở Phật giáo ít, ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động hoằng pháp, sinh hoạt đạo tràng của tín đồ. Các tín đồ, đặc biệt là tín đồ ở vùng sâu vùng xa phải di chuyển xa trong điều kiện giao thông chưa thật sự thuận lợi (đường đồi núi chia cắt), vì thế nên sinh hoạt tôn giáo của họ chưa thật sự thường xuyên. Các tăng, ni muốn tổ chức các hoạt động hoằng pháp như thuyết giảng giáo lý Phật giáo, hướng dẫn các nghi lễ Phật giáo cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu không gian, bối cảnh phù hợp. Những ngôi chùa hiện có ở Lào Cai thì do nhiều nguyên nhân khách quan nên điều kiện cơ sở vật chất vô cùng thiếu thốn. Ở những nơi này, bà con Phật tử phải đi lễ, tụng kinh nhờ ở các đền miếu, hoặc sinh hoạt đạo tràng ở các điểm đi thuê hoặc ở nhà dân. Trong số các ngôi chùa ít ỏi đó, thì hiện nay có một số chùa đang xuống cấp do thời gian tàn phá. Bà con Phật tử và nhân dân rất mong muốn được trùng tu, phục dựng lại các ngôi chùa đó để lấy nơi sinh hoạt tôn giáo. Nhưng còn nhiều lý do nên việc trùng tu còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt ở vùng dân cư thưa thớt.

Thứ ba, thiếu kinh phí cho các hoạt động hoằng pháp và đạo tràng.

Nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển. Vùng sâu, vùng xa là nơi cách xa hệ thống giao thông quốc gia, cơ sở hạ tầng và dịch vụ chưa phát triển, đất nông nghiệp thiếu, dân cư thưa thớt, điều kiện sống và trình độ dân trí của người dân trong khu vực còn thấp. Với những điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất như vậy, thực trạng Phật giáo tại vùng sâu, vùng xa còn có nhiều khó khăn để phát triển, bởi số lượng chùa cũ dù rất ít nhưng cũng bị xuống cấp trầm trọng do điều kiện thời tiết, thiên nhiên khắc nghiệt lại không có người cai quản, giữ gìn, nhất là nhiều chùa đã bị hư hỏng và chỉ còn lại những phế tích trong lịch sử và hiện tại. Những điều kiện kinh

tế địa phương hạn hẹp, các nguồn lực công đức hầu như không có,... đã tác động mạnh mẽ đến việc trùng tu và tân tạo cơ sở thờ tự Phật giáo tại đây. Ngoài ra, do địa hình hiểm trở, việc đi lại không thuận lợi, nên kinh phí trùng tu và tân tạo chùa ở vùng sâu, vùng xa thường cao gấp nhiều lần so với miền xuôi do bị đội giá về vận chuyển và nhân lực xây dựng. Các phương tiện phục vụ công tác hoằng pháp ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều thiếu thốn. Nhiều nơi gần như không có phương tiện truyền thông, thông tin qua truyền hình và Internet thường bị ngắt quãng do chia cắt địa hình, vùng lùm sóng, vùng không có trạm tiếp sóng.... Ở những nơi vùng sâu, xa trung tâm chưa có chùa nên sinh hoạt của Phật tử còn gặp nhiều khó khăn: Không có nơi sinh hoạt, sự hiểu biết về Phật pháp còn hạn chế. Một số nơi, chính quyền địa phương còn quản lý chùa, chưa giao lại cho Giáo hội Phật giáo tỉnh quản lý (theo ngành dọc) nên từ nhiều năm nay chùa cảnh không được xây dựng, xuống cấp (rất khác xa so với các chùa có sư trụ trì), Phật tử sinh hoạt tự phát, không có bậc thầy hướng đạo, không được nghe giảng pháp nên sinh hoạt của Phật tử không đi vào nề nếp.

Thứ tư: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Hoằng pháp nói chung và Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai chưa thực sự xây dựng được chiến lược hoằng pháp cụ thể và thực sự có hiệu quả ở vùng có nhiều đặc trưng riêng như Lào Cai.

Hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa đã được đề cập trở thành một trong những nội dung khá được quan tâm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời gian gần đây (Xem chương 3). Tuy nhiên Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Hoằng pháp nói chung và Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai chưa thực sự xây dựng được chiến lược hoằng pháp cụ thể và thực sự có hiệu quả ở vùng có nhiều đặc trưng riêng như Lào Cai. Các hoạt động hoằng pháp vẫn phần nhiều do các tăng ni phụ trách hoằng pháp tại các

vùng này dựa vào điều kiện thực tế để thực hiện, mỗi tầng ni lại có những phương pháp khác nhau, mặc dù bước đầu các hoạt động hoằng pháp đó đã đưa lại hiệu quả, thể hiện được nét đặc trưng của vùng núi, vùng sâu vùng xa, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Tuy nhiên để công tác hoằng pháp tại các vùng này thực sự đạt hiệu quả, đi sâu được vào đời sống nhân dân, đưa Phật giáo đến gần hơn với đồng bào các dân tộc thiểu số cần có những kế hoạch, chiến lược cụ thể, chi tiết hơn nữa.

Thứ năm, chất lượng các hoạt động chưa thực sự cao: Việc sinh hoạt và tu học của các đạo tràng còn thiếu tính thống nhất và đồng bộ. Ngay cả những nghi thức, nghi lễ tụng kinh bái sám cũng không giống nhau giữa các đạo tràng.

Một số đạo tràng chưa chú trọng lắm vấn đề giảng dạy những giáo lý căn bản cho Phật tử. Có nơi còn thiếu người hướng dẫn, giảng dạy giáo lý và các phương pháp tu tập cho Phật tử. Ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai, sinh hoạt đạo tràng chưa được chú trọng phát triển. Nhiều nơi còn thiếu địa điểm để tu học, thiếu người hướng dẫn tu học và thiếu nguồn kinh phí để tổ chức các hoạt động tu học.

Thiếu tính chặt chẽ, đồng bộ trong việc liên kết, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các ban ngành có liên quan đến sinh hoạt và tu học của người cư sĩ Phật tử. Tính liên kết giữa các đạo tràng, giữa các hội, đoàn của người cư sĩ Phật tử cũng chưa cao.

Các vị chủ chốt trong các đạo tràng, hội, đoàn của cư sĩ Phật tử còn khá thụ động trong việc xây dựng đạo tràng, hội, đoàn của mình. Phần lớn các đạo tràng chỉ biết đón tiếp những ai tự tìm đến với các đạo tràng, hội, đoàn chứ chưa thực sự chủ động đi vận động, gọi mời. Còn thiếu tinh thần dấn thân để phụng sự, và thiếu kỹ năng thu hút đối tượng đến với đạo tràng.

Hình thức sinh hoạt, tu học ở các đạo tràng chưa phong phú, chưa tạo được tâm lý tích cực, chủ động và hăng hái tham gia tu học cho các Phật tử.

Ở những vùng nông thôn xa xôi thì trình độ dân trí thường thấp, ảnh hưởng đến sự tiếp thu giáo lý Phật Đà. Đa số người dân chưa có lòng ham học, ham nghiên cứu.

4.1.2. Một số vấn đề đặt ra về mặt khách quan

Vấn đề rào cản ngôn ngữ, văn hóa: Về vấn đề này đã được phân tích rất rõ trong phần đặc trưng của đối tượng hoằng pháp ở chương 3. Nhìn chung, ở tỉnh Lào Cai có nhiều thành phần dân tộc sinh sống, với nhiều đặc trưng riêng, đặc biệt là các dân tộc thiểu số có đời sống tín ngưỡng khá đặc trưng, vì vậy, không chỉ Phật giáo mà các tôn giáo khác khi xâm nhập vào nơi đây đều có những rào cản nhất định: “Dân tộc thiểu số đa phần theo tín ngưỡng dân gian thờ cúng ông bà tổ tiên, tôn thờ các vị thần thiên nhiên, như: thần sông, thần núi, thần rừng, thần mưa, thần gió, thần đất, thần đá... Với tín ngưỡng đa thần mang sắc thái của các cư dân nông nghiệp, hình thức hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng đi ngược với tín ngưỡng của dân tộc sẽ gây nên sự hoài nghi, do đó hoạt động Phật giáo khó tiếp cận được với niềm tin của dân tộc, đây là khó khăn cho Phật giáo với khía cạnh tôn giáo khi thực hiện hoạt động an sinh xã hội trong dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc hiện nay. Những điều luật, giáo luật của Phật giáo có thể trở thành rào cản đối với hoạt động Phật sự ở vùng dân tộc thiểu số miền núi Tây Bắc” (Dương Quang Điện, 2020, tr.70).

Phật giáo là một tôn giáo có lịch sử phát triển lâu đời và nằm sâu trong tâm thức, phổ biến trong đời sống văn hoá, tinh thần người Việt Nam. Với giáo lý thâm sâu, vi diệu lấy con người làm trung tâm, vì con người hướng đến sự tu tập để thoát khổ và diệt khổ, lấy từ, bi, hỷ, xả làm căn bản, lấy trí tuệ

minh triết làm phương pháp tư duy, lấy nhập thế để gắn đạo với đời. Phật giáo vừa bác học, vừa bình dân, rất gần gũi, là tôn giáo của khoa học, thích ứng với nhiều nền văn hoá, đặc biệt đối với đất nước ta, vốn là một quốc gia có một nền văn hoá dân tộc đậm đà bản sắc, trên cơ sở thống nhất các nền văn hoá của 54 dân tộc anh em. Phật giáo đến với các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa của Việt Nam là cả một hành trình lịch sử với biết bao cố gắng của các bậc Thầy Tổ tiền bối dẫn dắt cùng Chư tôn đức đương đại đang ngày đêm xiển dương chính pháp đến đông đảo đồng bào. Phật giáo vùng sâu, vùng xa đã xuất hiện từ lâu đời, tuy nhiên chưa mấy phát triển do những yếu tố lịch sử và văn hoá, cùng với những khó khăn trong việc truyền bá và phát triển, những rào cản về ngôn ngữ, phong tục tập quán các dân tộc vùng sâu, vùng xa.

Thực tế kinh sách chưa được dịch ra tiếng đồng bào của các dân tộc, nên việc đọc, học kinh sách chưa đến được với đồng bào. Bản thân chư tôn đức và các cư sĩ hộ trì các chùa chưa biết tiếng đồng bào dân tộc. Ở các vùng sự phát triển kinh tế không đồng đều, đường xá một số nơi vùng cao còn nhiều khó khăn nên việc tham gia đến chùa tu học còn gặp nhiều trở ngại. Đa số các Phật tử là người cao tuổi, phần nhiều là nữ. Nhiều nơi độ tuổi trung niên còn chưa biết tiếng phổ thông, hoặc chưa biết chữ.

Giới trẻ trong vùng đồng bào sau khi học hết THPT chủ yếu đi làm ăn xa ở các khu công nghiệp (Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang) để mưu sinh cuộc sống, rất ít để tâm đến đời sống tu tập, tâm linh. Do đó việc đến chùa của giới trẻ cũng hạn chế. Cần nghiên cứu sâu sắc các điều kiện thích hợp và đặc biệt Đảng và nhà nước giai đoạn 1960 đến 1985 có nhiều đợt động viên bà con lên xây dựng kinh tế mới, vì cuộc sống hiện nay giới trẻ phải đi mưu sinh cho nên di cư dân số đã ảnh hưởng đến việc xây dựng quê hương và gìn giữ nét đẹp văn hoá tại địa phương, mặt khác khi đời sống vật chất còn

bấp bênh thì dễ dàng bỏ quên giá trị đạo đức, dần sâu vào tệ nạn xã hội, đồng bào dễ bị kẻ xấu xúi giục làm các việc bất thiện.

Hiện nay, Phật giáo tại các tỉnh vùng sâu, vùng xa luôn là nhiệm vụ được Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua các kỳ đại hội quan tâm và đề xuất những chủ trương, giải pháp, đẩy mạnh công tác truyền giáo tại những vị trí tuyến đầu này. Vùng sâu, vùng xa ở đây có thể hiểu được là những tỉnh thành thuộc địa bàn cư trú của các dân tộc thiểu số, những địa bàn vùng biên giới, vùng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và địa hình đồi núi, giao thông không thuận tiện, khó khăn để tiếp cận với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, y tế, giáo dục... Hay những vùng hải đảo xa xôi của Tổ quốc, nơi đầu sóng ngọn gió, nơi sinh sống.

Hơn nữa, tại vùng sâu, vùng xa những khó khăn về kinh tế, tài chính cũng như các điều kiện sống, cơ sở vật chất và giao thông trắc trở tạo ra tâm lý “ngại khó, ngại khổ”, chính vì vậy, việc thu hút nhân sự có đủ Tâm, Tài và Đức cống hiến, phục vụ cho phát triển của Giáo hội tại đây cũng luôn là bài toán chưa có lời giải đáp, những vấn đề một số tỉnh thành vùng sâu, vùng xa bất ổn về chính trị, xã hội, các tranh chấp dân sự về đất đai gia tăng, các thiết chế tôn giáo do đồng bào dân tộc thiểu số tự đặt ra... tác động không nhỏ tới việc tổ chức, nhân sự và hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên địa bàn vùng sâu, vùng xa. Sự bất đồng trong ngôn ngữ, phong tục khác biệt, nên việc Tăng Ni hòa nhập với đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa cũng rất khó khăn.

Cạnh tranh các tôn giáo khác: Hiện nay, khu vực Tây Bắc nói chung, Lào Cai nói riêng đã có sự hiện diện của các tôn giáo lớn khác như Công giáo và Tin Lành. Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, khu vực miền núi phía Bắc hiện nay có sự hiện diện của 03 tôn giáo lớn: Phật giáo, Công giáo và Tin Lành. Phật giáo với lợi thế truyền thống và số lượng tín đồ

lớn ở khu vực miền xuôi, còn khu vực miền núi như Tây Bắc thì chưa thật sự khẳng định được vị thế. Ba Tôn giáo Tin Lành, Công giáo, Phật giáo năm 2022 có số lượng tín đồ trên 600 nghìn, chiếm khoảng 5% dân số toàn vùng, cụ thể: Tin Lành có 200 ngàn tín đồ, trong đó người Mông chiếm 90,5% số tín đồ Tin Lành toàn vùng, người Dao chiếm 8,5% còn lại là các dân tộc thiểu số khác; Công giáo có 300 nghìn tín đồ, nhưng chỉ có khoảng 100 nghìn là người dân tộc thiểu số; Phật giáo có 130 nghìn tín đồ (Số liệu Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022). Những số liệu trên cho thấy bức tranh tổng thể, đã và sẽ có “sự cạnh tranh” về môi trường truyền giáo giữa các tôn giáo lớn ở khu vực này. Mỗi tôn giáo có những chiến lược truyền giáo riêng, Công giáo có sự ổn định hơn, có sự phân vùng truyền giáo theo các giáo phận khác nhau, truyền giáo ở khu vực nào được đặt dưới sự chỉ đạo quản lý của giám mục giáo phận đó. Công giáo đã xác định rõ hoạt động truyền giáo theo phương châm có một mục vụ truyền giáo tế nhị, trân trọng dành cho cộng đồng những người dân tộc thiểu số: “Phúc âm chính là tặng phẩm cao quý nhất dành cho họ, mà phúc âm khi gieo vào lòng một dân tộc không hề hủy diệt, loại bỏ những gì tốt đẹp đã được gieo trong tâm trí con người, trong các nghi lễ và văn hóa riêng biệt của các dân tộc khác nhau. Không những không được để chúng mai một mà còn cần phải được chữa lành, nâng cao, hoàn chỉnh làm vinh quang Thiên chúa, xua đuổi ma quỷ và hạnh phúc cho con người” (Giáo hội Công giáo Việt Nam, 2016, tr.456). Công giáo đã có những chiến lược truyền giáo bài bản đối với vùng dân tộc thiểu số: đào tạo đội ngũ truyền giáo chuyên nghiệp và nhân rộng đội ngũ tình nguyện viên người dân tộc thiểu số, đào tạo bài bản đội ngũ Giáo lý viên là người dân tộc để truyền giáo, gia tăng số linh mục làm việc trong vùng đồng bào dân tộc, sử dụng tiếng dân tộc để truyền giáo, trong đó chức sắc người Kinh đóng vai trò chỉ đạo, hậu thuẫn. Nhờ những chiến lược bài bản, Công giáo hiện nay đã xác lập được vị trí khá vững ở vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, về mặt thời gian, Công giáo đến

vùng Tây Bắc sớm hơn nhưng chỉ thời gian sau Tin Lành lại là tôn giáo phát triển khá mạnh ở khu vực Tây Bắc, nhất là trong vùng dân tộc thiểu số. Công giáo đến với đồng bào dân tộc thiểu số vẫn chủ yếu ở khu vực tiếp giáp với dân tộc Kinh, chưa truyền sâu vào các bản như Tin Lành. Về truyền giáo trong đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Bắc của Tin Lành cho thấy, những giai đoạn đầu tiên chưa thực sự hiệu quả do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan: “Tại Bắc Bộ, (số liệu năm 1934) chỉ có 164 người chịu Báp-tem trên tổng số 1.000 người có cảm tình. Các giáo sĩ C.M.A cho rằng “do thái độ cứng rắn và ngạo mạn của người Bắc Kỳ” nhưng thực ra cốt lõi của vấn đề là sự va chạm, xung đột văn hoá trong quá trình truyền giáo. Việc chủ trương ngăn cấm thờ cúng tổ tiên, tin đạo cá nhân, cực đoan trong việc dứt bỏ tập tục cũ đã gặp sự chống đối ở các vùng, cộng đồng dân cư có truyền thống làng xã, họ tộc bền vững (ở Bắc Bộ) nên không thành công. Trong khi ở Trung Bộ và Nam Bộ tính chất cố kết này không chặt chẽ nên đạo Tin Lành dễ xâm nhập hơn. Một yếu tố nữa cũng ảnh hưởng đến kết quả truyền giáo, đó là yếu tố đời sống kinh tế của tín đồ cùng chi hội của nó. Các giáo sĩ C.M.A thi hành đường lối: Chỉ trợ giúp lúc đầu, sau khuyến khích việc tự lập (về tài chính). Kết quả cho thấy các chi hội tại Nam Bộ, Trung Bộ nói chung có nền tài chính vững mạnh hơn tại Bắc Bộ nên ổn định hơn” (Nguyễn Xuân Hùng, 2020, tr. 53). Sự thay đổi trong chiến lược truyền giáo của Tin Lành những giai đoạn sau đã làm số lượng tín đồ Tin Lành ở khu vực miền núi phía Bắc tăng lên nhanh chóng, đặc biệt trong cộng đồng người Mông. Theo số liệu của các cơ quan hữu quan, thì năm 1998, đã có 60 ngàn người Mông theo đạo Tin Lành ở 8 tỉnh miền núi phía Bắc, vào năm 2002 con số này đã tăng lên tới 105 ngàn tại 12 tỉnh (Xem Nguyễn Xuân Hùng, 2020). Từ năm 2005 đến nay số lượng tín đồ Tin Lành tiếp tục tăng, một trong những nguyên nhân là tổ chức Tin Lành đã rất chú trọng đến chấn chỉnh hệ thống tổ chức cùng các hoạt động tôn giáo, mở mang mạng lưới các chi hội, điểm nhóm đi liền với đó là

chú trọng công tác đào tạo đội ngũ mục sư, truyền đạo, đặc biệt chú trọng người dân tộc thiểu số, sử dụng tiếng dân tộc để truyền giáo. Họ được giáo hội tuyển chọn, vừa đào tạo theo chương trình chung vừa đào tạo phương pháp, kỹ năng hoạt động trong vùng dân tộc thiểu số.

Không chỉ vậy, trong khu vực miền núi phía Bắc hiện nay, đang có sự gia tăng của rất nhiều những hiện tượng tôn giáo mới. “Ước tính ở nước ta hiện nay có gần 100 hiện tượng tôn giáo mới, còn gọi là đạo lạ, trong đó khoảng 3/4 hình thành ở trong nước, khoảng 1/4 truyền nhập từ nước ngoài; khoảng 3/4 tồn tại ở khu vực Miền Bắc, khoảng 1/4 tồn tại ở khu vực Tây Nguyên và các vùng miền khác; khoảng 3/4 do nữ giới lập ra, khoảng 1/4 do nam giới lập ra; khoảng 3/4 xuất hiện trong giai đoạn 1985 - 2000, khoảng 1/4 xuất hiện trong giai đoạn 2000 - 2015; khoảng 3/4 chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo và các loại hình tín ngưỡng dân gian, khoảng 1/4 chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ đạo Tin lành và Công giáo; khoảng 3/4 tồn tại trong cộng đồng người Kinh, khoảng 1/4 tồn tại trong cộng đồng các dân tộc thiểu số; khoảng 3/4 tồn tại ở khu vực đồng bằng và đô thị, khoảng 1/4 tồn tại ở vùng miền núi. Trong số các hiện tượng tôn giáo mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khoảng 3/4 tồn tại ở khu vực Tây Nguyên, chủ yếu trong các dân tộc Ê đê, Ba na, Gia rai, khoảng 1/4 tồn tại ở vùng miền núi phía Bắc, hầu hết trong dân tộc Mông” (Lê Tâm Đắc, 2020, tr.117). Ở người Kinh, các hiện tượng tôn giáo mới chủ yếu ảnh hưởng, hỗn dung, cải sửa từ Phật giáo (tiêu biểu như Long hoa Di Lặc, Chân Không, Thiền phái Trúc lâm Yên Tử tại gia, Thanh Hải vô thượng sư), từ Tam giáo (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, tiêu biểu nhất là Nhất quán đạo), từ Tam giáo với tín ngưỡng dân gian của người Kinh (tiêu biểu như Đoàn 18 Phú Thọ, Đạo Trời nước Việt, Ngọc Phật Hồ Chí Minh, Hội Tiên rồng, Thiên cơ, Trường Ngoại cảm Tố Dương, Tâm linh Hồ Chí Minh). Còn ở người dân tộc thiểu số, các hiện tượng tôn giáo mới chủ yếu ảnh hưởng, hỗn dung, cải sửa từ đạo Tin

lành và Công giáo, hoặc giữa đạo Tin lành, Công giáo với tín ngưỡng dân gian của các dân tộc thiểu số (tiêu biểu như Vàng Chứ , Dương Văn Minh, Thìn Hùng, Bà cô Dợ, Hà Mòn , Amí Sara, Pờ khắp Brâu, Cây Thập giá Chúa Giêsu Krits). Ở miền núi phía Bắc, nhóm cốt cán Vàng Chứ tuyên truyền trong cộng đồng người Mông tại các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái rằng, rằng đến năm 2000, Trái Đất sẽ nổ tung, ai theo đạo Vàng Chứ sẽ được Chúa cứu, ai không theo sẽ chết; những ai được Chúa cứu thì sung sướng, không làm cũng có ăn, lúc đó hòn đá to biến thành con trâu, hòn đá nhỏ thành con lợn, nước suối biến thành rượu,... Điều đó cũng tạo nên những thách thức không nhỏ đối với hoạt động hoằng pháp của Phật giáo ở Lào Cai nói riêng, khu vực miền núi phía Bắc nói chung. Chính vì thế, số lượng Đạo tràng và số lượng Phật tử trong thời gian gần đây ở Lào Cai hiện nay chưa ổn định là do: sự cạnh tranh tự nhiên của các tôn giáo; các tôn giáo bạn phát triển công nghệ thông tin cũng như các hình thức phong phú, mặt khác do tác động ảnh hưởng của không gian mạng.

4.2. Giải pháp phát huy hiệu quả công tác hoằng pháp và hoạt động của đạo tràng Phật giáo tỉnh Lào Cai hiện nay

Từ sự phân tích ở trên cho thấy các vấn đề đặt ra ở cả hai mặt chủ quan và khách quan đều liên quan đến các chủ thể liên quan đến công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai bao gồm: Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, tỉnh Lào Cai nói riêng với vai trò là tổ chức quản lý các hoạt động hoằng pháp và các đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai; Các tăng ni những người trực tiếp thực hiện, hướng dẫn Phật tử thực hiện các hoạt động hoằng pháp và sinh hoạt đạo tràng; Các ngành, các cấp làm công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo của tỉnh Lào Cai là chủ thể thực hiện công tác quản lý nhà nước với chức năng hướng dẫn các hoạt động hoằng pháp và sinh hoạt đạo tràng đúng với quy định của pháp luật. Chính vì vậy

những giải pháp đưa ra nhằm khắc phục những vấn đề đặt ra đã phân tích ở trên nhưng được triển khai theo góc độ gắn với các chủ thể, đối tượng liên quan trực tiếp đến công tác hoằng pháp và hoạt động đạo tràng của Phật giáo tỉnh Lào Cai.

4.2.1. Giải pháp đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, tỉnh Lào Cai nói riêng

Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, Ban Hoằng pháp nói riêng cần đẩy mạnh hơn nữa tinh thần “hoằng dương Phật pháp, lợi lạc quần sinh”, tăng cường giáo dục tăng, ni, Phật tử chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, hiến chương, nội quy tăng sự, tổ chức tốt hoạt động theo phương châm “tốt đời, đẹp đạo”, đóng góp vào bảo tồn các giá trị tôn giáo vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Hoằng pháp cần xây dựng kế hoạch chi tiết trong công tác hoằng pháp Phật giáo, đặc biệt hoằng pháp vùng sâu vùng xa. Hoằng pháp vùng sâu vùng xa, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống cần chú ý đến sự dung hợp giữa tín ngưỡng, tạo tình cảm và niềm tin của đồng bào dân tộc trong quá trình hoằng pháp. Xây dựng hệ thống giáo lý phù hợp với nếp ăn, nếp ở và truyền thống tốt đẹp về văn hóa, tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số. Cần phát huy vai trò, ảnh hưởng của những Phật tử sống đạo, sống văn minh, tiến bộ, hòa nhập với đồng bào dân tộc thiểu số, khi đó sẽ tạo sức thu hút và chi phối đối với cộng đồng, tạo sự liên kết tiếng nói giữa chính quyền và đồng bào theo đạo. Tạo dựng và hình thành đội ngũ lãnh đạo Phật giáo ở các vùng trọng yếu phải là những người có tầm nhìn, có quan hệ tốt đẹp với chính quyền, có kinh nghiệm trong quản lý vĩ mô, có sức thuyết phục đối với đồng bào dân tộc, phải có những chính sách đãi ngộ đối với những tăng, ni dấn thân phụng sự tại các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, thành lập ban cố vấn chiến lược (theo từng vùng), thu

hút các nhân sĩ, trí thức, các nhà nghiên cứu tham mưu cho công tác hoằng pháp, tham gia hoạt động Phật sự (Xem Dương Quang Điện, 2020).

Đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, đặc biệt là Ban Hoằng pháp, Ban Hướng dẫn Phật tử cần chú trọng và đẩy mạnh hơn nữa công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho công cuộc hoằng pháp, hướng dẫn cư sĩ Phật tử tu học, cụ thể ở đây là đào tạo các vị giảng sư, các vị hoằng pháp viên, các vị hướng dẫn, điều hành những đạo tràng, hội, đoàn cư sĩ Phật tử nhằm đào tạo ra những vị giảng sư, những vị hoằng pháp viên đủ đức, đủ tài để tham gia vào sứ mạng hoằng pháp, để dẫn thân đến những nơi đang thiếu, đang thiết tha được nghe pháp, được tu học theo lời Phật dạy. Đối với Lào Cai với những đặc thù riêng, cần chú trọng đến việc hướng dẫn và đào tạo những vị hoằng pháp viên tại chỗ, tức là những người Phật tử đang sống và sinh hoạt trong cộng đồng dân cư, trong thôn bản...

Với vai trò chủ thể, để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác hoằng pháp nói chung, hoằng pháp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai nói riêng, trong thời gian tới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cần tập trung xây dựng và phát triển nguồn nhân sự cả về số lượng lẫn chất lượng: Nhằm đào tạo một thế hệ Tăng Ni có trình độ về Phật học và thế học để đảm nhận các công tác Phật sự tại các Tự viện và tạo nguồn lực lượng nòng cốt tham gia hoạt động hoằng pháp. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cần coi công tác giáo dục Tăng Ni là nhiệm vụ trọng tâm. Bởi vai trò của người hoằng pháp rất quan trọng, đóng vai trò quyết định đối với kết quả hoạt động hoằng pháp. Như tác giả Lâm Văn Liêm đã phân tích: “Tăng bảo là một trong ba bảo vật của Phật giáo. Tăng bảo còn là Phật pháp còn, Tăng bảo vững mạnh thì Phật pháp trụ thế lâu, đem lại lợi lạc cho muôn loài chúng sinh. Hiện nay, tại các chùa, tự viện, đại diện cho tăng bảo truyền bá giáo pháp của Đức Cồ Đàm và hướng dẫn tín đồ tu tập là các giảng sư, trụ trì chùa,

người đứng đầu tự viện, cũng đồng thời là người giảng pháp, người hướng dẫn tu học,... Vậy nên vai trò của người giảng sư nói chung đặc biệt quan trọng. Nhìn vào giảng sư, uy nghi và đạo hạnh, trí tuệ và lòng bi mẫn, nội công và ngoại lực,... tất cả tập trung nơi vị giảng sư tạo ra một phong thái (khí chất) khiến các tín đồ tự nguyện tín kính (Tam Bảo) tin, học theo làm điều lành, lánh điều dữ, một lòng theo thầy” (Lâm Văn Liêm, 2018, tr. 9).

Khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho các Tăng Ni, đặc biệt tăng lớp Tăng Ni trẻ tham gia học tập tại các trường Phật học và các Khoá Bồi dưỡng nghiệp vụ Trụ trì, lớp Đào tạo Giảng sư do Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức. Bên cạnh đó, tham gia các chương trình thể học với các ngành học gần có thể áp dụng phục vụ cho đời sống tu tập như: tôn giáo học, Phật học,... ở các chương trình đào tạo tại các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

Để giải quyết về số lượng vấn đề nhân sự trước mắt, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai có thể có những chính sách cụ thể nhằm thu hút các Tăng Ni trẻ, tâm huyết ở các tỉnh khác đến xây dựng, phát triển Phật giáo tỉnh nhà. Bởi tinh thần của Phật giáo như lời đức Phật đã từng dạy là không ngại ngần gian khổ, đi muôn nơi, muôn phương đưa đến hạnh phúc cho chúng sinh:

“Này các Tỳ kheo! Như Lai đã được giải thoát hết mọi ràng buộc thế gian và xuất thế gian (các cõi trời). Các ông cũng vậy... Này các Tỳ kheo, hãy đi vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người. các ông hãy đi, nhưng đừng đi hai người cùng một hướng, hãy đi mỗi người một ngã, hãy truyền bá chánh pháp” (Mahavagga, 19-20). Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cần tiếp tục phát triển, hoàn thiện về mặt cơ cấu tổ chức. Mặc dù còn rất nhiều khó khăn, vất vả

nhưng Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cũng cần từng bước phát triển, hoàn thiện cơ cấu về mặt tổ chức theo cả hai chiều, chiều dọc và chiều ngang. Chiều dọc, tiếp tục từng bước hoàn thiện Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo cấp huyện. Bởi đây chính là cánh tay nối dài, là những đơn vị nền tảng, cơ sở của cấp tỉnh. Về chiều ngang, tiếp tục hoàn thiện các Ban tương ứng các Ban Trung ương để chuyên trách các mảng hoạt động. Đặc biệt tăng cường nhân sự cho ban Hoằng pháp.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cần tiếp tục hoàn thiện, nâng cao điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động hoằng pháp, cụ thể như: đề nghị và trình Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành đề xin cấp đất xây dựng Trụ sở mới Ban Trị sự Phật giáo tỉnh; đồng thời hướng dẫn các chùa làm các thủ tục xin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện đúng các trình tự thủ tục trong việc quy hoạch, thiết kế tổng thể... tiến tới xây dựng, tu bổ, tôn tạo các chùa trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh hơn nữa kế hoạch xây dựng các chùa mới phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân (ví như kế hoạch xây dựng chùa tại đỉnh núi Ba Mẹ Con thuộc huyện Bắc Hà...).

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả các hoạt động hoằng pháp, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cũng cần thực hiện đồng bộ các giải pháp:

Có kế hoạch, cụ thể, chi tiết hơn nữa cho các hoạt động hoằng pháp: Sự chuẩn bị, lên kế hoạch kỹ càng cho mọi hoạt động sẽ giúp cho hoạt động đó diễn ra đạt kết quả tốt nhất. Chính vì thế, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cần xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể cho các hoạt động hoằng pháp theo quý, theo năm, để các đơn vị thực thi có thể chủ động chuẩn bị tốt nhất cho các hoạt động, để khi các hoạt động đó diễn ra sẽ đạt được kết quả cao nhất.

Tăng tính sáng tạo, tính thực tiễn đối với các hoạt động hoằng pháp: Với tư tưởng “Tùy duyên phương tiện” của Phật giáo, tức đối với cùng một hoạt động nhưng với mỗi một đối tượng, mỗi một vùng đất khác nhau thì cần có những phương pháp khác nhau thì mới đạt được kết quả cao nhất. Các hoạt động hoằng pháp ở vùng miền núi với những điều kiện đi lại khó khăn, đối tượng đa dạng về các thành phần dân tộc thì cần những phương pháp rất riêng mới mong đạt được hiệu quả. Cần Tiếp tục kiên trì các phương pháp hoằng pháp để đưa Phật giáo đến với đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Như đã phân tích ở trên, tỉnh Lào Cai các đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đến hơn 60% dân số toàn tỉnh, việc đưa Phật giáo đến với đồng bào các dân tộc thiểu số là một chiến lược cần tính lâu dài và kiên trì với việc áp dụng nhiều phương pháp khác nhau. Ví như: Hoằng pháp kết hợp với giáo dục, kết hợp với từ thiện.... Trước tiên cần tạo “ấn tượng tốt” của bà con các dân tộc đối với hình ảnh Phật giáo thông qua các hoạt động từ thiện ý nghĩa, nhân văn. Để từ “ấn tượng” đó họ có “cảm tình” với Phật giáo, đi đến tìm hiểu Phật giáo,... đây là một quá trình dài kiên trì mới mong đạt được kết quả. Hoặc kết hợp hoạt động với các chương trình dành cho đồng bào các dân tộc như ý kiến của Thượng tọa Thích Thiện Toàn trong Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc:

“Hiện nay Nhà nước ta đang có chính sách quan tâm giúp đỡ đồng bào các dân tộc phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, cải thiện đời sống và xây dựng cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm ở vùng sâu vùng xa. Đây cũng là nhân tố và cơ hội thuận lợi cho công tác hoằng pháp đến với đồng bào dân tộc vì song song với việc đem chánh pháp đến với đồng bào dân tộc chúng ta còn phải tạo điều kiện giúp đỡ họ có đời sống vật chất ổn định” (GHPGVN, 2009, tr.77).

Áp dụng các phương thức hỗ trợ hiện đại vào các hoạt động hoằng pháp nhằm nâng cao hiệu quả. Bối cảnh hiện nay là thời đại của khoa học, kỹ

thuật, công nghệ thông tin hiện đại. Thành tựu của khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại đã làm thay đổi cuộc sống của con người. Chính vì thế trong mọi hoạt động của Phật giáo, cần ứng dụng các phương thức hỗ trợ hiện đại vào để tăng cường hiệu quả, thể hiện tính hiện đại, tránh tụt hậu. Ví như để công tác hoằng pháp hay công tác hướng dẫn Phật tử có hiệu quả hơn đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, với đặc điểm đời sống kinh tế khó khăn nên không có nhiều thời gian quan tâm, theo dõi các hoạt động, trình độ có nhiều hạn chế nên có thể không hiểu ngay thì có thể quay video với hình ảnh sắc nét, âm thanh cuốn hút để họ có thể nghe, xem, một lần không nhớ, không hiểu thì có thể xem đi xem lại nhiều lần vào những khoảng thời gian rảnh rỗi,... Được thừa hưởng thành quả của sự phát triển khoa học, công nghệ thông tin, việc tra cứu tìm hiểu giáo lý có nhiều thuận lợi. Khi cần một tư liệu để tham khảo, chỉ cần vài giây nối mạng là chúng ta có ngay những thông tin cần thiết.. Nguồn kinh sách in ấn dồi dào, máy nghe pháp, văn hóa phẩm Phật giáo từ báo chí đến băng đĩa..... quý thầy thuyết giảng về giáo lý rất đa dạng phong phú, dễ dàng thỉnh, mua để phổ biến cho tín đồ Phật tử.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cần tăng cường hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ với Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, với các ngành, các cấp chính quyền địa phương. Là một đơn vị mới được thành lập, nên kinh nghiệm hoạt động chưa nhiều lại thêm rất nhiều khó khăn cần sự trợ giúp, tạo điều kiện của Giáo hội Trung ương và các ngành các cấp chính quyền địa phương.

Trong thời gian qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai đã nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện rất lớn từ phía Ban Trị sự và các Ban ngành của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Để làm tốt hơn nữa nhiệm vụ của mình, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cần tăng cường hơn nữa mối quan hệ với Giáo hội Trung ương.

Mối quan hệ của tổ chức tôn giáo với chính quyền địa phương rất quan trọng. Chính vì vậy, các cấp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cần tăng cường hơn nữa mối quan hệ này trong mọi hoạt động như: giải quyết các vấn đề còn tồn đọng, phát sinh trong quá trình sinh hoạt tôn giáo; phối hợp tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo để các tín đồ và nhân dân cùng hiểu để thực hiện cho đúng tránh bị kích động, dụ dỗ, lôi kéo,...

Về hoạt động đạo tràng: Để đi đến thống nhất trong sinh hoạt đạo tràng cần phải đẩy nhanh công tác biên soạn một bộ sách Phật pháp căn bản và thống nhất trên phạm vi toàn quốc, nhằm đến đối tượng cư sĩ Phật tử, dùng để giảng dạy cho người Phật tử và để người Phật tử nghiên cứu, tu học trong quá trình sinh hoạt của các đạo tràng. Cần phải Việt hóa các bài kinh, bài kệ, bài tán sử dụng trong nghi thức tụng niệm. Để tạo ra sự thống nhất thì cần phải tuyển chọn bản dịch nào chuẩn nhất để đưa vào trong nghi thức tụng niệm và quy định việc sử dụng đồng bộ một quyển *Nghi thức tụng niệm* cho tất cả các đạo tràng cư sĩ Phật tử trong phạm vi cả nước, ngoại trừ những đạo tràng có pháp tu riêng. Tránh tình trạng sử dụng nhiều bản dịch, nhiều quyển *Nghi thức tụng niệm* với câu chữ khác nhau, thậm chí nội dung khác nhau, gây khó khăn cho các Phật tử, nếu có sử dụng thì chỉ sử dụng chúng với mục đích tham khảo mà thôi.

Phật giáo tỉnh Lào Cai cần phải thiết lập mối liên kết chặt chẽ hơn nữa giữa các đạo tràng, đoàn, hội trên địa bàn tỉnh với nhau, nhất là khi cùng sinh hoạt trong một phạm vi địa lý nhất định như một huyện, thể hiện cụ thể qua việc liên kết tổ chức các chương trình tu học dành cho cư sĩ Phật tử, và việc trao đổi, cộng tác của các hoằng pháp viên với nhau.

Đặc biệt lưu ý đến những huyện chưa có chùa cho Phật tử sinh hoạt. Phân công Tăng Ni phụ trách các huyện đó, thường xuyên đến hướng dẫn các

đạo tràng ở nơi đó sinh hoạt sao cho đúng chính pháp, đúng quy định của pháp luật và đúng quy chế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Chú trọng hơn nữa đến việc hoằng pháp, tổ chức các đạo tràng tu học ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, tạo điều kiện giúp đỡ trong việc xây dựng các cơ sở tu học cho cư sĩ ở những nơi còn thiếu, đang gặp nhiều khó khăn. Chủ động cử các vị giảng sư trẻ hoặc các vị hoằng pháp viên đến vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số để hoằng pháp và hỗ trợ các vị ấy trong đời sống tu học, hoằng pháp.

Đẩy mạnh sự liên kết, phối hợp giữa các ban ngành trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai, như là giữa Ban hoằng pháp, Ban hướng dẫn Phật tử, Ban từ thiện, Ban văn hóa,... nhằm tạo thuận lợi và nâng cao hiệu quả, tạo ra sự phong phú, đa dạng trong việc tổ chức, hướng dẫn các chương trình tu học cho cư sĩ Phật tử trên địa bàn tỉnh.

Những vị chủ chốt trong các đạo tràng, hội, đoàn của cư sĩ Phật tử cần chủ động kêu gọi các Phật tử trong hội đoàn của mình động viên, khuyến khích bạn bè, người thân cùng tham gia tu học, đến thăm viếng các hội viên trong đạo tràng những khi họ bị đau ốm hay khi gia đình họ có tang sự, hỷ sự,... Và mời người dân địa phương, cả Phật tử lẫn người dân thường, tham gia các hoạt động của đạo tràng vào những dịp lễ lớn để tạo mối quan hệ thân thiết và dần dần dẫn dắt họ đến với đạo Phật, tham gia tu học.

Thường xuyên tổ chức, tham gia các cuộc hội thảo về hoạt động hoằng pháp và tu học của cư sĩ Phật tử, hoạt động sinh hoạt đạo tràng theo định kỳ để từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá trong công tác hoằng pháp, tổ chức các khóa tu học. Đồng thời cần phải tổ chức các cuộc thi về giáo lý, về kinh nghiệm tu học dành cho người cư sĩ Phật tử theo định kỳ, thích ứng với nhiều độ tuổi khác nhau, với những quy mô và phạm vi khác nhau, có sự

đánh giá minh bạch và khen thưởng chính đáng cho người dự thi, nhằm khích lệ tinh thần tu học của người Phật tử.

Ban Hoằng pháp, Ban hướng dẫn Phật tử của Phật giáo tỉnh Lào Cai cần tổ chức nhiều hơn nữa những chuyến viếng thăm các đạo tràng tu học theo định kỳ, đặc biệt là đối với các đạo tràng ở vùng sâu vùng xa, nhằm khích lệ tinh thần tu học của Phật tử địa phương, nắm bắt tình hình và có biện pháp hỗ trợ thích ứng, kịp thời.

Trong thời gian tới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cần tập trung xây dựng và phát triển nguồn nhân sự cả về số lượng lẫn chất lượng: Nhằm đào tạo một thế hệ Tăng Ni có trình độ về Phật học và thế học để đảm nhận các công tác Phật sự tại các Tự viện và tạo nguồn lực lượng nòng cốt tham gia hoạt động của Giáo hội tỉnh sau này.

Ban Trị sự phải xây dựng kế hoạch hoạt động Phật sự cụ thể cho từng quý, từng năm để nắm vững tình hình Phật sự trong tỉnh, kịp thời hướng dẫn và triển khai tới các Phật tử, từ đó thực hiện tốt các hoạt động Phật sự do Trung Ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và tỉnh hội Phật giáo đề ra. Động viên Tăng Ni và đồng bào Phật tử đoàn kết, thực hiện tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hành đúng Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo và các Nghị định hướng dẫn.

Gần đây, Tây Bắc được Đảng, Chính phủ quan tâm đặc biệt và có nhiều chính sách đầu tư, ưu đãi nhằm nâng cao đời sống kinh tế-xã hội. Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chính phủ đã dành một khối lượng vốn khá lớn tập trung vào vùng, thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, các dự án Quốc gia, các dự án sử dụng trái phiếu Chính phủ, công trái giáo dục, các hỗ trợ có mục tiêu khác và thông qua các dự án, chương trình trong chương trình hành động của Chính phủ.

Cần in ấn phát hành những câu chuyện cuộc đời đức phật, nhân quả, kinh sách...được dịch ra tiếng dân tộc ngắn gọn, dễ hiểu “ Chùa Di Đà tỉnh Lâm Đồng do Thượng Toạ: Thích Đồng Châu trụ trì đã thực hiện rất tốt việc này.

4.2.2. Giải pháp đối với tăng ni, thực hiện công tác hoằng pháp

Để hoằng pháp có hiệu quả đầu tiên chư tôn đức tăng ni phải có tinh thần dân thân, đúng theo tinh thần “ Phật giáo nhập thế” đó là phải đi vào đời sống cụ thể; Cần thay đổi quan niệm mà hiện nay nhiều vị đang chấp chặt, đó là “ai cầu pháp thì mới thuyết giảng cho họ” giáo pháp là quý báu, không phải năn nỉ người ta học, sẽ giảm giá trị. Nếu những người tự giác đi cầu học Phật pháp thì đó là những người căn tính đã thuần thiện nhiều đời nhiều kiếp, còn người căn tính chưa thuần thì chúng ta mới sợ họ đi vào con đường xấu, càng phải nỗ lực giúp họ chứ đừng câu nệ ai đi tìm ai. Chúng sinh mang tâm bệnh cần đỡ dành cho họ thuốc giáo pháp, vì thương họ mà kham nhẫn tất cả khó khăn, tham gia vào các việc an sinh xã hội để đem lợi ích và chia sẻ những khó khăn với đồng bào. Điều đó đã được đức Phật nhắc đến trong kinh điển về việc triển khai giáo lý phương tiện “khế lý, khế cơ, khế thời, khế xứ”.

Hoằng pháp trong đồng bào dân tộc thiểu số không dễ, vấn đề biết tổ chức ra sao và đừng mơ ước những gì quá to tát vượt khỏi khả năng của mình, cứ kiên nhẫn đi từ nấc thang “Thà hóa độ được một người còn hơn xuôi tay đổ thừa cho hoàn cảnh”. Để hoằng pháp Phật giáo ở những vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, đây là các vùng có những phong tục tập quán, văn hoá bản địa nên phải có sự hi sinh của chư tôn đức tăng ni bởi đây là những vùng kinh tế khó khăn, thời tiết khắc nghiệt, nhiều tập tục mang tính chất địa phương, cho nên người hoằng pháp cần uyển chuyển, điều chỉnh mình để hoà nhập với cộng đồng, thích nghi với đời sống nơi đây bằng thân giáo, cùng ăn, cùng ở, cùng tu tập, chia sẻ những khó khăn của

đồng bào; một số nghi lễ, thời khóa cần phải rút ngắn, một số giới luật cần uốn chuyển để phù hợp với người đồng bào; cần tuyển chọn nhân sự là các cư sĩ, Phật tử tại địa phương cho đi đào tạo ngắn hạn sau đó trở về trực tiếp hướng dẫn đồng bào.

Chư tôn đức là sứ giả trong việc hoằng dương Phật pháp, vị trụ trì có vai trò quan trọng của ngôi chùa, ngôi chùa là nơi quy tụ quần chúng Phật tử, gắn bó với mọi hoạt động của con người và xã hội, vai trò người trụ trì điều hành mọi vận động Phật sự và truyền tải nội dung Phật pháp vào xã hội, giúp cho giáo pháp của Đức Phật được lan tỏa khắp nơi, đến với nhiều đối tượng khác nhau. Nghiêm trì giới luật là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu của vị trụ trì. Đạo hạnh uy nghiêm mới có thể làm chỗ nương tựa vững chắc cho tứ chúng noi theo tu tập và đảm đương vai trò sứ mạng hoằng pháp độ sinh. Hình ảnh và nếp sống đạo hạnh của chư tôn đức lấy Thân giáo trong cuộc sống thường nhật từ hình dáng, cử chỉ cho đến phong cách ứng xử, trình độ tu tập cũng như phương pháp hành trì để cảm hoá chúng sinh.

Phương thức hoằng pháp để có hiệu quả ở Lào Cai và trong vùng dân tộc thiểu số nói chung, chư tôn đức tăng ni cần tiếp cận môi trường mới, với nội dung và hình thức chân thật, gần gũi, giản dị để hoà nhập phù hợp với phong tục tập quán của địa phương nơi đó: Người đồng bào đa số theo tín ngưỡng dân gian như thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ thần rừng, thần sông, thần núi, thần mưa... cho nên chư tôn đức léo léo dùng nghi lễ của Phật giáo để đáp ứng được nhu cầu nguyện vọng của bà con đồng bào. Trong khoá lễ chư tôn đức nên giảng các nội dung ngắn gọn về nghi lễ, đạo hiếu để bà con dần dần tiếp nhận, chính vì thế chư tôn đức tăng ni phải am hiểu văn hoá, phong tục tập quán, hiểu những tâm tư, nguyện vọng và cùng với nhân dân địa phương tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, xây dựng cho đồng bào tinh thần yêu nước, chấp hành đường lối của Đảng, chính sách

Pháp luật của nhà nước, bảo vệ giữ gìn các phong tục tập quán tốt đẹp của người địa phương.

Người thực hành hoằng pháp cần lưu ý đối với công tác tổ chức Phật sự: Khi truyền dạy phải cân nhắc hài hoà để nhân dân không thấy điều đó quá khó và không thích hợp với họ. Cần mở các lớp giáo lý căn bản dành cho Phật tử tại gia, đặc biệt là người biết tiếng đồng bào, người có uy tín trong cộng đồng, người có nhiều khả năng truyền đạt để hướng dẫn cho đồng bào các thời khoá, nghi lễ. Tham gia tích cực, tổ chức tuyên truyền về luật pháp, ủng hộ các phong trào: An ninh an toàn, xây dựng văn hoá khu dân cư, ánh sáng an ninh, điểm phòng cháy chữa cháy cộng đồng, bảo vệ môi trường, làm tốt công tác an sinh xã hội. Nghiên cứu các điểm tương đồng trong giáo lý nhà Phật với tín ngưỡng bản địa, từ đó khuyến hoá những lời dạy về lòng từ bi, bao dung, bác ái, yêu thiên nhiên, môi trường, quý trọng sự sống của con người và chúng sinh. Bản chất của người đồng bào sống thật thà, chất phát quý trọng tình nghĩa ghét giả dối, cho nên chư tôn đức tăng ni về thân giáo cũng phải giữ gìn điều đó.

Hoằng pháp cần chú ý tiếp cận những bậc có uy tín của địa phương như già làng, trưởng bản, thầy mo, thầy cúng, bởi những người này có vai trò ảnh hưởng rất lớn trong cộng đồng, bởi chính họ là những thủ lĩnh tinh thần của cộng đồng người dân nơi đó. Tình cảm ban đầu của những người uy tín này sẽ quyết định và xác lập mối quan hệ tốt đẹp, tin tưởng chư tôn đức, đến để phục vụ và làm tốt đẹp, thịnh vượng cho cuộc sống của nhân dân, chứ không phải đến để lấy đi cái gì của họ đang có. Nên chuyển đổi cách làm, chú trọng an sinh xã hội, xây dựng các dự án phát triển kinh tế cộng đồng như cầu đường, giếng nước sinh hoạt, tưới tiêu, hỗ trợ cây, con giống đem lại hiệu quả về kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân đồng bào. Trong những năm qua, Phân ban Hướng dẫn Phật tử dân tộc, chư tôn đức Ban Trị sự Giáo hội

Phật giáo tỉnh Lào Cai làm rất tốt việc này. Thay đổi cách làm từ thiện không chỉ tặng những vật chất thụ hưởng hàng ngày mà đi xây dựng xoá nhà tạm, cầu đường, giếng khoan, cây con giống, hỗ trợ con em đồng bào học nghề... nâng cao kiến thức phát triển kinh tế, vệ sinh môi trường sống, chuyển đổi số, y tế cộng đồng...

Chư tôn đức tăng ni phải xoá bỏ khoảng cách vùng miền, mặc cảm của đồng bào. Tìm những nhân tố tích cực có tài có đức, biết tiếng dân tộc, am hiểu phong tục tập quán khuyến khích tạo điều kiện để các Phật tử đó dần thân, hướng dẫn cho đồng bào vùng sâu, vùng xa (vì tăng ni có hình tượng và giới luật khác với người đồng bào không ăn ở cùng đồng bào được, chỉ có cư sĩ mới gần gũi được); khuyến khích, tạo điều kiện cho tăng ni là người đồng bào trở về hoằng pháp, hướng dẫn đồng bào tại địa phương. Nên có chính sách đãi ngộ và chi phí hợp lý đối với các cư sĩ Phật tử hộ trì để đảm bảo cuộc sống, đi lại, yên tâm việc phụng sự.

Các Ban Trị sự, các chùa có kế hoạch đỡ đầu đối với các cháu là học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số có lực học khá giỏi, tổ chức khoá tu mùa hè “gieo hạt bồ đề”, khuyến khích vận động học sinh là người đồng bào tham dự. Giới thiệu và hỗ trợ cho các cháu học sinh khó khăn đi học nghề tại các trường đào tạo nghề, phù hợp với đời sống phát triển kinh tế tại địa phương, sau này cho các cháu có công ăn việc làm, đảm bảo cuộc sống

Xem xét thiết lập các đạo tràng, công nhận các đạo tràng những nơi chưa có chùa, hướng dẫn bà con đăng kí điểm sinh hoạt tạm thời theo luật Tín ngưỡng tôn giáo. Tạo điều kiện pháp lý cho bà con nhân dân sinh hoạt, bày tỏ niềm tin tôn giáo tín ngưỡng, đó cũng là tiền đề xin chủ trương xây dựng các ngôi chùa trong tương lai. Cần tổ chức nhiều lễ quy y, lập khoán cho con em đồng bào từ nhỏ, chăm lo đời sống vật chất tinh thần các ngày tết thiếu nhi,

rằm trung thu, khoá tu mùa hè, các lễ hội để tạo môi trường cho con em đồng bào tham dự từ nhỏ, tạo thành nếp văn hoá đi chùa.

Quan tâm, giữ gìn văn hoá vật thể, phi vật thể của đồng bào. Không được bài bác, xoá bỏ các phong tục tập quán truyền thống địa phương, của đồng bào. Bởi giữ gìn văn hoá của chính họ là bảo tồn phát triển văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam, như lời của cố tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nói “ Văn hoá còn thì dân tộc còn, văn hoá mất thì dân tộc mất”.

Ngoài những hoạt động truyền bá giáo lý, từ thiện xã hội, công tác hoằng pháp muốn trọn vẹn phải thực hiện tốt các điều kiện cần thiết của cơ sở vật chất như xây dựng sửa sang chùa chiền, giảng đường... phục vụ nhu cầu tu học, việc xây dựng cơ sở là điều tất yếu trong việc hoằng pháp, vận động các mạnh thường quân có khả năng tài chính phát tâm đề trợ duyên cho việc này.

4.2.3. Giải pháp đối với các ngành, các cấp làm công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo của tỉnh Lào Cai

Nhìn chung trong thời gian qua, công tác Quản lý Nhà nước về tôn giáo của các ngành các cấp tỉnh Lào Cai về cơ bản đã được thực hiện tốt, đã tạo điều kiện cho các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng ở tỉnh Lào Cai sinh hoạt ổn định, theo đúng quy định pháp luật, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của tín đồ.

Tuy nhiên, do nhiều điều kiện khách quan và chủ quan, trong công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo ở tỉnh Lào Cai trong thời gian qua còn rất nhiều tồn đọng. Để phát huy hơn nữa vai trò của các tôn giáo nói chung, đặc biệt là Phật giáo nói riêng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh nhà, các ngành, các cấp làm công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp để quản lý tốt hơn nữa về tôn giáo, tạo điều kiện cho các tôn giáo sinh hoạt đúng pháp luật, giữ vững an ninh trật tự địa phương mà vẫn

phát huy được những đặc trưng, những đóng góp tích cực của mình, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa, đạo đức. Cụ thể, cần tập trung vào một số vấn đề:

+ Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm cho đồng bào hiểu rõ chính sách dân tộc, tôn giáo và sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào, thấy rõ tính đúng đắn, ưu việt của đường lối, chính sách. Cần nhìn nhận khách quan về vấn đề tôn giáo: thấy được những mặt tích cực của tôn giáo để phát huy, những mặt tiêu cực để hạn chế. Như ý kiến của tác giả Đặng Thị Lan:

“Muốn có chính sách đúng đắn về tôn giáo, điều trước tiên là phải thay đổi nhận thức về nó. Tại các nước đang phát triển hiện nay, tôn giáo vẫn đang bền vững như một nhu cầu tinh thần, một hiện tượng văn hóa đã ăn sâu bám rễ vào trong truyền thống các dân tộc. Phải thấy một cách khách quan rằng chính tôn giáo đã góp phần làm nên bản sắc văn hóa cho các dân tộc. Vấn đề đặt ra là cần nhìn nhận, đánh giá tôn giáo một cách công bằng và khoa học để thấy được mặt tích cực của nó, sự đóng góp của nó đối với văn hóa và đạo đức dân tộc” (Đặng Thị Lan, 2006, tr.254).

Bởi Phật giáo với truyền thống “hộ quốc an dân” đã được khẳng định trong suốt chiều dài lịch sử Phật giáo cho đến ngày nay. Những đóng góp của Phật giáo đối với xã hội Việt Nam ở các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội đã được khẳng định trong thực tiễn hiện thực đời sống và trong các nghiên cứu của các nhà nghiên cứu, đặc biệt là lĩnh vực văn hóa, đạo đức. Chính vì vậy những người làm công tác quản lý tôn giáo ở tỉnh Lào Cai cần có những nhìn nhận khách quan đối với vấn đề tôn giáo nói chung. Tuy nhiên mỗi một tôn giáo có những đặc trưng riêng, vì thế cần phải hiểu rất sâu về từng loại

hình tôn giáo, tín ngưỡng mới có thể “ứng xử”, “quản lý” với các tôn giáo, tín ngưỡng để đạt kết quả cao nhất.

+ Đa dạng hóa phương thức, kênh tuyên truyền những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, dân tộc tới tận mỗi người dân; tổ chức thực hiện một cách sáng tạo, thích hợp, có hiệu quả những vấn đề này từ cơ sở trong phạm vi toàn tỉnh. Chính quyền, đoàn thể các cấp có trách nhiệm không để cho bất cứ thế lực nào áp đặt tôn giáo, tín ngưỡng bằng các thủ đoạn mua chuộc lôi kéo, khống chế đối với nhân dân phục vụ cho những ý đồ đen tối của chúng. Chính sách tôn giáo là một phần quan trọng của chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta, do đó cần xác định công tác vận động quần chúng có đạo là nhiệm vụ chính trị, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về hoạt động tôn giáo. Về hành lang pháp lý, quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về vấn đề tôn giáo đã được cụ thể hóa bằng nhiều văn bản như các Nghị quyết và mới đây nhất là Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Tuy nhiên, việc áp dụng triển khai các quy định đó vào thực tế các địa phương thì lại không hề đơn giản bởi mỗi địa phương lại có những đặc điểm riêng. Chính vì thế, đối với tỉnh Lào Cai, những người làm công tác tôn giáo cần năng động, linh hoạt, nắm chắc tình hình thực tiễn để triển khai tốt nhất các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề tôn giáo. Có thể tham khảo kinh nghiệm của các tỉnh có điều kiện tương đồng.

+ Song song với đó cần nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác quản lý tôn giáo trên địa bàn tỉnh, có thể bằng các phương pháp khác nhau như cho các các bộ đi học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tôn giáo, phân công những cán bộ chuyên trách về các mảng cụ thể để họ có thể chủ động bám sát địa bàn, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động

các tôn giáo và chủ động tìm hiểu sâu về lĩnh vực chuyên trách để từ đó có thể giải quyết các vụ việc “thấu tình đạt lý” hơn.

+ Tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp: tăng cường các công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân; có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, phân cấp cụ thể và sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cấp; quan tâm hơn nữa đến các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng giáp biên trên địa bàn tỉnh...

+ Chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh có hiệu quả với những âm mưu và hành động lợi dụng những vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng gây chia rẽ khối đại đoàn kết trong tỉnh: Lào Cai với đặc thù là tỉnh miền núi, vùng biên, lại đa thành phần dân tộc, vì thế, đây là vấn đề cần chú ý.

Tiểu kết chương 4

Trong thời gian qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai đã rất nỗ lực đưa Phật giáo đến gần hơn với đồng bào ở tỉnh Lào Cai, trong đó có rất nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, Phật giáo đã từng bước khẳng định được vị thế trong đời sống người dân nơi đây: tạo nên được không khí tu học phấn khởi cho hàng nghìn Phật tử tại gia, đẩy mạnh số lượng Phật tử theo học Phật pháp ngày càng đông, góp phần đẩy lùi mê tín dị đoan, phát huy chính kiến, chính tín trong Phật tử và bà con có tín ngưỡng đạo Phật. Tuy nhiên với đặc trưng của một tỉnh miền núi, công tác hoằng pháp và sinh hoạt đạo tràng ở nơi đây còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, những khó khăn đó đến từ cả hai phía chủ quan và khách quan.

Trong thời gian tới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung cần có những giải pháp cụ thể hơn nữa đối với công tác hoằng pháp vùng sâu vùng

xa bởi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giáo hội. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lào Cai cần phát huy hơn nữa những mặt đã làm được, thực hiện đồng bộ những giải pháp để nâng cao hiệu quả hoằng pháp của Phật giáo trong thời gian tới.

Mục đích của hoằng pháp và đưa những giáo lý của Phật giáo đến gần hơn với đời sống người dân, để Phật giáo tiếp tục thực hiện sứ mệnh “Phụng sự chúng sinh”, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội, đem lại hạnh phúc cho đồng bào.

KẾT LUẬN

Việt Nam cũng là quốc gia có nhiều dân tộc với 54 dân tộc, trong đó dân tộc thiểu số chiếm khoảng 15% và sinh sống chủ yếu tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa của Tổ Quốc. Các dân tộc thiểu số Việt Nam có tinh thần, ý thức đoàn kết, gắn bó cao, nhiều cộng đồng các dân tộc thiểu số xen canh, xen cư để chung sống hòa bình, ổn định.

Ở Việt Nam, trong đời sống tôn giáo luôn có sự dung hợp, đan xen và hòa đồng, không có kỳ thị, tranh chấp và xung đột giữa các tôn giáo với nhau. Các tôn giáo ở nước ta, mặc dù khác nhau về giáo luật, giáo lý và phương thức hành đạo nhưng gắn bó với nhau trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện phương châm “Tốt đạo, đẹp đời” vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các tín ngưỡng truyền thống phản ánh đời sống tâm linh phong phú, đa dạng, sự khoan dung, độ lượng, nhân ái của người Việt Nam và tinh thần đoàn kết toàn dân tộc. Trong nhiều cộng đồng dân cư có sự xen kẽ giữa người có tôn giáo, tín ngưỡng và người không có tôn giáo, tín ngưỡng. Ở nhiều nơi, trong cùng một làng, xã, có nhóm tín đồ của tôn giáo này sống đan xen với nhóm tín đồ của tôn giáo khác hoặc với những người không theo tôn giáo, và họ sống hòa hợp với nhau trên nền tảng của sự có kết cộng đồng làng, xóm, dòng họ. Đây là những yếu tố để người Việt Nam dễ hòa đồng với nhiều tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

Mỗi tín ngưỡng, tôn giáo mang những nét văn hóa riêng biệt nhưng đều hướng đến Chân - Thiện - Mỹ, chịu ảnh hưởng của truyền thống dân tộc, góp phần tạo nên những nét đẹp trong nền văn hóa đa dạng, phong phú về bản sắc của dân tộc.

Trong các tôn giáo đã du nhập và hình thành ở Việt Nam, Phật giáo là một trong số ít tôn giáo du nhập vào Việt Nam sớm; đồng thời, là tôn giáo

gắn bó, và đồng hành cùng dân tộc Việt Nam, cùng có những chuyển biến cùng sự hưng vong của dân tộc Việt Nam qua các giai đoạn dựng nước và giữ nước đến nay. Thực tế mỗi tôn giáo đều mang trong nó một hay nhiều tín ngưỡng; các tín ngưỡng này đã có sự giao thoa với văn hóa Việt Nam. Có nhiều bằng chứng cho thấy Phật giáo được du nhập một cách hài hòa vào Việt Nam rất sớm, nhất là từ cuối thế kỷ thứ II đến đầu thế kỷ thứ III Tây Lịch qua hai ngã giao thương với các nhà buôn Ấn Độ bằng đường thủy và giao lưu với văn hóa Trung Hoa bằng đường bộ. Với lịch sử hàng nghìn năm gắn bó cùng dân tộc, Phật giáo du nhập từ bên ngoài vào thì nay đã trở thành Phật giáo Việt Nam, khẳng định được vai trò của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cũng có nhiều điểm tương đồng về đời sống văn hóa, kinh tế xã hội cũng như niềm tin, tình cảm và tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng bào dân tộc thiểu số là bộ phận có ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị, an ninh của đất nước. Tuy nhiên, trong mặt bằng chung so với cả nước, nhiều khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số đang có mức dân trí thấp hơn, mức sống thấp hơn. Điều đó cũng khiến cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nằm trong nhóm thường xuyên bị các thế lực thù địch lợi dụng, thông qua tôn giáo để tranh thủ, dụ dỗ, mua chuộc để tiến hành các hoạt động chống phá, gây mất trật tự, mất an ninh, mất đoàn kết.

Trong dòng chảy lịch sử của Phật giáo thì không thể không kể đến quá trình du nhập và phát triển của Phật giáo ở tỉnh Lào Cai, vì đây là một tỉnh giáp biên giới phía Tây bắc của Tổ quốc và cũng là tỉnh có nhiều đồng bào các dân tộc khác nhau sinh sống như: H'Mông Đen; Tày; Dao Đỏ; Giáy; Kinh; Xá Phó. Nhưng với giáo lý “Tùy duyên phương tiện” của mình, Phật giáo đã len lỏi vào đời sống người dân và hội nhập đan xen với văn hóa bản địa như “sữa với nước” để cùng phát triển. Do vậy, mà mặc dù Giáo hội Phật

giáo tỉnh Lào Cai mới được thành lập trong những năm gần đây, nhưng đã là một trong 63 tổ chức cấp địa phương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang trên đà phát triển, đi sâu vào đồng bào dân tộc, tạo đà làm nên tính đặc sắc của văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển tại một địa phương có nhiều dân tộc sinh sống thì vấn đề hoằng pháp và sinh hoạt đạo tràng có nhiều đặc trưng cần được quan tâm, đặc biệt là hoằng pháp trong đồng bào dân tộc thiểu số như vai trò đặc biệt của nghi lễ, các hoạt động từ thiện đối với hoằng pháp. Do vậy, việc nghiên cứu công tác hoằng pháp và sinh hoạt đạo tràng của Phật giáo ở tỉnh Lào Cai hiện nay để từ đó có những đề xuất và các giải pháp thiết thực nhằm phát huy vai trò, nguồn lực của Phật giáo tỉnh Lào Cai nói chung trong nhiệm vụ xây dựng và phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam; đồng thời góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở một địa phương thuộc vùng biên giới phía Tây Bắc là yêu cầu vừa cấp thiết hiện tại vừa có tính chiến lược lâu dài. Thực tiễn cho thấy, Phật giáo tỉnh Lào Cai một mặt đã và đang từng bước khẳng định vị trí trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội người dân nơi đây. Mặt khác, cũng đang đặt ra không ít những khó khăn gian truân cần phải có kế hoạch, giải pháp cụ thể đồng bộ để vượt qua.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Xuân Kiêm (2023), “Beliefs and major world religions in Lao Cai Province, Vietnam based on an analysis of historical, geo-economic and social characteristics”, *Миссия конфессий - том* (72), pp.30-37, ISSN 2499-9423.
2. Trần Xuân Kiêm, Trần Thị Kim Oanh (2023), “Exploring Buddhism in Lao Cai Province, Vietnam”, *Миссия конфессий - том* (72), pp.38-46, ISSN 2499-9423.
3. Trần Xuân Kiêm (2024), “Hoạt động hoằng pháp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Phật giáo Việt Nam ở tỉnh Lào Cai hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn* (tập 10, số 4), tr.421- 432.
4. Trần Xuân Kiêm (2024), Sinh hoạt đạo tràng của Phật giáo Việt Nam ở tỉnh Lào Cai hiện nay, *Công tác tôn giáo* (11), tr.49-51.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Phạm Minh Anh (2016), “Lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu tôn giáo”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam* (103), tr. 112- 119.
2. Diệm Âm Diệm Ngô (2007), *Ý nghĩa hoằng pháp và hộ pháp*, Sách Ấn Tổng
3. Ban Tôn giáo Chính phủ (2003), *Tập văn bản về tổ chức và đường hướng hành đạo của các tôn giáo tại Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
4. Ban Tôn giáo Chính phủ (2008), *Tôn giáo và công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
5. Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
6. Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai (2019), *Báo cáo kết quả 15 năm thực hiện công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 37 – NQ/TW ngày 01/7/ 2004 của Bộ Chính trị*, Lưu hành nội bộ, Lào Cai.
7. Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai (2018), *Thực trạng về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai*, Lưu hành nội bộ, Lào Cai.
8. Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai (2019), *Thực trạng về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai*, Lưu hành nội bộ, Lào Cai.
9. Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương (2019), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia Hoạt động của tín đồ Phật tử với sự phát triển bền vững đất nước, Phần Phát huy giá trị tinh hoa Phật giáo Việt Nam vì sự phát triển bền vững đất nước*, Chùa Khai Nguyên ngày 28/7/2019, Hà Nội.
10. Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
11. Nguyễn Thanh Bình (2017), “Vai trò của sư trụ trì trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật* (401).

12. Thích Minh Châu (1989), *Lịch sử đức Phật Thích Ca*, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II.
13. Thích Minh Châu (dịch) (1993), *Tương Ưng Bộ I*, VNCPHVN ấn hành.
14. Thích Minh Châu (2002), “Bảy nguyên lý phát triển Giáo hội”, *Kỷ yếu hội thảo: Giáo hội Phật giáo Việt Nam 7/11/1981- 7/11/2001*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
15. Phạm Văn Chiến (chủ biên) (2013), *Truyền thuyết - lịch sử Đền Bảo Hà và một số đền thờ ở Lào Cai*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội
16. Phạm Văn Chiến (2018), *Truyền thuyết, lịch sử Đền Cô và một số di tích huyện Văn Bàn tỉnh Lào Cai*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
17. Nguyễn Hồng Dương (2021), *Phật giáo và Phật giáo Việt Nam: Tăng già – Phật pháp – Tự viện – Nghi lễ*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
18. Nguyễn Tất Đạt (2011), *Mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Lê Tâm Đắc (2020), “Hiện tượng tôn giáo mới trong vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay”, *Nghiên cứu tôn giáo* (199), tr.116-127.
20. Dương Quang Điện (Thích Thanh Điện) (2017), *Quá trình hình thành và phát triển của Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam giai đoạn từ 1981 đến nay*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
21. Dương Quang Điện (2019), “Hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc”, *Khoa học Xã hội Việt Nam* (7), tr.64-71.
22. Dương Quang Điện, Nguyễn Văn Tuấn (chủ biên) (2019), *Một số nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
23. Dương Quang Điện (2020), “Hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc”, *Khoa học Xã hội Việt Nam* (7), tr.64-71.

24. Thích Thanh Điện (Tổng chủ biên) (2021), *40 năm chặng đường lịch sử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981- 2021)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
25. Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Thích Huệ Đăng (2011), *Đại thừa Tư tưởng luận*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
27. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981), *Kỷ yếu Đại hội đại biểu toàn quốc giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ I*, Ban văn hoá trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hà Nội.
28. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Hoằng pháp Trung ương (2009), *Kỷ yếu Khóa Bồi dưỡng và Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc tại TP Đà Nẵng*, Lưu hành nội bộ.
29. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương (2019), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia Hoạt động của tín đồ Phật tử với sự phát triển bền vững đất nước*, Phần Tín đồ Phật tử với phát triển bền vững đất nước, Chùa Khai Nguyên ngày 28/7/2019
30. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2009), *Quy chế hoạt động Ban Trị sự Tỉnh – Thành Hội Phật giáo trực thuộc Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Lưu hành nội bộ.
31. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Hoằng pháp Trung ương (2009b), *Kỷ yếu Khóa Bồi dưỡng và Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc tại TP Đà Nẵng*, Lưu hành nội bộ
32. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn phòng Hội đồng Trị sự (2012), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Đại hội đến Đại hội (1981 - 2012)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

33. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Hội đồng Trị sự (2017), *Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tu chỉnh lần thứ VI tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
34. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), *Quy chế hoạt động Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Quận/ Huyện/ Thị xã/ Thành phố thuộc Tỉnh nhiệm kỳ VIII (2017 – 2022)*, Ban hành kèm theo Quyết định số: 175/QĐ-HĐTS ngày 05 tháng 9 năm 2018
35. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương (2019), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia Hoạt động của tín đồ Phật tử với sự phát triển bền vững đất nước, Phần Phát huy giá trị tinh hoa Phật giáo Việt Nam vì sự phát triển bền vững đất nước*, Chùa Khai Nguyên ngày 28/7/2019
36. Lê Đức Hạnh (2011), “Vai trò nhập thế của các thiền sư thời Lý”, *Phật giáo thời Lý với 1000 Năm Thăng Long*, Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
37. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Chính sách, pháp luật về tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam: 25 năm nhìn lại*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
38. HĐTS GHPGVN, *Nội quy Ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN*, ban hành kèm theo Quyết định số 281/2013/QĐ.HĐTS ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
39. Nguyễn Xuân Hùng (2020), “Đạo Tin Lành tại miền Bắc Việt Nam – Đặc điểm và quá trình hình thành và phát triển”, *Nghiên cứu tôn giáo* (204), tr. 51-83.
40. Lê Khánh (2005), “Hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh”, *Nghiên cứu Phật học* (1), tr.61-63.

41. Đặng Thị Lan (2006), *Đạo đức Phật giáo với đạo đức con người Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
42. Hoàng Thị Lan (2021), *Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
43. Nguyễn Lang (2014), *Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập*, Nxb Văn học, Hà Nội.
44. Lâm Văn Liêm (2018) “Một số nhận thức chung về hoằng pháp”, *Nghiên cứu Tôn giáo* (174), tr.3-21.
45. Xem Lê Đình Lợi (2012), “Vài nét về phương thức truyền giáo của đạo Tin Lành vào vùng dân tộc Mông ở Lào Cai”, *Nghiên cứu Tôn giáo* (10), tr.44-51
46. Lê Đình Lợi (2019), “Quá trình truyền nhập và phát triển Công giáo trong cộng đồng người Mông ở Lào Cai”, *Nghiên cứu tôn giáo* (183), tr.91 – 103.
47. Nguyễn Văn Minh (2013), *Tôn giáo, tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
48. Nārada Mahā Thera (Phạm Kim Khánh dịch) (2016), *Đức Phật và Phật Pháp*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
49. An Nga (2014), “Đạo tràng và sự phát triển của Đạo Phật”, *Nghiên cứu Phật học* (5), tr.36-39.
50. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2014), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ 1981 đến nay*, Nxb Phương Đông, Cà Mau.
51. Bùi Minh Nhựt (2019), “Hòa thượng Thích Thiện Hoa với sự nghiệp hoằng pháp và đào tạo tăng tài”, *Nghiên cứu Tôn giáo* (181), tr.32-45.
52. Thánh Nghiêm – Tịnh Hải (2008), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
53. Nxb Khoa học Xã hội (dịch) (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

54. Thích Gia Quang (2014), “Khởi nguồn Phật pháp nơi vùng sâu vùng xa vấn đề đặt ra cho tổ chức Phật giáo ở miền núi phía Bắc”, *Nghiên cứu Tôn giáo* (130), tr.67-74.
55. Thích Trí Quảng (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
56. Lê Trần Quyên (2022), “Sự du nhập của Phật giáo ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam”, *Dân tộc học* (6), tr.132-139.
57. Xem Nguyễn Văn Quý (2020), “Đạo tràng Niệm Phật: Lịch sử và đặc điểm”, *Nghiên cứu Tôn giáo* (195), tr.71-94.
58. Quốc hội (2016), *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
59. Trần Thế Pháp (2011), *Lĩnh Nam Chích Quái*, Nxb Trẻ, Nxb Hồng Bàng, TP Hồ Chí Minh.
60. Trần Hữu Sơn (chủ biên) (1999), *Lễ hội cổ truyền Lào Cai*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
61. Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai (2013), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 1991 – 2013*, Lưu hành nội bộ
62. Nguyễn Cao Thanh (2008), *Khái lược Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
63. Lê Mạnh Thát (2001), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam tập 2 Từ Lý Nam Đế (544) đến Lý Thái Tông (1054)*, Nxb Thành phố HCM, TP. Hồ Chí Minh.
64. Lê Mạnh Thát (2003), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam tập 1 Từ Khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
65. Lê Mạnh Thát (chủ biên) (2005), *Phật giáo thời đại mới – Cơ hội và thách thức*, Nxb TP.HCM, TP. Hồ Chí Minh.
66. Trần Thuận (2019), *Phật giáo Việt Nam góc nhìn lịch sử và văn hóa*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

67. Nguyễn Thanh Tuấn (2009), *Phật giáo với văn hóa Việt Nam và Nhật Bản qua một cách tham chiếu*, Nxb Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội.
68. Chu Văn Tuấn (2017), “Bước đầu nhận diện sự biến đổi của Phật giáo Việt Nam hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo* (166), tr.41 – 55.
69. Vũ Minh Tuyên (2010), *Cơ duyên tồn tại và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
70. Vũ Minh Tuyên và Ngô Thị Lan Anh (2017), “Phật giáo trong đời sống đạo đức các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ* (163), tr.183-189
71. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long (2013), *Chùa Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
72. Thích Trí Tịnh dịch (2018), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
73. Tỉnh ủy Lào Cai (2014), *Báo cáo Kết quả thực hiện công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2014*, Lưu hành nội bộ.
74. Tỉnh Ủy Lào Cai (2021), *30 năm Lào Cai sáng tạo*, Nxb Lao Động và Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
75. Tỉnh Ủy Lào Cai (2022), *Lịch sử tỉnh Lào Cai (1907-1950)*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
76. Tỉnh Ủy Lào Cai (2022), *Lịch sử tỉnh Lào Cai (1950-1991)*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
77. Tỉnh Ủy Lào Cai (2022), *Lịch sử tỉnh Lào Cai (1991-2020)*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
78. Hà Văn Thắng (chủ biên) (2016), *Văn hóa dân gian các dân tộc Lào Cai*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
79. Thích Mật Thể (1960), *Lược sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Minh Đức.

80. Huỳnh Ngọc Thu (2014), “Chuyển đổi tôn giáo: Sự lựa chọn duy lý của người Mnông (thôn ĐăK Liên, xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước”, *Nghiên cứu Tôn giáo* (135), tr. 126- 136.
81. Nguyễn Đăng Thục (1974), *Phật giáo Việt Nam*, Nxb Mặt Đất
82. Nguyễn Tài Thư (1988) (chủ biên), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
83. Nguyễn Thị Quỳnh Trâm (2016), “Văn hóa của người Hmông theo đạo Tin Lành ở tỉnh Lào Cai”, *Luận án Tiến sĩ Nhân học*, Học Viện Khoa học Xã hội, Viện HLKHXHVN, Hà Nội.
84. Thích Minh Trí (2012), *Quan hệ nhà nước quân chủ Lý – Trần với Phật giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
85. Lê Bá Trình (2017), *Quan điểm Hồ Chí Minh về tôn giáo đối với nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết ở nước ta hiện nay*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
86. Tỉnh ủy Lào Cai (2014), *Báo cáo Kết quả thực hiện công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2014*, Lưu hành nội bộ
87. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
88. Nguyễn Hữu Vui, Trương Hải Cường (2003), *Tập bài giảng Tôn giáo học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
89. Nguyễn Thanh Xuân (2012), *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
90. Hoàng Tâm Xuyên (chủ biên) (2016), *10 tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
91. Phatgiaovn.vn/bai-viet/lao-cai-chinh-thuc-dai-hoi-dai-bieu-phat-giao-tinh-lao-cai-lan-thu-nhat-nhiem-ky-20122017.html].

92. <http://tnti.vnu.edu.vn/phat-giao-nhap-the-tiep-can-tu-tu-tuong-phat-giao-nhap-the-cua-tran-nhan-tong/>
93. <https://laocai.gov.vn/>
94. <http://laocai.tnu.edu.vn>
95. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/10/thong-cao-bao-chi-ket-qua-so-bo-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019>
96. <https://giacngo.vn/35-nam-hoan-thien-he-thong-hanh-chanh-giao-hoi-post36770.html>].
97. <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/8176>

Tiếng Anh

1. Andrew Buckser and Stephen D. Glazier D. Stephen (edited) (2003) *The Anthropology of Religious Conversion*, Rowman& Littlefield Publishers, INC.
2. Allen D. Hertzke (2012), *Organizational religious pluralism: Anchoring thriving societies*, Utah.

PHỤ LỤC

NỘI DUNG PHÒNG VẤN SÂU PHỤC VỤ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Đối tượng: Phật tử tại các chùa, đạo tràng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

- + Ông (Bà) có thường xuyên đi chùa? Tham gia các hoạt động Phật giáo do các Tăng, Ni tổ chức ở địa phương?
- + Khi tham gia các hoạt động Phật giáo đưa lại cho Ông (Bà) lợi ích gì?
- + Những sinh hoạt Phật giáo ở chùa trước và sau khi có sự trụ trì có gì khác nhau?
- + Ông (Bà) có tham gia sinh hoạt đạo tràng nào không? Lợi ích khi tham gia?
- + Phật giáo ảnh hưởng như thế nào đến cộng đồng cư dân Ông (Bà)?

Đối tượng: Các Tăng, Ni trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- + Thực trạng hoạt động hoằng pháp ở Lào Cai hiện nay?
- + Những thành tựu, hạn chế trong hoạt động hoằng pháp ở tỉnh Lào Cai hiện nay?
- + Vai trò của Tăng Ni trong hoằng pháp?
- + Những “yêu cầu đặc trưng” Tăng Ni cần có trong thực hiện hoằng pháp vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số?
- + Đặc trưng đối tượng hoằng pháp trong vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lào Cai?
- + Thuận lợi, khó khăn trong công tác hoằng pháp trong vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lào Cai?

MỘT SỐ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN
(Ảnh tư liệu của tác giả)



ĐD. Thích Chân Định – Trưởng Ban Tổ chức Khóa tu mùa hè
chùa Thiên Trúc năm 2024



Tập huấn “Phòng cháy chữa cháy ở Khóa tu mùa hè chùa Thiên Trúc
năm 2024



Hoạt động tập huấn sơ cứu khi gặp nạn tại Khóa tu mùa hè
chùa Thiên Trúc, 2024



Chương trình tuyên truyền pháp luật, tặng bình chữa cháy xách tay cho các hộ cận
nghèo, hướng dẫn kỹ năng phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn 2024 của
Phật giáo tỉnh Lào Cai



Tặng quà những gia đình khó khăn trong Chương trình tuyên truyền pháp luật, tặng bình chữa cháy xách tay cho các hộ cận nghèo, hướng dẫn kỹ năng phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn 2024 của Phật giáo tỉnh Lào Cai



Phật giáo tỉnh Lào Cai tham gia Khóa tu – Hội trại Giao lưu văn hóa Phật tử dân tộc các tỉnh Tây Nguyên – Miền Trung và Đông Nam Bộ, 2024



Phật giáo tỉnh Lào Cai tham gia Khóa tu – Hội trại Giao lưu văn hóa Phật tử dân tộc các tỉnh Tây Nguyên – Miền Trung và Đông Nam Bộ, 2024



Lễ Bàn giao nhà Đại đoàn kết cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Bảo Thắng, Lào Cai năm 2024



Trao quà cho đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn
tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, 2024



Trao quà từ thiện cho đồng bào thiên tai, bão lũ, 2024



Trao quà từ thiện cho bà con khó khăn, 2024



Sáng ngày 31/03/2023 (nhằm ngày 10/2 Nhuận năm Quý Mão), Ban Hướng dẫn Phật tử TW (BHDPT TW), Phân ban Phật tử Dân tộc (PB PTDT) phía Bắc cùng chư Tôn đức BTS GHPGVN tỉnh Lào Cai đã tổ chức chương trình trao tặng quà từ thiện cho các cháu học sinh và các hộ dân nghèo tại huyện Bảo Thắng.



Ngày 21/5/2023 nhằm ngày 03/4/Quý Mão. Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam huyện Bảo Thắng đã tổ chức Cuộc lễ ngoài cơ sở Tôn giáo” Đại lễ Phật Đản cho nhân dân, đồng bào, Phật tử tại xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai



Ngày 19 tháng 11 năm 2023, nhằm (07/10/Quý Mão). BTS GHPGVN Tỉnh Lào Cai, phối hợp với Ban Hướng dẫn Phật tử Trung Ương, Phân Ban Hướng dẫn Phật tử Dân tộc trung ương, Phân Ban chuyên nghiệp Phật tử trung ương, Ban Trị sự giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Bảo Thắng tổ chức khởi công Xây dựng Tuyến đường đoàn kết tại xã Xuân Giao.



Lễ ra quân phát động Phong trào thi đua “Chung sức xây dựng Nông thôn mới” và Phong trào thi đua “Thực hiện Nghị quyết số 10 NQ/TU ngày (26/8/2021) của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát động trồng rừng, bảo vệ rừng và tuyên truyền bảo vệ phát triển rừng tại thôn Pạc Tà, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.



Lào Cai: Ngày 25/3/2024 (16/2/ Giáp Thìn) BTS Phật giáo huyện Bảo Thắng tặng quà tại Bản Khao A xã Điện Quan, Huyện Bảo Yên



Sáng ngày 10/4/2024 (tức ngày mùng 2 tháng 3 năm Giáp Thìn) Phân ban Hướng dẫn Phật tử Dân tộc TU' (HD PTDT TU) phối hợp với Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Yên Bái và UBND xã Mỏ Vàng tổ chức chương trình Khởi công xây dựng Nhà Đại Đoàn kết cho hộ gia đình ông: Hoàng Văn Huy – địa chỉ: thôn Giàn Dầu – xã mỏ Vàng.



tối ngày 12/10/2024 (nhằm ngày 10/9 Giáp Thìn)Ban trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai cùng Tăng ni, Phật tử làm lễ Cúng Phật, Tiếp lĩnh, Triệu linh, Tụng kinh Địa Tạng và thắp hoa đăng tưởng niệm các nhân tử vong do thiên tai trên địa bàn tỉnh Lào Cai



Hà Giang : ngày 14/10/ 2024 tại chùa Thiên Ân Trụ sở BTS GHPGVN tỉnh Hà Giang (tổ 14 thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang). Phân Ban Dân Tộc TW. Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Hà Giang; kết hợp cùng UBND - UBMTTQ huyện Bắc Quang, huyện Vị Xuyên, tổ chức chương trình hỗ trợ khởi công xây dựng nhà Đại đoàn kết cho các hộ gia đình bị thiệt hại do sạt lở trên địa bàn tỉnh Hà Giang



Chiều ngày 6/11/2024 (6/10 năm Giáp Thìn), Phân ban Phật tử dân tộc Trung ương (PTDT TU) phối kết hợp với Ban Trị Sự GHPGVN tỉnh Cao Bằng cùng quỹ thiện nguyện Cố Trưởng lão Hoà thượng Chứng minh Phân Ban PTDT TU thượng Đức hạ Nghi long trọng tổ chức Lễ Khởi công xây dựng Nhà Đại Đoàn Kết tại xóm Phia Cò, xã Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng



BTS GHPGVN huyện Bảo Thắng và hoạt động khuyến học học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số